

MITZI
SZERETO

Những
CON QUÁI VẬT
ĐỘI LỘT NGƯỜI
trong
THỊ TRẤN

An Trích dịch



NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ



NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ

NHỮNG CON QUÁI VẬT ĐỘI LỐT NGƯỜI TRONG THỊ TRẤN

MITZI SZERETO:

TÁC GIẢ là một tác giả kiêm biên tập viên tuyển tập. Sách của cô bao gồm nhiều thể loại khác nhau, từ tội ác có thật, tiểu thuyết tội phạm, văn học gothic và kinh dị, cho đến châm biếm, khoa học viễn tưởng, giả tưởng, tiểu thuyết khiêu dâm, tiểu thuyết hư cấu và phi hư cấu nói chung. Tiểu thuyết, tuyển tập và truyện ngắn của cô đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ.

Một số đầu sách nổi tiếng của cô bao gồm: *The Best New True Crime Stories: Serial Killers, Florida Gothic, Pride and Prejudice: Hidden Lusts...*

LỜI KHEN TẶNG DÀNH CHO “NHỮNG CON QUÁI VẬT ĐỘI LỐT NGƯỜI TRONG THỊ TRẤN”

“Những con quái vật đội lột người trong thị trấn! Bộ sưu tập tuyệt vời về những tội ác kinh hoàng ở thị trấn nhỏ kéo dài suốt một thập kỷ và trải khắp bốn lục địa sẽ khiến bạn phải tìm kiếm sự thoải mái và an toàn ở thành phố lớn.”

Peter Houlahan, tác giả của *Norco '80*

“Với kinh nghiệm viết về những kẻ sát nhân nổi tiếng, cũng như những vụ án xảy ra ở nhiều thị trấn nhỏ, tôi có thể nói với bạn rằng một số vụ án mạng gây sốc nhất thường xảy ra ở những thị trấn nhỏ, những cộng đồng nhỏ và những nơi hẻo lánh đến nỗi hầu hết thế giới sẽ không bao giờ biết đến. Tuy nhiên, với độc giả của *Những con quái vật đội lột người trong thị trấn* lại là một câu chuyện khác, bởi họ được mở rộng tầm mắt thông qua một chuyến du ngoạn vào thế giới của kẻ sát nhân, khi hàng xóm và bạn bè của những người sống trong thị trấn bé nhỏ này thực hiện hành vi giết người. Không cần bàn cãi gì nữa, bạn sẽ không quên được cuốn sách này đâu!”

Kevin M. Sullivan, tác giả của *Through an Unlocked Door: In Walls Murder*

“Tuyển tập thực sự phi thường này của Mitzi Szereto đã tập hợp một nhóm gồm những tác giả sáng giá nhất và xuất sắc nhất hiện nay. Thật tuyệt vời!”

Dan Zupansky, tác giả kiêm người dẫn chương trình True Murder

“Liệu bạn còn nhớ câu châm ngôn ‘Con quỷ ở trong chi tiết’¹? Đúng vậy, chính những thị trấn nhỏ mới là những tình tiết quan trọng, bởi chúng diễn ra theo kiểu rừng rợn, li kì và đôi khi ghê tởm. Tuyển tập những câu chuyện về tội ác có thật của Mitzi Szereto đầy ma mị và tỉ mỉ - những câu chuyện hay và văn phong tuyệt vời. Sau khi đọc cuốn sách này, bạn sẽ nhìn những người hàng xóm của mình bằng cặp mắt hoàn toàn mới... hoặc có lẽ là không bao giờ muốn nhìn họ nữa!”

1. Ý muốn nói chi tiết là điều rất quan trọng.

Bob Batchelor, nhà sử học văn hóa kiêm tác giả của *The Bourbon King: The Life and Crime of George Remus, Prohibition's Evil Genius*

“Mitzi Szereto đã biên soạn một tuyển tập khác về tội ác có thật rất lôi cuốn. Điều làm nên sự khác biệt giữa tuyển tập này và những nghiên cứu bình thường về tội ác kinh hoàng là các tác giả trong tuyển tập thực sự viết về những tội ác tàn bạo xảy ra ở những cộng đồng nông thôn. Mitzi Szereto tìm kiếm những câu chuyện đi sâu hơn vào từng tội ác, để cho thấy cộng đồng đó đã sản sinh ra những tên tội phạm như thế nào và cách cộng đồng đó phản ứng lại sự việc. Trong thể loại tội ác có thật, tuyển tập này thực sự kích thích tư duy người đọc.”

Gary Jenkins, tác giả viết về băng đảng tội phạm kiêm người dẫn chương trình podcast nổi tiếng Gangland Wire về băng đảng tội phạm.

LỜI KHEN TẶNG DÀNH CHO

“NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ TỘI ÁC CÓ THẬT HAY NHẤT: NHỮNG KỂ SÁT NHÂN HÀNG LOẠT”

“Trong tuyển tập mới này, biên tập viên Mitzi Szereto đã tập hợp một số bài viết về tội ác có thật hay nhất một thời, tập trung vào một phần (rắc rối,

hấp dẫn, đầy sức thuyết phục) của thể giới tội phạm: những sát nhân hàng loạt.”

CrimeReads

“Bộ sưu tập mới nhất về những câu chuyện liên quan đến thể loại tội ác có thật do Mitzi Szereto biên soạn không chỉ thỏa mãn những tác giả và độc giả yêu thích thể loại tội phạm trong chúng ta - những người có niềm đam mê cháy bỏng với tất cả các khía cạnh xấu xí của tội ác. Từ những vùng ngoại ô gần như không có tội ác, cực kỳ yên bình của Nhật Bản, cho đến những con phố tồi tàn của Nam Mỹ - nơi cuộc sống con người bị coi thường; từ nhà thờ giáo hội Anh ở thị trấn Gloucester yên bình nhưng mãi mãi bị ô uế, đến một khu bảo tồn của thổ dân da đỏ ở Minneapolis; từ những vịnh hẹp ở Na Uy đến vùng đồng quê ở miền Trung tây của Hoa Kỳ. Cuốn sách này đưa độc giả đi chu du khắp thế giới, giúp họ nghiên cứu lịch sử và tâm lý học của một số kẻ giết người hàng loạt khủng khiếp nhất trên thế giới.”

Robin Bowles, bà hoàng thể loại tội ác có thật của Úc.

“Những ai đặc biệt ghiền thể loại tội phạm sẽ đọc ngẫu nhiên cuốn sách này. Chân dung của những kẻ tâm thần ấy sẽ mê hoặc và khiến tất cả những ai từng đọc nó đều phải khiếp sợ.”

Aphrodite Jones, tác giả viết sách thuộc thể loại tội ác có thật bán chạy nhất.

“Đây là cuốn sách hay nhất về thể loại kẻ sát nhân hàng loạt mà tôi từng đọc cho đến nay. Mỗi tác giả đều có cái nhìn sâu sắc mà độc đáo, có khi bởi vì họ đã chạm mặt với những kẻ sát nhân mà họ mô tả và thông qua sự nhạy cảm của mình, họ có thể hiểu rõ bộ óc khôn lường của chúng. Cuốn sách mang đến cảm giác ớn lạnh, vô cùng cảm động (đối với những nạn nhân đáng thương), nhưng trên hết, tôi khuyên bạn rất nên đọc nó.”

Peter Guttridge, nhà phê bình kiêm tác giả tiểu thuyết hư cấu về tội phạm.

“Bộ sưu tập đầy lôi cuốn về các câu chuyện liên quan đến những kẻ sát nhân hàng loạt này không chỉ thuật lại hay những phần truyện, mà còn tô điểm cho bức tranh vụ án giết người thêm rõ nét và khiến người đọc phải sửng sốt. Nó như một cơn nghiện và hết những con quỷ đội lốt người ám ảnh cuộc sống của các kẻ sát nhân và cả nạn nhân.”

Deborah Blum, tác giả của *The Poisoner's Handbook: Murder and the Birth of Forensic Medicine in JazzAge New York*

“Một tuyển tập hấp dẫn và nhiều khía cạnh trong một kỉ nguyên mới của văn phong thuộc thể loại tội ác có thật. Tuyển tập hấp dẫn này vượt ra ngoài trật tự quy định để đặt ra nhiều câu hỏi quan trọng về cách những xung động đen tối nhất của con người đe dọa và ‘nuốt chửng’ chúng ta - với tâm thế là một nền văn hóa.”

Piper Weiss, tác giả của *You All Grow Up and Leave Me*.

“Từng mẩu truyện trong *Những câu chuyện về tội ác có thật* hay nhất: *Những kẻ sát nhân hàng loạt* mang đến cho độc giả cái nhìn đa chiều về sức ép mà người bình thường khó lòng hiểu được. Bạn vẫn cảm thấy thể loại tội ác thật sự chưa đủ đồ? Vậy thì bộ sưu tập kích thích tư duy và cực kì dễ đọc này sẽ giúp bạn ‘gãi đúng chỗ ngứa’.”

Alma Katsu, tác giả của *The Hunger*.

LỜI NÓI ĐẦU.

Nhắc đến những thị trấn nhỏ, chúng ta thường hình dung ra những ngôi làng yên bình, gần gũi, không bị ảnh hưởng bởi sự nguy hiểm của thành phố lớn. Chúng ta nhớ đến hình ảnh buu thiếp với những quảng trường đẹp như tranh vẽ, những cửa hiệu dọc con phố chính, những hàng bánh nướng, những buổi tụ họp ở nhà thờ. Tất cả khung cảnh đó gói gọn trong ba chữ *an - thiện - lành*, tưởng chừng như không một hiểm nguy nào từ phố thị có thể đe dọa tới nơi này. Cuộc sống ở những thị trấn nhỏ cứ thế trôi qua chậm chậm, mọi người gặp gỡ và tán gẫu với nhau. Có ý thức cộng đồng mạnh mẽ - một cảm giác tin cậy. Những thị trấn nhỏ tượng trưng cho bao giá trị xưa cũ, những tháng ngày quá khứ tươi đẹp khi hàng xóm giúp đỡ lẫn nhau mà

không phân biệt giàu nghèo, và ở đây không có ai phải lo lắng nếu quên khóa cửa nhà.

Khác với những thành phố lớn - nơi mà con người không ai biết ai, thì ở thị trấn nhỏ, tất cả mọi người đều quen mặt nhau. Họ biết nhau rõ như chân tơ kẽ tóc: từ lí lịch, những chuyện buồn, vui hay những vụ bê bối. Theo lời của Immanuel Kant (1724-1804) - một triết gia người Đức, “Điều thú vị khi ta sống trong một thị trấn nhỏ là việc trong nhà chưa tỏ nhưng ngoài ngõ đã tường.” Thật vậy, rất khó giữ bí mật khi mọi người đều hiểu về công việc của bạn. Tuy nhiên, nếu có, thì những bí mật ấy khá là đen tối.

Bởi vì đôi khi hình ảnh trên bưu thiếp bị xỉn màu là do dấu vân tay bẩn.

Những thị trấn nhỏ trông có vẻ an toàn, nhưng điều đó có phải là sự thật? Theo Cục Điều tra Liên bang Hoa Kỳ, một vài thị trấn có mật độ dân cư thấp hơn nhưng tỉ lệ tội phạm bạo lực lại cao hơn so với các thành phố lớn như Detroit, Michigan. Trên thực tế, tội phạm bạo lực ngày một gia tăng ở vài cộng đồng nông thôn nhỏ của Hoa Kỳ, thậm chí còn cao hơn con số trung bình của quốc gia. Thống kê của Canada cũng báo cáo kết quả tương tự. Và có vẻ như những thông kê này không chỉ dành riêng cho khu vực Bắc Mỹ; các thị trấn nhỏ cho dù ở đâu cũng như nhau cả. Vậy, hình ảnh về thị trấn nhỏ lí tưởng và đẹp đẽ chỉ là một huyền thoại thôi sao?

Sự thật đáng buồn là đúng vậy. Nơi nào có con người, nơi đó có tội ác, và không có ngoại lệ cho bất cứ vùng đất nào. Những hành vi tội tệ tiếp diễn qua nhiều thế hệ như thảm sát, bạo lực liên quan đến ma túy, tấn công tình dục, công lý tự xưng, phạm tội ở tuổi vị thành niên, tội ác liên quan đến tài sản, cướp bóc hoặc giết người xảy ra ở khắp các thị trấn trên thế giới.

Cuốn sách *Những con quái vật đội lốt người trong thị trấn* gồm các tình tiết hoàn toàn mới về tội ác có thật từ khắp nơi trên thế giới và xảy ra ở các khoảng thời gian khác nhau. Trong tuyển tập này, nhóm nhà văn quốc tế đã vén bức màn bí mật để phơi bày sự thật trần trụi đằng sau những thị

trần nhỏ hoàn hảo này. Nó không chỉ giúp độc giả nhìn thấy những tội ác và những cá nhân phạm tội, mà còn cho thấy những ảnh hưởng tiêu cực của chúng đối với cộng đồng. Ngay cả khi thời gian trôi qua thì dư âm của những hệ lụy đó vẫn tồn tại cho đến ngày nay.

Mời độc giả đắm mình vào tập hai của bộ truyện tội ác có thật này. Tôi tin chắc rằng độc giả sẽ rút ra được bài học kinh nghiệm với những thông điệp mới mẻ đằng sau mỗi tiêu đề, cũng như khám phá những vụ án về tội ác thực sự mà độc giả chưa từng nghe đến. Tôi đã làm việc cùng các cộng sự để hoàn thiện cuốn sách này. Nó xứng đáng có được sự thành công vang dội sau tập một *Những câu chuyện về tội ác có thật hay nhất: Những kẻ sát nhân hàng loạt*. Tôi rất mong được tiếp tục biên soạn tuyển tập này và gửi đến độc giả nội dung gốc hay nhất về thể loại tội ác có thật!

THỊ TRẦN SNOWTOWN.

Anthony Ferguson

Tôi vẫn nhớ như in cảm giác sợ sệt và sượng sùng đó. Lác đác vài người dân địa phương nhìn chằm chằm vào chúng tôi một cách nghi ngại khi họ trông thấy chúng tôi hạ kính chắn gió, chạy xe dọc theo con phố chính, lướt qua một ngân hàng bỏ hoang. Chính tại nơi này, người ta đã tìm thấy những cái xác đang phân hủy trong những thùng chứa đầy acid.

Tháng Mười hai năm 1999. Điều còn đọng lại trong tâm trí. Cái nóng ran người. Giống như mùa hè thân thuộc của nước Úc. Một cái nóng khô khốc, dữ dằn, dai dẳng, cháy da cháy thịt. Tôi đi từ thủ đô Canberra của Úc, vòng ngược qua sa mạc thêm 3.718km để về quê nhà của mình, thành phố Perth ở Tây Úc.

Để chuyển đi thêm phần vui thú, tôi quyết định không ngồi máy bay mà lái xe hơi qua đồng bằng Nullarbor - một vùng đất rộng mênh mông, bằng phẳng, trống trải, cằn cỗi - phân chia những thành phố lớn thành hai phía đông và tây. Scott - anh bạn thân sống ở Perth của tôi - ngồi máy bay đến chỗ tôi và cả hai cùng nhau du ngoạn. Suốt chuyến đi thoải mái kéo dài chín ngày, chúng tôi nghỉ chân khi trời tối và đổ đầy bình xăng cho chuyến đi hôm sau.

Cuộc hành trình vẫn tiếp tục như thế cho đến khi chiếc xe đang chạy băng băng trên đường thì bỗng một trong bốn chiếc lốp bị thủng. Thế là tôi đành phải chui xuống gầm xe và thay chiếc lốp khác ngay bên lề xa lộ sa mạc, còn Scott trông chừng để đảm bảo chân tôi không bị đoàn xe vận tải nào đó cán qua.

Chúng tôi đi vòng vòng đây đó để ngắm cảnh. Một trong những nơi chúng tôi đi qua đã diễn ra một sự kiện không thể nào quên được cho đến tận bây giờ.

Bang Nam Úc có tiếng là thủ phủ của những tên sát nhân hàng loạt. Sự xui xẻo bám riết nơi đây vì có rất nhiều vụ án giết người hàng loạt trong nhiều thập kỉ. Nhưng có lẽ, không vụ án nào kì dị hơn những vụ ở thị trấn bé nhỏ Snowtown ở phía bắc (nơi có mật độ dân số là 467, tính theo kết quả điều tra dân số quốc gia gần nhất - năm 2016). Để đến thị trấn, ta phải đi từ thủ đô Adelaide cổ kính - được mệnh danh là “thành phố của những nhà thờ” - lên phía bắc 152km tới quốc lộ A1.

Vụ án được phá và trở thành đề tài bàn tán nổi cộm trong nước và trên toàn thế giới xảy ra vào tháng 5 năm 1999. Người ta tìm thấy thi thể của 8 nạn nhân trong 6 thùng nhựa tại một ngân hàng bỏ hoang trên con phố Chính của thị trấn Snowtown im lìm. Vụ án khép lại với tổng cộng 12 thi thể và bốn kẻ thủ ác - một vụ án giết người hàng loạt với quy mô chưa từng thấy trong lịch sử nước Úc.

Vụ án đầu tiên xảy ra vào năm 1992 và sau đó xuất hiện khắp Snowtown. Các vụ án chủ yếu do John Bunting, Robert Wagner và James Vlassakis thực hiện. Còn tên đồng phạm thứ tư - Mark Haydon - được cho là hỗ trợ phi tang thi thể.

Mặc dù hung thủ cố tình sử dụng danh tính của nạn nhân để thực hiện các giao dịch thanh toán an sinh xã hội (tiền trợ cấp thất nghiệp) và tài khoản ngân hàng, nhưng cảnh sát và điều tra viên vẫn không tìm ra lí do thật sự đằng sau hành vi giết người này. Các nạn nhân đều là bạn bè hoặc người quen của những tên hung thủ này.

John Bunting cầm đầu nhóm bốn tên sát nhân. Hắn từng là công nhân lò mổ và tuyên bố vô cùng căm thù những kẻ ấu dâm và đồng tính. Giống như những người thiếu hiểu biết khác, hắn cho rằng hai loại người trên

là một. Hắn lên án những nạn nhân chết dưới tay mình vì hai tội lỗi đó. Cũng như nhiều tên sát nhân hàng loạt khác, Bunting có một tuổi thơ bất hạnh - bị bỏ rơi và lạm dụng. Trường hợp của Bunting là hắn bị lạm dụng tình dục từ nhỏ. Thế nên, điều này hiển nhiên là nỗi mặc cảm khiến căn bệnh rối loạn nhân cách chống đối xã hội của hắn phát triển. Hắn tìm kiếm và lợi dụng điểm yếu của nạn nhân cũng như căm ghét những người hắn cho là lệch lạc. Dữ liệu điều tra cho thấy kẻ sát nhân có hành vi rối loạn nhân cách chống đối xã hội càng trầm trọng và sự thích thú khi tra tấn nạn nhân càng tăng thì thời gian “xả hơi” giữa mỗi vụ án càng ngắn.

Robert Wagner, một người hàng xóm của Bunting, cũng là một nạn nhân có tuổi thơ từng bị lạm dụng. Y và Bunting kết thân trước khi vụ án xảy ra. Mark Haydon cũng là hàng xóm và sau đó gã cũng bị lôi vào vụ này. Còn James Valsakis là con trai của một trong số những người tình của Bunting.

Ấn sau vụ án mạng kéo dài và phức tạp này là một câu chuyện nhuốm màu bi kịch của sự túng quẫn, bị bỏ mặc, dân trí thấp, nghiện ngập và tuyệt vọng. Để hiểu rõ mớ hỗn độn này diễn ra như thế nào, hãy bắt đầu sự việc theo trình tự thời gian.

John Bunting lớn lên trong sự bất hạnh. Hắn sinh năm 1966 tại bang Queensland. Khi mới lên 8 tuổi, hắn bị anh trai của một người bạn đánh đập và tấn công tình dục. Theo lẽ tất nhiên, sự việc này để lại di chứng ám ảnh tinh thần với hắn, bởi nó đã không được an thiệp và bị ém nhẹm. Ở cái tuổi đôi mươi, khi làm việc tại một lò mổ, hắn tìm thấy niềm vui sướng trong việc tàn sát động vật.

Đầu những năm 90, Bunting kết hôn với Veronica nhưng hắn bị cô vợ hắt hủi và cả hai không có con. Hắn thuê một căn nhà ở vùng ngoại ô Salisbury North, cách phía bắc Adelaide 35km, kết bạn với Barry Lane và Robert Wagner. Hắn nhanh chóng trở nên thân thiết với Lane và Robert, tiêm nhiễm sự độc đoán vào đầu họ.

Sự căm ghét của Bunting với những kẻ ấu dâm và đồng tính khiến Lane và Robert bị ấn tượng, dù cho Lane thật sự là một người đồng tính. Thất nghiệp và nghèo đói đã kết nối ba kẻ bị xã hội ruồng rẫy.

Wagner có quá trình trưởng thành bất ổn bởi y phải chịu đựng sự hành hạ của người cha dượng tàn bạo. Lane hay giả trang thành phụ nữ và tự xưng mình là “Vanessa” Lane chắt chuốt cho Wagner thành một đứa trẻ 13 tuổi và cả hai bắt đầu mối quan hệ. Ban đầu, Bunting không tính sổ Lane vì Lane và Wagner đang quen nhau. Còn Wagner đã hoàn toàn bị Bunting làm cho mê muội.

Lúc không tự tập ở căn nhà thuê xiêu vẹo của Bunting để nghe hấn chửi rửa sa sả về người đồng tính và ấu dâm, Lane và Wagner kết bạn với chàng trai trẻ Clinton Tresize mới chuyển đến. Clinton vốn là người hướng ngoại và thích khoa trương. Khi hai tên này kể cho Bunting về Clinton, Bunting bày tỏ muốn gặp mặt anh chàng. Bunting tin chắc Tresize là người đồng tính và do đó Tresize cũng là một tên ấu dâm. Vào ngày 31 tháng 8 năm 1992, hấn đã mời Clinton đến nhà uống trà. Lúc này, trong người Bunting sục sôi ngọn lửa của sự thù hận. Thế nên, khi anh chàng Clinton điềm nhiên ngồi xuống sofa thì hấn đã lén lấy xéng đập vào đầu anh ta từ phía sau.

Sau đó, Bunting gọi Lane và Wagner tới. Cả ba khiêng xác Clinton lên xe hơi, rồi lái đến một trang trại hẻo lánh và chôn xác anh ta trong một phần mộ đào nông. Mặc dù chị gái của Clinton đã cố gắng trình báo việc em trai mình mất tích, nhưng đa số các cơ quan điều tra đều không nhận vì họ cho rằng anh ta muốn tới một nơi khác để bắt đầu lại cuộc sống mới. Tận ba năm sau, mẹ của Clinton mới trình đơn yêu cầu điều tra vụ mất tích của con trai mình. Phần xương cốt còn lại của Clinton Tresize được tìm thấy vào ngày 16 tháng 8 năm 1994 và 5 năm sau, người ta mới xác định phần xương cốt đó chính là Clinton Tresize.

Nhiều tháng sau vụ án mạng đầu tiên, Bunting đã lôi kéo thêm tên hàng xóm khờ khạo Mark Haydon vào nhóm. Khoảng thời gian này, Bunting cặp kè với một phụ nữ đã li dị chồng tên là Elizabeth Harvey. Cô với hai cậu con riêng, Troy Youde và James Vlassakis, chuyển đến sống cùng Bunting. Cả hai đứa trẻ bị chính cha mình lạm dụng tình dục và cậu anh Troy lại làm điều tương tự với cậu em James. Bunting nhanh chóng thực hiện ý định của mình. Hấn sẽ lợi dụng tâm hồn mong manh và dễ tổn thương của James.

Ray Davies (26 tuổi) là một người khuyết tật hưởng lương hưu trí, sống trong một căn nhà lưu động cách chỗ Bunting không xa. Vào tháng 12

năm 1995, anh bị bà chủ nhà vu khống là kẻ lạm dụng tình dục một đứa trẻ địa phương. Tiếng lành đồn gần, tiếng dữ đồn xa, tin này đến tai Bunting và trở thành một sự biến minh hợp lí khiến hắn rơi vào trạng thái tâm thần rối loạn và cảm thấy cực kì căm phẫn. Bunting và Wagner kéo Davies vào trong xe hơi, chở tới lùm cây và đánh đập anh ta dữ dội. Sau đó, chúng chở anh ta về nhà Bunting và cùng Elizabeth Harvey tra tấn, rồi lấy dây cáp nối ô tô siết cổ anh ta đến chết. Bunting dần cảm thấy thoải mái với hành vi giết chóc và bắt đầu thích thú với việc sỉ vả, tra tấn nạn nhân. Hắn còn sắp xếp cho tay sai làm việc thay mình và bản thân Bunting cảm thấy thích thú khi nắm trong tay sự sống và cái chết của người khác. Hắn còn giục Elizabeth đâm thêm vài nhát vào thi thể sau khi nạn nhân đã chết.

Thi thể của Davies được chôn trong một khu đất nông ở sân sau nhà Bunting. Không một cơ quan truyền thông nào đưa tin về vụ mất tích của Davies.

Sau đó, Bunting gặp Suzanne Allen và khiến cô mê muội. Cô giao du với nhóm giết người này và nhanh chóng trở thành tình nhân của Bunting. Dần dà, Bunting quá mệt mỏi với nhu cầu tình dục của Allen. Vào tháng Mười một năm 196, Allen biến mất. Nhiều năm sau, người ta tìm thấy các phần thi thể của Allen trong một phần mộ chôn ngay sát bề mặt đất ở sân sau căn nhà của Bunting ở thành phố Salisbury North. Tuy nhiên, nguyên nhân cái chết của cô vẫn không được công bố. Bunting khai rằng khi hắn cùng Wagner nhìn thấy Suzanne, cô ấy đã chết bởi một cơn đau tim đột ngột. Hai tên này chặt xác và tấu tán thi thể của nạn nhân để có thể tiếp tục nhận các khoản thanh toán an sinh xã hội của cô ấy.

Vào năm 1996, Bunting cùng Elizabeth và hai cậu con trai tuổi thiếu niên chuyển đến thị trấn nông thôn Murray Bridge sinh sống, cách chỗ ở cũ 100km. Hắn vẫn giữ liên lạc với Robert Wagner. Trong giai đoạn này, Bunting ngày càng chìm sâu vào nỗi ám ảnh, câu kéo những người quen của hắn và hạ sát họ, bởi hắn tự cho rằng họ là những kẻ ấu dâm. Trên tường nhà bếp, Bunting dán một sơ đồ gồm những cái tên và tưởng tượng họ là những kẻ gây ra tội ác. Hắn cũng rất hào hứng khi biết mình sẽ dễ dàng lấy được một khoản phúc lợi an sinh xã hội từ họ.

Vào tháng Chín năm 1997, Wagner thông báo với Bunting rằng chàng thanh niên Michael Gardiner mà ý mới kết bạn ở Salisbury North là người đồng tính. Chàng trai trẻ này cũng từng bị bỏ bê và lạm dụng. Anh ta chỉ vừa bắt đầu một cuộc sống mới sau khi công khai bản thân là người đồng tính. Tuy nhiên, một sự cố vô tình nhưng xui xẻo xảy ra (gồm sự việc Gardiner chơi trò đuổi bắt với một trong những đứa con của người phụ nữ đang ngoại tình với Wagner) khiến Gardiner bị cáo buộc nhầm là lạm dụng. Và hiển nhiên, đó là cái cớ hoàn hảo để Bunting rat ay giết người.

Bunting và Wagner bắt cóc Gardiner và đưa anh ta đến một nhà kho trong sân sau nhà Bunting thuê. Hai tên này lạm dụng, tra tấn và siết cổ anh ta đến chết. Sau đó, bọn chúng chặt hai tay của anh ta và ném xác vào cái thùng chứa đầy acid trong nhà kho.

Bunting chuyển mục tiêu tiếp theo sang Barry Lane. Hắn tha cho Lane vì mối quan hệ trước đây giữa Lane và Wagner. Còn bây giờ, Lane đang quen với một chàng trai trẻ 18 tuổi tên là Thomas Trevilyan. Họ vẫn liên lạc với Wagner.

Sau khi Bunting biết được Lane đã kể cho một người quen việc mình có tham gia trong vụ án đầu tiên giết Clinton Tresize, hắn quyết định trừ khử Lane. Vào tháng 10 năm 1997, Trevilyan, sau khi bị cuốn vào hệ tư tưởng của Bunting, đã cùng hắn và Wagner dồn Lane vào một góc nhà để hành hạ và lạm dụng Lane trong nhiều giờ liền. Bunting ép Lane gọi điện và mắng mỏ mẹ ruột của mình, đồng thời nói rằng anh ta sẽ chuyển đến bang Queensland và đừng bao giờ liên lạc với anh ta nữa. Bunting ngày càng trở nên biến thái. Hắn dùng kim bóp nát ngón chân của Lane trước khi kêu Wagner siết cổ Lane, còn hắn và Trevilyan giữ chặt không cho Lane giãy giụa. Chúng chặt xác Lane và bỏ xác vào thùng chứa acid trong nhà kho của Bunting.

Mười ngày sau, một phụ nữ, chính là người Lane đã kể chuyện giết Clinton Tresize, thông báo với cảnh sát rằng Lane đã mất tích. Tuy nhiên,

đoạn ghi âm tin nhắn của Lane gửi cho mẹ anh ta đã đánh lạc hướng họ. Họ chỉ đơn giản cho rằng Lane đã chuyển đi nơi khác.

Sau khi giết Lane, Trevilyan chuyển đến sống cùng Wagner và bạn gái y. chàng trai trẻ lo lắng cho sự an toàn của mình nên đã tâm sự với một người anh họ về việc tham gia vào một vụ giết người. Bunting và Wagner cũng sợ chàng trai tinh thần không ổn định này sẽ tiết lộ mọi chuyện, vì thế, vào tháng Mười hai năm 1997, cả hai bắt cóc Trevilyan, đưa anh đến vùng Adelaide Hills hẻo lánh và dàn dựng hiện trường Trevilyan treo cổ lên cây tự vẫn.

Nạn nhân tiếp theo là Gavin Porter, bạn của James Vlassakis. Đầu năm 1998, James vẫn sống cùng Bunting, mẹ và anh trai Troy nhưng cậu bắt đầu nghiện ma túy. Porter, cũng là một con nghiện, chuyển đến ở cùng James. Sau đó, Bunting có một động thái chết người là liệt những người nghiện ma túy vào “danh sách tử thần.” Sau khi kết bạn với Porter, có được giấy tờ ngân hàng và an sinh xã hội của anh, vào tháng Tư năm 1998, Bunting và Wagner tra tấn rồi siết cổ Porter. Xác của anh được bỏ vào một cái thùng ở nhà kho sau nhà Bunting ở thị trấn Murray Bridge, cùng với những thi thể khác. Lúc này, Bunting cho Vlassakis xem những thi thể trong thùng. Điều này khiến cậu ta sang chấn tâm lý và buộc phải tham gia vào “công cuộc” truy lùng để giải thoát thế giới khỏi loại người mà hắn khinh bỉ. Nạn nhân lý tưởng tiếp theo đưa James vào con đường “nghệ thuật giết người” là người anh trai cùng mẹ khác cha, Troy Youde.

Bunting xúi giục James rằng cậu phải trả thù Troy vì Troy lạm dụng tình dục cậu. Vào tháng Tám năm 1998, Bunting, Wagner và Vlassakis trang bị tay quay và những vũ khí tạt bột khác. Cả ba hành hung Troy ngay trên giường của anh, sau đó kéo Troy vào nhà tắm và dùng máy ghi âm thu lại quá trình anh bị tra tấn và chết đi. Thi thể của Troy cũng bị bỏ vào một cái thùng trong nhà kho. Mặc dù cảm thấy những việc này rất kinh tởm, nhưng James vẫn dùng tài khoản của người anh đã chết để lặt tiền mua ma túy. Bunting biết rằng hắn kiểm soát được tâm lý của James. Bunting vẫn giữ mối quan hệ bạn bè bình thường với Mark Haydon nhưng hắn cực kỳ ghét

Elizabeth - vợ gã. Có lẽ vì thế mà nạn nhân kế tiếp của hắn là Fred Brooks - đứa cháu trai 18 tuổi của Elizabeth, đồng thời là bạn của James.

Sau khi Troy Youde chết gần một tháng, vào tháng Chín năm 1998, Fred Brooks được mời đến nhà Bunting. Cậu bị Bunting, Wagner và Vlassakis lột trần truồng và tra tấn. Bọn chúng giở điều thuốc đang cháy và đốt hộp quẹt lên người Brooks. Bunting đem ra một món “đồ chơi mới” mà hắn tìm thấy - máy biến áp vô cấp từng dùng để điều chỉnh điện áp. Sau khi gắn kẹp lên cơ quan sinh dục của Brooks, Bunting lấy một viên pháo hoa cà hoa cải gắn vào đầu dương vật của Brooks, Bunting lấy một viên pháo hoa cà hoa cải gắn vào đầu dương vật của Brooks và châm ngòi. Bunting phần khích đến nỗi đốt thêm một viên nữa. Tiếp theo, bọn chúng dùng ống chích bơm nước vào tinh hoàn của Brooks. Và ngay lúc đó, anh ra đi thanh thản.

Xác của Brooks được đưa đến nhà Mark Haydon ở khu phía bắc Adelaide và các thùng chứa xác khác cũng được chuyển đến. Nhóm sát nhân sau đó thực hiện các giao dịch an sinh xã hội của Brooks. Vào lúc này, lực lượng cảnh sát nhận thấy số lượt báo người mất tích ngày càng tăng và nhiều hoạt động giao dịch an sinh xã hội có dấu hiệu đáng ngờ. Vì vậy, họ từng bước bắt đầu vào cuộc điều tra.

Quá trình giết người diễn ra nhanh và xảy ra ngẫu nhiên hơn. Đồng thời, mức độ lệch lạc bệnh hoạn của Bunting không thể kiểm soát được nữa. Nạn nhân tiếp theo là Garry O'Dwyer (29 tuổi) - một người khuyết tật hưởng lương hưu trí bất hạnh - gặp Bunting trên một con phố vào tháng Mười một năm 1998. Biết O'Dwyer là người tàn tật sau khi trông thấy anh đi khập khiễng do tai nạn xe hơi, Bunting cho rằng O'Dwyer là một đối tượng “dễ xử” nên hắn kết bạn với anh. Hắn kiên quyết muốn anh mời hắn, Wagner và Vlassakis tới nhà.

Đến nơi, bọn chúng tấn công và tra tấn O'Dwyer, sau đó ép anh đưa giấy tờ ngân hàng và an sinh xã hội. Ngoài ra, trong quá trình tra tấn, bọn chúng còn bắt anh nói ra những điều mà bọn chúng yêu cầu để đánh lạc

hướng người nhà. Sau đó, Wagner siết cổ O'Dwyer đến chết, chặt xác và vứt vào một cái thùng.

Tiếp theo, Bunting cho rằng đã đến lúc “giải quyết” Elizabeth - vợ của Mark Haydon. Hắn làm vậy đơn giản vì hắn không ưa cô ta. Vào ngày 21 tháng Mười một năm 1998, Bunting, Wagner và Vlassakis lợi dụng lúc Mark Haydon vắng nhà để giết Elizabeth, chặt xác cô rồi bỏ vào thùng acid.

Tuy nhiên, chỉ trong vài ngày, anh trai Elizabeth báo cho cơ quan cảnh sát rằng em gái mình đã mất tích. Anh chẳng những không tin lời nhắn mâu thuẫn mà Mark Haydon biện minh cho sự vắng mặt của Elizabeth mà còn cực kì nghi ngờ thái độ dửng dưng của gã. Anh cũng không tin em gái mình sẽ bỏ rơi hai đứa con trai nhỏ.

Cảnh sát trở nên cảnh giác khi họ nhận ra mối quan hệ giữa Elizabeth và nhóm người Bunting, Wagner và Vlassakis. Cuối năm 1998, Bunting tiếp tục chuyển nhà đến thị trấn Snowtown, một vùng nông thôn ở phía bắc Adelaide. Những tên sát nhân lo sợ cảnh sát sẽ tra hỏi Haydon về sự mất tích của vợ gã nên chúng đã dùng hai chiếc xe để chuyển những cái thùng tới thị trấn Snowtown. Tại nơi này, Bunting và Mark Haydon dùng tên giả để thuê một tòa nhà ngân hàng bỏ hoang. Sự xuất hiện của hai chiếc xe lạ và các hoạt động xung quanh tòa nhà đã khiến người dân địa phương và cảnh sát chú ý.

Trong thời gian chuyển tiếp, Bunting thuyết phục Vlassakis “nhử” David Johnson - anh trai cùng cha khác mẹ của cậu - đến kho tiền của ngân hàng Snowtown với lí do mua ma túy. Vào ngày mùng 9 tháng Năm năm 1999, David trở thành nạn nhân duy nhất bị sát hại ở thị trấn Snowtown.

Cùng thời điểm, cảnh sát đã xác lập các mối liên hệ giữa vài người mất tích và Bunting, Wagner, Vlassakis và Haydon. Sau khi nhận được tin mật báo, cảnh sát đã ập vào kho tiền của ngân hàng và tìm thấy bên trong

những chiếc thùng bốc mùi hôi thối nồng nặc là thi thể của 8 nạn nhân được ướp trong dung dịch acid.

Xui xẻo thay, Bunting đã mắc sai lầm nghiêm trọng bởi sự thiếu hiểu biết của mình. Dung dịch acid hydrochloric (HCL) trong các thùng vô tình giúp “bảo quản” những cái xác. Nếu Bunting sử dụng dung dịch acid sulfuric (H_2SO_4) thì có lẽ hẳn đã đạt được mong muốn phi tang thi thể.

Cả bốn kẻ thủ ác nhanh chóng bị bắt. Ban đầu, Bunting bị buộc tội dính líu tới vụ giết Johnson. Vlassakis lo sợ cho an nguy của mình nên đã thỏa hiệp và khai nhận. Người ta đào những thi thể được chôn ở sân sau của những ngôi nhà mà Bunting đã từng thuê trước đây lên. Cuối cùng, họ xác minh có cả thấy 12 nạn nhân. Đây là vụ án giết người hàng loạt với tổng số thi thể nhiều nhất trong lịch sử nước Úc từ trước cho đến nay.

Tuy nhiên, cho tiết trong những vụ giết người này không khiến tôi hứng thú mấy, trừ ảnh hưởng lâu dài của chúng: vết nhơ của sự kiện tội tệt này đối với thị trấn nông thôn bé nhỏ Snowtown.

Trước mắt, sự kiện này dẫn đến sự bùng nổ kinh tế ngắn hạn bởi những người tò mò như tôi tìm đến để nhìn tòa nhà ngân hàng ở một nơi chẳng có gì thú vị và hẻo lánh như thế này.

Một hình thức di lịch mới xuất hiện: “du lịch đen”. Vài doanh nghiệp địa phương bắt đầu sản xuất và buôn bán đồ lưu niệm, áo thun và nam châm tủ lạnh có lời nói xúi quẩy, hình ảnh và câu khẩu hiệu chơi chữ về việc sử dụng những chiếc thùng đó. Chết chóc và án mạng có sức quyến rũ khó tả đối với con người. Chuyến tham quan về tội ác được tổ chức ở mỗi thành phố trên toàn nước Úc và được ưa chuộng không kém những chuyến tham quan về ma quỷ. Những sự kiện ác nghiệt nhắc lại quá khứ đen tối của đất nước chúng ta và hầu hết các quốc gia khác đều có.

Tuy nhiên, ngoài những vị khách vắng lai có hứng thú khác thường kia thì mùi vị chết chóc vẫn làm ô uế thị trấn một cách dai dẳng, cùng kí ức tội

tệ về những thứ cảnh sát tìm được trong kho tiền của ngân hàng bỏ hoang. Vào năm 2011, người dân địa phương đề xuất đổi tên thị trấn Snowtown thành Rosetown để không còn chút dính dáng gì đến vết nhơ từ vụ án tai tiếng “Xác chết trong những chiếc thùng”.

Vào ngày 19 tháng Năm năm 2011, bộ phim *Snowtown* dựa trên những vụ án mạng kể trên được trình chiếu khắp nước Úc. Nó tập trung vào tự truyện bán hư cấu, miêu tả quá trình lớn lên đầy bất hạnh của John Bunting khiến hắn trở thành kẻ giết người hàng loạt.

Vào năm 2012, *Broughton Star* - tờ báo duy nhất trong vùng - đóng cửa, như thể thị trấn tự cắt đứt mọi liên lạc với thế giới bên ngoài. Chẳng còn gì hay để xem nữa đâu các bạn, đi tới chỗ khác thôi.

Vậy, câu hỏi khiến tôi quan tâm là khoảng 20 năm sau sự kiện tai tiếng đó, hiện tại tâm trạng của những người dân ở thị trấn Snowtown như thế nào. Để tìm ra câu trả lời, tôi đã liên hệ từ một nơi rất xa tới Hội đồng khu vực Wakerfield (bang Nam Úc) để nhận được phản hồi từ họ.

Tôi nhanh chóng nhận được câu trả lời từ một nhân viên tốt bụng như sau:

“Cảm ơn thư điện tử mà anh đã gửi. Sự kiện này là một chuyện kinh khủng đối với cộng đồng chúng tôi. Người dân thị trấn Snowtown không hề thích bàn tán hay hâm nóng lại câu chuyện cũ này. Những vụ án mạng đó không làm tổn hại thân thể một người dân nào nên họ chỉ muốn sự việc đó đi vào dĩ vãng.”

Thế nên, tôi quyết định tự mình tìm hiểu. Một đối tượng cũng đã hỏi một câu tương tự và nhận được câu trả lời, đó là đài truyền hình quốc gia, mạng ABC (Tổng công ty Phát thanh Truyền hình Úc). Cơ quan này cử phát thanh viên đến để đánh giá tâm trạng của người dân thị trấn bằng cách trò chuyện với họ. Kết quả là có một bài viết được (Daniel Keane và Patrick

Martin) đăng trực tuyến vào năm 2019 với tựa đề “Life after Death: Dark Tourism and the Future of Snowtown²”.

2. Tạm dịch: Sự sống sau cái chết: Du lịch đen và tương lai của thị trấn Snowtown.

Thuật ngữ “du lịch đen” là một hiện tượng mới được phân loại gần đây. Mặc dù hiện tượng này đã xuất hiện một khoảng thời gian nhưng nó vẫn chưa chính thức được công nhận. Du khách tìm đến hình thức di lịch này với mong muốn tới thăm những nơi xảy ra sự kiện khủng khiếp hoặc xấu xa. Những nơi như vậy toát ra đôi chút u tối và hấp dẫn khách du lịch ở một mức độ nhất định.

Một vài ví dụ nổi bật hơn cả là trại tập trung Auschwitz (Ba Lan), nhà máy điện Chernobyl (Ukraine), vụ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima (Nhật Bản), Tòa tháp đôi - sự kiện ngày 11 tháng Chín đầy ám ảnh ở New York. Không cần phải giải thích gì thêm về những địa điểm này, bởi những sự kiện đã xảy ra mãi mãi khắc sâu trong tâm trí của mọi người. Trong bối cảnh cụ thể ở Úc, vụ thảm sát tại thị trấn Port Arthur, bang Tasmania là một hiện trường giết người rải rác kinh hoàng. Chỉ riêng vụ này đã khiến cho quyền sở hữu súng bị cấm ở Úc. Ngoài ra, còn có vụ án giết người hàng loạt do “Kẻ sát nhân ba lô” Ivan Milat thực hiện ở Belanglo State Forest, bang New South Wales. Và bây giờ là vụ án ở thị trấn Snowtown.

Điều đáng nói ở đây là thái độ của người dân xứ chuột túi đối với quyền sở hữu súng trái ngược với “văn hóa súng đạn” đã ăn sâu vào xã hội xứ cò hoa. Không có một tổ chức vận động hành lang nào ở Úc tương tự như Hiệp hội Súng trường Quốc gia (NRA) ở Hoa Kỳ. Trên thực tế, sau cuộc thảm sát ở Port Arthur, bang Tasmania vào năm 1996, chính quyền Úc phải hứng chịu làn sóng phản đối dữ dội của dư luận đối với quyền sở hữu súng. Và làn sóng này nhanh chóng nhận được sự ủng hộ trên khắp cả nước, với sự đồng thuận của mọi chính quyền tiểu bang và vùng lãnh thổ. Hiện tại, quyền sở hữu súng bị nghiêm cấm chặt chẽ đối với những nông dân dùng súng đạn để kiểm soát sâu bọ và chim gây hại ở các khu vực hẻo lánh. Kể từ sau khi xảy ra vụ thảm

sát Port Authur và ngay cả khi tôi viết những dòng chữ này, không hề có một vụ xả súng nào ở Úc.

Cho dù vài người dân địa phương mong muốn phá hủy tòa nhà ngân hàng bỏ hoang cũ kỹ ở thị trấn Snowtown, nhưng cho đến nay nó vẫn tồn tại trên đường Fourth. Trong suốt năm 2019, thị trấn Snowtown có rất nhiều cuộc tranh luận công khai rằng liệu có nên thực sự thu lợi từ “vết nhơ” này hay không.

Trong khi nhiều người dân muốn chôn vùi quá khứ và mặc kệ nó, những người khác lại có quan điểm trái ngược. Họ cho rằng dù muốn hay không thì cái tên Snowtown sẽ luôn gắn liền với vụ án “Xác chết trong những cái thùng”, và họ nên dựa vào đó để kiếm lợi. Thế nên, người dân đã biến tòa nhà ngân hàng bỏ hoang thành viện bảo tàng rừng rợn và là nơi lưu trữ các dụng cụ giống với hung khí trong vụ án. Hiển nhiên, họ bày bán, kinh doanh tất cả các mặt hàng lưu niệm liên quan đến vụ án.

Nhiều người lí luận, “*Sao lại không chứ?*” Khu Whitechapel - một nơi bị bỏ quên ở East End, London - mãi mãi bị vây bắt bởi những kí ức về tên sát nhân Jack đồ tể (Jack the Ripper). Người dân ở đây đã kiếm được rất nhiều tiền trong hàng thập kỉ nhờ vào sự thật kinh hoàng này. Hầu như mỗi đêm, hàng chục chuyên tham quan Ripper “cày nát” con phố cổ East End, người người đi lại chật như nêm. Họ đi theo từng bước chân của những người phụ nữ xấu số đã kết thúc sinh mạng dưới lưỡi dao của kẻ đồ tể. Tôi đã tham gia chuyến tham quan này và cực kì thích nó.

Người ta vẫn giữ quan điểm trái ngược rằng những sự kiện xảy ra tại thị trấn Snowtown vẫn còn là những kí ức bi thảm đối với nhiều người (mặc dù trong đó có nhiều người không thực sống ở thị trấn). Ngoài ra, việc đào lại quá khứ bằng hình thức du lịch đen có thể làm suy nhược tinh thần của gia đình, bạn bè và những người thân yêu của nạn nhân. Đây cũng là một quan điểm công bằng và cần được cân nhắc.

Điểm khác biệt rõ ràng giữa thị trấn Snowtown và khu Whitechapel là không ai “buôn bán” thần thoại về kẻ đồ tể mãi cho đến khoảng một thế kỷ sau sự kiện xảy ra vào năm 2018. Chẳng còn một ai liên quan đến vụ án vẫn sống để đau khổ cả.

Trong một báo cáo khác phát sóng trên truyền hình vào tháng Năm năm 2019, đài ABC đã nói chuyện với một số cư dân mới và cư dân cũ để đánh giá ý kiến của họ về ảnh hưởng của vụ án mạng đối với thị trấn. Một cá nhân lên tiếng rằng những nhà sản xuất bộ phim dựa trên sự kiện thậm chí đã không tham khảo ý kiến của cộng đồng địa phương trước khi sản xuất bộ phim. Điều này chỉ càng bêu xấu thị trấn và gây tổn thương cho những người dân ở đây.

Thị trấn Snowtown đã phải hứng chịu gấp đôi bất hạnh khi nơi này mang dấu ấn của hiện trường vụ án giết người hàng loạt kinh hoàng nhất trong lịch sử nước Úc dù thực sự có một vụ án mạng diễn ra ở đây, tám cái xác khác được chuyển đến và sau đó bị phát hiện. Bunting chuyển đến một thị trấn hẻo lánh cùng với những cái thùng, vừa lúc bị cảnh sát “thu lưới”. Những cái thùng đó có thể bị phát hiện ở rất nhiều địa điểm khác nhau, nhưng sự thật là vụ án này được phá ở thị trấn Snowtown sẽ ám ảnh người dân nơi đây mãi mãi.

Thị trấn Snowtown được thành lập vào năm 1878 với mục đích chính là cung cấp nông sản - ngũ cốc, len và gia súc. Thị trấn nằm trên đỉnh của một mỏ muối gần hồ Bumbunga. Giống như nhiều vùng quên nông thôn khác, thị trấn cũng chịu ảnh hưởng từ cơn suy thoái kinh tế. Đến năm 2020, thị trấn Snowtown phải đương đầu với sự suy giảm kinh tế dai dẳng và kết quả là dân số giảm dần do lớp trẻ phải “tha phương cầu thực”.

Hiện nay, thị trấn đang đối mặt với tình thế tiến thoái lưỡng nan khi người dân phải quyết định liệu họ có nên mạo hiểm trục lợi từ quá khứ đen tối của thị trấn để có thể tìm được một tương lai tươi sáng hơn hay không. Vấn đề bắt nguồn từ khoảng cách thời gian gần của những tội ác mới đây. Chỉ trong vòng 20 năm nữa, có lẽ với thị trấn Snowtown thì còn quá sớm,

nhưng Jack đồ tể, trại tập trung Auschwitz, vụ ném bom nguyên tử ở Hiroshima và cả nhà máy điện Chernobyl sẽ chìm vào quá khứ.

Mỗi ngày, rất nhiều khách du lịch đến làm xáo trộn cuộc sống của những người dân địa phương còn lại. Những vị khách này đi dạo trên con phố chính của thị trấn, lướt qua tòa nhà ngân hàng và chụp hình tự sướng, y hệt như những gì tôi đã làm 20 năm về trước. Vấn đề đặt ra với bản thân người dân không phải là ngăn du khách đến đây tham quan mà là liệu họ có thể thu được tiền khi du khách đến đây hay không.

THẨM KỊCH Ở POSORJA: KHI “CÔNG LÝ CỦA NHÂN DÂN” HÓA SAI LẦM NGHIÊM TRỌNG.

Tom Larsen

Trong sự xung đột giữa phương thức đấu tranh đòi công lý có từ hàng thế kỷ và tốc độ kích động của đại chúng trên mạng xã hội lan nhanh đến đáng kinh ngạc, một nhóm người đã dùng lối hành hình kiểu lynch³ với ba người dân vô tội bằng cách thiêu và đánh đập họ cho tới chết. Tội ác này khiến một thị trấn yên tĩnh và một thành phố thanh bình quay cuồng với những câu hỏi về ý nghĩa cuộc sống trong thế kỷ XXI.

3. Là lối hành hình của bọn phân biệt chủng tộc Mỹ đối với người da đen.

Vào ngày 16 tháng Mười năm 2018, một thẩm kịch tàn nhẫn đã xảy đến với hai người đàn ông và một người phụ nữ trong làng chai Posorja (Ecuador) yên ắng. Ba nạn nhân cũng là ba tên đã cướp đồ của hai người phụ nữ địa phương. Mọi chuyện kết thúc chỉ trong vài giờ, sau khi một đám đông gồm 2.000 người dân phần nộ xông vào đồn cảnh sát, lôi ba nạn nhân ra và xử tử chúng ngay trên đường.

Mạng xã hội phán cho ba người này án tử bằng cách khiến mọi người ngộ nhận chúng là những kẻ ấu dâm đã đánh thuốc và lạm dụng một đứa trẻ địa phương. Nó kích hoạt “công tắc công lý nhân dân” truyền thống, khiến

đám đông áp đảo lực lượng cảnh sát vũ trang, gieo rắc cái chết và sự hủy diệt trước khi quân đội kiểm soát được họ.

Câu chuyện phức tạp đến ớn lạnh này bắt đầu từ vài tháng trước. Ngày định mệnh ấy xảy ra khi hai người phụ nữ đưa con đi học ở trường học địa phương. Bên ngoài khuôn viên trường học, một người phụ nữ tiếp cận và thuyết phục họ mua một chiếc nhẫn với giá rẻ. Cả hai người mẹ đều từ chối và rồi họ bị đánh thuốc mê scopolamine⁴ - một loại bột không mùi, không vị và được bào chế từ hoa của cây *borrachero*. Scopolamine khiến nạn nhân tạm thời “trở thành thầy ma” và hoàn toàn phó mặc số phận cho kẻ thủ ác. Vì vậy, loại thuốc mê này là công cụ gây án phổ biến của bọn tội phạm khắp Colombia, Ecuador và Peru. Không có gì lạ khi nạn nhân tỉnh lại sau vài giờ mê man và phát hiện họ bị cưỡng hiếp, tiền trong tài khoản ngân hàng không cánh mà bay, hoặc trong những trường hợp nghiêm trọng, họ bị mất một hoặc vài cơ quan nội tạng. Tội phạm có thể bỏ thuốc vào đồ ăn hoặc thức uống, còn trong trường hợp này, chúng “phả” thuốc vào mặt nạn nhân.

4. Là một loại thuốc mê có mức độ được hóa cao, có thể xóa trí nhớ và làm con người mất ý thức tạm thời.

Hai gã đàn ông xuất hiện và ép hai người phụ nữ đó lên xe taxi. Nạn nhân bị đưa đến một công viên ở địa phương, nơi họ bị cướp 200 USD (đơn vị tiền tệ chính thức ở Ecuador là USD) cùng hai chiếc điện thoại di động.

Tuy nhiên, một trong hai nạn nhân chỉ bị ảnh hưởng nhẹ từ thuốc và chạy thoát được. Cô gọi điện báo cảnh sát và họ bắt được ba tên tội phạm khi chúng rời thị trấn. Nhân dạng của từng tên: Tonny Mauricio Pareja Valladares (44 tuổi), Jackeline Cecibel Mero Figueroa (35 tuổi) và Ronald Gustavo Bravo Rosado (25 tuổi). Cả ba được đưa đến Đơn vị Cảnh sát Cộng đồng ở địa phương (UPC). Chúng được cho tạm trú đến khi chuyển đến đơn vị tư pháp Playas - nơi xử lý những tội phạm có tính chất tương tự. Nhưng chỉ trong vòng vài giờ, chúng đã chết.

Ngôi làng Posorja nằm cách Guayaquil - thành phố lớn nhất ở Ecuador - về phía nam 120km. Nơi này có con sông Guayas rộng lớn, trôi lững lờ, đổ ra vịnh Guayaquil. Dân số ở Posorja chỉ khoảng 11.000 người, nhưng vào buổi chiều hôm đó, một tội ác đã đánh thức cảnh đánh cá đang ngủ yên - một tội ác khủng khiếp sánh ngang với bất kì chuyện gì có thể xảy ra ở bất kỳ thành phố lớn nào trên thế giới.

Những tài khoản mạng xã hội kích động một đám đông người dân địa phương rằng từng có những đứa trẻ bị đánh thuốc (hoặc theo một số tin đồn, chúng đã bị giết) và họ xông vào tòa nhà UPC. Đám đông kéo hai gã đàn ông và một phụ nữ ra khỏi đồn, dùng thanh sắt và đá lấy từ chỗ nứt của vỉa hè để đánh ba người cho đến chết. Hậu quả của cuộc hỗn chiến là năm viên cảnh sát và hai người lính bị thương; một xe taxi, một xe cảnh sát và năm xe máy bị thiêu rụi; còn đồn cảnh sát tan hoang đến nỗi không thể sử dụng được nữa.

Hơn nữa, sự việc này thoát đầu có vẻ kỳ lạ, bởi đã là thế kỷ XXI mà vẫn tồn tại đám đông dùng lối hành hình kiểu lynch với tội phạm để đòi lại công lý. Mặc dù cả ba nạn nhân đều có tiền án, nhưng chúng không hề phạm phải một tội ác tày trời đến nỗi bị xử tử vào một buổi chiều âm ập và nhiều mây như vậy.

Người phát ngôn của sở cảnh sát cho biết, “Vụ cướp vẫn còn nhiều nghi vấn và cuối cùng, nó lại trở thành thảm kịch. Các nghi phạm đang bị tạm giữ tại đồn cảnh sát để chờ chuyển đến Guayaquil thì một đám đông tụ tập bên ngoài và hét lớn ‘Giết chúng, thiêu chúng’.”

Càng về chiều, nhóm người càng đông. Cuối cùng, họ đập vỡ cửa ra vào và cửa sổ của đồn cảnh sát rồi kéo các nghi phạm ra ngoài. Theo lời nhân chứng, nhóm đàn ông và phụ nữ đeo mặt nạ và mặc áo somi đã lột quần áo, đánh và thiêu chết các nghi phạm.

Trong khi đó, những kẻ cướp phá đã khoét lỗ trên mái nhà và tường của đồn cảnh sát để tìm đường vào. Cảnh phục và những trang thiết bị, đài radio, đạn dược và kể cả máy điều hòa nhiệt độ biến mất ngay trước mũi của đám người quá khích.

Những người lính ở căn cứ quân đội gần đó được điều động tới để hỗ trợ cảnh sát, nhưng họ lại đến sau khi các nghi phạm đã bị giết vài phút.

Sao chuyện này lại xảy ra như vậy? Đầu tiên, có một khái niệm phổ biến ở xã hội Ecuador là công lý của người dân bản địa (*justicia indígena*). Năm 1998, khái niệm trên được công nhận và hợp pháp hóa trong hiến pháp Ecuador, nhưng thông lệ này đã có từ hàng thế kỷ. Khi người Tây Ban Nha xâm chiếm Ecuador vào thế kỷ XVI, họ không đối xử với người dân bản địa như con người, mà gần giống như súc vật. Người dân Ecuador bị bắt đi nô dịch và phải phục vụ cho lợi ích của những kẻ xâm lược (*conquistadores*). Việc người dân chống trả cũng có thể hiểu được, nhưng bất hạnh thay, vũ khí của người Tây Ban Nha tối tân hơn so với vũ khí thô sơ của người bản địa. Những người may mắn thoát khỏi cuộc tàn sát cũng nhanh chóng bị khuất phục và bắt làm nô lệ. Một nhóm người - chủ yếu ở những vùng xa xôi của dãy núi Andes hoặc rừng rậm Amazon - cực kỳ hung hãn và cứng cỏi nên họ không chịu khuất phục. Phần lớn người Tây Ban Nha phớt lờ họ và tiếp tục công cuộc chiếm phần còn lại của Ecuador làm thuộc địa bằng phương thức cực kỳ tàn bạo nhưng hiệu quả.

Sau cuộc bầu cử của vị tổng thống theo chủ nghĩa dân túy Rafael Correa, những thay đổi mới nhất của hiến pháp Ecuador được thông qua vào năm 2008. Những thay đổi đó tiếp tục củng cố tư tưởng về quyền tự trị và quyền của người dân bản địa. Thành viên của nhóm người dân bản địa rõ ràng được phép trừng phạt những kẻ phạm tội bằng công lý của người bản địa, nhưng trong giới hạn cho phép. Giết người, cưỡng hiếp, bắt cóc và cướp có vũ khí sẽ bị chính quyền địa phương truy tố. Đối với những tội ít nghiêm trọng hơn, hình phạt thường là “ném đá hội đồng”. Có lẽ, tội phạm sẽ bị đánh bằng

cây tầm ma hoặc nhánh cây, trong những trường hợp nghiêm trọng hơn, tội phạm sẽ bị trục xuất khỏi cộng đồng.

Ở Ecuador, chỉ 7-10% dân số thực sự là thành viên của một trong 28 nhóm người dân bản địa. Thế nên, thật đáng ngờ khi nói có ai trong số 2.000 người bạo loạn vào buổi chiều hôm đó là người bản địa. Ngay cả khi họ thật sự là người bản địa thì rõ ràng họ cũng đã phạm luật. Hơn nữa, nếu bạn có dịp trò chuyện với người dân địa phương ngày nay, hơn một năm sau, bạn hầu như chẳng nghe thấy gì về cách xử phạt tội phạm theo hình thức tàn ác này.

Một người dân tên Julio Parrales cho biết, “Posorja là một thị trấn thanh bình”. Nhưng anh ấy cũng nói thêm, “Người dân phản ứng thô bạo bởi vì họ chán nản khi xã hội có công lý cũng như không. Đó chính là lí do vì sao người dân muốn tự tay giải quyết những vấn đề này.”

Những bài báo và nghiên cứu đã lên tiếng về vấn đề gây tranh cãi này, nhưng trong một phát biểu ngắn gọn của mình, Senor Parrales đã xác định rõ ràng cốt lõi của vấn đề. Người Ecuador không mấy tin tưởng vào cảnh sát hoặc hệ thống tư pháp. Hằng ngày, họ nhìn thấy và chịu đựng sự thờ ơ, thiếu năng lực cùng cảnh tham nhũng của chính quyền.

Như đã được đề cập ở trên, cựu Tổng thống Correa hiện đang sinh sống ở Bỉ. Chính quyền đã ban hành lệnh bắt giữ ông về tội tham nhũng nếu ông quay trở lại Ecuador. Còn vị Phó Tổng thống Jorge Glas, hiện đang bị giam giữ trong tù vì tội nhận hối lộ hàng triệu USD Mỹ để giúp Odebrecht - một tập đoàn khổng lồ ở Brazil - giành được những hợp đồng xây dựng béo bở.

Tham nhũng được xem như một sự thật bất hạnh trong cuộc sống ở Ecuador và tất nhiên, cách một cá nhân nhìn nhận vấn đề có mối liên quan chặt chẽ với tình hình kinh tế - xã hội của người đó. Có thể phần nào khẳng

định những thành viên trong đám người dùng lối hành hình kiểu lynch với những tên tội phạm đó nằm ở dưới đáy xã hội.

Trong suốt mười năm qua, sự mất lòng tin của người dân vào hệ thống tư pháp đã dần khiến cho khái niệm “Công lý của người dân bản địa” biến thành “Công lý truyền thống” hoặc “Công lý của nhân dân”. Và những giới hạn được đề cập ở trên cũng theo đó mà không còn hiệu lực nữa.

Tội phạm xe máy rất phổ biến ở Ecuador. Khi gây án, một hoặc hai tên thực hiện hành vi ăn cướp ngang nhiên trên đường, đôi khi chúng đe dọa nạn nhân bằng súng và tẩu thoát bằng xe đạp có gắn động cơ nhỏ. Trong nhiều vụ án, người dân nhanh chóng hành động và tóm được nghi phạm. Họ đánh chúng và đốt phương tiện gây án trước khi chúng có thể rời khỏi khu dân cư.

Khi cảnh sát đến nơi, họ chỉ tìm thấy một chiếc xe máy cháy đen và có lẽ vẫn còn đang bốc khói, cùng với một vài tên trộm lơ ngơ, máu me lem luốc. Những người dân trong khu vực nhanh chóng rút về nhà và trả lại không gian được một “bức tường im ắng” bao phủ. Điều này khiến cảnh sát gặp khó khăn, nếu không muốn nói là không thể, trong việc lập hồ sơ vụ án (giả sử họ muốn làm vậy). Người dân không quan tâm nhiều đến vậy, bởi trong tâm trí của họ, hung thủ đã bị trừng phạt thích đáng.

Chắc bạn đang nghĩ, “Chuyện này hay thật đấy, nhưng làm thế nào mà tội ác tưởng chừng như vô hại như trộm 200 USD và hai chiếc điện thoại di động, kể cả đánh thuốc mê nạn nhân, lại dẫn đến vụ ba nghi phạm bị sát hại tàn nhẫn trước sự chứng kiến của tất cả cảnh sát địa phương?”

Câu trả lời nằm ở sự xung đột giữa những quan niệm về công lý có từ hàng thế kỷ và tốc độ lan truyền nhanh đến chóng mặt của công nghệ hiện đại. Mạng xã hội nhanh chóng lan truyền tin đồn về một trong những đứa trẻ bị bắt cóc đã chết vì ăn phải chất scopolamine. Mặc dù hai đứa trẻ đều không thực sự bị đánh thuốc hay bị tổn hại theo bất kỳ hình thức nào, nhưng

tin đồn đã làm dấy lên lửa giận trong lòng người dân bản địa. Hơn nữa, họ vốn đã không còn tin vào cảnh sát và cơ quan tư pháp địa phương.

Người phụ nữ gọi điện báo cho cảnh sát đầu tiên (tên thật đã được giấu đi để bảo vệ sự an toàn của cô ấy) sau đó đã thay đổi tình tiết của câu chuyện trong biên bản báo cáo giữa đêm với cảnh sát.

“Tôi đến trường với con gái, bạn tôi và con gái của cô ấy. Có hai người tiếp cận chúng tôi. Chúng cố gắng thuyết phục chúng tôi mua một chiếc nhẫn giả. Sau đó, chúng đánh thuốc chúng tôi, chúng tôi như bị bùa. Chúng tôi đi đến một nơi, tôi không biết làm thế nào mà chúng tôi đến đó được. Chúng đưa tôi vào một chiếc xe, nhưng tôi đã thoát ra ngoài và chúng rời đi. Chúng trộm điện thoại di động của tôi và của bạn tôi cùng một chút tiền. Lúc đó, chúng tôi rất sợ hãi nên đã có hiểu lầm gì đó. Tôi không biết, nhưng bọn trẻ không lên xe. Người ở trên xe là tôi.”

Cảnh sát nhanh chóng hành động để tóm gọn các nghi phạm trong vụ hành quyết tội phạm không qua xét xử. Họ đã nghiên cứu những đoạn băng video về cuộc xung đột và cử các điều tra viên mặc thường phục cùng những đơn vị cảnh sát đặc biệt tới vùng lân cận (barrios) của Posorja, El Morro và Playas.

Vào sáng ngày 18 tháng Mười, chưa đầy 48 tiếng sau khi vụ việc xảy ra, tướng Tannya Varela cho biết 8 nghi phạm đã bị giam giữ và được chuyển đến Guayaquil để thực hiện một “cuộc điều trần” (tương tự như phiên luận tội hoặc phiên xử sơ bộ ở hệ thống tư pháp Hoa Kỳ). Chiều hôm đó, Thẩm phán José Ortega đồng ý với yêu cầu của công tố viên và tất cả 8 nghi phạm bị giam giữ phòng ngừa (để không cho phạm tội nữa) với tội danh giết người. Theo Điều 140 của Bộ luật Hình sự Cơ bản của Ecuador (COIP), người bị buộc tội giết người phải chịu mức án 22 đến 26 năm tù.

Văn phòng công tố cũng mở cuộc điều tra đối với ba cá nhân khác về tội xúi giục, trộm cắp, đốt phá và hủy hoại tài sản công cộng.

Cuối cùng, hai người phụ nữ là nạn nhân của vụ trộm sáng hôm đó và cũng là người đầu tiên báo cảnh sát đã được ghi danh vào Chương trình Bảo vệ Nạn nhân và Nhân chứng của Bộ trưởng Tư pháp sau khi nhân được lời dọa giết từ người thân của những người đã khuất.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Maria Paula Romo phát biểu trong một buổi phỏng vấn trên truyền hình rằng, “Những chuyện đã xảy ra không thể nào chấp nhận được. Không thể biến mình một vụ dùng lối hành hình kiểu lynch với tội phạm kết thúc bằng cái chết của ba người. Vụ đó sẽ phải bị truy cứu và về điểm này, có 8 người bị giam giữ.”

Bà Romo tiếp tục cảnh cáo người dân nên tránh lan truyền thông tin sai sự thật. Bà nói, “Chúng ta lo lắng cho tình trạng của con trẻ và sự an toàn của chúng, nhưng chúng ta phải hành động có trách nhiệm.”

Cảnh sát địa phương biện hộ cho hành động của họ hoặc cho sự lơ là của họ trong cuộc bạo động. Một sĩ quan cho hay, “Chúng tôi không có thiết bị chống bạo động và gần như không có đủ lực lượng sĩ quan để chống lại 2.000 người dân đang bị kích động. Chúng tôi hoàn toàn bị lấn át. Tôi rất lo cho mạng sống của mình và đồng nghiệp.” Gia đình của những nạn nhân không hài lòng với lời nói hay hành động của sở cảnh sát.

Một người thân của người đã khuất lên tiếng, “Đám cảnh sát có đủ thời gian để yêu cầu quân tiếp viện, nhưng họ đã không làm như vậy. Có một đoạn video mà người ta nghe thấy họ nói rằng, ‘Đám người này sẽ thiêu bọn chúng’. Vậy tại sao họ không gọi quân tiếp viện sớm hơn?”

Một trong ba nạn nhân trong vụ hành quyết tội phạm không qua xét xử là người phụ nữ tên Jackline Figueroa. Cô bị sát hại, bỏ lại 5 đứa con. Những người thân của cô cho biết cả ba người bị bắt vào giữa trưa nhưng gia

đình không nhận được thông báo và chỉ biết mọi chuyện thông qua mạng xã hội.

Cho dù người ta có giữ khư khư quan điểm về vấn đề công lý tự xưng ở bất cứ đâu, nhưng rõ ràng những gì đã xảy ra ở Posorja vào một buổi chiều ảm áp và nhiều mây của tháng Mười năm 2018 là một thảm kịch. Vậy thì, làm thế nào mà mọi chuyện lại hóa sai lầm nghiêm trọng như vậy?

Câu chuyện bắt đầu trước đó hai tháng. Vào ngày 16 tháng Tám, cô bé Kerly Loor (13 tuổi) mất tích. Theo tuần báo tin tức *Vistazo*, Gloria Bones - mẹ cô bé - đã đến đồn cảnh sát địa phương. Một sĩ quan đăng ảnh của cô bé lên trang Facebook của sở cảnh sát để yêu cầu mọi người cung cấp thông tin. Chỉ trong vòng vài tiếng, bức ảnh đã có hàng nghìn lượt chia sẻ. Sau khi đăng thông báo trên, một người phụ nữ báo là đã nhìn thấy đứa trẻ trong công ty của một thanh niên ở *Barrio Cristo Vive*. Người phụ nữ nói rằng thanh niên đó là người mới đến khu này và người dân địa phương nghĩ anh ta là một nhân vật đáng ngờ. Senora Bones trình tên của thanh niên đó lên UPC ở địa phương. Họ nói với cô rằng anh ta có tiền án hiếp dâm trẻ vị thành niên. Phía cảnh sát hứa sẽ “xem xét kỹ”, còn người mẹ quẫn trí quay về nhà chờ đợi.

Khoảng hai giờ sáng, người mẹ nhận được một cuộc điện thoại từ cô con gái. Cô bé nói, “Mẹ ơi, con bị j lạc. Con không biết con đang ở đâu nữa.” Kết nối bị ngắt và người mẹ phát điên lên. Cô lại đến đồn cảnh sát nhưng họ chỉ nói rằng họ không có thiết bị phù hợp để truy ra cuộc gọi đó. Họ bảo cô đến văn phòng của Bộ trưởng Tư pháp ở Guayaquil.

Sau hai lần dành cả ngày đi ngược đi xuôi tìm con mà không có kết quả, Senora Bones đã rất sốc và đau khổ khi nghĩ đến việc phải đến đó thêm một lần nữa. Người mẹ khóc mà không tìm được nước mắt, đến nỗi một trong những sĩ quan đã tự mình gọi điện cho một người đồng nghiệp ở Guayaquil. Người đồng nghiệp truy ra cuộc gọi đó ở một trạm xe bus thuộc thị trấn Chone (tỉnh Manabí), cách phía bắc 330km. Người ta tìm thấy cô bé trong trạm xe bus, bị mất phương hướng và hình như bị đánh thuốc mê. Kì

điều thay, cô bé có thể thoát khỏi người bắt mình và gọi điện cho mẹ. Tuy nhiên, không thấy bóng dáng kẻ bắt cóc đâu.

Vài tuần sau, trong khi Kerly vẫn đang vật lộn để vượt qua những ám ảnh của vụ bắt cóc đó, người ta thấy thanh niên kia xuất hiện tại một vùng lân cận ở Posorja. Người mẹ lập tức đến đồn cảnh sát nhưng họ nói rằng nếu cô bé không còn bị người thanh niên đó bắt giữ thì họ cũng không thể làm gì được.

Kerly bị suy nhược thần kinh và được gửi đến sống với người thân ở một thị trấn khác, trong khi mẹ cô bé nức nở vì thống khổ và tuyệt vọng. Thanh niên khả nghi đó bắt đầu nhận được lời dọa giết và không lâu sau, anh ta rời thị trấn.

Một thời gian ngắn sau, một bé gái ở vùng địa phương lân cận khác bị đánh thuốc mê và bị bắt cóc. Người ta tìm thấy cô bé ở trong trạm xe bus tại Loja, cách phía đông nam 500km. Không rõ thủ phạm này và kẻ bắt cóc Kerly có phải cùng là một người hay không, bởi cảnh sát không mở cuộc điều tra chính thức nào. Lý lẽ của họ là gì? Họ không bắt được thủ phạm “đang thực hiện hành vi phạm tội”.

Một thành viên của hội đồng quản trị địa phương cho biết, “Không hề có tòa án hay văn phòng Bộ trưởng Tư pháp ở Posorja. Một người dân phải mất cả ngày để có thể đến Guayaquil. Ở đây, mạng xã hội, chẳng hạn như Facebook, là cách duy nhất để thông báo một vụ bắt cóc trẻ em hoặc những tội ác nghiêm trọng khác. Đừng biến mạng xã hội thành thứ xấu xa chỉ bằng cách nói nó lan truyền tin giả.”

Bất hạnh thay, đó chính xác là những gì đã xảy ra. Trong hai tháng mạng xã hội xôn xao với những hình ảnh giả mạo của nghi phạm trong vụ án của Kerly Loor. Và dường như có thể tìm thấy hình ảnh của tất cả những đứa trẻ được truyền đi khắp thị trấn, nếu chúng đi học về muộn vài phút.

Vào buổi sáng tháng Mười định mệnh đó, một người dân đang trong trạng thái cảnh giác cao độ đã phản ứng nhanh chóng với tin tức về vụ đánh thuốc mê và trộm cướp. Không biết bằng cách nào mà mạng xã hội dấy lên tin đồn về một đứa trẻ có liên quan trong vụ này. Có lẽ vì vụ việc xảy ra trước trường học, hoặc cũng có lẽ vì người ta biết hai người phụ nữ thường đưa con đến trường vào thời điểm đó. Nhưng một khi tin đồn bắt đầu bùng lên thì không tài nào khống chế nổi.

Tin đồn lan nhanh khắp những khu chợ, cửa hàng (tiendas) và quán cà phê ở địa phương như một loại virus lan nhanh và lây nhiễm từ người sang người. Mọi người đột ngột dừng bước giữa lề đường bởi họ đang chăm chú nhìn vào điện thoại để cập nhật thông tin mới nhất.

Tin tức về ba nghi phạm bị bắt giữ khiến người dân nhẹ nhõm, nhưng ngay sau đó họ cảm thấy tuyệt vọng. Những sự việc đã xảy ra không chỉ trong hai tháng vừa qua, mà cả quãng đời của người dân khiến họ không thể tin cậy lực lượng cảnh sát và hệ thống tư pháp được nữa. Chính tay họ sẽ giải quyết những vấn đề này.

Câu chuyện kết thúc không có hậu. Tại sao lại thành ra như vậy? Vào ngày 14 tháng Mười năm 2019, vài ngày trước khi tròn một năm sau khi vụ việc xảy ra, Thẩm phán Odalis Ledesma tuyên án 11 người có liên quan đến vụ việc. 7 người trong số đó lãnh án 34 năm tù vì tội giết người, trong khi 4 người còn lại là đồng phạm nên bị kết án 17 năm tù. Dường như không một ai cảm thấy hung thủ thực sự phải trả giá cho tội ác của mình.

Bà Maria (không phải tên thật của bà ấy) - mẹ của Ronald Bravo - giám hộ 4 đứa con gái (15 tuổi, 11 tuổi, 5 tuổi và 2 tuổi) của anh và Jackline Figueroa. Mặc dù Maria sống ở Guayaquil, nhưng bà quyết định cho 4 đứa trẻ tiếp tục sống tại nhà riêng của chúng ở Posorja. Bà hi vọng môi trường quen thuộc xung quanh có thể giúp chúng bớt tổn thương. Dì của Maria đã

chuyển đến sống cùng bọn trẻ, còn bà đến thăm chúng vào cuối tuần. Tất nhiên, bọn trẻ vẫn không tránh khỏi những thương tổn và mất mát.

Maria nói, “Bọn trẻ nhìn thấy cha mẹ chúng bị nhóm người đó tra tấn trong những video trên mạng xã hội. Bọn trẻ biết ba mẹ chúng ra đi như thế nào.”

Chính quyền đã cử một nhân viên xã hội thường xuyên đến nhà thăm nom 4 cô gái để theo dõi sự phát triển của chúng.

Maria cố gắng hết sức vì lợi ích của 4 đứa cháu, nhưng đôi khi điều đó thật khó khăn. Bà rất nhớ những cuộc trò chuyện thường xuyên với con trai. Trong điện thoại, bà cũng giữ 37 tin thư thoại cuối cùng của con trai. Bà nghẹn ngào trong nước mắt, “Tôi cố gắng kìm nén không nghe chúng, nhưng vào ngày sinh nhật của thằng bé, tôi lại không kìm lòng được.”

Những hình phạt nghiêm khắc của thẩm phán đưa ra vẫn không làm bà Maria thoải mái. Bà cho rằng kẻ sát hại Ronald vẫn còn tự do. Bà nói, “Trong video, bạn có thể nhìn thấy rõ khuôn mặt của kẻ đã giáng cho con tôi một đòn chí tử. Tôi sẽ mãi không bao giờ quên khuôn mặt hắn.”

Một bức ảnh chụp con trai và con dâu của bà được đóng khung, treo trong phòng khách nhà bà, với dòng chú thích, “*Chúng con sẽ yêu thương bọn trẻ và chúng sẽ mãi trong tim chúng con.*”

Mauricio Pareja để lại đứa con trai 18 tuổi tên Israel (tên thật đã được giấu đi để bảo vệ sự an toàn của anh ấy). Israel bị bại não và phải ngồi xe lăn. Anh được mẹ - tức là vợ cũ của Mauricio - chăm sóc.

Có vẻ như dù Mauricio có vướng vào bất kì vấn đề pháp lý nào đi nữa thì anh vẫn là một người cha tốt.

Mayra (không phải tên thật) nói, “Mauricio lo tất cả thuốc men cho thằng bé. Anh ấy đến thăm và đưa thằng bé đi dạo mỗi ngày. Hai cha con rất thích bóng đá và xem những trận bóng cùng nhau. Israel cổ vũ cho đội áo vàng, còn Mauricio cổ vũ cho đội áo xanh dương”. Barcelona (áo vàng) và Emelec (áo xanh dương) là hai đối thủ lâu năm ở vùng Guayaquil địa phương.

Mayra có một đứa con gái riêng 10 tuổi. Cô làm công việc lắp ráp đồ thủ công bằng bìa cứng tại nhà. Ngoài thu nhập ít ỏi của mình, cô còn nhận được khoản hỗ trợ 240 USD/tháng của chính phủ cho người khuyết tật, nhưng nhiều đó vẫn chưa đủ. Một hộp thuốc giãn cơ cho Israel có giá gần 200USD và dùng hết trong hơn hai tuần một chút.

Cả Maria và Mayra cho biết khoảng thời gian nhập học của bọn trẻ là lúc khó khăn nhất. Maria phải đưa 4 đứa cháu đi học ở một trường công. Chất lượng giáo dục ở những trường công tại Ecuador cực kì tệ. Ngay cả những người dân nghèo khổ nhất cũng sẽ chắt chiu và dành dụm tiền để con cái họ có thể học ở một trường tư. Mayra phải nhận tiền từ thiện để có thể mua đồng phục và đồ dùng học tập cho cô con gái.

Theo luật sư Roberto Malagón, thẩm phán đã ra lệnh cho mỗi người trong số những người bị kết án phải bồi thường 15.000USD, nhưng quyết định này vẫn chưa bao giờ chính thức có hiệu lực. Vì vậy, Maria và Mayra phải chờ.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ María Paula Romo bảo vệ cho những hành động của cảnh sát trong sự kiện xảy ra vào ngày 16 tháng Mười năm 2018. Trong buổi phỏng vấn vài tuần sau đó, bà phát biểu, “Chúng tôi đã thực hiện tất cả những thủ tục hợp lệ. Sự kiện đó là một tình huống không thể lường trước được.”

Khi được hỏi tại sao Bộ Nội vụ không công khai số liệu thông kê tội phạm đối với từng thị trấn nhỏ để có thể sử dụng hiệu quả những nguồn lực, bà Romo nói rằng bà đang làm việc để thay đổi hệ thống, nhưng sau đó, bà

nhANH chóng có tuyên bố khó hiểu và mang tính tư lợi, “Công việc song phương cần đặc biệt lưu ý về mặt trách nhiệm. Khi những số liệu này được sử dụng với mục đích gây xôn xao dư luận, sẽ có xung đột như sự kiện ở Posorja tái diễn. Chúng tôi quan tâm đến việc công bố số liệu một cách thích hợp. Kể từ khi tôi làm việc tại Bộ Nội vụ, chúng tôi cam kết sẽ hợp nhất dữ liệu để đánh giá mức độ của những cuộc xung đột trong khu vực, ví dụ như số lượng cuộc gọi mà ECU 911 nhận được.”

Phần lớn những lời của bà Romo bị cộng đồng phớt lờ.

Hơn một năm sau, rất khó để tìm được vật chứng về những gì đã xảy ra vào cái ngày tồi tệ đó ở Posorja. Trước đồn cảnh sát, một người phụ nữ ngồi trong xe hơi bán giày, thu hút một hàng dài những người mua sắm trước dịp Giáng Sinh. Một người đàn ông sửa xe máy bên lề đường trước một cửa hàng bán đồ phụ tùng. Một con chó đen bé nhỏ nằm mơ màng trong bóng râm của hộp dụng cụ điện, tránh cái nóng giữa trưa. Đội tàu đánh cá cập bến và những người bán hàng bán tôm tươi, sò ốc và các đù vàng; trong khi những con chim cốc biển tập trung trên cao và sà xuống để gắp lấy “miếng mồi lạc bầy”.

Nhưng ký ức về ngày đó không bao giờ hiện hữu nữa. Jefferson Paéz - một lính tuần tra trẻ tuổi - nhớ lại cách mà anh ta và những sĩ quan đồng nghiệp lúc đầu chỉ đơn giản là khóa cửa đồn cảnh sát khi đám đông bắt đầu tụ tập. Anh ta và đồng nghiệp cứ nghĩ đó chỉ là một cuộc biểu tình phản đối khác (chuyện này xảy ra thường xuyên ở khắp Ecuador).

Anh nói, “Đám đông đó ném xăng vào cửa ra vào và châm lửa. Khi tấm kính vỡ tan, họ xông vào và đưa tù nhân đi. Những tù nhân không ở trong phòng giam. Họ thậm chí không bị còng tay bởi đang chờ để được chuyển tới Guayaquil.” Vì cấp bậc thấp nên Jefferson không được mang theo súng ngắn bên mình. Khi sự việc xảy ra, anh ngồi co rúm sau bàn làm việc và nhìn người

bạn thân nhất (cũng là một lính tuần tra) bị một người dân dùng thanh sắt đánh vào sau đầu.

Những gì xảy ra vào buổi chiều hôm đó là một thảm kịch và có người hi vọng rằng mọi người sẽ rút ra được những bài học từ sự kiện đó. Thật không may, họ đã lầm. Phong tục “Công lý của người dân bản địa” hoặc “Công lý của nhân dân” hoặc bất cứ tên gọi nào, tồn tại trên khắp Châu Mỹ Latinh. Cả Tổ chức Ân xá Quốc tế và Tổ chức Theo dõi Nhân quyền đều không truy cứu những hành động hành quyết tội phạm không qua xét xử này. Tuy nhiên, một nghiên cứu vào năm 2015 của Viện Thống kê Quốc gia (INE) chỉ ra rằng những vụ việc tương tự ở Guatemala và Bolivia (hai quốc gia có dân số bản địa chiếm đông nhất) đã tăng gần gấp 10 lần từ năm 2004. Mexico và Peru cũng có mức tăng rõ rệt.

Nghiên cứu tiếp tục cho thấy Colombia và Ecuador - hai quốc gia từng đứng đầu hoặc gần đầu danh sách - hiện nay đã có những cải thiện đáng kể, nhờ vào “lực lượng cảnh sát phản ứng kịp thời và những hình phạt nghiêm khắc.”

Thế nhưng, người dân Ecuador vẫn không tin vào các nghiên cứu học thuật và thống kê dữ liệu, cũng như hệ thống tư pháp. Tiếng ồn của động cơ xe ô tô 125 phân khối vang lên. Edison Segreda đã kể một câu chuyện tương tự xảy ra mới đây trong một thị trấn nhỏ trên bán đảo. Anh kể rằng một thanh niên cố trộm một chiếc xe bán tải và bị bắt. Sau đó, thanh niên này bị đưa đến một con đường đất bên ngoài thị trấn và bị sát hại dã man.

Chi tiết cụ thể về tội ác này vẫn chưa được xác minh, trên thực tế có thể là nó không xảy ra. Tuy nhiên, Edison tin rằng vụ việc đó không được xác minh và điều đó cũng chẳng có gì sai.

Anh nói, “Đám cảnh sát lười biếng, ngu ngốc và tham nhũng. Cho đến khi điều đó thay đổi...” Anh ta nhún vai, duỗi hai bàn tay, ngửa chúng ra trước mặt.

Tại buổi lễ tưởng niệm ba nạn nhân, mục sư Fausto González đứng trên bục giảng kinh, đọc lớn bản báo cáo số vụ án chưa được giải quyết trong khu vực, bao gồm cả những vụ bắt cóc trẻ em.

González nói, “Ở đất nước này, người dân không tin tưởng chính quyền sẽ thực thi công lý, mà chính những người dân đau khổ sẽ làm điều đó.”

CẬU BÉ SÁT NHÂN .

Năm 1921, trong khi hầu hết các cậu bé ở độ tuổi 15 nếu không đến trường, đi làm phụ giúp gia đình thì cũng đi chơi với bạn bè, riêng Harold Jones lại dần trở nên “nổi tiếng” vì đã sát hại hai cô gái nhỏ.

Harold sinh vào tháng Một năm 1906 ở Abertillery - một thị trấn khai thác mỏ nghèo nàn ở xứ Wales - cách phía bắc thủ đô Cardiff 22km. Hắn là con trai cả trong gia đình có 4 người con. Năm 1843, ngành công nghiệp chủ yếu xuất hiện ở thị trấn và mỏ than sâu đầu tiên của khu vực ở trang trại Tir Nicholas, khu vực Cwmtillery. Abertillery phát triển nhanh chóng, từ một thị trấn nông nghiệp thành một trung tâm của vùng khai thác than miền nam xứ Wales. Theo cuộc điều tra năm 1901, dân số ở đây gần 22.000 người và lên đến gần 40.000 người vào những năm 1930. Cũng như những người đàn ông khác trong khu vực, ông Philip - cha của Harold - là một thợ mỏ và mẹ hắn làm công việc nội trợ.

Ở trường, Harold rất được mến mộ. Hắn rất giỏi thể thao và mong muốn trở thành một tay đấu quyền anh chuyên nghiệp. Hắn dành phần lớn thời gian rảnh để đọc sách hoặc chơi đàn organ tại những buổi lễ nhà thờ. Hồ sơ của hắn không hề giống với những trường hợp thường thấy trong tuổi thơ của những kẻ lớn lên sẽ giết người. Hắn không tra tấn động vật, không đốt lửa và không đái dâm. Hắn cũng không bị cha mẹ lạm dụng hay bị bạn bè bắt nạt. Hắn như bao cậu bé bình thường khác, có bạn bè, công việc và bạn gái. Năm 14 tuổi, hắn thôi học và làm việc tại cửa hàng Mortimer - một cửa hàng buôn bán dầu và hạt - gần nơi hắn sống. Hắn đi làm để hỗ trợ tài chính cho gia đình. Điều này rất phổ biến ở những thị trấn khai thác mỏ nhỏ bé tại xứ Wales - một nơi có cuộc sống khó khăn và tiền bạc khan hiếm. Harold là một người rất đúng giờ, làm việc chăm chỉ, có thể tự mình quản lý cửa hàng và được khách hàng yêu mến. Mặc dù tuổi đời còn trẻ nhưng hắn là một nhân viên hoàn hảo.

Nhưng hắn có một mặt tối.

Vào ngày 5 tháng Hai năm 1921, Frederrick (Fred) George Burnell sai cô con gái Freda Burnell (8 tuổi) đến cửa hàng Mortimer để mua túi hạt vụn và hạt gia vị gia cầm. Nhà Burnell ở số 9 phố Earl, cách cửa hàng Mortimer ở số 90 phố Cwm (bây giờ là phố Somerset) chưa đến 350km. Cô bé rời đi lúc 9 giờ 05 phút sáng và lẽ ra nên về nhà sớm. Khi đã qua một tiếng mà cô bé vẫn chưa về nhà, cha mẹ cô bé rất lo lắng nên đã đi tìm. Họ đến cửa hàng Mortimer đầu tiên vì đó là nơi cuối cùng mà người ta nhìn thấy cô bé. Harold Jones nói với họ là cô bé đến cửa hàng lúc 9 giờ 05 phút sáng. Hắn bán một túi hạt gia vị gia cầm cho cô bé, nhưng cửa hàng không còn túi hạt vụn, chỉ có hạt vụn lẻ. Vì vậy, Freda đã đi về để hỏi cha cô bé xem hạt vụn lẻ thì có đủ không.

Không ai nhìn thấy cô bé nữa.

Fred Burnell đến gặp người rao mồi. Người này báo tin cô bé mất tích cho cảnh sát lúc 1 giờ chiều. Đồn cảnh sát cách cửa hàng gần 40m. Đến 3 giờ chiều, cảnh sát mở một cuộc tìm kiếm người mất tích. Harold thuật lại những lời mà hắn nói cho cha mẹ Freda với cảnh sát.

Vào buổi tối, cảnh sát đến rạp chiếu phim và yêu cầu họ chiếu mô tả hình dáng của Freda. Nội dung phần mô tả như sau, “Ở lần cuối cùng được người ta nhìn thấy, cô bé đội một chiếc mũ bằng xéc màu đỏ và vành mũ bằng vải nhung màu xanh dương, mặc một chiếc áo khoác màu nâu, váy lộn màu xanh dương có sọc trắng, áo nịt len màu nâu, quần áo may liền nhau kiểu mới [quần áo lót thời Victoria gồm áo lót dây dính liền với quần lót dài], chân mang tất đen và ủng đen cài cúc. Tóc của cô bé được cột bằng mảnh vải sòn. Cô bé đeo một chiếc túi nhỏ màu chocolate bằng da của Hoa Kỳ, rộng hơn 30cm và bên trong túi khá sâu. Cô bé có làn da hồng hào, đôi mắt xanh dương và mái tóc màu nâu sáng. Cô bé trông nhỏ người hơn so với tuổi và nặng khoảng 22kg.”

Những người tình nguyện nhận đèn tù thợ mỏ than để hỗ trợ tìm kiếm cô bé.

Một vài nhân chứng đến và nói rằng họ nhìn thấy Freda vào buổi sáng hôm cô bé mất tích. Bà Mary Ann Wiltshire sống ở số 141 phố Somerset nói rằng khi bà đang sửa đồ đồng trên bậc cửa thì thấy một cô gái nhỏ mặc quần áo giống như những mô tả về Freda, đi ngang qua nhà bà. Cô bé mỉm cười và đi tiếp.

Anh Charles Edward Betts (24 tuổi) là thợ làm bánh ở số 20 phố Duke. Từ 9 giờ 05 phút đến 9 giờ 10 phút sáng, anh dắt ngựa và xe đẩy từ chuồng ngựa của khách sạn Cwn trên đường Alexandra tới đường Cwn Cottage. Đang đi trên đường Cwn Cottage, anh gặp Freda trên lề đường đối diện với sảnh Drill, hướng về phố Somerset. Anh biết Freda và chào bằng biệt danh mà anh đặt cho cô bé, “Chào Jenny Maud.”

Cô Doris Hathaway, người giúp việc của cửa hàng Mortimer, nói với cảnh sát lúc 9 giờ 15 phút sáng, cô la to xuống tầng dưới với Harold rằng có một vị khách đến cửa hàng, là cô bé Freda. Sau khi Freda rời cửa hàng thì cô cũng không còn thấy bóng dáng của cô bé nữa.

Thi thể của Freda được tìm thấy vào ngày hôm sau.

Chủ nhật, ngày 6 tháng Hai, Edward Thomas, người trông coi chuồng ngựa ở mỏ than, rời nhà ở số 7 phố Duke lúc 7 giờ 20 phút sáng. Anh đi bộ qua con đường nhỏ giữa phố Duke và đường Pantypwryn thì thấy thi thể của Freda trong một bao tải để ở ngõ hẻm phía sau số 19 phố Duke, cách cửa hàng Mortimer chưa tới 300m. Rõ ràng hung thủ không hề muốn giấu xác. Edward gõ cửa nhà số 17 và nhờ Samuel Harding canh xác trong lúc Edward đến đồn cảnh sát. Harding đi theo Edward đến đồn cảnh sát. Đó là con đường đất rộng, tách biệt với phố Duke bởi bức tường đá khô thấp. Hàng rào

bằng dây tạo thành vách ngăn với phía bên kia, phía sau hàng rào là cánh đồng dốc dẫn đến đường Pantryrwyd.

Cảnh sát trưởng Henry Lewis, Trung sĩ Arnold, Trung sĩ Jones cùng hai Hạ sĩ Cox và Tucker đến hiện trường trong vài phút. Họ đưa xác Freda về nhà, cách hiện trường 100m. Đội ngũ khám nghiệm tử thi gồm Tiễn sĩ Thomas Edward Lloyd ở thị trấn Abergavenny, Tiễn sĩ Simon Simons ở Abertillery và Tiễn sĩ Thomas Baillies Smith - Giám đốc y tế của thị trấn Abertillery.

Cô bé chết không phải do tai nạn. Cổ của cô bé bị siết bằng dây thừng và đầu bị chấn thương nặng. Hai cổ chân bị cột lại, khuỷu tay bị trói sau lưng và cô bé bị bịt miệng. Freda bị “xâm hại tình dục”, có nghĩa là kẻ giết cô bé cũng là kẻ cưỡng hiếp cô. Dù kẻ giết Freda là ai thì hắn cũng muốn cô bé đau khổ để thỏa mãn thú vui của hắn. Họ dự đoán thời gian tử vong của cô bé là từ 9 giờ 30 phút sáng đến 1 giờ chiều, cùng ngày cô bé mất tích. Họ tìm thấy vỏ hạt bắp trên người cô bé và trong bảo tải.

Cảnh sát khám xét khu vực, bao gồm nhà kho gần đó của cửa hàng Mortimer. Bên trong nhà kho, họ tìm thấy một chuồng gà với vỏ hạt bắp vương vãi khắp mặt đất, khăn tay của Freda và bao tải cất chiếc rìu dùng để đánh gục cô bé. Cùng với thi thể của Freda, mọi bằng chứng đã quá rõ ràng. Chiếc khăn tay sau đó được xác minh thuộc về cô bé Doris Ivy - em gái của Freda. Freda mượn nó vào buổi sáng cùng ngày cô bé mất tích. Nhà kho chắc chắn là hiện trường án mạng. Thị trấn chìm trong cú sốc. Một đứa trẻ bị giết hại dã man là chuyện chưa từng xảy ra ở thị trấn Abertillery.

Người duy nhất có chìa khóa nhà kho là chủ cửa hàng - Herbert và Rhoda, cùng với Harold. Nhân chứng nói rằng họ không thấy Harold trong khoảng thời gian từ 9 giờ 15 phút đến 9 giờ 40 phút sáng. Hai người bạn của Harold là Levi Meyrick và Francis Mortimer (con trai của Herbert và Rhoda) nói rằng lúc 10 giờ 20 phút sáng ngày 5 tháng Hai, Jones nói với họ rằng hắn cần khóa cửa nhà kho và rủ họ đi cùng. Tuy nhiên, khi cả ba đến gần nhà kho, Harold khẳng định đến đó một mình. Họ đi qua con đường nhỏ và phát

hiện một bao tải nằm trên mặt đất. Họ nói Harold đã kiểm tra và đá vào bao tải đó. Chẳng phải lúc đó xác của Freda ở trong bao tải sao? Nếu vậy, chuyện này xem ra trở nên đáng lo ngại đến không ngờ. Harold là người cuối cùng nhìn thấy Freda và hắn có chìa khóa nhà kho nên hắn bị bắt và giam giữ ở đồn cảnh sát Abertillery cho đến khi tiến hành cuộc điều tra.

Vào ngày tổ chức tang lễ cho Freda, Chuẩn tướng Thomas Cloud - chỉ huy quốc gia của Đội quân Cứu tế - đến viếng trong chốc lát bên ngoài nhà Freda. Quan tài của cô bé nằm trên chiếc kiệu khiêng trên phố, ở trên quan tài là một vòng hoa tang của cha mẹ cô bé. Ông Cloud nói, “ Quỷ Satan đã hủy hoại người đàn ông gây ra việc này và biến hắn thành một con ác quỷ tồi tệ hơn cả Ác quỷ Gadarene.” (Ác quỷ Gadarene là một linh hồn ô uế chiếm hữu thân xác của một người đàn ông đến từ vùng Gadarenes; khi Chúa Jesu đến gần và hỏi tên hắn, hắn trả lời, “Tên ta là Legion. Bởi vì chúng ta rất đông.” Chúa trừ tà con quỷ đó và đem vào một bầy heo 2.000 con.)

Gần 100.000 người đến xem xếp hàng dài trên các con phố. Đoàn người trong đám rước dài đến 2km và mất 30 phút để đến nghĩa trang Brynithel. Những cửa hàng đóng cửa để mặc niệm. Hội đồng Quận Đô thị Abertillery quyết định tổ chức quyên góp cộng đồng chi trả cho đám tang của Freda. Bia mộ chí của cô bé ghi:

Freda, con gái của F & M Burnell, mất vào ngày 6 tháng Hai năm 1921, hưởng dương 8,5 tuổi. Cô bé ra đi để về với Chúa Jesu. Cô bé đang đợi những người thân yêu đoàn tụ cùng mình thêm lần nữa.

Trong lúc đám tang của Freda diễn ra, Harold không làm gì cả, sau đó hắn đi chơi billiards ở Sảnh Billiards Preece.

Trong suốt cuộc điều tra diễn ra vào thứ Năm ngày 24 tháng Hai, Fred Burnell nói rằng Harold Jones đến nhà thăm ông từ 6 giờ đến 6 giờ 30 phút tối hôm Freda mất tích, để hỏi xem mọi người tìm được cô bé hay chưa. Sau đó, hắn quay lại vào buổi tối và hỏi lại lần nữa. Harold từng sống ở nhà

số 5, cách nhà Burnell hai căn và biết Freda, nên Fred cho là Harold có ý quan tâm.

Bởi Harold là người giết con gái Fred, nên động cơ của hắn chắc hẳn là khiến Fred đau lòng hơn. Hắn biết cô bé không thể nào còn sống.

Vài nhân chứng trong cuộc điều tra đưa ra bằng chứng rằng họ nghe thấy tiếng hét của trẻ con vào ngày Freda qua đời. Ngày mùng 4 hoặc mùng tháng Hai, lúc 9 giờ 30 phút sáng, Fanny Manuel đang ở trong bếp. Cô sống ở căn nhà số 106 phố Princess, cách nhà kho của cửa hàng Mortimer - nơi Freda bị giết hại - hai căn. Cô không thể nhớ thời điểm cô nghe thấy tiếng hét là ngày nào. Nhân viên điều tra nói, “Câu hỏi tiếp theo nghe có vẻ buồn cười, nhưng tôi có lý do để hỏi vậy. Phải chăng tiếng hét mà cô nghe được giống với tiếng của một con gà?” (Những con gà sống trong nhà kho.) Fanny trả lời, “Không thưa ngài, tôi thường nghe tiếng hét của trẻ con và tiếng hét này y như thế, nhưng nó nghe như bị nghẹt.”

Edith Evans, sống ở nhà số 10 phố Duke, nói rằng vào Chủ nhật, ngày 5 tháng Hai, lúc 9 giờ 30 phút sáng, cô đang ở sau vườn. Khu vườn này dẫn ra con đường nhỏ giữa phố Duke và phố Princess. Cô nói cô nghe thấy tiếng hét của trẻ con. Cô nghe kỹ thêm vài phút nữa nhưng không có âm thanh nào nữa.

Anh thợ mỏ Henry Arthur Duggan (23 tuổi), sống ở số 107 phố Princess, nói rằng vào ngày 5 tháng Hai, lúc 9 giờ 25 phút sáng, anh ấy ở sân sau nhà bắt gà để đưa nó vào bãi rào kín. Anh nghe thấy một tiếng hét ngắn và lớn, rồi đột nhiên tiếng hét tắt hẳn đi như bị nghẹt. Anh nghĩ tiếng hét phát ra từ nhà kho Mortimer ở phía cuối sân nhà anh. Anh áp tai lên cửa sổ bị kín nhưng không nghe thấy gì nữa. Bằng chứng pháp y cho thấy Freda vẫn còn sống 4 tiếng sau khi bị hành hung. Chắc rằng Duggan đã trải qua một cú suy nhược thần kinh ngay sau đó.

Bà Hannah Evans (72 tuổi) bán nhà và nhà kho cho gia đình Mortimer nhưng vẫn sống trong ngôi nhà đó. Bà nói Harold ở trong nhà kho mỗi sáng từ 9 giờ đến 9 giờ 30 phút để cho gà ăn. Cháu gái Lilian, đến phụ giúp bà vào những ngày thứ Bảy, nói rằng cô thấy Harold Jones rời nhà kho vào thứ Bảy, ngày 5 tháng Hai, lúc 10 giờ 40 phút sáng, trễ hơn một tiếng so với thường lệ.

Francis Mortimer thường giúp Harold giao hàng. Họ luôn đưa xe đẩy vào nhà kho, chất đầy thức ăn cho súc vật, sau đó tiếp tục đi giao hàng. Vào ngày Freda bị sát hại, Francis nói rằng Harold đã mở cửa, nhưng chỉ mở hé hé, bởi phía trước có một bao tải. Harold tự mình vào nhà kho, lấy khoai tây, chất lên xe đẩy và nói Francis đi trước mà không cần chờ hẵn. Điều này rất lạ, bởi họ luôn đi chung. Herbert và Rhoda Mortimer tin là Harold vô tội nên đã nói rằng hẵn ở trong cửa hàng và làm ồn, nhưng Harold nói rằng hẵn ngồi yên. Rhoda cho biết một vài bằng chứng mà con trai họ đưa ra không đúng sự thật. Chuyện này có vẻ kỳ lạ bởi bà ấy bao che cho Harold nhưng lại nói với cảnh sát rằng con trai mình nói dối.

Giấy chứng tử của Freda viết:

1. Nguyên nhân gây ra cái chết của cô bé là do (a) bị cưỡng hiếp hoặc bị cố ý cưỡng hiếp và tổn thương ở âm hộ cùng với màng trinh, (b) bị tổn thương ở cổ và một phần bị bóp cổ, (c) bị thương ở trán, (d) bị sốc thần kinh và sợ hãi.

2. Và cũng nói thêm với các vị bồi thẩm đoàn rằng thủ phạm mà chúng tôi vẫn chưa biết là ai, đã cố ý thực hiện và cố ý sát hại cô bé Freda Elsie Maud Burnell được nhắc đến trước đó.

Walter Walters - hiệu trưởng trường Church - nói rằng, “Những giáo viên phụ trách cậu bé [Harold] và bản thân tôi không có gì để phàn nàn về

cậu bé cả. Chúng tôi cho rằng cậu bé là một người mầu mực, lễ phép và có tu cách đạo đức tốt.”

Cuộc điều tra bắt đầu từ ngày mùng 7 tháng Ba. Harold đưa ra bằng chứng, nhưng hắn có vẻ bối rối và có những lời giải thích mâu thuẫn nhau. Nhân viên điều tra trở nên khó chịu và yêu cầu hắn nói sự thật. Harold nói, “Tôi biết mọi chứng cứ đều hướng vào tôi, nhưng tôi không bao giờ làm chuyện đó.” Mặc dù thiếu vật chứng, nhưng cảnh sát hài lòng khi họ đã bắt được kẻ giết người và Harold bị giam giữ đến khi hắn lên tòa vào ngày mùng 5 tháng Tư. Hắn chính thức bị buộc tội giết người, không được bảo lãnh và đưa về nhà tù Usk để điều tra thêm cho đến khi mở phiên xét xử.

Vào ngày 2 tháng Sáu năm 1921, phiên xét xử bắt đầu ở Monmouthshire Assizes. Harold Jones không nhận tội. Hắn bình thản và điềm tĩnh khi trình bày trước tòa, ngay cả khi bị thẩm vấn - trái ngược hẳn với thái độ của hắn trong cuộc điều tra. Henry Mortimer nói rằng ông nghe nói Harold và Francis làm việc trong cửa hàng, sau đó cả hai rời đi giao một bao tải khoai tây cho một khách hàng lúc 10 giờ sáng, rồi quay lại làm cho xong ca. Ông Philip - cha của Harold - nói rằng con trai ông đi làm từ lúc ông xong việc cho đến buổi sáng hôm sau. Câu chuyện này khác hẳn so với những gì mà Levi Meyrick và Francis Mortimer - bạn của Harold - đã nói. Mẹ của Harold đồng tình với lời khai của Philip về bằng chứng ngoại phạm của Harold. Bà nói rằng con trai của họ luôn đối xử lễ độ với các cô gái trẻ. Thậm chí, Harold có một em gái tên là Flossie. Chẳng có vấn đề gì trong cách giáo dục của gia đình hoặc tính cách của Harold ám chỉ hắn có thể là một kẻ giết trẻ con.

Sau năm tiếng, bồi thẩm đoàn phán hắn vô tội.

Harold sum họp với gia đình trong nước mắt. Sau đó, họ ăn mừng một bữa tại một nhà hàng. Harold ngang nhiên đứng trên bàn và chỉ vào đám đông, “Tôi cảm ơn tất cả mọi người. tôi không hề oán giận người dân thị trấn Abertillery vì những khó khăn mà tôi đã trải qua.” Một kẻ được tuyên trắng án về tội giết người lại hành xử kỳ lạ như vậy. Hắn quay về thị trấn

Abertillery bằng một loại xe kéo bằng ngựa, không có mui, được trang trí bằng cờ nhiều màu và hoa diên vĩ. Hắn được chào đón như một người hùng. Người dân của thị trấn Abertillery không tài nào tin được một cậu bé để mền ở thị trấn nhỏ này lại nhẫn tâm giết một cô gái. Chuyện này chắc chắn phải do người bên ngoài gây ra, mặc dù không có bóng dáng của một người lạ nào và cảnh sát cũng không tìm được người nào khác. Harold được tặng một chiếc đồng hồ bỏ túi bằng vàng để ăn mừng hắn được tha bổng. Người hàng xóm George Little nói với Harold, “Tốt lắm chàng trai. Chúng tôi biết không phải cậu làm mà.” Sau đó, George đã hối hận về chuyện này khi Florence - con gái ông - bị sát hại vào 17 ngày sau.

Vào ngày mùng 8 tháng Bảy, Harold nhìn thấy em gái của mình - Flossie - đang chơi nhảy lò cò với cô bạn hàng xóm tên Florence Little (11 tuổi). Hắn đưa Flossie tiền để mua một chai nước ngọt có ga ở cửa hàng và dụ Florence vào nhà, nói rằng muốn nhờ cô làm giúp hắn một việc vặt. Nhưng hắn siết cổ Florence, lôi cô bé vào nhà bếp, dùng tấm ván gỗ đánh vào đầu cô bé, sau đó túm tóc Florence và giữ đầu cô bé trên bồn rửa, rồi rạch cổ họng Florence bằng con dao bỏ túi của Philip. Hắn lấy một chiếc áo sơ mi quân phục màu xám, quần đùi và cổ của cô bé trước khi giấu thi thể thiếu vải lên gác mái. Hắn dọn dẹp vết máu trên bồn rửa, tường, sàn nhà và cửa sập gác mái trước khi tự tắm rửa sạch sẽ. Harold rõ ràng là một kẻ giết người vô tổ chức và biết chờ thời. Hắn không hề vạch ra kế hoạch giết người tỉ mỉ nhưng lại hành động nhanh chóng và tàn bạo khi nhu cầu hoặc cơ hội xuất hiện, chẳng hạn như ở một mình cùng một cô gái nhỏ chính là lúc “tâm ma” của hắn trỗi dậy.

Lúc 11 giờ 15 phút tối, cảnh sát bắt đầu gõ cửa từng nhà để tìm Florence. Hàng trăm tình nguyện viên, bao gồm Harold và ông Philip - cha hắn - vào rừng và lên núi tìm cô bé. Còn cách nào tốt hơn để xoa dịu nghi ngờ của mọi người bằng việc đi tìm nạn nhân bị chính mình sát hại? Khi cảnh sát hỏi Harold có nhìn thấy Florence không, hắn trả lời rằng cô bé đứng ở trước cửa nhà hắn rồi chạy đi. Hắn đã nói dối với mẹ hắn y như vậy.

Ngày hôm sau, lúc 8 giờ sáng, Philip Jones cho phép cảnh sát khám xét nhà. Ông đã nghi ngờ con trai mình, đặc biệt là sau khi ông tạo bằng chứng ngoại phạm giả cho Harold trong án mạng của Freda. Trong khi cảnh sát lục soát nhà của gia đình Jones, Harold lén trốn và đi gặp một người bạn. Cảnh sát phát hiện ra vết máu trên cửa sập gác mái và mở nó ra. Họ phát hiện thi thể của Florence nằm ngang trên xà nhà. Xác cô bé gần như cạn máu. Họ tiếp tục lục soát nhà và tìm thấy một con dao dính máu, một cái chảo chiên trứng chứa nước và máu bên dưới bồn rửa, một tấm ván gỗ dính máu được giấu bên dưới nồi đun và một cái bàn cũng dính máu gần cửa sập gác mái. Mặc dù Harold cố gắng hết sức để xóa sạch tội chứng, nhưng hấn xử lý quá tệ. Lý do có lẽ vì hấn thiếu kinh nghiệm, hoặc hấn quá vội vàng, hoặc hấn bất cẩn. Hành vi giấu xác Florence trên gác mái cho thấy hấn quá non nớt và hấp tấp. Liệu hấn có dự tính di dời thi thể Florence khi giấu xác cô bé ở gác mái? Liệu hấn có hi vọng gia đình không chú ý tới việc hấn giấu xác?

Sau khi cảnh sát tìm thấy thi thể Florence, ông Philip đến phố Mitre và bắt gặp Harold đang nói chuyện với người khác. Ông gọi, “Lại đây Sonny. Họ tìm thấy cái xác trên gác nhà mình rồi.” Harold trả lời, “Thưa cha, con không làm.” Philip đáp, “Họ sẽ đổ cho con hoặc cha, hãy đến và đối mặt với chuyện này đi.” Thật kì lạ vì có vẻ ông Philip khá điềm tĩnh về việc một đứa trẻ bị sát hại được tìm thấy trên gác mái nhà mình. Philip Jones đưa Harold về nhà và cảnh sát đã đến bắt giữ hấn.

Khi nghe tin hấn bị bắt, một đám đông 500 người tập hợp trước đồn cảnh sát, yêu cầu thả Harold. Họ vẫn không chấp nhận được việc một cậu bé địa phương tốt tính lại làm những việc ghê tởm như thế và họ cáo buộc nhân viên cảnh sát đã gài cậu bé. Cảnh sát trưởng Lewis nói với đám đông, “Tôi đã tìm thấy xác của một đứa trẻ bị sát hại dã man trên gác mái nhà của Harold Jones và tôi bắt giữ Harold Jones. Tôi nghĩ đó là tất cả những gì mà tôi có thể nói với mọi người và việc mà mọi người có thể giúp chúng tôi là giải tán, ai về nhà nấy.”

Có tin đồn rằng sau khi Harold được tuyên trắng án về tội sát hại Freda, William Thorne - người được cấp phép kinh doanh khách sạn Lamb - mời Harold đến ăn tối. William bác bỏ tin đồn này. Vài ngày sau khi Harold được tuyên trắng án, Nanny (10 tuổi) - con gái của William - đang đứng bên ngoài khách sạn với hai người bạn là Florence Little và Margaret Simons thì Harold đến bắt chuyện với họ. Cô bé nói rằng Florence băng qua con phố, chỉ vào Harold và nói, "Tôi biết anh giết Freda." Margaret biết rõ về Freda và Florence, cô bé nói rằng Florence liên tục chế nhạo Harold đã thoát tội sát hại Freda. Phải chăng hắn giết Florence để bịt miệng cô bé? Những người dân còn lại của thị trấn tin hắn vô tội, nhưng Florence thì không.

Cuộc điều tra về cái chết của Florence Little bắt đầu từ ngày 11 tháng Bảy. Nguyên nhân cái chết là do vết thương ở cổ bị mất máu quá nhiều. Bà Elsie - mẹ của Florence - khai rằng khi bà gõ cửa nhà gia đình Jones, phải hai phút sau Harold mới mở cửa, hắn lấy lý do đang tắm. Bà cũng hỏi hắn có thấy con gái Florence của bà không và Harold cười trước khi trả lời, "Florrie có tới đây nhưng cô bé đã đi qua con đường phía sau." Chắc hẳn bà Elsie đã đến gõ cửa không lâu sau khi hắn giết Florence và rửa sạch đôi tay dính máu, nhưng hắn vẫn đủ bình tĩnh để không khiến bà Elsie nghi ngờ. Cuộc điều tra bị hoãn lại đến ngày 23 tháng Bảy. Sau 30 phút, bồi thẩm đoàn phán hắn phạm tội cố ý sát hại Florence Little. Harold lập tức phản đối và kháng cáo cho sự vô tội của mình. Một lần nữa, hắn bị giam giữ ở nhà tù Usk để chờ phiên xét xử.

Tại phiên xét xử, Harold đã nhận tội, mặc dù sau đó thẩm phán nói với hắn, "Khoan nhận tội trong lúc này." Ngài St. John Gore Micklethwait - luật sư bào chữa cho Harold - đã can thiệp và yêu cầu thẩm phán chấp nhận lời tự biện hộ này. Theo Luật Trẻ em, bằng cách chấp nhận lời nhận tội của Harold, thẩm phán có thể tuyên án giam giữ Harold trong một nhà tù ở Anh. Tuy nhiên, nếu hắn không nhận tội và phiên xử kéo dài qua ngày 11 tháng Một - khi Harold vừa tròn 16 tuổi, nếu bị kết tội giết người, hắn sẽ bị treo cổ. Mặc dù Harold luôn tuyên bố mình vô tội, nhưng hắn phải nhận tội để cứu lấy mạng sống của chính mình.

Ông Philip mang một số quần áo của Harold đưa cho cảnh sát. Trong túi quần của hắn có 7 chiếc khăn tay không phải của hắn. Chiếc khăn tay của Freda đã bị bỏ lại ở hiện trường nơi cô bé bị sát hại. Harold dùng khăn của mình tạo thành một sợi dây dài để kéo xác Florence lên gác mái. Cảnh sát hiển nhiên có trong tay nhật kí của Harold, mặc dù trong phiên xét xử, không ai nhắc đến nó. Nhật kí ghi lại rất nhiều tên của những cô gái - chị em Caroline, Maud và Minnie Lowman. Lucy May Malsom - một cô gái 14 tuổi có bằng chứng chống lại Harold trong suốt phiên xét xử vụ án sát hại Florence. Có thể đoán được đây là “danh sách những cô gái nằm trong tầm ngắm” của Harold. Cảnh sát rõ ràng đã hủy cuốn nhật kí. Có vẻ đáng ngờ khi họ lại hủy đi bằng chứng quan trọng mà không trình lên phiên xét xử. Phải chăng những chiếc khăn tay là những chiến lợi phẩm mà Harold lấy từ các bé gái? Có vẻ như người ta quan tâm đến danh tiếng của Harold hơn là vụ sát hại bé gái kinh hoàng.

Vào ngày 17 tháng Chín, Harold viết bản thú tội sát hại Florence.

“Tôi - Harold Jones - thú nhận rằng vào ngày 8 tháng Bảy, tôi đã cố ý và có chủ tâm sát hại Florence Irene Little, khiến cô bé chết dù chưa sẵn sàng gặp Chúa. Lí do tôi làm vậy vì khao khát muốn giết người.”

Phiên xét xử bắt đầu ở Monmouthshire Assizes vào ngày mùng 1 tháng Mười một năm 1921, với sự tham gia của Thẩm phán Bray. Bên công tố cho rằng Harold phạm tội giết người, vì hắn thích thú với cảm giác được chú ý từ phiên tòa trước và được tuyên bố trắng án, cũng như hắn đã cố gắng che giấu bằng chứng trong nhà mình. Điều đó cho thấy hắn biết điều hắn đã làm là sai trái.

Phiên xét xử chỉ kéo dài 1 tiếng. Jones bị giam giữ trong một nhà tù ở Anh. Hắn chỉ 15 tuổi - độ tuổi quá trẻ để bị tuyên án tử hình. (Án tử hình bị bãi bỏ ở Anh vào năm 1969, và thời điểm người cuối cùng bị treo cổ là năm

1964). Sau phiên xét xử, một bản thú tội khác được viết trước phiên xét xử, nêu rõ:

“Tôi - Harold Jones - vào ngày mùng 5 tháng Hai năm 1921, đã cố ý và có chủ tâm sát hại Freda Burnell ở nhà kho Mortimer. Lí do tôi làm vậy là vì khao khát muốn giết người.”

Theo tờ *Sunday Chronicle*, sau khi Harold bị kết án, ông Philip - cha hấn - nói, “Con trai tôi là một nhà vô địch và tôi cũng thế. Trước khi thăng bé 21 tuổi, nó sẽ được trả về với tôi. Chỉ cần thay tên đổi họ và tìm một nơi ở mới, rồi mọi thứ sẽ ổn thôi.” Giang sơn dễ đổi bản tính khó dời, Philip Jones tin rằng con trai mình vô tội hoặc ông chẳng quan tâm con mình có tội.

Trong suốt thời gian thực hiện những vụ giết người, Harold đã quan hệ tình dục với Lena (13 tuổi) - cô con gái của nhà Mortimer. Không rõ nhà Mortimer có biết chuyện này không, nhưng chắc chắn nếu họ biết, họ sẽ không giúp Harold tạo bằng chứng ngoại phạm cho vụ sát hại Freda. Trong tù, Harold thú nhận hấn không cần quan hệ tình dục hoặc thực hiện hành vi tấn công tình dục để thỏa mãn tình dục, bởi những hành vi tàn độc và giết chóc cũng đủ thỏa mãn hấn rồi.

Người dân thị trấn Abertillery đã sai lầm. Chính một kẻ trong số họ mới là tên sát nhân.

Harold Jones bị kết án tù chung thân nhưng được thả sau 20 năm giam giữ, mặc cho lời khuyên của một bác sĩ tâm thần rằng hấn vẫn là một kẻ nguy hiểm. Ngày mùng 6 tháng Mười hai năm 1941, hấn được tha có điều kiện ở nhà tù Wandsworth (London). Hấn gia nhập đội tàu buôn. Sau khi chiến tranh kết thúc, hấn chuyển tới Newport — một thị trấn công nghiệp ở South Wales - cách Abertillery 29km. Hấn hiển nhiên đến thăm cha mẹ, ở nhà họ vài ngày và chơi đàn dương cầm. Vài trang web đưa tin hấn đến viếng mộ những nạn nhân, nhưng chuyện này chưa được xác minh. Người dân địa phương giữ con cái trong nhà cho đến khi hấn rời thị trấn. Vào năm 1948,

hắn đổi tên thành Harry Stevens và chuyển tới khu Fulham ở London. Hắn kết hôn, có một cô con gái và sống một cuộc đời có vẻ bình thường như một công nhân sản xuất kim loại tấm, mà không một ai, kể cả vợ hắn, biết hắn đã từng sát hại hai cô bé lúc hắn còn thiếu niên.

Ngày mùng 2 tháng Một năm 1971, Harold Jones qua đời ở tuổi 65 vì căn bệnh ung thư xương. Hắn từng làm người gác đêm dưới cái tên Harry Jones, nhưng trước khi chết, hắn nói với vợ mình rằng tên của hắn trên giấy chứng tử phải là Harold Jones. Phải chăng hắn muốn mang tiếng xấu? Hắn được chôn ở nghĩa trang Hammersmith tại London.

Không lâu sau khi cô bé Florence Little bị sát hại, Herbert Mortimer bán cửa hàng và chuyển đi nơi khác cùng gia đình. Mặc dù hoàn toàn ủng hộ Harold, nhưng người dân địa phương lại tẩy chay Mortimer vì giúp Harold làm giả bằng chứng ngoại phạm. Mortimer phải đền tội, bởi điều này đã “tiếp tay” cho hắn giết người.

Cả hai cô bé bị Harold sát hại được chôn cất ở nghĩa trang Brynithel, dù cho phần mộ của họ đã hư hỏng. Hai người mẹ của Freda và Florence rất khổ tâm trước tình trạng của những ngôi mộ. Vào năm 2018, tác giả địa phương Neil Milkins đã quyên góp 4.000 bảng Anh để trùng tu phần mộ của hai cô bé.

Cũng vào năm 2018, trong một bộ phim tài liệu truyền hình của hãng BBC - *Dark Son: The Hunt for a Serial Killer*⁵, Giáo sư David Wilson - cựu quản giáo kiêm chuyên gia hàng đầu ở Anh về những tên sát nhân hàng loạt - đã đi ra trường hợp mà Harold Jones cũng phải chịu trách nhiệm - “Những vụ giết người khỏa thân ở Hammersmith” vào những năm 1960. Có sự sai lệch về số nạn nhân bị sát hại. Hầu hết mọi người đều đồng tình rằng chắc chắn có 6 người phụ nữ bị sát hại trong hai năm 1964 và 1965, nhưng những người khác cho rằng 2 vụ án mạng xảy ra vào năm 1959 và năm 1963 do cùng một hung thủ thực hiện. Vụ án năm 1963 chắc chắn có vài điểm tương đồng với những vụ án mạng sau đó. Thi thể của những người phụ nữ được tìm thấy ở sông Thames bị siết cổ và không mặc quần áo. Điều này

hiến cánh báo chí đặt cho tên sát nhân cái tên “Jack lột đồ” (Jack the Stripper). Tên này là tên sát nhân hàng loạt “điên cuồng” mà hiếm người biết đến.

5. Tạm dịch: Đứa con trai tội lỗi: Cuộc săn lùng kẻ sát nhân hàng loạt

Trong cùng thời điểm và cùng con phố ở khu Harold sống, một người đàn ông bị tình nghi phạm tội giết người. Những cô gái “ăn sương” đều bị bóp cổ tới chết và bị bỏ rỗng; còn xác của họ thì bị vứt ở bãi rác hoặc ở sông Thames trong tình trạng khỏa thân. Cùng với Ngài Bernard Knight - cựu chuyên gia Nghiên cứu về bệnh học của Bộ Nội vụ, Trưởng Thanh tra điều tra đã về hưu Jackie Malton và những tình nguyện viên - Giáo sư Wilson tổ chức một cuộc điều tra về những vụ giết người của “Jack lột đồ.” Họ đã lập trụ sở ở một nhà thờ nhỏ tại thị trấn Abertillery. Người dân địa phương kết bạn với họ và kể cho họ nghe hồi ức về Harold Jones và những vụ án mạng.

Giáo sư Wilson tin rằng, một khi được thả ra khỏi tù, Harold sẽ tiếp tục giết người. Những vụ án mà hắn thú nhận thực hiện đều giống nhau. Có những bằng chứng gián tiếp khiến người ta tin Harold Jones là kẻ sát nhân: hắn sống cách ba trong số những nạn nhân vài con phố và hắn là một công nhân sản xuất kim loại tấm, vì thế, hắn đã dùng một loại sơn công nghiệp được tìm thấy trên thi thể của bốn nạn nhân cuối cùng. Giáo sư Wilson và nhóm người của ông tìm được con gái của Harold. Cô ấy không biết cha mình thật sự là ai và mô tả Harold là “người đàn ông khiếm tốn của gia đình.” Tính cách trầm lặng và khiếm tốn đã tạo cho hắn cơ hội sát hại hai cô gái và khiến cả thị trấn tin hắn vô tội.

Trong loạt chương trình truyền hình *Fred Dineage Murder Casebook*⁶, nhà báo kiêm phát thanh viên Dineage, đồng thời là người viết thuê *My Story* và *Our Story* về anh em sinh đôi nhà Kray (Anh em sinh đôi Ronnie và Reggie Kray là những tay xã hội đen khét tiếng nhất ở London vào những năm 1950 và 1960), đã thực hiện một tập phim trong tuyển tập *Murder That Shocked a Nation*⁷ với tựa đề “Harold Jones: Kẻ giết trẻ em xứ Wales.” Cũng giống Neil Mlikins đã viết vào năm 2011 trong cuốn sách *Who Was Jack*

*the Strippers?: The Hammersmith Nudes Murders*⁸, trong tập phim đó, ông cho rằng Harold phải chịu trách nhiệm cho những vụ án mạng ở London. Trong khi Milkins đang nghiên cứu những vụ án mạng ở xứ Wales để viết cuốn sách *Every Mother's Nightmare: Abertillery in Mourning*⁹, ông phát hiện ra rằng Harold Jones đã chuyển tới đại lộ Hestercombe ở khu Fulham vào cuối những năm 1940 và ở đó mãi đến năm 1962 thì hấn biến mất lần nữa. Những người phụ nữ “ăn sương” bị sát hại trong ba năm, cùng thời điểm không ai biết chỗ ở của hấn.

6. Tạm dịch: Fred Dineage: Hồ sơ án mạng

7. Tạm dịch: Những vụ án giết người gây chấn động một quốc gia

8. Tạm dịch: Ai là “Jack lột đồ”? Những vụ giết người khỏa thân ở Hammersmith

9. Tạm dịch: Ác mộng của mỗi người mẹ: Nỗi tang thương ở thị trấn Abertillery

Mặc dù cảnh sát đã tra hỏi 7.000 nghi phạm, nhưng họ chưa bao giờ tra hỏi Harold Jones. Liệu họ có biết một kẻ giết người đã bị kết án sống gần đây? Bức ảnh nhận dạng theo sự mô tả của các nhân chứng mà cảnh sát đưa ra có nét tương đồng nổi bật với Harold. Những cô gái “ăn sương” không bị cưỡng hiếp nhưng họ phải chịu bạo hành dữ dội. Vụ án mạng cuối cùng xảy ra khi Harold 58 tuổi, vậy thì lúc đó có phải hấn đã quá già rồi không? Những kẻ giết trẻ em thường không chuyển sang giết người lớn, nhưng có lẽ hấn giết hai cô bé ở thị trấn Abertillery bởi vì lúc đó hấn còn quá nhỏ để chế ngự một người phụ nữ trưởng thành. Liệu hấn đã mắc bệnh ung thư vào thời điểm xảy ra vụ giết người ở London chưa? Nếu vậy, liệu việc chẩn đoán mắc bệnh ung thư có phải là nguyên nhân? Liệu có phải hấn cảm thấy hấn không còn gì để mất? Nếu hấn thực sự mắc bệnh ung thư, hấn sẽ một lần nữa thoát khỏi “sợi dây thòng lọng”, nhưng lần này là cái chết. Tất cả những cô gái “ăn sương” bị sát hại đều có vóc người thấp bé, có lẽ vì vậy mà hấn dễ dàng khống chế họ hơn. Tuy nhiên, cả Freda và Florence Little đều bị thương ở phần đầu, và Florence bị rạch cổ họng.

Thật không may, mặc dù vụ án này là một trong những vụ sấn lòng thủ phạm lớn nhất trong lịch sử của Scotland Yard, nhưng vẫn chưa giải quyết xong và nhiều bằng chứng đã bị phá hủy hoặc mất đi.

Cái tên Harold Jones sẽ mãi mãi khiến người dân thị trấn Abertillery nhớ đến với những kí ức kinh hoàng. Hai cô bé bị sát hại đã man bởi niềm đam mê bệnh hoạn. Với vẻ ngoài đáng tin và dễ nhìn, hắn đã đánh lừa cả thị trấn, khiến họ tin rằng hắn vô tội. Họ không hề hay biết có một con quái vật ở bên cạnh họ cho đến khi mọi chuyện kết thúc trong muộn màng.

LẤY MẠNG NGƯỜI CHỈ VỚI MỘT NHÚM THẠCH TÍN GIÁ HAI MƯƠI XU.

Edward Butts

Tyrell Tilford (35 tuổi) - tài xế xe tải chở rác - sống ở thị trấn Woodstock, bang Ontario — ngã bệnh vào ngày 21 tháng Ba năm 1935. Anh mắc bệnh tim mãn tính từ lâu, nhưng đột nhiên cơn bạo bệnh này bộc phát không sao giải thích được. Vào ngày mùng 1 tháng Tư, anh qua đời. Tiền sĩ Hugh Lindsay viết trong giấy chứng tử rằng nguyên nhân cái chết là viêm cơ tim (chúng sung viêm cơ tim), trở nặng do bệnh cúm và bệnh vàng da viêm gan (nay được gọi là viêm gan A). Bác sĩ cho rằng không cần khám nghiệm tử thi. Tyrell được chôn cất ở nghĩa trang Hillview ở Woodstock. Bên cạnh phần mộ của anh là cha mẹ già đau khổ - ông James và bà Mary, anh chị - William, Frank, Tom, Edward, Annie, Florence và Agnes, cùng người vợ Elizabeth. Ngoài ra, người hàng xóm William Percy Balke cũng có mặt. Người ta tình cờ nghe được hắn gọi Elizabeth bằng cái tên rất thân mật.

Một Tyrell vẫn chưa “xanh cỏ” thì tin đồn Elizabeth đã đầu độc chồng mình bắt đầu truyền khắp Woodstock. Những lời đồn hiểm độc truyền từ miệng người này sang tai người kia rằng bà Tilford (Elizabeth) đã không còn tình cảm với người chồng kém mình 15 tuổi vì Tyrell đã hết khao khát. Có nhiều câu chuyện về mối quan hệ giữa Elizabeth cùng những người đàn ông khác và những lời thì thầm về tiền bảo hiểm nhân thọ của Tyrell. Elizabeth được cho là đã tự tin nói với những người phụ nữ khác rằng ả có thể giết Tyrell. Hơn nữa, Tyrell có lẽ đã nói với gia đình mình rằng vợ anh đầu độc anh. Câu chuyện trở nên hiểm ác hơn khi có lời nói bóng gió ám chỉ Elizabeth từng hạ hạ sát hai người chồng trước.

Ba tuần sau đám tang của Tyrell, những tin đồn đến tai Luật sư đại diện chính phủ R.N.Ball. Chỉ có những chi tiết vu vơ chứng minh cho tin đồn này và ông Ball có lẽ đã gạt bỏ chúng. Thế nhưng, ông cảm thấy mình có trách nhiệm xem xét vấn đề và liên hệ với Chi nhánh Điều tra Tội phạm của Cảnh sát bang Ontario (OPP) ở thành phố Toronto. Thanh tra E.D.L.Hammond - một trong những điều tra viên giỏi nhất ở OPP - được điều đến Woodstock. Chỉ một vài người được chọn trong thị trấn nhận ra sự xuất

hiện của vị thanh tra này. Nhiệm vụ của Hammond được giữ bí mật với mọi người dân, đặc biệt là góa phụ của Tyrell.

Elizabeth Tilford sinh năm 1885 ở KayeStockton-onTees và có tên khai sinh là Elizabeth Anne. Cuộc hôn nhân đầu tiên của ả là với người chồng Fred Yaxley ở tuổi 15. Sáu tháng sau, Yaxley bỏ ả để lấy người khác. Sau đó, Elizabeth kết hôn với anh họ của mình, William Walker, mặc dù cuộc li hôn với người chồng đầu tiên vẫn chưa được luật pháp công nhận. Một khoảng thời gian sau cuộc hôn nhân thứ hai, Fred Yaxley chết. Trong suốt Thế chiến thứ nhất, Elizabeth được đào tạo thành một nữ y tá trưởng.

William và Elizabeth di cư đến Canada vào năm 1928 và sinh sống ở Woodstock - một cộng đồng dân cư gồm khoảng 11.000 người và nằm cách phía tây nam Toronto gần 130km. Mặc dù Woodstock có nền công nghiệp đang phát triển, nhưng nó vẫn còn là một thị trấn nông nghiệp, với vị trí ở giữa trang trại có đất đai sùt lở và vùng chăn bò sữa. Lúc Elizabeth và William đến nơi này, ả đã sinh 9 đứa con, nhưng chỉ 4 đứa còn sống. Gia đình của đôi vợ chồng và những đứa con tràn đầy hi vọng về cuộc sống tốt ở một đất nước mới. Thế nhưng, vào năm 1929, William đột nhiên bị mù lòa và không thể làm việc. Cùng năm đó, anh qua đời. Các bác sĩ cho rằng nguyên nhân là do anh có một khối u não.

Elizabeth luôn là một tín đồ Cơ đốc sùng đạo. Khi còn ở Anh, ả thường tham gia vào các hoạt động tôn giáo. Trong nhiều năm, ả đảm đương các vị trí như quản lý của một trường Chúa Nhật và đội trưởng của Nữ Thiếu sinh Hướng đạo. Ở thị trấn Wookstock, ả là thành viên dàn hợp xướng của nhà thờ. Cũng chính nhờ dàn hợp xướng này, ả đã gặp người đồng đội Tyrell Tilford và sau này trở thành chồng mình. Lúc đó, anh 29 tuổi, còn ả đã 44 tuổi và là một người phụ nữ trung niên đầy đà. Vào năm 1930, Tyrell và Elizabeth nên duyên vợ chồng, mặc cho cha mẹ của Tyrell, ông James phản đối cuộc hôn nhân này và không tham dự lễ cưới. Cặp đôi cùng Isabella và John Walker - hai đứa con nhỏ nhất của Elizabeth - chuyển đến một ngôi nhà trong trang

trại nhỏ ở ngoại ô thị trấn Woodstock. Cuộc hôn nhân kết thúc với cái chết đột ngột của Tyrell 5 năm sau đó.

Vào tối ngày 25 tháng Tư năm 1935, những hành động kì lạ ở nghĩa trang Hillview khiến người dân trong khu vực lân cận hoảng hốt. Họ nhìn thấy những ánh đèn lồng di chuyển giữa những hàng bia mộ và thi thoảng nghe được âm thanh lạnh lạnh của xéng xúc đất. Bí ẩn mãi chưa sáng tỏ cho đến ngày 11 tháng Năm, báo chí đăng tin rằng dưới sự chỉ đạo của Thanh tra Hammond, một nhóm cảnh sát đã khai quật thi thể của Tyrell Tilford và lấy mẫu dịch dạ dày. Nhân viên phòng thí nghiệm ở Toronto phân tích và phát hiện trong đó có một ít thạch tín.

Thi thể người quá cố được đưa về mộ phần nhưng lại không được yên nghỉ quá lâu. Câu chuyện trở nên phức tạp bởi trong mẫu phân tích có chất ướp xác. Họ cần làm thêm xét nghiệm nên đã khai quật thi thể thêm một lần nữa vào giữa tháng Năm. Trong khi đó, trên tờ *Woodstock Sentinel-Review* xuất hiện một tuyên bố khiến thị trấn lao xao. Ông James Tilford chia sẻ, “Thằng bé đã đến gặp tôi vào sáng thứ Sáu trước ngày nó mất và nói: ‘Cha, con về rồi đây, con sắp chết rồi. Cả cơ thể con nhiễm thạch tín.’ Nó kêu tôi nhìn lưỡi của nó. Nguyên cái lưỡi rách tươm và nổi gân lên hết.”

Giáo sư Jocelyn Rogers - nhà phân tích của bang - thực hiện lần xét nghiệm thứ hai để kiểm tra thi thể Tyrell kỹ lưỡng hơn. Ông phát hiện trong lông, tóc, dạ dày, gan, tim, thận và phổi có liều lượng thạch tín nhiều hơn bình thường dùng để giết một người. Nhiều đây bằng chứng đủ để triệu tập nhân viên mở một cuộc điều tra. Cuộc điều tra bắt đầu vào ngày 6 tháng Sáu và kéo dài hai ngày, với sự có mặt của Tiến sĩ M.M.Crawford - Điều tra viên trưởng của bang. Họ tra hỏi nhân chứng và báo chí liên tiếp trích dẫn những câu nói giật gân.

Ông James và bà Mary Tilford đều chứng thực rằng con trai họ có đến nhà và tuyên bố, “Chúng giết con bằng thạch tín. Con sẽ không thể khỏe được nữa. Con bị nhiễm thạch tín nặng lắm.”

Hai ông bà Tilford thề rằng Tyrell tố cáo Elizabeth đầu độc mình. Ắ từng “giải quyết” hai người chồng trước bằng cách này và anh là người thứ ba. Hai ông bà còn nói rằng khi ắ đến nhà, Tyrell đứng trước mặt ắ và nói: “Lizzie, cô biết rõ cô đầu độc tôi bằng thạch tín, cô biết tôi sẽ không bao giờ khỏe hơn được và nếu cô muốn cô có thể ở cùng người đàn ông khác.”

Hutcheson Keith - một dược sĩ địa phương - chứng thực rằng vào ngày 20 tháng Ba, Elizabeth Tilford gọi điện đến hiệu thuốc và đặt mua thạch tín để diệt chuột. Anh nhận ra ắ qua chất giọng Anh bản xứ. Bất kì ai cũng có thể mua thạch tín, nhưng anh có hồ sơ ghi chép những người mua nó. Victor King - nhân viên giao hàng đến nhà Tyrell - nói rằng đưa con gái Isabella (16 tuổi) của Elizabeth nhận gói hàng. Cô bé trả 20 xu và ký nhận vào “cuốn sổ ghi chép những người mua thuốc độc”.

Frank Tilford chứng thực rằng nhà của Tyrell chẳng bao giờ có chuột. Edward Tilford nói rằng, trước mặt Elizabeth, Tyrell đã đưa cho anh một cái lọ, yêu cầu anh đem nó đi phân tích và nói, “Em bị đầu độc rồi.”

Edward nói với em trai rằng lời nói đo thật khủng khiếp và hỏi Tyrell có bằng chứng không. Tyrell nói trong nhà có những viên thuốc mà Elizabeth đưa cho anh uống. Elizabeth sau đó đã đưa Edward đi lấy gói thuốc trên bàn trang điểm trong phòng ngủ và nói với anh rằng chỗ thuốc này do bác sĩ của Tyrell kê đơn.

Khi Elizabeth được yêu cầu cung cấp bằng chứng, ắ chỉ nói, “Tôi không có bất cứ lời nào để nói về cái chết của chồng mình. Tôi chỉ có thể nói anh ấy chết tự nhiên thôi.”

Việc Elizabeth từ chối trả lời câu hỏi hoặc không thừa nhận lời buộc tội của gia đình người chồng quá cố chỉ càng khiến mọi nghi vấn đổ dồn vào ả hơn. Sau đó, sự xuất hiện của một đại diện từ Công ty bảo hiểm nhân thọ Metropolitan khiến tình hình của ả trở nên tồi tệ hơn. Anh ta nói với ban hội thẩm của điều tra viên rằng ngay sau cái chết của Tyrell, Elizabeth đã đòi tiền hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của chồng mình. Nhưng ả phải thất vọng rồi vì Tyrell đã làm thanh lý hợp đồng, nên ả chỉ có thể đòi được một khoản tiền 309 dollars Canada. Quan điểm tiền có thể là động cơ giết người hoàn toàn phù hợp với tin đồn lan truyền trước khi Tyrell chết. Elizabeth phàn nàn rằng chính phủ đã ngưng gói trợ cấp cho góa phụ mà cô ta được nhận từ cái chết của người chồng thứ hai - William Walker.

Ban hội thẩm của điều tra viên đưa ra quyết định rằng Tyrell chết là do bị đầu độc nhưng họ chưa biết ai là thủ phạm. Elizabeth vẫn chưa chính thức bị buộc tội, nhưng Thanh tra Hammond đã không đề cập đến tên ả khi nói với báo chí rằng ông mong sẽ sớm bắt được hung thủ. Trong khi đó, OPP đã khai quật thi thể Walter để phân tích xem thi thể có bị đầu độc bằng thạch tín hay không.

Vào ngày 10 tháng Sáu, Thiếu tướng V.O.S. William — Trưởng Chi nhánh OPP — ban hành lệnh bắt giữ Elizabeth Tilford với tội danh giết người. Lệnh bắt giữ được Thanh tra Hammond và Cảnh sát Clack thực hiện lúc 9 giờ 15 phút tối tại Tilford. Trong nhà có Elizabeth cùng các con Isabella, John (10 tuổi), hai đứa con lớn William (22 tuổi) và Norman (26 tuổi).

Isabella giàn giụa nước mắt và muốn đi cùng mẹ, nhưng Elizabeth nói cô bé chỉ khiến bản thân lâm vào tình cảnh khó khăn hơn. ả nói, “Mẹ không có tội và không việc gì phải lo lắng. Mẹ sẽ về trong vài ngày khi mọi chuyện kết thúc.” ả hướng dẫn con mình đóng cửa sau khi đi và nói chúng đừng để bị ai chụp hình.

Một đám đông tụ tập khi Elizabeth bước ra khỏi nhà với hai sĩ quan cảnh sát hộ tống hai bên. Đầu ả trùm khăn choàng và ả không nói gì khi bị áp giải vào xe cảnh sát. Một đám người hoang mang nhìn người góa phụ tai

tiếng đã qua ba đời chồng. Họ đang chờ ở Tòa án quận Oxford và nhà tù khi Hammond và Rogers xuất hiện cùng tù nhân.

Sáng ngày hôm sau, sau sự xuất hiện ngắn ngủi của ả để nghe thẩm phán đọc bản cáo trạng chính thức, Elizabeth được phép nói chuyện với báo chí. ả nói với một phóng viên ở tờ *Sentinel-Review* rằng, “Tôi chẳng sợ gì cả. Tôi sẽ bước ra khỏi nơi này với tư cách là một người phụ nữ tự do...Họ có thể nói rất nhiều về một người. Bây giờ họ sẽ chứng minh điều đó...Họ có thể giam tôi ở đây 12 tháng nhưng tôi sẽ sớm trở ra và có tự do.”

Một phiên điều trần sơ bộ được tổ chức vào ngày 24 tháng Sáu. Người đại diện của Elizabeth là Frank Regan - Luật sư được bổ nhiệm làm việc cho chính phủ (KC) ở Toronto - một trong những luật sư hình sự nổi tiếng nhất ở Ontario. Người hỗ trợ anh ta là Charles W.Bell - một luật sư hàng đầu khác và cũng là một KC ở Hamilton. Khi bắt đầu phiên điều trần, Elizabeth chắc chắn phải hầu tòa ở Fall Assizws (phiên tòa xét xử tội phạm được tổ chức định kì tại một khu tư pháp), vì vậy Regan và Bell bắt đầu trình bày cơ sở cho lời bào chữa. Lời khai của Isabella dẫn đến một diễn biến thú vị. Cô bé nói rằng *chính cô*, chứ không phải mẹ mình, đã ra ngoài vào lúc đó, đã gọi điện đến hiệu thuốc và đặt mua thạch tín. Chất giọng Anh bản xứ mà Keith nghe được là giọng *của cô*. Hơn nữa, Isabella nói rằng cha dượng đã kêu cô gọi điện và dặn cô không được kể với mẹ mình. Isabella nói khi Victor King đến giao hàng, cha dượng đã đưa cô hai hào để trả tiền. Sau đó, cha dượng đem thạch tín đi vào kho để diệt chuột.

Cảnh sát trưởng A.T.Moore của lực lượng cảnh sát thị trấn Woodstock phủ nhận lời khai của Isabella. Ông nói rằng khi ông tra hỏi Isabella, cô khai cô không biết ai đặt mua thạch tín. Tuy nhiên, Moore lại không viết lại lời khai của Isabella lúc tra hỏi cô bé, mà ông phải nhớ lại rồi trích dẫn trên tòa. Điều này để lộ khả năng ông không lặp lại chính xác từng câu từng chữ của cô bé. Regan cho rằng chuyện này cũng không có gì lạ, khi một cô bé tuổi thiếu niên sợ sệt và bối rối, nên lời khai có thể không nhất quán trong một tình huống đau thương như vậy.

Regan và Bell đưa ra giả thuyết Tyrell Tilford không phải bị sát hại mà là muốn tự tử. Anh tự đầu độc mình, rồi đổ tội cho người vợ mà anh cho là không chung thủy. Họ cho rằng có thể Elizabeth không hề biết trong nhà có thạch tín. Nhiệm vụ của họ là thuyết phục bồi thẩm đoàn.

Phiên xét xử bắt đầu vào ngày 24 tháng Chín và kéo dài 9 ngày, với sự có mặt của Ngài Thẩm phán A.C.Kingstone. Công tố viên đại diện cho Chính phủ là Luật sư đặc biệt Cecil L.Snyder. Ông có ý phác họa bị cáo là một người phụ nữ máu lạnh, toan tính, giết người vì tiền. Elizabeth đã bị tòa án dư luận kết tội. Khi những tờ báo đưa tin không có chút thạch tín hay thuốc độc nào khác trong cơ thể William Walker, nhưng hầu hết người dân ở thị trấn Woodstock vẫn cho rằng Elizabeth đã sát hại anh ta.

Thành viên nhà Tilford là những nhân chứng chính của Chính phủ. Họ nói Elizabeth có quan hệ với Bill Blake - một người đàn ông giàu có sở hữu hai trang trại. Annie, chị gái của Tyrell khai rằng hai ngày trước khi qua đời, người em trai quá cố đã than vãn với cô chuyện Blake và Elizabeth đã “cãi nhau một trận long trời lở đất” trong chính căn nhà của anh.

Người nhà Tilford nói Elizabeth muốn ly thân với Tyrell và ả yêu cầu được hoàn trả số tiền 1.900 dollars Canada mà ả chi cho ngôi nhà. Họ khai rằng ả vẫn cảm thấy chưa đủ khi ả là người duy nhất thụ hưởng di chúc của Tyrell. Họ còn nói ả đã dọa đưa James Tilford ra tòa và “lấy đi từng đồng mà ông ấy có.”

William Tilford cho biết anh đã đến nhà Tyrell khi nghe tin em trai mình ngã bệnh trên giường. Cả anh và Elizabeth đều ngồi kế bên giường khi Tyrell nói, “Vô ích thôi Bill. Vợ em đã đầu độc em.”

William kể rằng Elizabeth đã đứng dậy và nói với giọng điệu kích động, “Bill, anh có tưởng tượng nổi không? Chồng em cáo buộc vợ mình đầu độc mình đấy!”

Sau đó, William trình bày thêm rằng Elizabeth nói nếu Tyrell bị đầu độc thì đó là do anh ta thu gom những cái thùng phuy hóa chất cũ từ một nhà máy địa phương.

Annie Tilford khai nhận hai ngày trước khi Tyrell qua đời, em trai cô có đến nhà nhưng bệnh nặng đến nỗi không thể đứng được. Mọi người phải giúp anh nằm lên trường kỷ. Giữa từng đợt vật lộn trong cơn ói mửa, anh cáo buộc vợ đầu độc mình bằng thạch tín. Anh ôm lấy mẹ và muốn một cái hôn vĩnh biệt của mẹ, bởi anh biết mình sắp chết.

Sau đó, Annie kể rằng Elizabeth đến nhà, dang tay ôm lấy Tyrell và nói, “Anh yêu, anh không nên bỏ em mà đi.”

Theo lời Annie, Tyrell đẩy Elizabeth ra và nói, “Lizzie, cô giết tôi. Cô đã giết ba người, nhưng cô sẽ không giết thêm ai nữa... Khi tôi chết đi, cô có thể ở cùng một người đàn ông khác, đó là Bill Blake.”

Elizabeth cảm phần đáp trả, “Chà, tôi thích điều đó!” Ắ đi thẳng đến chỗ điện thoại, gọi cho nhà thuốc và nói với người nhà Tilford, “Bây giờ, mấy người làm chứng nhé.” Ắ nói vào điện thoại, hỏi nhà thuốc có bao giờ gửi thạch tín đến nhà ắ không. Người nhà Tilford không thể nghe thấy phản hồi từ người ở đầu dây bên kia.

Annie cho hay Tyrell nói sau khi anh chết, gia đình hãy đem dạ dày của anh đi phân tích. Cô nói rằng cô đã đề nghị đưa em trai đi bệnh viện, nhưng Elizabeth giậm chân và tuyên bố, “Anh ta sẽ không đi bệnh viện gì cả! Nếu anh ta sắp chết, anh ta sẽ chết tại nhà.”

Sau đó, Annie nói Elizabeth bôi cho Tyrell “một ít dầu” và bảo với người nhà Tilford rằng tất cả mọi người có thể đi ngủ. Ắ sẽ ngồi trông chồng suốt đêm. Buổi sáng, khi cả nhà thức dậy, Elizabeth và Tyrell đã đi mất.

Florence Tilford chứng thực chuyện Elizabeth gọi điện đến nhà vào buổi sáng hôm đó để nói với mọi người rằng ả đã đưa Tyrell về nhà. Buổi sáng hôm tiếp theo, Elizabeth lại gọi điện với thái độ đau khổ tột cùng và nói Tyrell cố siết cổ ả. Sau ngày hôm đó, Elizabeth tiếp tục gọi điện tới nhà Tilford và thông báo Tyrell đã chết.

Người nhà Tilford muốn khám nghiệm tử thi nhưng Elizabeth từ chối ký vào tài liệu cần thiết. Hơn nữa, ả còn đe dọa sẽ kiện họ 3.000 dollars nếu họ cố khám nghiệm tử thi mà không có sự đồng ý của ả. Bà Catherine Argent - hàng xóm của Tyrell và Elizabeth - chứng thực rằng sau khi Tyrell chết, bà đã nhận được một bức thư ngắn bí ẩn, cảnh cáo bà không được “làm lớn chuyện này.” Theo hướng dẫn trong bức thư nặc danh này, bà đã đốt nó.

Agnes - chị gái của Tyrell - khiến tòa án giật mình khi cô xác nhận trong suốt thời gian canh xác người chồng đã khuất, Elizabeth nói cô ả đã đưa thi thể chồng mình ra khỏi quan tài và kiểm tra. Agnes trích nguyên văn câu nói của Elizabeth, “Tôi đã lấy thi thể anh ấy ra khỏi quan tài. Họ sẽ không lấy thi thể người khác để lừa tôi. Tôi cũng lấy thi thể của người chồng khác ra khỏi quan tài và kiểm tra cái xác của anh ấy nữa...Tôi lật người anh ấy lại. Tôi thấy anh ấy mặc quần lót rồi.”

Lời khai sau đó của các thành viên nhà Tilford cho thấy Elizabeth nghi ngờ họ đang cố mổ bụng người chồng đã chết của mình khi anh nằm trong quan tài, ả cho là họ đã lấy mẫu dịch dạ dày của cái xác để đem phân tích.

Trong suốt phần lớn thời gian nhân chứng Chính phủ trình bằng chứng, Elizabeth tỏ ra bình tĩnh, mặc dù ả liên tục siết chặt rồi thả lỏng hai tay. Sau đó, trong khi Annie mô tả lần cuối cùng cô nhìn thấy em trai mình còn sống, giọng cô nghẹn ngào vì đè nén những tiếng nức nở, thì Elizabeth đột nhiên bật khóc. ả dường như mém ngắt xỉu. Những người hầu tòa đến đỡ ả và thẩm phán yêu cầu nghỉ giải lao cho đến khi ả lấy lại bình tĩnh.

Regan và Bell không gọi bất cứ nhân chứng nào để bào chữa. Họ cũng không có ý định để Elizabeth trình bày trước tòa. Thay vào đó, họ buộc những nhân chứng bên công tố thực hiện đối chất gắt gao.

Regan ám chỉ rằng có điều gì đó bất thường trong toàn bộ chuỗi sự kiện xung quanh cái chết của Tyrell do những nhân chứng Chính phủ mô tả. Ông hỏi Annie tại sao cô không gọi báo cảnh sát ngay khi nghe em trai mình nói anh bị đầu độc. Annie trả lời, “Tôi không tưởng tượng được...Tôi không muốn tin em trai mình bị đầu độc.”

Mary Tilford chứng thực thông tin Tyrell nói với bà, “Con biết con bị nhiễm thạch tín rồi. Lizzie đầu độc con. Cô ta đã giết hai người chồng và con là người thứ ba, nhưng con chắc rằng cô ta sẽ không giết thêm ai nữa đâu.”

Regan hỏi bà Mary rằng bà nghĩ ý của con trai bà là gì khi nói thế. Bà trả lời bà tin ý của con mình là sau khi thằng bé chết, Lizzie sẽ bị “tống vào tù” và không thể đầu độc ai khác nữa.

Regan nói, “Khá kì lạ là anh ta có thể tiên đoán được thời gian mình chết, và người ta sẽ tìm thấy thạch tín trong dạ dày anh ta và vợ anh ta sẽ bị tống giam.”

Bell khinh khỉnh bác bỏ câu chuyện của Catherine Argent về bức thư ngắn bí ẩn mà bà đã đốt. Bà vốn “nổi tiếng” là người ngồi lê đôi mách và thích xen vào chuyện của người khác. Bell suy luận rằng bà đã dựng chuyện ác ý để đưa tên tuổi của mình lên báo chí.

Cảnh sát không tìm thấy chút thạch tín nào trong nhà của Tyrell và Elizabeth. Gói chứa chất độc đã biến mất - có lẽ là bị đốt trong lò bếp. Regan dành ba tiếng tra hỏi Victor King về việc giao hàng và về những cuộc trò chuyện giữa anh ta và Elizabeth, khi anh ta đến nhà trong lúc Tyrell bị bệnh và sau khi Tyrell chết. King dường như không thể nói ra chính xác Isabella trả tiền để nhận và ký tên để lấy thạch tín ở dạng viên nén, viên con

nhộng hay bột. Trong suốt cuộc điều tra và khi Snyder tra hỏi, King đã dẫn lời của Elizabeth và câu nói đó cho thấy ả không biết anh giao thạch tín đến nhà.

Cả Frank, Tom và Edward Tilford đều thể hiện rằng họ rất nghi ngờ mối quan hệ giữa Elizabeth và Bill Blake. Edward nói Blake đã ở lại nhà cả đêm, trong khi Tyrell nằm bệnh trên giường và liên tục “nhìn trộm Blake qua tấm rèm.” Edward cũng cho biết người em trai quá cố tâm sự với anh chuyện nghe lén Blake nói với ai đó rằng mình đã “ngâm đủ lượng thạch tín đủ để giết chết 20 người.”

Tuy nhiên, dưới sự đối chất của Regan, Frank Tilford thú nhận anh và Tom đã “dựng lên” một kế hoạch để tìm xem liệu trong nhà có thạch tín hay không. Họ nói với Elizabeth rằng đã nhìn thấy một con chuột lớn ở ngoài nhà và mong cô đưa cho họ ít thuốc độc để giết nó. Nhưng Elizabeth chỉ đáp nhà không có chuột.

Frank nói rằng sau đó anh hỏi thẳng Elizabeth liệu có bất kì chất độc nào trong nhà mà Tyrell có thể “có được” không. Anh trích nguyên văn câu trả lời của Elizabeth, “Không, Frank, không bao giờ có chất độc nào trong nhà cả.”

Nhưng Frank đã phủ nhận việc lời khai này có lợi cho động cơ của Elizabeth. Anh cho biết đêm trước ngày đám tang diễn ra, Elizabeth có nói chuyện với anh và đưa anh hai viên thuốc con nhộng. Elizabeth bảo ả muốn anh đem chúng đến Toronto để phân tích. Frank đáp lại là anh không ngu ngốc đến mức cho rằng một người sẽ đưa thuốc độc cho người khác để đem nó đi cho ai đó phân tích.

Sau 33 nhân chứng trình bằng chứng và được đối chất, vào ngày 2 tháng Mười, Regan và Bell trình bày trước bồi thẩm đoàn một tình huống Tyrell Tilford có được thạch tín thông qua cô con gái riêng không nằm trong diện tình nghi và anh cố tình đầu độc bản thân. Họ viện dẫn Elizabeth Tilford

từng là một y tá ở Anh và cô biết đặc tính của thạch tín: nó tồn đọng trong cơ thể nạn nhân và dễ dàng bị phát hiện bằng phương pháp phân tích y khoa. Họ nói: “Ngay cả khi muốn đầu độc chồng mình, cô ấy cũng không dại gì mà dùng thạch tín.”

Bell gán cái mác “ảo diệu” cho những gì nhà Tilford tường thuật về lời Tyrell đã nói. Anh hỏi thẩm phán: “Liệu Ngày có thể tưởng tượng ra một người đàn ông vẫn còn chút tỉnh táo lặng lẽ nằm trong một ngôi nhà có người đầu độc anh ta, mà lại không yêu cầu bác sĩ hay hai anh trai của mình đưa mình đi khỏi đó? Đáp án là gì chứ?...Chỉ có một đáp án duy nhất, đó là anh ta tự đầu độc mình.”

Một số bác sĩ trình bằng chứng cho Chính phủ. Dưới sự đối chất, vài người trong số đó không chắc liệu thực sự lượng thạch tín trong thi thể Tyrell có đủ để khiến anh tử vong hay không. Bell nói rằng điều đó có thể. Mặc dù Tyrell đã ăn phải thạch tín, nhưng trên thực tế, Tiền sĩ Lindsay đã ghi trên giấy chứng tử là anh chết vì lên cơn đau tim.

“Bài diễn văn đầy tâm huyết” của Bell trước bồi thẩm đoàn kéo dài 3 tiếng. Anh ta chỉ ra những mâu thuẫn trong lời khai của nhà Tilford và nói rằng họ làm vậy là do ảnh hưởng từ lời cáo buộc của Tyrell — người đàn ông đang hấp hối và tràn đầy thù hận trong lòng. Anh ta khinh miệt những kẻ buôn chuyện đã lan truyền tin đồn vô căn cứ rằng bị cáo đã từng sát hại những người chồng trước. Bell nói với bồi thẩm đoàn rằng đừng “hao tâm tổn sức” tin vào những câu chuyện như vậy.

Sau đó, Bell giải thích lí do vì sao Elizabeth không ngồi vào ghế nhân chứng. Anh nói, “Tôi không dám thử kéo người phụ nữ đó vào những lời buộc tội cay nghiệt của đám người trên. Bởi vì có ai nỡ để một người vô tội như vậy chịu đựng chuyện này.”

Elizabeth liên tục khóc nức nở khi bên công tố và bên bào chữa đọc bản tóm tắt, khi Thẩm phán Kingstone chuyển giao chỉ thị cho bồi thẩm

đoàn. Lúc bồi thẩm đoàn vào phòng nghị án để thảo luận, Elizabeth ngã quỵ. Thẩm phán ra lệnh đưa ả vào phòng giam cho đến khi được gọi.

Sáu tiếng sau, Kingstone để ý thấy bồi thẩm đoàn đã có quyết định. Một sự im lặng bao trùm cả phòng xử án, khi Elizabeth được đưa trở lại, với sự giúp đỡ của đứa con trai Norman. Thư kí toàn án yêu cầu chủ tịch bồi thẩm đoàn đọc quyết định. Ông trả lời, “Có tội!” Không có đề nghị khoan hồng. Elizabeth khẽ kêu than.

Sau khi Kingstone cảm ơn bồi thẩm đoàn đã thực hiện một nhiệm vụ khó khăn và nói với họ rằng thẩm phán đồng ý với quyết định của họ, ông nói với tù nhân:

“Bị cáo đã có một phiên xét xử công bằng. Một luật sư có năng lực đã bào chữa cho bị cáo và làm tất cả mọi thứ có thể vì lợi ích của bị cáo. Và bồi thẩm đoàn đã đưa ra quyết định như bị cáo nghe thấy. Tôi nghĩ vào lúc này, mình không cần phải nói thêm lời nào khiến bị cáo thêm lo lắng.”

Kingstone sau đó tuyên Elizabeth Tilford án treo cổ ở Nhà tù quận Oxford vào ngày 17 tháng Mười hai. Khi Elizabeth nghe thấy bản án tử hình, ả hét lên, “Thưa quý tòa, điều này không đúng. Giá như tôi có cơ hội trình bằng chứng trước tòa. Oan ức! Oan ức quá! Xin Chúa thương xót cho linh hồn của những người nhà Tilford.”

Elizabeth trở nên cuồng loạn khi được đưa ra khỏi phòng xử án. Ngày hôm sau, Regan và Bell nói với báo chí rằng họ dự định sẽ kháng án tử hình. Trong 78 năm kể từ khi Liên bang Canada thành lập, chỉ có 7 người phụ nữ bị kết tội giết người phải chịu hành quyết ở Canada. Regan và Bell nói rằng họ sẽ làm mọi thứ có thể để ngăn Elizabeth trở thành người thứ 8. Bell thông báo “cuộc đấu tranh cho mạng sống của bà (Elizabeth) Tilford chỉ mới bắt đầu.”

Regan đã gửi thông báo đến Tòa phúc thẩm Ontario. Anh ta cho rằng thẩm phán phiên tòa và phụ trách bồi thẩm đoàn đã không đề cập đến sự thật rằng Elizabeth Tilford không phải là người nhận gói hàng thạch tín ở nhà. Anh ta cũng đã quên nói với bồi thẩm đoàn phải cân nhắc khả năng Tyrell Tilford tự đầu độc mình. Những sai sót của bồi thẩm đoàn sẽ là căn cứ để xử lại vụ án.

Trong khi đơn kháng cáo đang được xem xét, việc một người phụ nữ bị kết án treo cổ thu hút sự chú ý của công chúng không chỉ ở Canada mà còn ở Hoa Kỳ. Tờ *Globe* ở Toronto đã phỏng vấn và lấy ý kiến những người đi trên đường về việc phụ nữ bị kết tội giết người có nên bị tử hình hay không. Một số đồng ý với câu trả lời của người đàn ông này, “Tại sao, tất nhiên là cô ta nên bị treo cổ...Chúng ta treo cổ một người đàn ông vì tội giết một người phụ nữ. Tại sao chúng ta lại không treo cổ một người phụ nữ vì tội giết một người đàn ông?”

Tuy nhiên, phần lớn những người được hỏi đều đồng tình với ý kiến của Mục sư Giáo hội Anh. Ông cho rằng án tử hình rất dã man, bất kể giới tính của người bị kết án là gì, và cần phải bãi bỏ. Với hi vọng công chúng sẽ đứng về phía mình, Isabella, Norman và William Walker đã gửi đơn thỉnh cầu khoan hồng cho mẹ.

Dorothy William - một phóng viên của tờ Detroit - đã viết một bài báo. Trong đó, cô xác nhận cô được phép vào Nhà tù quận Oxford, lấy cơ là người của văn phòng Frank Regan. Cô cho biết cô đã đích thân nói chuyện với bà (Elizabeth) Tilford tại tiếng. Regan và Quyền Thủ tướng Ontario Harry Nixon yêu cầu điều tra về chuyện này. Các quan chức nhà tù phủ nhận chuyện William đã từng tới đó.

Ông W.M.MacArthur - Thị trưởng thị trấn Woodstock - nhận được một bức thư từ bang California gửi đến “Thống đốc Woodstock.” Tác giả bức thư đã gửi kèm một mẫu báo đăng tin tức về vụ án Tilford từ tờ báo địa phương. Cô cầu xin chuyển ngày hành quyết từ 17 tháng Mười hai sang 16 hoặc 18 tháng Mười hai, vì sinh nhật của cô là ngày 17. Cô ấy nói rằng cô ấy sẽ không

bao giờ có thể vui vẻ ăn mừng sinh nhật thêm nữa, khi biết một người phụ nữ đã bị treo cổ vào ngày đó.

Quá trình kháng cáo kéo dài hàng tuần. Elizabeth giết thời gian trong tù bằng cách đan len. Cuối tháng Mười một, ả đem bán vớ, khăn quàng cổ và áo len tại một hội chợ từ thiện do một nhà thờ ở thị trấn Woodstock tổ chức. Những người ham thích chuyện lạ đã nhanh chóng mua được những món đồ được làm bởi bàn tay của kẻ bị tuyên án giết chồng.

Hai ngày sau phiên chợ, năm thẩm phán trong Phiên tòa phúc thẩm đã nhất trí bác bỏ những luận điệu trái với kết luận của thẩm phán sơ thẩm và họ giữ nguyên bản án tử hình. Regan không có khả năng kháng cáo lên tòa án cáo hơn và Elizabeth bình tĩnh nhận tin này. Giờ đây, hi vọng duy nhất của ả là cầu xin sự khoan hồng của Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên bang, để giảm án tử hình xuống tù chung thân.

Vào ngày 12 tháng Mười hai, lời cầu khẩn sự khoan hồng, kèm theo đơn thỉnh cầu của con cái Elizabeth chỉ với vài trăm chữ kí, được đưa ra trước nội các của Thủ tướng Mckenzie King. Lời cầu khẩn bị bác bỏ. Khi Regan báo tin cho Elizabeth, ả nói mỗi bận tâm duy nhất là bỏ lại Isabella và John mà không có mẹ.

Vào ngày 15 tháng Mười hai, người hành hình Sam Edwards đến thị trấn Woodstock. Trong một bài phỏng vấn với báo chí, ông đã nói về vụ hành quyết hơn 900 người khắp Vương quốc Anh, có lúc ông treo cổ 40 người đàn ông trong một buổi sáng. Ông không nói nơi diễn ra vụ hành quyết hàng loạt. Tuy nhiên, ông cho rằng treo cổ là hình thức hành quyết nhân đạo nhất, tốt hơn so với ghế điện và “phòng hơi ngạt” ở Hoa Kỳ.

Đêm trước ngày hành quyết, Frank Regan đưa ra tuyên bố cuối cùng của Elizabeth. Trong đó, ả kiên quyết nói mình vô tội, nhưng ả cũng nói mình sẽ “buông bỏ để ra đi”. Ngay trước 1 giờ sáng ngày 17 tháng Mười hai, Elizabeth được đưa từ phòng giam tới đoạn đầu đài dựng trong sân nhà tù.

Những nhân chứng duy nhất là các quan chức nhà tù và một mục sư. Một bài xã luận của tờ *Globe* ở Toronto chỉ trích gay gắt việc phóng viên báo chí không được phép vào trong khu vực hành quyết. Một đám đông nhỏ đã tụ tập trên đường phố ở ngoài nhà tù, nhưng nhanh chóng bị cảnh sát giải tán.

Lúc bước lên giá treo cổ, Elizabeth được cho là “rất mạnh mẽ”. Người hành quyết Edwards treo cổ ả lúc 12:59 sáng. Sau đó, ông ấy nói “thần chết đưa tù nhân đi trong tích tắc.”

Một cai ngục đã thỉnh cầu, xin mang xác Elizabeth đi thay cho các con của ả. Hầu hết những kẻ sát nhân bị tử hình đều được chôn cất trong ngôi mộ không có đánh dấu, bia mộ hoặc bảng tên trong sân nhà tù. Nhưng chưa đầy hai giờ sau khi hành quyết, Elizabeth Tilford được chôn cất tại một nghĩa trang địa phương, bên cạnh mộ của William Walker. Một cảnh tượng kì quái và buồn thảm diễn ra trong bóng tối, với đèn pha ô tô chiếu đổ bóng của bia mộ trên nền tuyết mới rơi. Mục sư phải đọc lời cầu nguyện cho người chết bằng ánh sáng của đèn pin. Chỉ 13 người có mặt, bao gồm các con của Elizabeth, 4 phóng viên, 1 người làm dịch vụ tang lễ và người đào mộ. Họ là những nhân vật cuối cùng trong một câu chuyện giết người, bắt đầu bằng một gói hàng thạch tín giá 20 xu.

“TÔI GIẾT NGƯỜI VÌ CHÚA”

Alger, bang Washington, là một khu phố nông thôn thanh bình, cách phía bắc Seattle 120km và dễ dàng đến biên giới Canada chỉ với 45 phút lái xe. Thị trấn nhỏ bé này là một trong những cộng đồng lâu đời nhất ở hạt Skagit, với dân số hiện tại vào khoảng 400 người. Vài người trong số họ mới tới đây do thị trường nhà đất nóng hổi ở khu vực xung quanh. Trung tâm chính của thị trấn là quán rượu địa phương Alger Bar & Grill, nằm ở vị trí chiến lược tại ngã ba, kế bên là nhà thờ Cộng đồng Alger - nơi “Chào đón tất cả mọi người” và hội trường Cộng đồng Alger. Khu vực này chỉ có một số ít doanh nghiệp nhỏ rải rác, cùng với vài trang trại nhỏ, ngoài ra không còn gì khác. Thị trấn Alger không có bưu điện, cũng không có trường học. Mặc dù có xe hơi chạy qua lại, đang trên đường đến nơi khác của hạt này, nhưng nơi đây chỉ có dân địa phương. Thị trấn Alger là một trong những thị trấn mà bạn sẽ “bỏ lỡ trong chớp mắt”. Nếu không có biển báo lối ra trên xa lộ liên bang và sự kiện ngày mừng 2 tháng Chín năm 2008, hầu như sẽ không ai biết đến nơi này.

Tôi đang trên đường đến một cộng đồng dân cư hẻo lánh và có nhiều cây cối rậm rạp kế bên đường Cain Alger Lake, chỉ cần chạy thêm một chút từ ngã ba thị trấn. Vùng đất yên bình với những con đường nhỏ đầy đá sỏi, tất cả đều được đánh dấu “riêng tư” và phân nhánh theo nhiều hướng khác nhau như một cái cây trĩu nặng những cành to. Trên đường đi, tôi chỉ thấy các ngôi nhà thấp thoáng xa xa trong những cánh rừng hoặc ẩn mình trong bóng râm của cây cối. Bất chấp ánh nắng chói chang giữa trưa, hầu hết các ngôi nhà vẫn chìm trong bóng tối. Những ngôi nhà này mang đến cho gia chủ cảm giác riêng tư và không gian hít thở tự do, bởi họ không cần gặp mặt nhau mỗi khi nhìn qua ô cửa sổ hoặc bước ra ngoài từ cửa trước.

Khi chạy xe khám phá khu dân cư này, tôi thấy có người dắt chó đi dạo hoặc tận hưởng một buổi trưa ngày Chủ nhật tản bộ với con cái. Tôi thấy mình không thuộc về nơi này. Tôi cũng biết lý do tôi đến đây có lẽ không được người dân chào đón. Tuy nhiên, khi tôi chạy ngang họ, tất cả mọi người đều vẫy tay với tôi, và tôi vẫy tay đáp lại. Tôi chợt nhớ đến vùng nông thôn miền nam Hoa Kỳ. Bất kể có quen họ hay không, bạn vẫn sẽ vẫy tay chào những

người đang đi bộ hoặc đang lái xe ngang qua. Người dân nơi này tôn trọng sự riêng tư của người khác, nhưng vẫn không mất đi sự thân thiện. Trong cộng đồng Tây Bắc Thái Bình Dương bé nhỏ này, mọi thứ trông có vẻ bình thường và lành mạnh.

Tuy nhiên, nơi đây lại là khởi nguồn của một nỗi kinh hoàng.

Tôi không tưởng tượng được có điều gì khác biệt với buổi trưa tháng Chín năm 2008 tại tiếng đó. Một người đàn ông địa phương quyết định giết những người hàng xóm của mình và bất kỳ ai mà gã bắt gặp. Vào thời điểm gã kết thúc tội ác, 6 người chết và nhiều người khác bị thương trong một trận xả súng điên cuồng phủ khắp 29km. Quân đội tiểu bang, phó cảnh sát trưởng và cảnh sát tiến hành một cuộc đuổi bắt, với tốc độ hơn 145km/h trên xa lộ đông đúc nhất của tiểu bang.

Isaac Lee Zamora (28 tuổi) là người thuộc lực lượng hành pháp ở địa phương. Nhiều hàng xóm xung quanh cũng biết đến gã. Vào năm 2008, dân số ở thị trấn Alger từng ít hơn so với hiện tại. Rất khó để người khác không để ý tới bạn, đặc biệt nếu bạn là một chàng trai trẻ có tiền án về ma túy và trộm cắp, cũng như có tiền sử về vấn đề tâm thần. Zamora thỉnh thoảng làm công việc như một thợ sơn nhà và đã vật lộn với căn bệnh tâm thần trong hơn một thập kỉ. Nghe nói gã phát bệnh lúc khoảng 14 tuổi, khi một trận hỏa hoạn đã thiêu rụi ngôi nhà của gia đình gã. Những người thân nhất của gã nói rằng gã có tiền sử về ma túy và trầm cảm. Zamora cũng được cho là nghiện thuốc giảm đau sau một chân thương liên quan đến công việc. Nhiều năm qua, gã sinh sống trong khu rừng gần khu nông thôn nơi cha mẹ gã ở. Mọi chuyện diễn ra trong cuộc sống của Isaac Zamora thực sự không ổn.

Những người quen mô tả gã là một người trầm lặng và khép kín, không giống kiểu người thích gây rối, mặc dù hàng xóm nhận thấy có những lúc Zamora hành xử có phần “quái đản” và tần suất xảy ra ngày càng nhiều hơn. Gia đình gã đã chứng kiến gã thay đổi, đến mức cuối cùng gã trở nên rất khó gần. Zamora từ một chàng trai sáng sủa, thân thiện và tốt bụng trở thành

một thanh niên thích gây rối và ngủ trong rừng. Gã nói chuyện và cười một mình, thường xuyên trở nên hung hăng và nổi cơn tam bành. Tuy nhiên, sự kiện xảy ra vào một buổi trưa thứ Ba ngày mùng 2 tháng Chín năm 2008 khiến tất cả mọi người trở tay không kịp.

Gã có vẻ đã tức điên lên.

DÒNG THỜI GIAN CỦA CÁC SỰ KIỆN

Isaac Zamora đột nhập vào dinh thự của Chester Rose - một người hàng xóm lâu năm, trong khi ông này cũng đang ở nhà. Sau khi không tìm thấy gì thú vị, gã bỏ đi. Rose lập tức gọi cho mẹ của Zamora, sau đó gọi cho cảnh sát.

Zamora đột nhập vào nhà của một người hàng xóm khác, ăn trộm vài lọ thuốc kê đơn theo toa cùng một con dao lớn.

Zamora đột nhập vào một ngôi nhà khác, ăn trộm một cây súng trường Winchester, một cây súng ngắn và đạn dược.

Zamora quay trở về nhà của Chester Rose. Gã bắn chết ông bằng nhiều phát đạn.

Anne Jackson - Phó cảnh sát trưởng hạt Skagit - đến nhà của Rose sau khi nhận được tin tức. Zamora dùng súng trường bắn cô. Cô chết bởi nhiều vết thương do đạn bắn.

Zamora tiếp tục đến ngôi nhà mà David Radcliffe và Greg Gillum đang thi công. Zamora bắn chết hai người đàn ông này. Sau đó, gã dùng cửa máy cắt xẻ mặt mũi và thân hình của họ.

Zamora lái chiếc xe bán tải ăn trộm được của Radcliffe tới nhà của Fred và Julie Binschus. Fred nghe tiếng xe đâm vào cửa garage nên đi ra

ngoài để kiểm tra. Ngay lúc đó, Zamora bắn vào hông của Fred, sau đó dùng xe bán tải đuổi theo anh và bắn vào lưng anh. Fred chạy thoát vào rừng, rồi gục ngã.

Julie Binschus đi làm về và chạm mặt Zamora. Anh chồng bị thương của cô vẫn nằm trong rừng và nghe thấy tiếng hét của cô, sau đó là những tiếng súng mà Zamora xả vào Binschus khi cô ngồi vào xe để lái đi nơi khác. Fred đến được nhà của một người hàng xóm và gọi 911.

Zamora lái chiếc xe bán tải khắp khu vực và tình cờ gặp Richard Treston đang tắt xe vào lề đường sát nhà anh ta. Gã đâm vào xe của Treston để nó dừng lại và nói hôm nay là “ngày chết” của anh ta. Zamora cố bắn Treston nhưng khẩu súng trường dỏ chúng, nên gã đâm hai nhát vào ngực Treston và lái xe bỏ chạy.

Zamora rời khu vực, ra khỏi thị trấn và tiến về phía tây để tới xa lộ liên bang số 5. Ngay trước khi tiến vào đường cao tốc, gã tắt xe vào trạm xăng Shell. Đúng lúc tay lái xe mô tô Ben Mercado cũng vừa tắt xe vào đó và bị Zamora bắn vào cánh tay.

Zamora chạy xe vào đường cao tốc, đi về phía nam. Lúc này, cảnh sát đang đuổi bắt gã.

Tay lái ô tô Charles Duncan và Jane Duncan - vợ anh đang chạy xe trên đường cao tốc để đi về phía nam. Zamora bắn họ qua cửa sổ bên ghế lái và làm vỡ cửa kính. Hai người nhà Duncan không có ai bị bắn trúng.

Tay lái ô tô LeRov Lange cũng đi về phía nam trên xa lộ liên bang. Zamora tiến lại gần Lange và bắn vào đầu anh. Xe của Lange mất kiểm soát, lao lên dải phân cách, còn anh thì ra đi ngay tức khắc.

Cảnh sát bang Troy Giddings tham gia vào cuộc đuổi bắt, truy đuổi Zamora về phía nam. Zamora bắn vào cánh tay của Giddings, buộc anh phải

dừng cuộc truy đuổi.

Zamora rời xa lộ liên bang, rẽ vào lối đi dẫn tới trung tâm thành phố Mount Vernon. Sau cơn cuồng sát kéo dài gần hai tiếng rưỡi, gã lái thẳng tới Văn phòng Cảnh sát trưởng hạt Skagit để tự thú.

Zamora bị bắt giữ trong khi đang mặc chiếc áo thun màu nâu sẫm và quần kaki rách. Trong một cuộc tra hỏi của cảnh sát, Zamora khai rằng Chúa bảo gã “giết cái ác”. Sau đó, gã lẩm bẩm, “Chúa, tại sao con làm vậy chứ?” Gã bị tống vào nhà tù quận, với số tiền bảo lãnh trị giá 5 triệu USD.

NẠN NHÂN CỦA VỤ ÁN

Anne Jackson (40 tuổi) - Phó cảnh sát trưởng hạt Skagit - là người gốc miền nam California. Cô là một người thành đạt, thích cưỡi ngựa và yêu thương động vật. Cô quản lí một chuồng ngựa trước khi gia nhập nhóm của cảnh sát trưởng. Cô bắt đầu sự nghiệp với tư cách là nhân viên kiểm soát động vật vào năm 2002 và trở thành phó cảnh sát trưởng vào năm 2005. Anh trai của Jackson đã phải vật lộn với bệnh tâm thần. Cô nói với gia đình Zamora rằng họ có thể gọi cô bất cứ lúc nào nếu họ cần giúp đỡ. Cô ấy quan tâm đến Isaac Zamora và gã cũng tin tưởng cô. Theo Dennise - mẹ của Zamora, gã yêu cầu bà liên hệ với Phó cảnh sát trưởng Jackson bất cứ khi nào gã gặp khó khăn. Khoảng hai giờ chiều ngày mùng 2 tháng Chín, Jackson là người trả lời cuộc gọi 911 báo cáo Zamora xâm nhập gia cư bất hợp pháp của Dennise Zamora. Cô đến điều tra cùng người đồng nghiệp kiêm Phó cảnh sát trưởng Terry Eskew. (Chỉ một ngày trước khi sự kiện trên xảy ra, Jackson đã trả lời một cuộc gọi tương tự, báo Zamora xâm nhập gia cư bất hợp pháp trong cùng khu vực.) Khi đến nhà Zamora, cô tách khỏi anh bạn đồng nghiệp và đến dinh thự của Rose. Một giờ trôi qua mà không liên lạc được với cô, một vị phó cảnh sát trưởng được cử đến để kiểm tra. Trong khi đó, rất nhiều cuộc gọi đến nhân viên điều phối của tổng đài 911, báo rằng có nhiều tiếng súng trong khu vực. Nhiều vỏ đạn và viên đạn được tìm thấy tại hiện trường, khiến điều tra viên kết luận rằng Jackson đã bắn trả trước khi cô bị giết. Gần 5.000 người đến tham dự buổi lễ tưởng niệm dành cho cô (được tổ chức ở sân bóng đá trường trung học phổ thông Burlington), trong

đó có các thượng nghị sĩ tiểu bang, gia đình các nạn nhân, cảnh sát, nhân viên cứu hỏa ở khu vực xung quanh và một trung đoàn của Cảnh sát Hoàng gia Canada.

Chester “Chet” Rose (58 tuổi) là một nhà thầu xây dựng kiêm chủ sở hữu Công ty Xây dựng Silver Creek. Vì sinh sống ở thị trấn Alger từ rất lâu nên ông đã xây cho mình một ngôi nhà. Sau khi li dị và có hai cô con gái lớn, ông trở thành khách quen nổi tiếng trong những buổi khiêu vũ về đêm của thị trấn. Ông là hàng xóm của Zamora và đã biết gần hơn 20 năm.

David Radcliffe (58 tuổi) đến từ Bellingham, bang Washington. Ông là cư dân lâu năm của thành phố Mount Vernon. Ông có bằng xã hội học ở Đại học Washington, nhưng lại chọn đi theo lĩnh vực xây dựng. Ông sở hữu một công ty xây dựng và đã xây nhiều ngôi nhà ở thung lũng Skagit. Ông cũng là một người mê chơi golf, đã kết hôn và có hai con.

Greg Gillum (38 tuổi) sinh ra và lớn lên ở California. Anh mới chuyển đến thành phố Mount Vernon, còn gia đình anh hầu hết đã chuyển tới đây từ trước. Trong phần lớn cuộc đời mình, anh làm công việc xây dựng. Anh bị giết khi đang làm việc cùng ông chủ David Radcliffe. Anh sinh ra trong gia đình có bảy người con và có một anh em sinh đôi. Anh có hai con.

Julie Ann Binschus (48 tuổi) là một thu ngân của tiệm tạp hóa Sedro-Woolley Food Pavilion trong hơn 30 năm và là một cư dân lâu năm trong khu vực. Bà dành thời gian rảnh rỗi để làm đồ thủ công mỹ nghệ cho hội địa phương, câu cá và săn bắn. Bà đã kết hôn với Fred Binschus được 26 năm. Cặp đôi có hai cô con gái lớn và vài người cháu ngoại. Fred (56 tuổi) sống sót sau vụ xả súng. Fred và Julie là hàng xóm của Zamora.

LeRoy B.Lange (64 tuổi) sống dựa vào một nông trại nhỏ ở Methow bang Washington. Ông từng là nhân viên của hãng Boeing. Ông đã có nhiều năm làm việc với cương vị là thủy thủ trên boong tàu và thuyền trưởng của phà Whatcom Chief phục vụ đảo Lummi. Vợ chồng ông đã kết hôn được 40

năm và có một cậu con trai. Lange đến thăm con trai ở Bellingham, sau đó đang trên đường đến gặp mẹ ông ở thành phố Mount Vernon thì bị giết.

Richard Treston (61 tuổi) là một viên chức quản chế đã nghỉ hưu từ hạt Nassau, New York. Cả đời ông làm việc trong ngành hành pháp. Ông và Zamora biết nhau và có mối quan hệ tốt. Thậm chí, thỉnh thoảng ông còn chở Zamora về nhà. Treston dù bị thương nhưng vẫn sống sót.

Vào ngày Ben Mercado bị Zamora bắn bị thương ở tay tại nhà ga Alger Shell, anh đang lái xe mô tô. Dù bị thương nhưng anh may mắn sống sót.

Mặc dù Charles và Jane Duncan không bị thương trong vụ xả súng, nhưng sau đó, Charles phát hiện một mảnh thủy tinh nhỏ của cửa kính ô tô bị vỡ ghim trên mặt mình.

Troy Giddings (42 tuổi) là lính thuộc bang Washington, đến từ thung lũng Skagit. Trong lúc truy đuổi Zamora, anh bị bắn, gây thương tích ở cánh tay. Anh tự lái xe đến một bệnh viện trong khu vực để điều trị, rồi sau đó xuất viện.

Mặc dù không ai có thể ngờ rằng sự việc nghiêm trọng này sẽ xảy ra, nhưng những dấu hiệu bất thường của Isaac Zamora đã rõ mười mươi. Vào tháng Tư năm 2008, chỉ vài tháng trước vụ xả súng ở thị trấn Alger, Zamora đã bị giam giữ tại nhà tù của hạt Skagit, sau đó bị chuyển đến trung tâm cải huấn hạt Okanogan ở đông bắc Washington. Tại đây, gã đã chấp hành bản án 6 tháng tù vì tội tàng trữ ma túy. Sau khi được trả tự do vào ngày mừng 2 tháng Tám, mọi hành vi của gã sẽ do Sở cải tạo của bang Washington (DOC) giám sát.

Mặc dù Zamora được coi là một tội phạm nguy hiểm cao, nhưng gã được xếp vào loại bất bạo động. Tuy nhiên, các tiền án cho thấy Zamora không chỉ có vấn đề về sức khỏe tâm thần, mà còn có khả năng trở thành

một nhân vật gây nguy hiểm. Mẹ gã thậm chí đã viết thư cho công tố viên hạt Skagit, với yêu cầu giam giữ và điều trị con trai bà. Mặc dù các nhà tư vấn sức khỏe tâm thần đã gặp Zamora và kê nhiều loại thuốc khác nhau, nhưng họ không tiếp tục theo dõi tình trạng của gã sau khi gã chuyển đến hạt Okanogan. Có vẻ như hồ sơ điều trị của gã thậm chí không được chuyển đến đó.

Ba ngày sau khi gã được thả từ hạt Okanogan, mẹ của gã đã gọi 911 để báo cáo hành vi đe dọa của gã với bà và anh trai gã. Zamora bị bắt và được thả tự do vào hôm sau, khi gã cam kết không phạm pháp. Nhưng một tháng sau, cảnh sát lại nhận được cuộc gọi, lần này, người gọi là một anh hàng xóm. Zamora đến nhà và chạm mặt vợ anh. Cùng hôm đó, Zamora cuối cùng cũng đã trải qua một cuộc kiểm tra đánh giá sức khỏe tâm thần, giúp xác định gã có đủ tiêu chuẩn nhận những dịch vụ của Bộ Dịch vụ Xã hội và Y tế (DSHS) của tiểu bang hay không.

Ngày hôm sau, Isaac Zamora thực hiện vụ xả súng.

Cuộc hỗn loạn và tàn sát vào ngày mừng 2 tháng Chín đã đánh động ngành hành pháp, dẫn đến một cuộc điều tra cực kì phức tạp, với sự tham gia của nhiều cơ quan. Shawn Stich (đã nghỉ hưu) là trung sĩ điều tra phụ trách Đơn vị Tội phạm nguy hiểm của Văn phòng Cảnh sát trưởng hạt Snohomish, kiêm thành viên Đội phản ứng của tổ hợp cơ quan hạt Snohomish (SMART). SMART bao gồm khoảng 30 điều tra viên cấp cao từ nhiều cơ quan trên khắp hạt Snohomish. Đội này chịu trách nhiệm điều tra các vụ xả súng có liên quan đến sĩ quan bị thương tích nghiêm trọng và/hoặc tử vong. Ngoài ra, đội này còn hỗ trợ các cơ quan nhỏ hơn cần những nguồn lực điều tra có kinh nghiệm đối với những vụ giết người, hoặc những vụ án liên quan đến con người ở mức độ nghiêm trọng và phức tạp.

Trung sĩ Stich nhớ lại, “Chúng tôi phát hiện có những điều tra viên đến từ hạt Skagit, thành phố Mount Vernon, đội tuần tra của tiểu bang và rất nhiều cơ quan liên bang ở sở chỉ huy, hoặc tại hiện trường vụ án để chuẩn bị thực hiện lệnh khám xét và/hoặc bắt đầu xử lý hiện trường. Với sự giúp đỡ của

chỉ huy, chúng tôi đề nghị những nguồn lực của hạt Skagit dùng những gì họ đang làm và điều người canh giữ để bảo vệ toàn bộ hiện trường vụ án. Sau đó, SMART sẽ tiếp nhận cuộc điều tra và bắt đầu ban hành lệnh khám xét đến tất cả những hiện trường vụ án cần làm việc đó. Một số hiện trường phải được xử lý tức thì, như hiện trường xả súng trên xa lộ liên bang số 5, vì giao thông đã bị chặn lại. Chúng tôi đã chỉ định các điều tra viên của SMART đến giám sát việc xử lý hiện trường và hướng dẫn lưu thông xe cộ.”

Robert Johns (đã nghỉ hưu) là trung úy của Đơn vị điều tra tổng hợp của Sở cảnh sát Everett, kiêm vị trí số ba trong đội hình chỉ huy của SMART. Ông đang ở nhà sau một ngày làm việc thì nhận được cuộc gọi từ Trung sĩ Stich, yêu cầu ông đến Sở cảnh sát thành phố Mount Vernon (MVPD) để tập hợp. Nhiệm vụ của Johns là đến hiện trường và đánh giá những gì có thể và không thể làm vào buổi tối hôm đó. Ông ấy kể với tôi, “Khi chúng tôi đến nơi, tôi nhớ mình đã nghĩ rằng sẽ không ai có thể xử lý bất kì hiện trường nào trong đêm đó được. Tôi không nói đùa đâu. Trong màn đêm đó, có đưa bàn tay ra trước mặt thì tôi cũng chẳng thấy gì. Cho dù chúng tôi có một nghìn chiếc xe cứu thương ở đó cùng đèn pha và tất cả mọi thứ, thì chúng tôi vẫn chưa chuẩn bị đầy đủ để xử lý hiện trường.”

Trung úy Johns tiếp tục nói, “Tôi đoán những gì lướt qua trong đầu tôi là tình hình cực kì nghiêm trọng. Chúng tôi phải làm những điều cần thiết, chứ không phải là làm mọi thứ rối tinh rối mù. Tinh thần trách nhiệm trong mỗi người chúng tôi sôi sục đến đáng kinh ngạc. Một hạt khác yêu cầu chúng tôi đến, xử lý hiện trường và giúp đỡ điều tra một trong những vụ giết người hàng loạt nghiêm trọng nhất trong lịch sử của tiểu bang. Ít nhất tất cả những vụ đó xa xưa rồi hoặc xảy ra không lâu. Chúng tôi biết rằng chuyện này có thể rất gian nan vì hạt Skagit sẽ phải tiêu hao một lượng ngân sách khổng lồ. Và một lần nữa, chúng tôi muốn làm mọi thứ tốt nhất để không còn khó khăn nào cản trở và Zamora sẽ không có lựa chọn nào khác ngoài việc nhận tội.”

Johns cho biết, “Thách thức mà chúng tôi phải đối mặt là đảm bảo không bỏ sót thứ gì, bất kì cái gì có ích được định vị và/hoặc được thu thập.

Chúng được niêm phong hợp lệ và quá trình bảo quản được bảo mật. Thường thì một sự cố xảy ra trong một hiện trường đã đủ để gây khó khăn, mà giờ có đến sáu hiện trường. Rất nhiều hiện trường vụ án ở ngoài trời, nên thời tiết, động vật... cũng góp phần làm ảnh hưởng tới việc đảm bảo sự chính xác, dù chỉ một chút tác động nhất định. Thông tin liên lạc có lúc cũng bị quá tải. Các hoạt động vô tuyến và/hoặc điện thoại ở khu vực này không phải lúc nào cũng thuận lợi.”

Trung sĩ Stich chia sẻ thêm, “Tôi rất buồn khi nghe tin người đồng nghiệp - phó cảnh sát trưởng đã ra đi. Khi biết thêm thông tin về phạm vi hiện trường vụ án và số người chết được xác nhận, tôi kiên quyết cho rằng chúng tôi cần đảm bảo xử lý sự việc này thật cẩn thận. Chúng tôi biết rõ năng lực của điều tra viên SMART và người mà chúng tôi giao nhiệm vụ. Tôi cho rằng điều này là lợi thế lớn nhất mà chúng tôi có được so với những nguồn lực điều tra khác ở hạt Skagit. Lí do là điều tra viên SMART đã làm việc cùng nhau rất lâu và họ cảm thấy thoải mái khi biết rõ mọi người trông đợi ở họ điều gì.”

Trung úy Johns cho hay, “Có hơn một trăm người từ tất cả các cơ quan đảm nhận những nhiệm vụ khác nhau. Các cán bộ chỉ huy ở lại MYPD và tôi được giao việc liên lạc với tất cả những đội đang xử lý hiện trường vụ án. Điều đó có nghĩa là mọi người phải có những thiết bị cụ thể, thức ăn, một nơi giữ và ghi chép chúng cứ thu thập được vào hồ sơ, các cơ quan khác nhau có kỹ năng hoặc quyền truy cập thông tin riêng biệt. Ví dụ: Cục Rượu, Thuốc lá, Súng và Chất nổ (ATF) có năng lực tra số serial trên súng ống... Một số hiện trường khá gần nhau và những hiện trường khác cách xa nhau hàng km. Phương tiện cũng là một thách thức. Hầu hết các phương tiện đều thuộc MYPD, nhưng có lần một chiếc máy bay trực thăng đưa tin đáp gần xuống hiện trường quá thấp, đến nỗi gió từ cánh quạt đã làm xáo trộn hiện trường. Và mọi người đã gọi tôi để điều chiếc trực thăng ra khỏi đó!”

Trung sĩ Stich cho biết, “Trước đây, tôi từng xử lý nhiều hiện trường vụ án, nhưng đây là vụ lớn nhất, trải dài mấy km. Với tôi, quyết định khó khăn nhất là chúng tôi không thể di dời thi thể ra khỏi hiện trường cho đến khi

trời sáng để tránh vô tình làm ô nhiễm hiện trường, hoặc bỏ sót chứng cứ nào.” Ông cũng nói thêm, “Tôi nghĩ rằng cho đến bây giờ, một số người vẫn không đồng tình với quyết định này. Tôi cũng không thích nó, nhưng quyết định đúng đắn này giúp cho tình trạng của cuộc điều tra được giữ nguyên vẹn và buộc người gây ra tội ác khủng khiếp phải chịu trách nhiệm.”

Brad Pince (đã nghỉ hưu) là một điều tra viên trong Đội phản ứng của tổ hợp cơ quan hạt Snohomish, kiêm thành viên của SMART. Là một trong những thành viên đầu tiên của SMART, ông hỗ trợ viết quy trình điều tra của SMART. Ông được chỉ định làm điều tra viên chính, chịu trách nhiệm về toàn bộ vụ án của Zamora. Cho đến nay, ông vẫn bị ám ảnh bởi quyết định này. Ông nói, “Trong lúc xử lý hiện trường, chúng tôi phải để yên thi thể Phó cảnh sát trưởng Jackson tại hiện trường trong hơn 24 tiếng. Sâu trong thâm tâm, tôi rất muốn tới đỡ và đưa cô ấy ra khỏi đó. Tôi biết có rất nhiều bạn bè và đồng nghiệp đang chờ để chính thức đưa cô ấy đi. Nhưng lý trí tôi lại bảo rằng chúng tôi không thể đưa cô ấy đi cho đến khi xử lý xong hiện trường. Tình trạng nguyên vẹn của vụ án quan trọng hơn cảm xúc.”

Một sự thật không thể phủ nhận là những sự kiện xảy ra trong ngày mừng 2 tháng Chín năm ấy đã khiến hạt Skagit bị quá tải. Phần lớn hạt Skagit là vùng nông thôn, thậm chí còn không có hệ thống giám định y tế, phải phụ thuộc vào nhân viên điều tra của hạt. Trung úy Johns nhớ lại hai điều tra viên tiếp cận ông. Họ vừa tham gia một trong những cuộc khám nghiệm tử thi diễn ra ở phòng phía sau của một nhà tang lễ địa phương. SMART lo cho tình hình và khả năng thất lạc chứng cứ, nên đội đã quyết định gọi bác sĩ pháp y của hạt Snohomish để tiếp nhận các cuộc khám nghiệm tử thi còn lại. Điều này có nghĩa là chúng tôi phải nói với một quan chức đắc cử của hạt rằng hạt không có trang thiết bị để hỗ trợ xử lý thi thể theo hướng có lợi cho việc điều tra, truy tố và cho những nạn nhân. Đồng nghĩa với việc chúng tôi phải thuyết phục nhân viên điều tra của hạt giao quyền kiểm soát vụ án có lẽ là lớn nhất mà anh ta đã từng gặp. Johns nói, “Tôi đã triển khai ‘nghệ thuật bán hàng’ tốt nhất mà chúng tôi từng làm.”

Isaac Zamora nói trong lần hầu tòa đầu tiên, “Tôi viết người vì Chúa. Tôi lắng nghe điều Chúa dạy.”

Có thể bất cứ ai nghe qua những lời này cũng sẽ vô cùng băn khoăn. Tuy nhiên, thực sự có bao nhiêu hành vi của Zamora là do bệnh tâm thần? Có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ biết chắc chắn, nhưng một số người giải quyết vụ án vẫn hoài nghi.

Trung úy Johns chia sẻ, “Tôi không phải là một chuyên gia được đào tạo về sức khỏe tâm thần và nhiều người sẽ lập luận rằng một người giết ai đó thì khả năng là đầu óc của họ có vấn đề. Nhưng tiêu chuẩn pháp lý là người phạm tội vào thời điểm đó có phân biệt được đúng sai không? Isaac giết người khác là có hệ thống. Theo tôi, rất có khả năng khi người chấp pháp truy đuổi gã ở phía sau, gã nhận thức được bản thân đang làm gì. Isaac đủ ‘gian xảo’ để lái xe đến tận thành phố Mount Vernon, đến văn phòng cảnh sát trưởng, mở cửa xuống xe, buông khẩu súng trường và đầu hàng.”

Hành vi của Zamora trước tòa thường không thể đoán trước và đáng báo động. Trong một lần bước vào phòng xử án, gã liên tục tuyên bố mình có tội. Mặt khác, gã hoàn toàn từ chối bước vào phòng xử án. Trong những phiên điều trần xem xét năng lực, gã vẫn bất hợp tác và hung hăng, thường xuyên đả kích và dùng những lời lẽ tục tĩu đối với thẩm phán cũng như biện hộ cho chính mình, dẫn đến những sĩ quan phải đến can ngăn gã. Gia đình nạn nhân nghe thấy gã đưa ra những lời đe dọa “vô nghĩa” rằng gã sẽ giết nhiều người hơn nếu gã bị kết luận là không đủ năng lực để hầu tòa. Gã thậm chí còn nói sẽ từ chối bất kì cuộc kiểm tra tâm thần nào. Khi gã được báo rằng cáo buộc có thể khiến gã lãnh án chung thân, hoặc thậm chí là tử hình, gã nói gã sẽ chọn cái chết.

Điều tra viên Pince nói với tôi, “Zamora có vấn đề về tâm thần, nhưng gã cũng lợi dụng kẽ hở của pháp luật. Gã sẽ trông rất bình tĩnh và bình thường khi bị chuyển từ nhà tù đến phiên điều trần. Một khi vào trong phòng xử án, gã sẽ lăm bằm, chửi rủa thẩm phán và luật sư của gã, gã chỉ giả ngu.

Còn khi chúng tôi đưa gã ra khỏi phòng xử án, gã lại trở nên bình tĩnh và im lặng. Rõ ràng là gã chỉ diễn trò hề.”

Theo lời khai của hai bác sĩ tâm thần, Zamora bị phán quyết là người thiếu năng lực nhận thức để hầu tòa. Theo án lệnh của thẩm phán, gã được đưa tới bệnh viện Wesrern State - cơ sở pháp y tâm thần hàng đầu của tiểu bang nằm ở Lakewood, cách phía nam Settle 73km. Tại đây, họ làm ổn định tinh thần gã bằng thuốc và cuối cùng gã đã được coi là có đủ khả năng để hầu tòa.

Tuy nhiên, 14 tháng sau vụ xả súng, vào tháng Mười một năm 2009, C.Wesley Richard - luật sư công¹⁰ của Zamora, muốn cứu thân chủ của mình khỏi án tử hình - yêu cầu một thỏa thuận đặc biệt cùng với lệnh khởi tố. Nỗi sợ hãi lớn nhất của bên công tố, cũng như điều mà họ không muốn xảy ra là nếu Zamora dùng lời bào chữa về rối loạn tâm thần để chối bỏ trách nhiệm, gã có thể sẽ được thả vào một ngày nào đó trong tương lai. Do đó, theo một phần của thỏa thuận nhận tội, Zamora đồng ý không nhận tội đối với vụ sát hại Chester Rose và Anne Jackson với lý do bệnh tâm thần, nhưng sẽ nhận tội bốn vụ giết người khác và gánh chịu những tội danh còn lại. Mặc dù Zamora sẽ không bị xử tử, nhưng theo thỏa thuận, gã sẽ không bao giờ có tự do nữa. Thỏa thuận quy định rằng gã sẽ vẫn ở lại bệnh viện Western State, miễn là điều này cần thiết. Nếu gã được xét là tâm thần ổn định và có thể xuất viện (Zamora và luật sư của gã cho rằng điều này sẽ không xảy ra), gã sẽ phải lãnh bốn án tù chung thân.

10. Theo nghiên cứu lập pháp, luật sư công là công chức nhà nước được bổ nhiệm làm luật sư để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của nhà nước trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo, đối tượng chính sách trong các tổ chức trợ giúp pháp lý của nhà nước.

Mặc dù pháp luật vào thời điểm đó cho phép một bệnh nhân tâm thần của tiểu bang thỉnh cầu tòa án trả tự do cho mình, nhưng Zamora cho rằng gã không có hứng thú thực hiện quyền này. Nếu không có thỉnh cầu này, có

về như gã sẽ thực sự dành phần đời còn lại của mình tại bệnh viện Western State. Tuy nhiên, một điều khoản còn lại trong thỏa thuận có khả năng đưa Zamora vào tù: không có gì đảm bảo về việc gã được phép ở lại Western State trong bao lâu.

Và từ đây, mọi chuyện trở nên rắc rối.

Vào năm 2010, luật mới của tiểu bang được thông qua. Luật mới cho phép DSHS có quyền thả những bệnh nhân tâm thần được cho là có quá nhiều rủi ro về an toàn công cộng ở một bệnh viện tâm thần. Luật này cho phép DSHS chuyển những bệnh nhân này đến một cơ sở khác, hoặc giam giữ ở nhà tù tiểu bang (dưới sự giam giữ của DSHS). Trước đó, chỉ bệnh nhân mới có thể thỉnh cầu tòa án thả họ ra khỏi bệnh viện tâm thần.

Vào năm 2011, dựa trên nhiều ý kiến của bệnh viện Western State, DSHS quyết định thỉnh cầu chuyển Zamora từ bệnh viện đến nhà tù. Theo DSHS và bệnh viện Western State, Zamora không còn hưởng lợi từ việc điều trị sức khỏe tâm thần nữa. Vì bệnh tâm thần của gã đã được điều trị đầy đủ bằng thuốc và chứng rối loạn tâm thần của gã “đang thuyên giảm”, nên người ta xem là gã đã đủ ổn định để đến nhà tù chấp hành bản án của mình. Nghịch lý thay, mặc dù Zamora được xem là “ổn định”, nhưng DSHS cũng lập luận rằng gã gây nguy hiểm cho những bệnh nhân dễ bị tổn thương tại Western State. Trong cuộc điều trần thỉnh nguyện năm 2012, Zamora được chẩn đoán là mắc chứng rối loạn trầm cảm nghiêm trọng với các triệu chứng loạn thần và rối loạn nhân cách chống đối xã hội.

Không ngạc nhiên khi luật sư bào chữa của Zamora cảm thấy luật mới của tiểu bang phi đạo đức, bất lương và không nên áp dụng trong vụ án của Zamora. Luật sư bào chữa còn cho rằng bệnh viện Western State đã hành động thiếu trung thực, khi không chẩn đoán và điều trị đúng cách cho Zamora, họ chỉ đơn giản là muốn tống khứ gã. Trong thời gian ở bệnh viện,

Zamora đã được chẩn đoán mắc một số bệnh tâm thần, gã thậm chí được chẩn đoán rằng không mắc bệnh tâm thần nghiêm trọng nào cả.

Zamora nói rằng khi gã phạm tội, những con quỷ đã quấy rầy gã. Gã cần phải giết chúng để cứu những người thân yêu của mình và tin rằng mình đang thực hiện “một sứ mệnh mà Chúa giao phó”. Trong quá trình xử án, cha và anh trai của Zamora khai rằng gã mắc chứng hoang tưởng và ảo giác từ trước năm 2008. Một chuyên gia do luật sư bào chữa mời đến đã làm chứng rằng Zamora bị bệnh tâm thần phân liệt, dẫn đến sự việc xảy ra vào tháng Chín năm 2008. Tuy nhiên, DSHS và bệnh viện Western State đã lập luận nhiều lần rằng Zamora mắc chứng rối loạn nhân cách chống đối xã hội, nên họ không thể điều trị cho gã tại bệnh viện tâm thần, vì bệnh của Zamora không được xem là “bệnh tâm thần”. Họ khẳng định thêm rằng họ đang dùng thuốc để kiểm soát những triệu chứng rối loạn tâm thần của gã và những hành vi nguy hiểm của gã chủ yếu là do rối loạn nhân cách chống đối xã hội.

Thẩm phán Michael Rickert của Tòa án tối cao hạt Skagit mắc kẹt giữa những luồng tranh cãi về nơi giam giữ Isaac Zamora, ông nói, “Tôi luôn nghĩ bệnh viện Western State là nơi giam giữ những người nguy hiểm.” Thẩm phán Rickert đã phán quyết rằng Zamora không đáp ứng các tiêu chuẩn để được rời bệnh viện Western State.

Mặc dù thẩm phán ra quyết định như vậy, nhưng vào tháng 12 năm 2012, Zamora lại bị chuyển đến Khu phức hợp cải tạo Monroe. Gã trở thành bệnh nhân tâm thần đầu tiên của tiểu bang chuyển từ bệnh viện tâm thần tiểu bang đến nhà tù tiểu bang mà không có sự phê chuẩn của tòa án. Zamora được đưa đến Đơn vị tội phạm đặc biệt của Monroe (SOU) giam giữ bệnh nhân tâm thần và được DSHS tiếp tục giám sát.

Luật áp dụng cho vụ án của Zamora vấp phải sự chỉ trích từ những người bệnh vực bệnh nhân tâm thần. Họ cho rằng luật này đang cố biến những người bệnh tâm thần thành tội phạm. Các bị cáo có tội sẽ được tòa án phán vô tội với lí do loạn trí thường được đưa đến bệnh viện tâm thần của tiểu bang để điều trị và họ có quyền kiến nghị tòa án trả tự do, nếu tình

trạng của họ được xem là có đủ cải thiện để xuất viện. Tuy nhiên, luật năm 2010 cho phép DSHS kiến nghị chuyển bệnh nhân đến nhà tù, kể cả khi bệnh nhân phản đối điều đó, nếu bệnh nhân được xem là thể hiện những rủi ro “quá mức an toàn.”

Vào năm 2013, luật lại thay đổi. Bây giờ, thay vì chứng minh một bệnh nhân không còn “nguy hiểm”, tiểu bang chỉ cần chứng minh có thể quản lý bệnh tâm thần của họ trong tù.

Vào tháng Mười hai năm 2013, DSHS nỗ lực hơn trong việc kiến nghị tòa án, nhằm bảo đảm Isaac Zamora sẽ không chỉ bị giam giữ trong tù, mà còn bị DOC quản thúc. Đơn kiến nghị được chấp thuận vào năm 2015.

Zamora đã đệ đơn kháng nghị, tạm dừng việc chuyển giao giam giữ.

Vào năm 2017, Tòa phúc thẩm tiểu bang đã giải quyết đơn kiến nghị năm 2015 về lệnh giao quyền quản thúc Zamora cho DOC. Trong đó, có những điều kiện như gã phải ở lại SOU tại Monroe, cho đến khi các bác sĩ tâm thần giám sát việc chăm sóc gã đề nghị chuyển gã đến một cơ sở DOC khác và chỉ định một bác sĩ tâm thần theo dõi. Zamora tuyên bố việc chuyển giao quyền quản thúc đã vi phạm các điều khoản của thỏa thuận nhận tội năm 2009. Vào thời điểm đó (và trước khi luật thay đổi), điều khoản sẽ cho phép gã ở lại bệnh viện Western State dưới sự quản thúc của DSHS, trừ khi gã nộp đơn kiến nghị trả tự do. Tòa phúc thẩm bác bỏ lập luận của Zamora, mặc dù họ đồng ý rằng Tòa án xét xử của hạt Skagit không có thẩm quyền áp đặt các điều kiện chuyển giao cho DOC. (Việc Zamora hoàn toàn được thả khỏi DOC có thể sẽ đồng nghĩa với việc gã bị theo dõi suốt ngày đêm và được chăm sóc sức khỏe tâm thần nhiều hơn.) Theo phán quyết, Zamora tiếp tục ở lại Đơn vị phạm tội đặc biệt và vẫn chịu sự quản thúc của DSHS.

Đơn vị tội phạm đặc biệt tại Khu phức hợp cải tạo Monroe là một khu biệt lập đặc biệt của nhà tù, dành cho những tù nhân có vấn đề về sức khỏe tâm thần. SOU bao gồm bốn tòa nhà bằng bê tông cốt thép, cấp độ an ninh

tù thấp nhất đến cao nhất và có thể giam giữ tới 2.400 tù nhân nam. Không giống như các cơ sở khác, bác sĩ tâm thần ở SOU đánh giá và điều trị cho những cá nhân bị giam giữ. Một cựu nhân viên cải tạo của Monroe nói với tôi rằng một ngày thường bắt đầu bằng việc tù nhân ra khỏi phòng giam, truy cập “medline¹¹” để nhận thuốc (nếu có toa thuốc). Bữa ăn diễn ra trong một căn phòng kiểu quán ăn tự phục vụ, bàn ghế được bắt vít xuống sàn nhà, một sĩ quan quét phù hiệu ID của tù nhân để họ không thể quay lại lấy thêm thức ăn. Đơn vị này có một khu vực tập thể dục/giải trí. Nếu tù nhân đáp ứng những tiêu chí nhất định, họ có thể làm việc ở xung quanh, chẳng hạn như công việc tạp vụ. Họ được trả từ vài xu một giờ đến mức lương tối thiểu và họ có thể nhận thêm một bữa ăn. (Có tài liệu cho rằng Zamora đã được phép tận dụng chương trình dạy nghề này, làm công việc bốc vác bán thời gian và nhận mức lương tối thiểu do DSHS trả.) An ninh ở đây được thắt chặt - những phòng giam được khám xét ngẫu nhiên, camera và máy quét kim loại ở hành lang, cửa khóa được điều khiển từ xa, có những sĩ quan áp giải tù nhân. Nhân viên cải tạo mang theo một đài phát thanh và kể từ vụ án sát hại sĩ quan Jayme Biendl vào năm 2011, họ được phép mang bình xịt hơi cay. (Biendl - một nhân viên cải tạo - đã bị một tù nhân cố gắng vượt ngục bóp cổ đến chết trong nhà thờ nhỏ của nhà tù Monroe.)

11. Theo đại học Duy Tân, medline (viết tắt tiếng Anh của Medical Literature Analysis and Retrieval System Online) là cơ sở dữ liệu thư mục hàng đầu của thư viện y khoa quốc gia Hoa Kỳ, gồm: 4.800 nhan đề tạp chí về y khoa. 16 triệu biểu ghi thư mục lưu trữ từ đầu thập niên 50 đến nay.

Theo những hiểu biết của tôi về nhà tù, người ta thường tin rằng những cá nhân mắc bệnh tâm thần nặng được giam giữ ở SOU, vì chi phí ở đơn vị này rẻ hơn so với bệnh viện tâm thần của tiểu bang. Vấn đề này rất khó tranh cãi. Không gian bệnh viện dành cho bệnh nhân tâm thần ngày càng trở nên khan hiếm, cũng như việc chính phủ cắt giảm ngân sách và nguồn kinh phí không đủ đã làm ảnh hưởng rất nhiều đến nguồn lực của cộng đồng. Ngày càng nhiều bệnh nhân tâm thần bị đưa vào tù hoặc phải “tự lực cánh sinh” ngoài đường. Điều này làm gia tăng gánh nặng cho những nhân viên hành pháp. Họ phải đứng trên trên cương vị nhân viên xã hội để xử lý

những vấn đề liên quan đến các cá nhân mắc bệnh tâm thần. Lực lượng cảnh sát ở những thành phố của Hoa Kỳ như Seattle thậm chí đã thành lập cả những đội can thiệp khủng hoảng đặc biệt để xoa dịu những người rối loạn tâm thần, bao gồm cả việc sử dụng vũ khí ít gây sát thương khi cần.

Lúc vụ án do Isaac Zamora gây ra nhận được sự chú ý của công chúng, mọi người đua nhau tranh luận. Họ cho rằng bạo lực và bệnh tâm thần có mối liên hệ với nhau. Trên thực tế, bệnh tâm thần nặng không phải là một yếu tố có tính nguy hiểm cao dẫn đến bạo lực. Tiến sĩ Jennifer Piel - Phó giáo sư tâm thần học của Chương trình sức khỏe tâm thần, Chính sách và Pháp luật, kiêm Phó giáo đốc Chương trình đào tạo nội trú tâm thần của đại học Washington - cho biết: “Hầu hết bệnh nhân tâm thần không bao giờ có xu hướng bạo lực. Bệnh tâm thần chỉ có mối liên hệ rất nhỏ với tỷ lệ gia tăng bạo lực và phần lớn nguy cơ gia tăng là do những yếu tố khác gián tiếp gây ra, chẳng hạn như tiền sử bạo lực và sử dụng chất kích thích. Không phải bệnh tâm thần mà chính những yếu tố này mới có mối liên hệ chặt chẽ với nguy cơ bạo lực.”

Bệnh tâm thần ngày nay có đỡ hơn chút nào so với thời điểm Isaac Zamora xả súng điên cuồng không? Bác sĩ Piel nói với tôi, “So với năm 2008, vẫn còn nhiều trở ngại khi điều trị sức khỏe tâm thần, đặc biệt là đối với những bệnh nhân tâm thần nặng. Họ ít hiểu biết về nhu cầu điều trị và có tỷ lệ ngừng điều trị cao hơn. Ngay cả những người có nhu cầu nhận dịch vụ sức khỏe tâm thần cũng nói rằng họ không biết phải đến đâu để được điều trị.”

Trong những năm gần đây, Cơ quan lập pháp bang Washington đã ban hành luật để mở rộng hướng điều trị không tự nguyện, Ví dụ như Luật Ricky về những rối loạn khi sử dụng chất kích thích và Luật Joel cho phép người nhà bệnh nhân làm đơn kiến nghị tòa án cho bệnh nhân nhập viện tâm thần không tự nguyện. Năm 2014, Tòa án tối cao bang Washington đã ra phán quyết rằng việc tạm đưa những người bị giam giữ không tự nguyện vào phòng cấp cứu trong khi họ đang chờ vào bệnh viện tâm thần là bất hợp pháp. Bác sĩ Piel cho biết, “Dù có những biện pháp này, nhưng số lượng giường bệnh và những dịch vụ dành cho bệnh nhân tâm thần cấp tính vẫn còn thiếu. Trong

thập kỷ vừa qua hoặc trước đó nữa, ngày càng có nhiều bệnh nhân liên quan đến hệ thống tư pháp hình sự, hay còn gọi là bệnh nhân đang được giám định pháp y tâm thần, chiếm giường bệnh công cộng của bệnh nhân tâm thần. Họ chủ yếu là những cá nhân cần nhập viện để được đánh giá năng lực hầu tòa, được phục hồi năng lực xét xử, hoặc được điều trị sau khi có kết luận vô tội với lý do bị loạn trí. Việc thiếu giường bệnh có liên quan đến việc tăng cường sử dụng các phòng cấp cứu cho khủng hoảng về bệnh nhân tâm thần cấp tính, tình trạng vô gia cư và giam giữ hợp pháp những người mắc bệnh tâm thần.”

Liệu có thể ngăn chặn bi kịch xảy ra ở thị trấn Alger? Mẹ của Isaac Zamora tin rằng điều đó có thể, nếu con trai của bà nhận được sự chăm sóc tâm thần cần thiết. Bà không có khả năng chi trả cho dịch vụ chăm sóc cá nhân, nên bà đã liên tục cố gắng nhờ đến sự giúp đỡ của những cơ quan tiểu bang và những phòng khám bệnh tâm thần, mặc dù lời kêu gọi của bà hầu như bị bỏ ngoài tai. Cuối cùng, DSHS cũng bắt đầu quá trình xử lý, nhưng bà nói rằng Zamora không có khả năng hoàn thành quá nhiều thủ tục giấy tờ, do đó vụ án tiếp tục bị trì hoãn. Sau cùng, bảng đánh giá từ các bác sĩ tâm thần của bang thông báo với gia đình rằng trước nhất, gã đã phạm tội nghiêm trọng. Dennise Zamora kể với phóng viên rằng bà nhớ sau đó đã gọi cho DSHS và nói họ không cần phải lo lắng nữa, bởi vì “thằng bé đã giết người rồi.”

Năm 2013, Isaac Zamora nói với một phóng viên, “Ngày nào tôi cũng trần trối về những việc mình đã làm và những nạn nhân đã chết. Tôi nghe thấy những lời họ nói văng vẳng bên tai. Tôi cần sự giúp đỡ, nhưng tôi nghĩ chẳng ai biết làm cách nào để giúp tôi.”

Vào năm 2013, tòa án đã đồng tình rằng DOC không những thất bại về hệ thống sức khỏe tâm thần, mà còn góp phần tạo nên bi kịch này. Việc DOC xếp Zamora vào diện tội phạm phi bạo lực, cũng như việc họ không giám sát gã kỹ lưỡng, sau đó thả gã vào một tháng trước khi gã nổi cơn xả súng giết người. Hậu quả là một vụ tố tụng dân sự với chi phí 9 triệu USD cho toàn bộ nạn nhân và người nhà của họ đã xảy ra. Những bằng chứng sau đó được

trình lên tòa án cho thấy không chỉ Zamora, mà tiểu bang đã phân loại sai hơn 3.000 tội phạm khác. Họ xếp 3.000 người này vào danh sách những tội phạm phi bạo lực, mà đáng lẽ phải là những tội phạm có nguy cơ bạo lực cao.

Bất hạnh thay, tiền bạc cũng không thể biến người chết thành người sống. Cho dù thắng kiện và bị phán nản về việc không giám sát kỹ lưỡng những người phạm tội có nguy cơ cao, hai trong số các quan chức tại hiện trường thành phố Mount Vernon có tên trong vụ kiện vẫn tiếp tục công việc tại văn phòng cảnh sát. Theo luật sư, viên chức được chỉ định làm việc trong vụ án của Zamora không chỉ không theo dõi hiện trường vụ án theo yêu cầu của cơ quan, mà cố ấy còn đi nghỉ mát và không một ai làm việc thay cô ấy. Liệu căn nguyên của những thất bại này là do họ có quá nhiều vụ án cần xử lý hay chỉ đơn giản là do sơ suất. Câu trả lời chỉ các cán bộ hiện trường mới biết. Nhưng trong trường hợp này, rõ ràng toàn án đã đứng về phía nguyên đơn.

Vào năm 2016, vì sơ suất nên ban đầu, ngay sau vụ xả súng, những nạn nhân còn sống và những người đại diện cho tài sản của người đã khuất đệ trình một vụ kiện dân sự (nhà Binschus kiện tiểu bang). Họ đã thua kiện tại Tòa án tối cao Washington. Những vị thẩm phán bỏ phiếu chống 5-4, cho thấy các nhà tù của hạt phải chịu trách nhiệm cho những tù nhân có hành vi bạo lực sau khi họ được trả tự do. Vụ kiện bao gồm hạt Okanogan, hạt Skagit, Trung tâm Liên lạc Khẩn cấp Skagit (Skagit 911) và Sở cải tạo bang Washington. Vụ án xoay quanh việc liệu nhà tù có không đánh giá và không điều trị bệnh tâm thần của Zamora vào thời điểm gã bị giam giữ vì phạm tội liên quan đến ma túy vào năm 2008. Bản án tuyên bố rằng trong thời gian giam giữ, nhà tù có trách nhiệm kiểm soát những tù nhân bạo lực. Nhưng nhà tù không có trách nhiệm chung phải ngăn chặn những tù nhân có phạm tội, sau khi họ được phóng thích hợp pháp. Mặc dù những nguyên đơn thất vọng với phán quyết đó, nhưng nhiều người cho rằng nó hợp lý.

Vào cuối năm 2019, Isaac Zamora đã cố gắng rút lại lời nhận tội ban đầu và tuyên bố bị ép buộc trái pháp luật (vào năm 2018, Tòa án tối cao của tiểu bang đã phán quyết rằng án tử hình là vi hiến). C.Wesley Richard -

luật sư công của gã - lập luận rằng thân chủ của anh ta có quyền được rút lại những lời nhận tội này, cũng như quyền đối với thủ tục tố tụng đã bị vi hiến. Zamora viết trong một tuyên bố, “Tôi chấp nhận thỏa thuận (giữa công tố viên và luật sư biện hộ) vì tôi sợ mình sẽ bị kết án tử hình, cũng như nếu tôi ra tòa và không thể thuyết phục bồi thẩm đoàn rằng mình bị loạn trí vào thời điểm phạm tội, thì cuối cùng tôi sẽ bị tử hình.” Yêu cầu của gã đã bị từ chối.

Vào thời điểm tôi viết bài này, gã vẫn đang bị giam giữ ở Đơn vị tội phạm đặc biệt của Monroe. Tuy nhiên, chúng ta có lẽ đã không nghe được lời cuối cùng của Isaac Zamora.

Đối với thị trấn Alger và tất cả những mảnh đời mãi không lành được do hành vi của một cá nhân tâm thần cực kỳ rối loạn, nỗi đau và sự tàn phá của sự kiện ngày mùng 2 tháng Chín năm 2008 sẽ còn mãi trong họ. Có lẽ ngay sau khi vụ giết người xảy ra, tấm biển viết tay trên một cột điện với những bông hoa xung quanh đã nói lên tất cả:

“Chúng tôi - những người dân thị trấn Alger - sẽ không bao giờ quên.”

MÙA HÈ CỦA “CHÚ CÁO”

Vào năm 1984, khi tôi vẫn còn là một cậu bé 6 tuổi, gia đình tôi chuyển đến một thị trấn nhỏ ở phía nam nước Anh và ở đó trong suốt 20 năm. Khi tôi đi học và gặp gỡ những đứa trẻ hàng xóm, tôi nhận ra mình đã chuyển đến một nơi hứng chịu sự nghiệt ngã của một bí ẩn trên người (ít nhất là đối với một đứa trẻ chưa trải đời). Người ta nhìn lướt qua tôi, kể vài giai thoại có thật và tỉ tê những lời đồn hoang đường về sân trường. Tất cả hung đúc trong tâm trí tôi sự bí ẩn về một nhân vật khó nắm bắt, gọi đơn giản là “chú Cáo”. Chú Cáo tránh sự truy bắt và đánh lừa cảnh sát, gần giống như một anh hùng trong truyện tranh. Hắn như một người bí ẩn. Khi tôi lớn lên và dần lắp những mảnh ghép sự thật lại với nhau, bức tranh mơ mộng hoàn toàn tan vỡ và nỗi kinh hoàng thật sự về sức ảnh hưởng của chú Cáo dần ập vào tâm trí tôi, khiến tôi bị cuốn vào vòng xoáy mộng lung và huyền bí đến phức tạp. Từ đó, chú Cáo ám ảnh tôi. Nhưng đối với những ai có mặt vào mùa hè năm đó, những sự kiện khiến người ta hoang mang và sợ sệt trong thị trấn nhỏ này và các vùng ngoại ô xung quanh là những vết nhơ không thể nào gột sạch.

Thị trấn Leighton Buzzard, cách phía bắc thủ đô London khoảng 64km, nằm ở vùng thôn quê Bedfordshire sinh động, không xa khu đồi Chiltern và nơi xảy ra “Vụ cướp xe lửa vĩ đại” vào những năm 1960. Giới báo chí quốc gia đã tốn không ít giấy mực cho sự kiện đó trong nhiều năm. Cho đến khi mùa hè định mệnh năm 1984 trở thành mối giao nhau của “tam giác nỗi sợ”. “Chú Cáo” được đề cập ở trên là một tên tội phạm, một kẻ cắp và một tên lạm dụng tình dục ti tiện. Cái tên đã nói lên tất cả, bản chất xảo quyệt giúp hắn lẩn trốn trong sức ảnh hưởng của nỗi kinh hoàng từ tháng Ba năm 1984, trong một khu tam giác tội phạm, tiếp giáp biên giới của ba hạt xung quanh London ở đông nam nước Anh - Hertfordshire, Bedfordshire và Buckinghamshire, cho đến khi hắn bị bắt vào tháng Chín.

Mùa hè dai dẳng và nóng nực năm 1984 lúc đầu không khác biệt mấy so với mùa hè của những năm trước. Thị trấn Leighton Buzzard hầu như không nằm trong sự kiện phản đối hạt nhân ở căn cứ Greenham Common, cũng như tin tức cuộc đình công của thợ mỏ do hạt phóng xạ tiếp tục “làm

mua làm gió” trên các tiêu đề báo chí quốc gia trong năm đó. Thật vậy, nó đe dọa đến hầu hết những người bị dị ứng phấn hóa, như cánh đồng cải dầu vàng tươi dịu dàng ngả nghiêng phủ khắp vùng nông thôn và sắp đến ngày thu hoạch. Ngay cả khi chú Cáo bắt đầu chuỗi ngày phạm tội, không mấy ai biết nổi kinh hoàng đó sẽ đến mức nào, chỉ biết rằng sau đó, nó đã hủy hoại thị trấn Leighton Buzzard, cũng như những ngôi làng và thôn xóm im lìm xung quanh. Mặc dù hình thức tội phạm tương tự đã từng xuất hiện, nhưng ngay từ đầu, không mấy ai biết gì về một kẻ tấn công hàng loạt đang tự do làm bậy.

Cảnh sát đoán chừng chú Cáo bắt đầu chuỗi ngày tội ác với những vụ trộm liên tiếp vào tháng Ba năm 1984. Tội ác nghiêm trọng đầu tiên xảy ra vào ngày 11 tháng Tư ở khu Linslade (thị trấn Leighton Buzzard). Một góa phụ 74 tuổi bị một người đeo mặt nạ đánh thức và hành hung một cách khiếm nhã. Tuy nhiên, bà đã chống trả, khiến hắn “bỏ của chạy lấy người”. Đây là dấu hiệu đầu tiên cho thấy tên tội phạm, sau này được biết với tên chú Cáo, cũng sợ sệt và lém lỉnh như “đồng loại” của hắn.

Chú Cáo “lặng” đi một thời gian, thực hiện một loạt vụ trộm khác trong khu vực, ngoài ra thì không làm gì nữa. Cho đến một tháng sau, có lẽ hắn tự tin rằng cuộc chạm trán trước đó chỉ là một “phép thử”. Vào ngày 10 tháng Năm, chú Cáo đột nhập vào nhà của ngôi làng Cheddington trong khu vực. Những gì lúc trước diễn ra như “cơm bữa” thì bây giờ đã có một bước ngoặt đáng kể. Sau khi trộm 300 bảng Anh, chú Cáo vô tình thấy một khẩu súng ngắn và băng đạn. Tên tội phạm xảo quyệt trở nên táo bạo khi bây giờ hắn đã sở hữu một món vũ khí đáng sợ hỗ trợ cho những “chuyến săn đêm”. Cũng giống những tên tội phạm khác, với sự hỗ trợ của súng, mặt nạ và bóng đêm “làm bạn”, chú Cáo như tìm được can đảm mà trước nay hắn đã bỏ quên đâu đó.

Không rõ chú Cáo ở trong nhà bao lâu để vuốt ve “món đồ chơi mới”, nhưng cảnh tượng hắn chờ đợi chủ nhà khi anh ta trở về muộn trong tối hôm đó thật lạnh xương sống. Người chủ nhà 35 tuổi đối mặt với việc cả vũ khí và băng đạn của anh ta đã “rơi vào tay” chú Cáo đeo mặt nạ. Đây không phải

là chiếc mặt nạ bình thường, mà là một loại mặt nạ tự chế được làm từ một chiếc quần cũ, với những cái lỗ cho mắt, mũi và miệng. Hiếm ai có thể tưởng tượng bộ mặt xấu xa đó sẽ trông như thế nào dưới ánh trăng mùa hè mờ ảo.

Chú Cáo trối chủ nhà lại, sau đó hắn thản nhiên xem phim khiêu dâm để “giết thời gian”. Có lẽ lời “hành sự” kiểu này sẽ đặt dấu chấm hết cho cuộc đời của chú Cáo và những kẻ giống như hắn. Nhưng chỉ khi thấy khẩu súng ngắn đó, lòng tự trọng đáng thương của hắn mới trỗi dậy (theo lời bào chữa của mình, hắn mô tả bản thân có “một nhân cách rất khiếm khuyết”) và văn hóa phẩm khiêu dâm đẩy hắn chìm vào những xu hướng tình dục lệch lạc. Hắn cố hăng một cách vụng về, tấn công tình dục anh chủ nhà kiệt sức đang bị trối. Sau đó, luật sư lý giải rằng thân chủ của ông đang thử bắt chước những gì thấy trong cuốn băng video, như thể đây là chuyển biến hợp tình hợp lý. Tuy nhiên sau đó, năm báo cáo độc lập chỉ ra rằng hắn thực sự có vấn đề về xu hướng tình dục.

Đoán chừng đã đến lúc, chú Cáo rời khỏi nhà và chôn vũ khí đã sử dụng sau này. Rõ ràng và thật may mắn khi hắn không bao giờ tìm được chúng nữa. Nhưng những thử nghiệm âm thầm của hắn với súng và sự lệch lạc tình dục đến đây vẫn chưa kết thúc.

Giống như một con thú săn mồi đang tiêu hóa một bữa no nê và tạm thời thỏa mãn, chú Cáo “án binh bất động” trong gần một tháng, nhưng hắn lại tiếp tục “hành sự” như thường lệ - đi loanh quanh thị trấn nhỏ để ăn trộm. Mặc dù các nhà chức trách không biết rõ mối liên hệ giữa những sự cố ngày càng nghiêm trọng, nhưng chính sự mơ hồ đó đủ khiến người dân phải lo sợ.

Bây giờ, mùa hè đang len lỏi vào thị trấn. Vào ngày mùng 6 tháng Sáu, chú Cáo “tái xuất”, địa điểm lần này là một nơi cách con đường ở phía trên thị trấn Tring (hạt Hertfordshire) 18km. Đột nhập vào một ngôi nhà vắng chủ, hắn lại vô tình tìm được một khẩu súng ngắn và vài băng đạn. Hắn dùng một chiếc cửa kim loại lấy từ ngôi nhà đó để cửa bỏ phần cuối của khẩu

súng, biến nó trở thành thứ vũ khí mà hắn muốn. Các nạn nhân phải đối diện với thứ vũ khí này, cũng như chiếc mặt nạ tự chế dữ tợn của kẻ cường hiếp.

Trong nhiều năm, tôi cũng như những người khác cho rằng người ta gọi hắn là chú Cáo bởi bản tính khó nắm bắt và xảo quyệt. Tuy nhiên, hắn lại dính lấy cái tên chú Cáo bởi một đặc tính đáng ghê tởm khác. Lần đầu tiên, xu hướng này thể hiện rõ ràng khi một “chuyến săn” khác bắt đầu. Một buổi chiều muộn ngày mừng 8 tháng Sáu, chú Cáo đột nhập vào ngôi nhà vắng chủ của một cặp vợ chồng ở làng Heath và Reach, kề bên thị trấn Leighton Buzzard. Nhưng thay vì tìm kiếm những thứ có giá trị (mặc dù hắn đã lấy 130 bảng Anh), hắn cắt dây điện thoại, tháo bóng đèn và phủ chắn lên nội thất thành một “hang ổ” trong nhà để xem băng video mà không bị phát hiện. Hắn tự lấy đồ ăn và thức uống trong nhà bếp, thậm chí còn pha một tách trà. Biệt danh phạm tội của hắn có từ việc hắn dựng hang ổ như trẻ con trong nhà nạn nhân. Bên cạnh khẩu súng chôm được và chiếc mặt nạ, chiếc áo ngoài có mũ trùm đầu trở thành một phần không thể thiếu trong trang phục “đi săn” của hắn. May mắn thay, hai vợ chồng về nhà và làm chú Cáo sợ hãi, nhưng “sổ” của cặp đôi tiếp theo thì không “đỏ” như vậy.

Cũng buổi tối hôm đó, chú Cáo đi ngang qua một khu đất canh tác, tới thị trấn Leighton Buzzard và đột nhập vào nhà của một cặp vợ chồng đang say giấc. Anh chồng tỉnh dậy và bắt gặp bóng dáng ma quái của chú Cáo với ánh đèn ngủ mờ ảo hắt lên trong phòng. Chú Cáo lại bị giật mình khi thấy anh ta ngồi dậy trên giường, đến nỗi súng trên tay hắn bị cướp cò (sau đó hắn bị bắt phải thề là không cố ý). Mảnh đạn ghim vào bàn tay anh chồng khi anh đưa tay lên tự vệ. Hắn thực sự hèn nhát khi không chỉ để một người đàn ông bị thương rượt theo phía sau, mà còn “bỏ của chạy lấy người”. Hắn bỏ lại những “chiến lợi phẩm” trộm được từ hiện trường của những “chuyến săn” trước đó - chiếc áo ngoài có mũ trùm đầu và một gói đậu phộng.

Một lần nữa, hắn lại tự hù mình và rơi vào tình trạng nửa tỉnh nửa mê trong vài tuần. Trong cơn mê man, hắn hầu như thấy mình “tham gia những phi vụ” trộm cắp khá trần tục vào ban ngày. Ngược lại, bây giờ cảnh sát trở nên cảnh giác cao độ khi họ biết rằng mình đang phải đối mặt với một tên tội

phạm có trang bị vũ khí và có ham muốn tình dục bạo lực. Ban đầu, họ nghĩ rằng tội ác đáng sợ xuất hiện vào nửa đầu tháng có chút nghiêm trọng. Rồi một sự kỳ quặc đến ớn lạnh hiện ra rõ ràng - chú Cáo lấy những tấm ảnh của nạn nhân nữ trong cuốn album ảnh và nhìn chúng chăm chú.

Vào thời điểm hấn tiếp tục gây án, đó là ngày mừng 6 tháng Bảy, mùa hè đang bắt đầu nóng lên. Đây là thời điểm lũ trẻ được nghỉ học và điều đó khiến cha mẹ chúng trở nên lo lắng hơn. Mặc cho đợt nắng nóng đang từ từ lan tỏa, cảnh sát khuyến cáo người dân khóa cửa sổ tầng dưới vào mỗi tối. Lời khuyên này cũng chẳng an ủi được nhiều người dân địa phương sống trong ngôi làng bungalow¹² và căn hộ tầng dưới là bao. Cảnh sát cũng cảnh báo về “sự nhanh nhẹn đặc biệt” của chú Cáo. Họ quan tâm đến thủ pháp gây án của hấn - thu thập những sợi dây thừng nhỏ, dây giày và những vật dụng khác thường tìm được quanh nhà rồi dùng chúng để trói những nạn nhân xấu số tiếp theo. Họ cũng phán đoán chính xác rằng tên tội phạm này am tường từng góc ngách của địa phương. Hóa ra, trước khi chọn địa điểm gây án tiếp theo, hấn khảo sát khu vực từ sườn đồi Ivinghoe Beacon (sau này xuất hiện trong những bộ phim *Harry Potter* và *Chiến tranh giữa các vì sao*).

12.Theo hướng nghiệp Á-Âu, ngôi nhà bungalow là kiểu nhà diện tích nhỏ, một tầng, có xuất xứ từ Ấn Độ vào thế kỷ XVII. Cái tên “bungalow” ban đầu được gọi là “bangla” - từ gốc Ấn Độ để chỉ “một túp lều nhỏ” cho những người dân chăn nuôi. Ở Anh, hầu hết các ngôi nhà một tầng đều được gọi là bungalow.

Nỗi sợ khủng khiếp nhất của cảnh sát đã được chứng thực. Tiếp theo, chú Cáo đột nhập vào một ngôi nhà ở Linslade vào buổi sáng sớm tinh mơ, trói một cặp đôi trẻ tuổi và tấn công tình dục người phụ nữ trước khi hấn bị tiếng hét của cô ta dọa cho sợ hãi bỏ chạy. Tuy nhiên, điều này không làm hấn nhụt chí quá lâu. Hai ngày sau, hấn đột nhập vào một ngôi nhà khác trong cùng khu vực. Lần này là nhà của một cặp đôi đã có con cái. Họ “nín khe chịu trận” trước họng súng. Người vợ bị hấn dùng súng đánh cho bất tỉnh. Ngôi nhà của gia đình xấu số này ở rìa của một khu vực đẹp như tranh vẽ có tên Bluebell Woods. Tôi nhớ là vào năm sau, chuyến đi chơi của một

trường trung học cơ sở được tổ chức ở đó. Đêm ấy, chú Cáo thành công tẩu thoát khỏi sự truy bắt của 120 viên cảnh sát, đến chỗ cảnh vụ cũng không đánh hơi được hắn. Có lẽ chuyện này đã làm dấy lên tin đồn mà tôi nhớ từng được nghe khi còn nhỏ: cảnh sát đã bẫy chú Cáo ở cả hai đầu của đường hầm đường sắt Leighton-Linslade, nhưng hắn vẫn trốn thoát được.

Một tuần sau, vào rạng sáng ngày 13 tháng Bảy, hắn lại gây án. Hiện trường gây án lần này là một ngôi nhà ở Edlesborough, cách thị trấn Leighton Buzzard 11km. Đây là vụ án lớn nhất, kéo dài nhất và khét tiếng nhất. Những nạn nhân trong nhà gồm một cô gái 18 tuổi, anh bạn trai 21 tuổi của cô và đứa em trai 18 tuổi của cô. Chú Cáo trang bị đầy đủ mặt nạ và khẩu súng. Hắn nằm chờ đợi, cho đến khi đứa em trai đứng dậy đi vệ sinh và hai người chạm mặt. Tiếp theo, cô chị gái nghe thấy tiếng động. Cuối cùng, cả ba bị bao vây và bị đe dọa trước họng súng. Hai người thanh niên bị trói trên sàn nhà, còn cô gái nằm trên giường với chiếc áo gối phủ lên đầu. Hắn bỏ mặc cả ba người đang kinh hãi, trong khi hắn, một lần nữa, tự pha cho mình một tách trà - một sự tàn ác trái ngược với truyền thống cổ xưa của Anh. Hắn quay trở lại và cưỡng hiếp cô gái một cách dã man.

Cảm thấy không thỏa mãn, nên hắn đã cố ép hai thanh niên làm điều tương tự như hắn đã làm với cô gái, nhưng họ không làm được. Dường như họ bị tê cứng vì sợ hãi và kinh tởm. Hắn cảm thấy thỏa mãn khi để những người đàn ông làm vậy và có lẽ cuối cùng, hắn cũng hài lòng. Hắn đã đánh cắp một số đồ dùng cá nhân và bỏ trốn khỏi hiện trường. Ít nhất, nói tới đây, hắn đã thể hiện dấu hiệu ăn năn. Như những gì hắn khai nhận sau đó, hắn phá hủy khẩu súng và thề sẽ chấm dứt những ham muốn tình dục bạo lực.

Mặc dù rất hoảng sợ, nhưng cô gái đã dũng cảm kể lại câu chuyện với giới báo chí. Cô nói rằng hôm sau, cô và gia đình đã đến một quán rượu địa phương vì thông tin của cô đã được bảo mật. Cô nói, “Cố giam cầm bản thân cũng vô ích.” Chuyện này cũng dễ hiểu, nếu cô ấy phải trải qua một chuyện kinh khủng như vậy. Cô ấy mô tả đơn giản là mình chỉ chờ chết, và hành động tàn bạo của chú Cáo đối lập với giọng nói nhẹ nhàng bình tĩnh ra lệnh ẩn sau lớp mặt nạ. Cô cho rằng không nạn nhân tiếp theo nào có thể cố chống trả

lại tên tội phạm này, với lý do, “Vượt qua thời khắc bị cưỡng hiếp dễ hơn so với đưa ai đó trở về từ cõi chết.” Đối với nhiều phụ nữ trong khu vực khi đọc được những dòng này, họ liên tưởng chúng có lẽ giống như *Lựa chọn của Sophie*¹³ - cô gái rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan.

13. Trong tác phẩm, Sophie bị ép phải lựa chọn để con gái hoặc con trai của mình tiếp tục sống. Với tình thế cân não đó, Sophie đành cắn răng đau khổ hi sinh con gái.

Cũng trong thời điểm này, thị trấn nhỏ Leighton Buzzard không chỉ là tâm điểm của làn sóng tội phạm kinh hoàng, mà mọi người ngày càng trở nên rối loạn khi không ai cảm thấy an toàn trước hành vi nhiều nhượng và nhục nhã của tên tội phạm ấy. Trước đó, một kỳ án mặc dù diễn ra trong một khoảng thời gian căng thẳng hơn nhiều, nhưng sức ảnh hưởng khủng khiếp ở thập kỷ trước của tên hiếp dâm và giết người khét tiếng Peter Sutcliffe - còn được gọi là “Đồ tể vùng Yorkshire” (Yorkshire Ripper) - vẫn còn âm vang rợn người. Trong nhiều năm gây án, gã không bị bắt, một phần là do cách thức giải quyết vụ án sai lầm của cảnh sát. Trớ trêu thay, các chuyên gia từ vụ án đó đã được điều đến để hỗ trợ cảnh sát khắp ba hạt, bao gồm cả việc sử dụng một hệ thống điện toán hóa để ghi lại và tham khảo chéo những báo cáo. Từ giữa tháng Bảy trở đi, cảnh sát cũng thường xuyên trưng dụng một máy bay trực thăng quân đội Lynx để khảo sát khu vực. Âm thanh của nó phát ra hàng đêm như báo một điềm gở cho cư dân trong khu vực, không khác gì tiếng còi báo động tránh bom trong cuộc oanh kích Blitz.

Nỗi sợ sệt nhường chỗ cho sự hoang tưởng và hoang mang. Những hành động của người dân thị trấn Leighton Buzzard và khu vực xung quanh cũng dễ hiểu, vì họ đang bảo vệ gia đình mình. Tôi nhớ một người bạn học đã tự hào nói rằng cha cậu - người trông coi một trong những trường trung học cơ sở (trường cũ của tôi) ở địa phương - đã xây dựng tạm những chiếc bẫy treo trên cửa sổ trong ngôi nhà bungalow ở khuôn viên trường học. Những chiếc bẫy treo này chủ yếu bao gồm ô tô và hình vẽ đồ chơi của cậu và anh trai cậu. Mục đích là báo động cho những người trong nhà biết có kẻ xâm

nhập gia cư bất hợp pháp và có lẽ khiến hắn giật mình khi thấy tràn ngập những hình ảnh của phim Chiến tranh giữa các vì sao và Chúa tể vũ trụ. Một người dân của Edlesborough chia sẻ cách anh buộc dây xung quanh tay nắm cửa ngôi nhà và nằm chờ trong phòng ngủ với lon, chai và những đồ vật khác để “tập kích” bất kỳ kẻ xâm nhập gia cư bất hợp pháp nào.

Những người cao tuổi sống một mình trong ngôi làng nói, “Tôi quá sợ hãi, đến nỗi không tài nào chớp mắt được. Mỗi tiếng động trong đêm đều rất đáng sợ. Hắn dường như nắm rõ mọi góc ngách trong làng. Điều này khiến người dân chúng tôi rất lo lắng.” Hàng xóm của bà đồng tình, người này mô tả cả thủ thách như khiến người ta “chết điếng”. Một kỷ nguyên mở ra cùng tai ương giáng xuống con người; ngoài sức mạnh hạt nhân hủy diệt có thể đe dọa tới sự sống, chú Cáo khiến nỗi sợ hãi càng thêm rõ ràng và đưa nó đến “gõ cửa” từng nhà.

Có vẻ chính chú Cáo đã gây ra những tội ác này. Mặc dù báo cáo nói rằng tỷ lệ tội phạm nói chung đã giảm, vì những tên trộm “bình thường” không muốn bị tình nghi thực hiện những vụ án kinh hoàng đã xảy ra và khiến người dân thêm sợ hãi. Một số đồng rơm rạ đã bị đốt cháy trong hàng loạt những cuộc tấn công đốt phá như mỗi ngày hoặc là do chú Cáo thực hiện hoặc là một hình thức để tiêu diệt những sĩ quan tay trong đang ẩn mình, nhưng những suy nghĩ này đã sớm bị loại trừ. Đám cháy đã gây ra thiệt hại trị giá một phần tư triệu bảng Anh và chắc chắn “sau cơn mưa trời lại sáng”, ánh sáng khả huyền sẽ đến sau những điều khủng khiếp đã xâm chiếm nơi đây. Những đám khói cuộn cuộn bao trùm vùng nông thôn không chỉ mang ý nghĩa là những góc khuất đằng sau nhân vật chú Cáo, mà còn là tâm lý hoang mang chung của người dân địa phương.

Người dân đã “tẩu tán” hết sạch khóa và thiết bị bảo mật trong những cửa hàng phần cứng. Bên cạnh đó, những cửa hàng buôn súng ở địa phương cũng “mua nay bán đấy”. Nhiều người dân cảm thấy họ có quyền bảo vệ bản thân và những người thân yêu khỏi những tổn thương có thể xảy ra. Sau cùng, nếu chuyện này vẫn tiếp diễn, các vụ án mạng có thể xảy ra dài dài trong tương lai. Những lời phát biểu của Tổng giám đốc Điều tra Brian

Prickett khó lòng trấn an sự sợ hãi của người dân. Trong một buổi họp báo, ông tuyên bố, “Chúng tôi đang chờ đợi hấn gây án lần nữa, tuy nhiên chúng tôi đang làm tất cả mọi thứ để ngăn chuyện đó xảy ra. Hấn bắt đầu phạm tội trộm cắp, sau đó là bạo lực và tiếp đến là tấn công tình dục. Mỗi hành vi phạm tội cho thấy hấn có xu hướng ngày càng bạo lực.”

Mặc dù lời nói đó làm tăng thêm nỗi sợ hãi trong lòng người dân, nhưng ông cũng cảnh báo người dân không được dùng “luật rừng”, đặc biệt là hành vi công lý tự xưng. Với số lượng súng ngắn đã được bán ra, lời cảnh báo đó cũng không có gì quá đáng. Tương tự, lời nói từ người cha của một trong những nạn nhân trẻ tuổi đã nhận được sự hưởng ứng từ một cộng đồng đang chìm trong lo sợ nhưng cũng tràn đầy lòng căm phẫn, “Tôi hi vọng và cầu nguyện rằng cảnh sát sẽ không thể bắt sống tên này. Hấn đáng bị bắn. Nếu không ai khác làm được thì tôi sẽ không ngần ngại mà bóp cò thay đâu.”

Việc thiếu thông tin và sự minh bạch chỉ đổ thêm dầu vào lửa và khiến hiểu lầm ngày càng chồng chất. Trên thực tế, phóng viên báo chí đã tự “thêm mắm dặm muối”. Lúc bấy giờ, cảnh sát mô tả điều đó “dễ kích động, gây hiểu lầm và thiếu chính xác”. Cũng chính báo chí đặt cho hấn biệt danh “chú Cáo”. Điều này đã thu hút sự quan tâm của những bác sĩ tâm lý tham vấn cho vụ án. Họ tin rằng biệt danh này có thể lôi cuốn cái tôi của tên tội phạm và khiến hấn phạm tội nhiều hơn.

Do đó vào giữa tháng Bảy, cảnh sát kêu gọi người dân gọi điện thoại đến số 999 (số điện thoại khẩn cấp của Vương quốc Anh) ngay khi họ nghe thấy bất cứ tiếng động gì đáng ngờ. Tuy nhiên, cảnh sát cũng sợ gặp phải tình trạng báo động giả. Sau đó cảnh sát đã nhận được báo cáo sau những sự cố muộn màng, nên họ không kịp xử lý chúng.

Có lẽ cảnh sát đã phải hối tiếc khi xử lý mọi chuyện quá muộn, vì nó kéo theo một loạt báo động giả. Đến ngày 20 tháng Bảy, cảnh sát nhận 20-30 cuộc gọi mỗi buổi tối mà không thu được kết quả gì. Những báo cáo khác ước tính có gần 100-200 cuộc gọi/giờ tại trụ sở Dunstable (mặc dù đến ngày 20 tháng Tám, con số này đã giảm xuống còn 30 cuộc một ngày).

Cảnh sát sớm đánh giá thấp những báo cáo về một tên tội phạm cường hiếp khó hiểu, bị kết án và trốn khỏi một bệnh viện tâm thần vào tháng Sáu. Một báo động giả xảy ra khi người dân nghe thấy tiếng động, nhưng hóa ra là tiếng của những con nhím đang giao phối trong khu vườn phía sau. Trong một sự cố khác, cảnh sát được gọi về việc một người đàn ông nổ súng về phía cửa sổ, sau khi anh ta nghe thấy một tiếng động nào đó.

Mặc cho những chuyện đã xảy ra, cảnh sát đã làm việc chăm chỉ để bắt chú Cáo (cuộc điều tra có biệt hiệu là “Chiến dịch Đậu phộng”), với lời đề nghị gặp hung thủ trên sóng truyền hình. Vào lúc tội ác của chú Cáo lên đến đỉnh điểm, một giám đốc điều tra cho biết ông sẽ chuẩn bị gặp chú Cáo “ở giữa vùng hoang dã hoặc trong một quán rượu đông đúc”. Ông cũng nói thêm rằng nếu cần, ông sẽ chỉ mặc mỗi quần lót để chứng minh ông không đem theo vũ khí. Ông nói thẳng với chú Cáo, “Tất cả những gì mà chúng tôi muốn làm là ngăn anh phạm tội giết người và những tội ác nghiêm trọng khác. Tôi không tin anh là một người nhân tâm, nhưng tôi sợ anh sẽ giết ai đó nếu anh đang hoảng sợ và tất nhiên, chúng tôi muốn ngăn chặn điều này.”

Bên cạnh đó, cảnh sát đã lập hồ sơ của nghi phạm giết người. Mặc dù rất nhiều nạn nhân mô tả hấn nói giọng miền bắc (chính xác là như vậy), cảnh sát lý luận rằng có lẽ hấn cố tình dùng giọng miền bắc để gạt mọi người. Một sĩ quan cảnh sát cao cấp đặt ra giả thuyết hấn có lẽ là một người “cư xử bình thường vào ban ngày, thậm chí đến tối hấn sẽ về nhà với vợ và gia đình”. Một phỏng đoán không đúng khác là nghi phạm này là “một kẻ cô đơn và thất nghiệp”. Có thể hấn sống lặng lẽ trong một cộng đồng cùng với người mẹ già và còn đang độc thân.

Vào thời điểm đó, đặc điểm “một kẻ cô đơn và thất nghiệp” có khả năng gây kích động và ảnh hưởng đến chính trị xã hội. Trong giai đoạn này, người dân ở Anh thất nghiệp hàng loạt và những người thợ mỏ ưu tú khắp đất nước tham gia vào trận chiến ý chí về chính trị với chính phủ cầm quyền (thực sự, nhiều cảnh sát đã được triệu tập để đảm bảo trật tự cho nhóm thợ đình công và tham gia vào “chuyến săn” của chú Cáo). Một tên tội phạm

với hồ sơ như vậy có nguy cơ đe dọa tính mạng của “một biển người” nam giới trưởng thành. Vào tháng Mười hai năm 1984, một bài báo tổng hợp để minh họa những sự kiện thật hoàn chỉnh đã được đăng trên tờ *Guardian*. Hai tháng sau khu chú Cáo “bị tóm”, báo cáo của một nghiên cứu đại học được công bố trên tạp chí y khoa *Lancet* cho biết “những người đàn ông thất nghiệp thường chết sớm hơn”.

Một lưu ý không mấy liên quan nhưng thú vị là hồ sơ kẻ tình nghi không khớp với vụ án của chú Cáo, nhưng nó hoàn toàn phù hợp với hồ sơ của tay xả súng hoàng loạt Michael Ryan. Hai năm sau khi chú Cáo bị kết án vì tội ác rừng rợn ở thị trấn nhỏ và làng mạc giáp ranh với hạt Hertfordshire, một thị trấn nông thôn im ắng khác ở hạt Hertfordshire chúng nhân cho một thể lực sặc mùi kinh dị hơn nhiều. Vào sáng ngày 19 tháng Tám năm 1987, Ryan - một kẻ cô đơn và thất nghiệp, sống với mẹ - thức dậy, bắt đầu xả súng bừa bãi và giết chết những người dân địa phương, bao gồm cả mẹ ruột của mình ở khu thị trấn nhỏ bé giàu truyền thống lịch sử. Gã trang bị một khẩu súng ngắn và hai khẩu súng trường bán tự động, sau đó tự nạp đạn hai khẩu súng đó và bóp cò. Ryan bị ám ảnh bởi súng cầm tay và các vật dụng quân sự khác. Vụ án của gã trực tiếp dẫn đến Tu chính án về súng cầm tay vào năm 1988. Tu chính này cấm sở hữu súng trường bán tự động và súng trường nạp đạn bằng kiểu bơm, cũng như thực hiện các biện pháp kiểm soát khác.

Trong khi những tội ác của chú Cáo là một bí ẩn mà tôi dần dần khám phá ra sau nhiều năm, tôi nhớ rõ ràng tin tức về hạt Hungerford phủ sóng khắp nơi và xuất hiện trùng với sinh nhật lần thứ 9 của mình. Hòa cùng mọi người dân trên khắp đất nước, cả gia đình tôi dán mắt vào màn hình tivi. Mọi người không tin lắm, nhưng vẫn có niềm đam mê “Kỳ quặc” với những chi tiết pháp lý về tội ác thực sự và những tội phạm gây án. Liệu chúng ta chỉ đơn giản là cho hung thủ danh tiếng và sự chú ý mà họ khao khát sau khi chết, hay nếu chúng ta hiểu biết nhiều hơn thì sẽ hiểu rõ hơn động cơ và ý định gây án cũng như có những biện pháp phòng ngừa tốt hơn? Những câu hỏi như vậy ở thời điểm hiện tại thậm chí còn phổ biến hơn so với 30 năm trước.

Mặc cho người dân hoang mang và kích động vào thời điểm đó, cảnh sát cuối cùng cũng “giăng lưới” sắp bắt được chú Cáo. Một lần nữa, “bốn cũ soạn lại” - hấn tấn công, bỏ chạy và án binh bất động trong một khoảng thời gian, thỏa mãn với những vụ trộm sau này và tiếp đến là thị trấn Milton Keynes (cách con đường ở phía trên thị trấn Leighton Buzzard khoảng 19 km). Sau đó, hấn tới con đường, rồi đi đến phía bắc nước Anh. Cảnh sát (hoặc bất kỳ ai khác vào thời điểm đó) không hề hay biết hang ổ thực sự của chú Cáo là Sunderland ở miền đông bắc nước Anh.

Quyết định gây án ở một địa điểm mới sẽ là hành vi tội lỗi cuối cùng của hấn. Mặc dù hấn quyết tâm dừng lại, nhưng vào ngày 17 tháng Tám hấn lại gây án. Khi đi qua South Yorkshire, hấn tấp xe vào lề đường cao tốc, đậu nó trong một khu vực nhiều cây cối. Sau đó, hấn đi bộ đến làng Brampton-en-le-Morthen, đột nhập vào một ngôi nhà, trói một cặp vợ chồng và tấn công tình dục người vợ. Một lần nữa, điều này không đủ thỏa mãn hấn, vì vậy hấn lái xe xa hơn về phía bắc, đến Peterlee và hành hung một người phụ nữ khác ngay trong nhà của cô. Chú Cáo đã có biểu hiện cân nhắc của chúng rồi loạn nhân cách chống đối xã hội trong lần tấn công gần nhất này. Hấn lấy đi một mảnh drap trải giường dính tinh dịch từ lần tấn công tình dục đầu tiên để tránh bị phát hiện DNA thông qua hồ sơ mẫu máu (không được sử dụng rộng rãi vào thời điểm này). Mức độ tính toán ấy cùng những thủ đoạn rõ ràng, xảo quyệt và được dự trù từ trước sẽ biến hấn thành thẳng hề, nếu hấn tự bào chữa cho mình là một kẻ ngờ nghệch, ngu ngơ.

Cảnh sát đã phát hiện găng tay, mặt nạ và khẩu súng (mà hấn đã chôn) được sử dụng trong những vụ tấn công ở miền bắc có dấu vân tay hấn, nhưng chính chiếc xe sẽ tố cáo tội ác của hấn. Khi chú Cáo một lần nữa đi về miền nam để tiếp tục những “chuyến săn đêm”, cảnh sát đã tìm thấy một miếng sơn bong ra trong chiếc xe bị vứt bỏ tạm thời của hấn. Họ xác định nó thuộc về một mẫu xe Leyland của Anh có màu vàng óng. Chứng cứ này chưa đủ thuyết phục và là nhiệm vụ rất khó trong giai đoạn này, nhưng họ có thể bắt đầu khoanh vùng nghi phạm. Chuyến đi của chú Cáo đến miền bắc đã giúp họ có chứng cứ ấy. Cảnh sát bắt đầu tin rằng nghi phạm có thể không

phải người địa phương, nhưng có khả năng hẳn là một công dân bình thường, đến và đi trong khu vực phạm tội và điều này đã được chứng minh là đúng.

Trước khi bị bắt, chú Cáo cố “thêm thắt” trong thủ pháp gây án những vụ trộm và tấn công đã được cảnh sát thiết lập trước đó. Hắn đột nhập vào nhà của một người phụ nữ đang ngủ ở thị trấn Milton Keynes và dùng dao đe dọa cô ấy (sau khi đã chôn súng ở miền bắc), nhưng hắn buộc phải chạy trốn khỏi hiện trường khi cô ấy “nổi trận lôi đình” chống trả lại. Khẩu súng bảo vệ, hay nói cách khác là nguồn sức mạnh tiếp thêm cho hắn (chúng ta phải nói bao nhiêu lần về điều này ở những kẻ “săn mồi” và kẻ giết người nhỉ?) chỉ là thứ khiến hắn tự huỷ hoại mình.

Đến lúc này, cảnh sát đã bắt đầu “vén bức màn bí ẩn” về chú Cáo ma mãnh bằng các biện pháp nghiệp vụ - từ từ loại trừ những chủ sở hữu xe không thuộc diện tình nghi - cùng với một phương án “đi tắt”. Một tài xế xe tải là nhân chứng có lợi cho việc điều tra những vụ án xảy ra ở miền bắc. Trong quá trình thôi miên, ông nhớ có một chiếc xe hơi tấp vào đường cao tốc ở thời điểm xảy ra vụ án, xác định được kiểu dáng và mẫu mã. Điều quan trọng là ông nhớ lại một phần của biển số đăng ký tại hạt Durham.

Điều này giúp xác định chính xác chiếc xe, nhưng không nhất thiết nghi phạm phải là chủ sở hữu chiếc xe... Một chiếc xe bị trộm từ Luton ở hạt Bedfordshire được tìm thấy cách Bampton 32km, hóa ra là một nhầm lẫn khác. Trong quá trình loại trừ, cảnh sát thông qua hệ thống máy tính, tham gia vào một cuộc kiểm tra chéo chi tiết và kéo dài, sau cùng họ kiên nhẫn loại trừ hơn 300 nghi phạm bằng cách đọc lời khai bốn lần, sau đó kiểm tra thông tin giữa máy tính và hệ thống lưu trữ hồ sơ. Một bài báo đăng vào ngày 20 tháng Tám đề cập cảnh sát phải đối mặt với những khó khăn trùng trùng. Bài báo viết, “Họ đã có nhóm máu của hắn... Bảng điều tra cho thấy hắn không uống rượu bia, không hút thuốc lá và bàn tay hắn nhẵn nhụi. Họ cũng có hàng trăm dấu vân tay. Vấn đề là phân loại vân tay nào là của ai.”

Họ làm việc chăm chỉ và cẩn thận như muốn phần nào bù đắp cho những thất bại trong quá khứ, nhưng không một ai có thể chê trách sự tận

tụy của họ trong công cuộc truy lùng chú Cáo.

Cuối cùng, có công mài sắt có ngày nên kim. Nếu vụ án này có những điểm tương đồng đáng lưu ý với vụ bắt giữ “Con trai của Sam” David Berkowitz - tên giết người khét tiếng ở thành phố New York, thì theo thường lệ trong việc loại trừ nghi phạm, cảnh sát ở thị trấn Kentish, London đã đến gặp nam chủ nhân của một chiếc xe hơi màu vàng. Trong lúc điều tra chiếc xe Austin Allegro, họ tìm thấy mặt nạ và đồ dùng cá nhân khác trong cốp xe. Còn trong căn hộ của nghi phạm này, họ tìm được chiếc quần yếm có chất liệu trùng với những chiếc quần yếm tìm thấy trước đó. Chiếc xe trên cũng có những vết cào xước ứng với dấu vết bị cào xước do cây cối trong khu vực bên ngoài đường cao tốc. Nhận thấy có nhiều sự liên quan, họ yêu cầu người này tự đeo đồng hồ lên tay. Hắn đeo vào cổ tay phải, chứng tỏ hắn thuận tay trái. Chú Cáo cũng sử dụng tay trái để xé rách đầm ngủ của một trong những nạn nhân. Một nạn nhân khác đã để ý thấy chiếc đồng hồ đeo tay đặc biệt trên cổ tay phải của hung thủ. Chú Cáo, chính là Malcolm Fairley, cuối cùng đã bị “tóm sống” giữa ban ngày ban mặt trong một cuộc điều tra thường lệ và cách xa vùng nông thôn nước Anh - nơi hắn gieo rắc sức ảnh hưởng kinh hoàng của mình về đêm. Trong vòng năm tháng, số vụ án hắn gây ra lên tới con số cực lớn - 80 vụ án.

Sau một loạt những màn tra hỏi tại trụ sở điều tra ở Dunstable, kết quả cho thấy rõ ràng người đàn ông ăn nói nhỏ nhẹ đến từ phía bắc nước Anh là chú Cáo. Không phải là một kẻ cô đơn và thất nghiệp sống với mẹ, Malcolm Fairley đã kết hôn và có con cái. Hắn làm rất nhiều công việc lao động ở phía nam. Hắn từng vào tù ra khám vì tội trộm cắp, nhưng chưa từng phạm tội về tình dục. Vợ hắn rõ ràng không biết tí gì về tội ác của hắn. Hắn khai nhận rằng hắn mừng khi bị bắt vì cuối cùng cũng “có người ngăn hắn lại hoàn toàn”.

Phiên xét xử bắt đầu vào tháng Hai năm 1985 tại Tòa án St.Albans Crown ở hạt Hertfordshire và tuyên án diễn ra vào ngày 26 tháng Hai. Việc Fairley khai nhận bản thân ít học - không biết chữ và không biết tính - là một lời bào chữa bất thành và cho thấy hắn có một “nhân cách rất khiếm

khuyết”. Luật sư được chỉ định bào chữa cho hắn xác nhận, “Hậu quả là hắn không phân biệt được đúng sai rõ ràng.”

Quan trọng là khi đề cập đến những băng video khiêu dâm mà hắn đã xem, lời bào chữa của Fairley dựa trên niềm tin rằng hắn “đang cố gắng bắt chước những gì hắn thấy trên màn hình băng video”. Mỗi quan tâm này kéo dài vào thời điểm đó và chỉ xuất hiện vài năm, sau cuộc tranh luận về “chiếc video tục tĩu” tại Quốc hội Anh, dẫn đến Đạo luật thu băng video vào năm 1984. Đây là phản ứng cho một thực tế rằng khi băng video trở nên phổ biến ở Anh, nó không được thông qua khâu kiểm duyệt ban đầu. Họ lo ngại trẻ em và những thành phần “nhạy cảm” của công chúng sẽ bị ảnh hưởng khi xem những văn hóa phẩm này, cũng như nó có thể trực tiếp dẫn đến tội ác bạo lực. Mặc dù tất cả những người có đầu óc lành mạnh đồng tình với một thực tế rằng hệ thống xếp hạng sẽ lập tức ngăn trẻ em xem loại văn hóa phẩm này, chẳng hạn như *Bộ tộc ăn thịt người (Cannibal Holocaust)*, hoặc một danh sách gồm năm mươi tựa phim sau đó đã bị cấm hoàn toàn, luôn cả những bộ phim được chiếu rộng rãi và tương đối vô hại như *Ma cây (The Evil Dead)* của đạo diễn Sam Raimi.

Câu chuyện trở nên phiền phức hơn khi các phương tiện truyền thông và Quốc hội (một Bộ trưởng đảng Bảo thủ công khai tuyên bố rằng con chó của mình sẽ bị tổn hại khi xem những băng video như vậy) xuất hiện phản ứng kích động. Trên thực tế, mọi người thường xuyên cho rằng có những mối liên hệ nhân - quả trực tiếp giữa việc xem loại băng video này và phạm tội bạo lực mà không đưa bằng chứng (các nghiên cứu sau đây đã củng cố một thực tế rằng lập luận này không chính xác và gây hiểu nhầm).

Tuy nhiên, văn hóa phẩm mà Fairley xem rõ ràng đã vượt xa việc xem phim kinh dị, bước vào phạm vi văn hóa phẩm khiêu dâm nguy hiểm và bạo lực, nói cách khác nó hoàn toàn phục vụ cho mục đích đó. Thẩm phán đồng tình và nói rằng những người sản xuất văn hóa phẩm này “sẽ muốn quên anh [Fairley] là một trong những người chịu tổn hại nghiêm trọng nhất của họ”. Giống như bồi thẩm đoàn, thẩm phán không có thời gian tìm ra những điểm thuyết phục hơn trong lời bào chữa của Fairley. Ông kết án chú Cáo từng

hồng hách một thời với mức hình phạt tối đa theo luật cho mỗi tội danh trong số 13 tội danh mà hắn đã phạm, tổng cộng là 6 bản án chung thân.

Thẩm phán đã không ngần ngại đưa ra những điều khoản đánh thép nhất có thể đối với chú Cáo “đã sa chân vào bẫy” và kết án rằng “cái hang” sẽ giam giữ hắn cả đời (quyết định được giữ nguyên tại Tòa phúc thẩm vào cuối năm). Thẩm phán đã chỉ ra chính xác rằng mặc dù Fairley không thực sự tước đi sinh mạng của người khác, nhưng hắn đã tùy tiện coi thường điều đó bằng cách “xúc phạm và làm ô nhục đàn ông và phụ nữ”. Hắn đã “lấy đi” rất nhiều thứ của những nạn nhân. Điều đó thể hiện qua nỗi đau đớn và kinh hoàng của các nạn nhân bằng “những ký ức đáng sợ chồng chất suốt đời” do hắn đã gây ra. Rõ ràng, xét trên mức độ và sự liên quan, điều này đúng đối với cộng đồng nói chung, cũng như đối với những nạn nhân nói riêng.

Bí ẩn về chú Cáo đã khắc sâu vào tuổi thơ của tôi. Tôi và những cư dân khác của “tam giác nỗi sợ” sẽ không thể nhanh chóng quên đi tội ác của tên tội phạm xảo quyệt này. Tuy nhiên, bằng nhiều cách, ảnh hưởng khủng khiếp của hắn đã bị lãng quên phần nào, có lẽ nó bị lu mờ bởi tội ác của những “kẻ săn mồi” tương tự - những kẻ đã thêm hành vi giết người vào danh sách tội ác của chúng. Dù thế nào đi chăng nữa, Malcolm Fairley và những tội ác đáng sợ của hắn trong suốt mùa hè năm 1984 tiếp tục đưa ra lời cảnh báo, “hợp chất độc hại” gồm lòng tự tôn thấp, sự lo lắng về tội ác vụn vặt, súng ống và văn hóa phẩm khiêu dâm bạo lực có thể tạo ra những “con quái vật” trong xã hội. Như thẩm phán đã nêu ý kiến trong phần kết luận, Fairley chính là “một biểu tượng quảng cáo suy đồi cho văn hóa phẩm khiêu dâm bạo lực”. Tuy nhiên, chính khẩu súng lại là bước ngoặt đối với một tên tội phạm như Fairley. Nó mang đến cho hắn sự tự tin và cảm giác quyền lực, sự bạo gan của hắn dao động khi quyết định có được hoặc từ bỏ nó. Fairley khai nhận, “Súng là vua, nên có súng là có tất cả.”

CÂU CHUYỆN CÓ THẬT VÀ BÍ ẨN XUNG QUANH VỤ ÁN GIẾT NGƯỜI ĐÃ BỊ QUÊN LẮNG: HUNG THỦ SÁT HẠI GABRIELE SCHMIDT LÀ AI?

Alexandra Burt

Chúng ta đều có một câu chuyện muốn kể về mùa hè năm 1983: vào kỳ nghỉ lễ, tôi đến thăm bà; tôi đi tàu hỏa tới thủ đô Paris. Tôi đã kể câu chuyện của chính mình rất nhiều lần trong suốt 37 năm qua, một câu chuyện đã trở thành lý do khiến tôi viết về thể loại tội ác.

Giai đoạn 1980 là thời kỳ đặc biệt và bị chi phối bởi những mối đe dọa mơ hồ; xét cho cùng, chúng ta đang ở giữa cuộc Chiến tranh lạnh. Những tháng sau mùa hè năm 1983, quân Liên Xô bắn hạ một chiếc máy bay dân dụng của Hàn Quốc đi vào không phận của Liên Xô; những trái bom nguyên tử đang chờ hiệu lệnh cuối cùng để kích hoạt và ném vào Tây Đức. Nhưng cũng có một mối đe dọa khác dần lộ diện.

Tháng Bảy năm 1983. Tại thị trấn Fulda, Đức. Cô bé Gabriele Schmidt (5 tuổi) bị sát hại. Ngày hôm đó, tôi tình cờ có mặt gần hiện trường vụ án, cách 400m theo đường chim bay. Mãi đến nhiều thập kỷ sau, khi tôi tìm thấy một vài bài báo trực tuyến, tôi nhận ra lúc đó mình mới 17 tuổi, gần như trưởng thành, nhưng tôi cảm thấy mình bị tổn thương sâu sắc và tôi thề rằng tôi trẻ hơn nhiều so với độ tuổi đó.

Cô bé biến mất khi đang chơi ở sân nhỏ trong nhà và ngôi nhà đó có rất nhiều người thuê nhà. Vụ bắt cóc xảy ra giữa ban ngày ban mặt với dòng người qua lại tấp nập. Nhìn từ cửa sổ của những ngôi nhà xung quanh, cái sân đó hiện ra trong tầm mắt, nhưng chẳng ai thấy hoặc nghe được bất kỳ âm thanh gì. Thi thể của cô bé sau đó được tìm thấy trong đêm. Cuộc truy tìm hung thủ diễn ra rất nhanh chóng và kỹ lưỡng nhưng họ vẫn không biết kẻ thủ ác là ai. Mặc dù hơn 20 năm sau, truyền thông đã có cơ hội “đào lại” vụ án, nhưng nó chưa bao giờ đủ sức để kích động những người dân ngoài thị trấn. Những hình ảnh về vụ hủy diệt hạt nhân từng ám ảnh trong giấc mơ của tôi và khiến tôi rợn tóc gáy. Còn bây giờ, nỗi ám ảnh đó là một tên giết người tự do làm bậy.

Những chi tiết dã man và bạo lực trong vụ án sát hại cô bé Gabriele Schmidt hầu như là do này. Không có cuộc họp báo nào, không có chi tiết biên bản nào bị rò rỉ cho truyền thông và không có tờ báo nào ngoài tờ báo địa phương *Zeitung* đăng tải câu chuyện. Tôi co rúm lại khi gọi cô bé là “một câu chuyện”, trong khi cô bé còn hơn cả thế. Gabriele Schmidt sẽ không có “ngày đầu tiên đi học”; cô bé sẽ không bao giờ có cơ hội học cách lái xe đạp, kết bạn hay yêu đương, cuộc đời của cô bé mãi mãi dừng lại ở tuổi lên 5. Trong nhiều thập niên sau, những chi tiết về vụ án sát hại cô bé chỉ được giới hạn trong chưa đầy một chục bài báo trực tuyến, trong khi những tội ác tương tự được những tờ báo quốc tế đăng tải. Cô bé ra đi và mang theo câu chuyện bị sát hại xuống nấm mồ.

Fulda là một thị trấn phong cách baroque¹⁴ ở trung tâm nước Đức, tọa lạc giữa hai ngọn núi Rhön và Vogelsberg. Thị trấn này nằm chen chúc giữa ngọn đồi cây cối rậm rạp và các trang trại quy mô nhỏ với đồng xỉ muối kali của các tháp mỏ muối địa phương ở phía đông nam của thị trấn. Cũng giống như nhiều thị trấn nhỏ khác, thị trấn Fulda rất có ý thức về việc xung tội. Vào năm 1980, 10.000 người Công giáo lũ lượt kéo tới thị trấn để tham dự một buổi lễ ngoài trời do Giáo hoàng John Paul II tổ chức trong quảng trường nhà thờ và chiêm ngưỡng nhà thờ Thánh Michael, nhà thờ tiền Romanesque lâu đời nhất toàn quốc. Các dịch vụ thương mại tập trung đông đúc, như rạp chiếu phim, khách sạn lịch sử, nhà hàng nhỏ, quán cà phê và cửa hàng bánh kẹo. Nhưng đừng thấy vậy mà lầm, bởi khi đồng hồ điểm 6 giờ, các chủ tiệm khóa cửa, họ không còn điều gì khác thú vị hơn là xuất hiện trên vỉa hè. Sau nhiều giờ, những ngôi nhà khung gỗ còn lại hầu như không còn được chiếu sáng bằng ánh đèn đường.

14 Theo Gia Bao Group, phong cách baroque ra đời từ kiến trúc thời Phục Hưng. Phong cách này ngày càng phát triển và phổ biến ở nhiều quốc gia châu Âu. Lối thiết kế kiến trúc theo phong cách baroque trông rất tráng lệ, nguy nga và sang trọng. Phong cách thiết kế này thường được ứng dụng

trong các lĩnh vực như nhà hàng, khách sạn theo hướng cổ điển và quý tộc hoàng gia.

Những tòa nhà phong cách baroque ở Fulda là nơi đáng chiêm ngưỡng, đồng thời chúng là chứng tích từ thời vị vua William của Hà Lan cai trị xứ Orange-Nassau và sống trong lâu đài Stadtschloss được xây dựng vào thế kỷ XVIII. Phòng ốc trong tòa lâu đài được trang trí lộng lẫy, với đầy ắp đồ đạc xa hoa và đồ sưu cao cấp. Trong vườn hoa bên ngoài tòa lâu đài, người dân chơi trò ném bi sắt và tắm nắng giữa những cảnh quan kiểu baroque và kiểu Anh. Nhưng vườn hoa này cũng có bí mật - một cái cống nước ở cuối khu vườn, một phần của hệ thống thoát nước thành phố. Nó trải dài đến tận những khu vườn phía sau ngôi nhà của Gabriele Schmidt.

Nếu nói sự kiện tai tiếng đã khiến thị trấn ở cao nguyên đông Hessen được nhiều người chú ý thì chính là nói quá. Thị trấn Fulda có một quá khứ đen tối. Những ngọn đồi thoai thoải và những trang trại rải rác trong khu vực chẳng nói lên điều gì về vai trò của thị trấn Fulda trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh. Người ta cho rằng trận chiến Armageddon¹⁵ xảy ra ở đó. Đồng thời, tôi đến nơi này để đi bộ đường dài trong đầm lầy kể bên biên giới. Ở phía xa xa, những pháo đài quan sát của Đông Đức với lính canh nhìn chăm chăm và ánh đèn pha hướng sự chú ý vào tôi.

15 Theo Tin lành âm phúc, trận chiến Armageddon là một thuật ngữ trong Kinh thánh, có nghĩa là nơi sẽ diễn ra trận chiến giữa hai thế lực thiện và ác.

Tôi lớn lên trong chiến tranh và đọc sách là cách giúp tôi giải thoát những ngày tháng đó. Những câu chuyện là thứ quan trọng nhất trong cuộc đời tôi. Tôi lấy những cuốn sách từ chiếc tủ phủ đầy bụi trên gác mái hoặc mượn từ thư viện địa phương trông chẳng khác gì một căn phòng nhỏ dưới tầng hầm của tòa thị chính. Tôi đọc từ đầu đến cuối tất cả những cuốn sách đặt trên kệ với mọi thể loại: hư cấu, phi hư cấu, thậm chí là y học.

Những kẻ sát nhân hàng loạt. Xét nghiệm nhóm máu. Tôi đọc hết sạch sành sanh và có lần, tôi “lĩnh hội” một cuốn bách khoa toàn thư đặt trên giá vẽ.

Khi không đọc sách, tôi rong chơi khắp chốn. Nơi ưa thích nhất của tôi là những ngôi nhà trong trang trại bỏ hoang, những tháp canh cũ kỹ, những nghĩa trang và rừng cây. Rauschenberg là một gò đất nhỏ được hình thành từ đá bazan và một khu rừng hỗn hợp nhiều cây cối rậm rạp - nơi sống đầy trong tôi những câu chuyện cổ Grimm với những cái cây cao và thẳng như cột nhà, những con cú to lớn có sừng và những cái cây rỗng ruột mọc lên từ một tầng rừng rải rác những cây nấm đỏ có đốm trắng. Một tháp đá cao nhất trong chín tháp canh, với những bậc quanh co nằm giữa những khu rừng. Với vị trí thuận lợi của nó, bạn có thể lần theo các con đường giao thương ngày trước. Tầng rừng rải rác vô số hồ bom được một lớp đất phủ gần kín.

Tôi cũng hay đến thăm nghĩa trang địa phương. Đối với tôi, chuyện này không hề rùng rợn mà chỉ đơn giản là tôi thích đến đó. Khuôn viên nghĩa trang được bao bọc bởi những phiến đá xếp chồng lên nhau, tạo thành một bức tường thô sơ, ở giữa có một cánh cổng sắt và một nhà thờ nhỏ cũ kỹ. Tôi đi qua đi lại cạnh một hàng mộ ở bên trái nhà thờ, mỗi bước chân của tôi khiến nền sỏi đá kêu lạo xạo. Nơi này thanh tĩnh và trang trọng, nên không có ai phàn xét việc tôi chăm chú nhìn những bia đá. Tất cả những người nằm ở đây đều chết trong cùng một ngày. Tôi gọi khu vực ở bên phải nhà thờ là vườn Thiên thần. Đây là một nơi dành riêng cho những đứa trẻ, với những bức tượng thiên thần canh giữ những hàng bia đá nhỏ bằng cẩm thạch trắng.

Trong đó, có một ngôi mộ đặc biệt khiến tôi bị cuốn vào dòng suy tưởng.

Một bia đá đơn độc và đơn sơ nằm rúc ở một góc phía đông, cách những bia đá khác khá xa. Bia đá đó không đề ngày, không đề tên, không đề câu viết trừ công việc của anh ta: *Người lính Liên Xô vô danh*. Thỉnh thoảng, có người đặt bó hoa tươi trên bia đá, nhưng hầu hết thời gian, anh ta bị lãng quên. Ai là người đã đặt bó hoa trên mộ? Liệu họ có biết gì về anh ta không

và điều gì khiến anh ta nằm xuống ở một nơi đất khách quê người? Liệu mẹ anh ta có biết rằng anh ta được chôn ở đây? Tôi thường tự hỏi liệu có phải anh ta đã làm một hành động anh hùng nào đó để được chôn cùng những người dân địa phương hay không. Tôi ước mình có thể đưa ra kết luận về câu chuyện chưa kể của một anh lính, cũng như vụ sát hại Gabriele Schmidt.

Việc tuổi thơ của tôi gắn liền với địa điểm quân sự hóa nặng nề nhất trên trái đất cũng bình thường như những dãy núi thấp ở phía chân trời. Những ngọn đồi thoải thoải ở cao nguyên Hessen là biên giới nơi cuộc chiến sẽ xảy ra. Nếu Chiến tranh Lạnh trở nên “nóng bỏng”, thì nơi này sẽ trở thành bình địa. Từ biên giới khiến tôi liên tưởng đến những người đàn ông áp sát má vào báng súng trường. Ở phía xa xa trước mặt họ, nếu không phải một khoảng trống hoang vu với vũ khí và lưỡi lê thì cũng là hàng trăm đầu đạn hạt nhân tầm trung. Ông bà tôi đã sống trông suốt thời chiến, nhưng họ không bao giờ quên các phương án phòng ngừa quen thuộc: cửa sổ có mái che dày nặng nề và kệ tầng hầm chất đầy đồ hộp. Họ kể về những lúc đèn đường, biển báo được chiếu sáng và đèn pin bị cấm. Thời thơ ấu của tôi chỉ toàn là lời kêu gọi tìm kiếm nơi trú ẩn. Tôi không nhớ bất kỳ cuộc tập trận “cúi người né đạn” nào ở trường, bởi vì nó không cần thiết và những người trưởng thành biết điều mà trẻ con như chúng tôi không được biết: nếu có một vụ nổ hạt nhân, không ai trong chúng tôi sống sót. Chúng tôi sẽ trở thành bụi phóng xạ trong vòng vài phút. Tất cả những nơi trú ẩn quá xa hoặc không đủ sâu và mọi suy nghĩ về sự sống sót chỉ là hão huyền.

Khoảng thời gian tôi mới biết đến việc Gabriele Schmidt mất tích là vào tháng Sáu, ngày lễ *Fronleichnam* (Lễ Mình Máu Thánh Chúa Kito) - một ngày lễ trọng thể của nhà thờ, được tổ chức ở các vùng chủ yếu thuộc đạo Công giáo của Đức. Ngày hôm đó bắt đầu bằng một buổi lễ, sau đó là một linh mục dẫn đầu một đám rước đi qua thị trấn. Những bé gái đội vương miện kết bằng hoa và khoác trên mình bộ đồ đẹp nhất, lấy hoa từ trong giỏ rải trên ncon đường đi qua thị trấn. Vào năm 1983, chúng tôi có một kì nghỉ cuối tuần dài ngày và trường sắp cho học sinh nghỉ hè. Lúc đó, tôi 17 tuổi và

ở nhà của một người bạn vào kì nghỉ cuối tuần. Chúng tôi tranh thủ từng phút từng giây lên kế hoạch để tận hưởng kỳ nghỉ.

Căn hộ của bạn tôi như một cái hộp bốn tầng sùng sững bằng gạch clinker¹⁶ đổ nằm trên một con phố chính và những ngôi nhà lân cận nằm ngay ngắn như các cuốn sách trên kệ. Chúng tôi ngửi được một mùi thơm thoang thoang như ngũ cốc tỏa ra từ một nhà máy bia gần đó, cùng một ga xe lửa nhỏ và một quầy bán vé. Nhà tôi ở Petersburg, cách đây 10km, là một nơi khác biệt hẳn. Nhà tôi gần những trang trại rải rác trên vài ngọn đồi. Ở đó không có nhà máy, không có xe lửa và thực sự là hầu như không có bất kỳ phương tiện giao thông nào đáng nói đến. Từ phòng mình, tôi nghe thấy tiếng gà trống gáy và tiếng chim hót trên một sợi dây điện gần đó. Mãi sau này tôi mới nhận ra mùa hè năm 1983 đánh dấu lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng mình được “nằm trải” sự tự do.

16 Theo báo Xây dựng, gạch clinker là gạch ốp lát cao cấp, có độ bền gần như vĩnh cửu, chịu được sự khắc nghiệt của môi trường. Gạch được ép đùn, không tráng men, thời gian nung dài.

Ban đêm, chúng tôi mở cửa sổ để không khí ulla vào phòng. Tôi nghe thấy một tiếng ầm ầm và tự hỏi liệu đó có phải là sấm sét không, nhưng sau đó ánh sáng tràn qua cửa sổ và tiếng ồn tăng lên từng phút - một đoàn tàu chạy lại từ xa. Đầu tiên, tôi nghe thấy âm thanh *xình xịch*, sau đó là tiếng còi. Khi những toa tàu chạy ầm ầm trên cây cầu gần đó, bánh xe trên đường ray kêu *leng keng*. Tôi tự trấn an bản thân và lắng nghe tiếng tàu đang chạy ngang qua, rồi âm thanh nhỏ dần và im bật cho đến khi chuyến tàu tiếp theo chạy đến. Suốt đêm, giữa những đợt ngừng đúng lúc, những âm thanh gầm rú giống như một lời kêu gọi rằng bạn có thể dễ dàng quyết định cuộc sống của mình. Có một đêm, tôi tỉnh dậy vì những tiếng chim kêu và tiếng vỗ cánh trên trần nhà. Tôi bật đèn lên và một “con chim” vỗ cánh hồi hả bay ra ngoài cửa sổ. Nó chỉ có da, gầy còm và da trên mình nó căng ra, thì ra là một con dơi. “Kẻ xâm nhập” hàng đêm này không quyết tâm bằng chúng tôi khi bóng

tôi đến. Chúng tôi không nao núng và chúng tôi mong mỗi một cuộc sống đầy “hiểm nguy”.

Từ tầng ba của căn hộ, chúng tôi trượt xuống hành lang, rón rén bước qua cửa phòng của mẹ cô ấy, đầy táo bạo và không gì cản bước nổi. Những bậc cầu thang bằng gỗ kêu rít lên lạc quẻ so với quyết tâm lao vào màn đêm của chúng tôi. Trong những giờ phút tối tăm và tĩnh lặng, chúng tôi hút thuốc, uống rượu và hôn những gã trai trong con ngõ hẻm u ám mà không màng đến ngày mai. Chúng tôi tin tưởng rằng ngày mai sẽ đến và chúng tôi sẽ không sao cả, bất chấp mọi việc chúng tôi làm và hoàn toàn mặc kệ sự an toàn của bản thân. Sáng sớm, chúng tôi trở lại căn hộ. Hai đứa giống như ma cà rồng, tránh ánh nắng và ngủ cả ngày, rồi lặp lại mọi chuyện từ đêm này qua đêm khác. Tôi nằm thúc và lắng nghe những âm thanh dần trở nên quen thuộc hơn của thị trấn. Những chuyến tàu, những mùi hương, những con dơi, những âm thanh của tự do.

Vào ngày xảy ra vụ sát hại cô bé đó, chúng tôi dành buổi chiều trên một bãi cỏ nhỏ để “tắm tấp” dưới những tia nắng. Chúng tôi trải khăn tắm, bật đài radio và nói chuyện phiếm. Chẳng bao lâu sau, làn da nhợt nhạt của tôi ửng sáng phủ sương và bóng muốt màu mật ong, còn những đốm tàn nhang chi chít trên má tôi thì như những chòm sao trong bầu trời đêm.

Sau đó, chúng tôi nghe được tin tức về cô bé. Tôi nhớ cô bạn đã nói với giọng hốt hể và chỉ về hướng xa xa của cây cầu, “Một cô bé đã mất tích . Ngay đằng kia.” Cô ấy đọc tên con phố đó và tôi cảm thấy quen thuộc. Tôi không nhớ mình đã trả lời gì, nhưng chúng tôi tiếp tục nhiều về buổi đi chơi. Chúng tôi cố gắng không nghĩ quá nhiều về cô bé, trấn an nhau rằng người ta sẽ tìm thấy cô bé hoặc cô bé sẽ trở về nhà an toàn sau khi nổi hứng đi lang thang và bị lạc. Tôi không nói nên lời, nhưng tôi cảm giác nỗi khiếp sợ đang hiện hữu từ sâu trong lòng mình.

Người ta bàn tán, suy đoán về những gì đã xảy ra. Một trong số đó là *cô bé đi lạc; cô bé đến nhà một người bạn và quên giờ về*. Tin đồn lan ra trong khu vực; cô bé chơi ở sân nhỏ trong nhà mình vào buổi chiều muộn. Chúng tôi

nghe thấy cô bé xin mẹ ra ngoài chơi trước bữa tối và người mẹ cuối cùng cũng đã xiêu lòng. Cô bé được cho là nói với mẹ chỉ đến giờ ăn tối; chúng tôi không thể đảm bảo điều gì cả, bởi những chi tiết đó chỉ là tam sao thất bản. Một giờ sau, cha mẹ cô bé thấy trong sân nhỏ không có ai và cô bé biến mất. Họ gọi cảnh sát. Lực lượng cảnh sát của thị trấn không quen với những vụ giết người và cách phản ứng tốt nhất có thể của họ là triển khai một đội tìm kiếm bao gồm cảnh sát, lính cứu hỏa, tình nguyện viên và hàng xóm. Đầu tiên, họ phát hiện ra chiếc xe ba bánh của cô bé bị bỏ lại, sau đó họ tìm thấy đồ chơi và quần áo của cô bé trong khu vườn phía sau nhà. Không ai chắc chắn chiếc xe đó là xe scooter hay xe ba bánh. Một đồng quần áo của cô bé ở phía sau một căn nhà; có một bông hoa, một cái giỏ bà những món đồ khác không thể giải thích được.

Mấy tiếng sau, lính cứu hỏa phát hiện thi thể cô bé nằm sâu 30m trong một cái cống, từ những khu vườn trải dài đến phía sau nhà của cô bé và chính cái cống đó cũng dẫn đến khuôn viên của tòa lâu đài. Chúng tôi nghe được những câu chuyện khác nhau. Có người nói cô bé bị cưỡng hiếp, cũng có người khác nói cô bé bị đánh đến chết. Họ nói người cha hóa điên ngay khi cảnh sát báo với ông về tình trạng của con gái mình và những người đàn ông đã khóc khi họ nhìn thấy thi thể của cô bé.

Tất cả những gì mà tôi có thể nghĩ là hấn sẽ lại gây án. Trong tâm trí của tôi, hấn hiện ra với một dáng vẻ dọa người - một con quái vật với những chiếc răng nanh nhuốm máu và dáng đi khập khiễng lang thang khắp những con phố rình bắt nạn nhân tiếp theo. Ngay cả khi nhắm mắt, tôi cũng không thể rũ sạch hình ảnh của hấn ra khỏi đầu mình. Tôi hình dung cảnh hấn phát hiện cô bé trên phố. Tôi tưởng tượng hấn tiến lại gần cô bé và cô bé ngược lên nhìn hấn. Liệu cô bé có biết chuyện gì sắp xảy ra với mình không? Liệu cô bé có khóc không? Liệu lúc đó hấn đã siết chặt nắm đấm? Liệu điều đó có làm cô bé hoang mang? Liệu cô bé còn tỉnh táo khi bị đánh hấn vết lên người? Tôi mong mỗi bằng cách nào đó có thể nói lỏng những sợi tơ nhện trời buộc số phận của cô bé. Tôi muốn bằng cách nào đó hóa giải cơn thịnh nộ bùng bùng mà lạnh lùng của hấn, ánh mắt của hấn ngược lên né tránh cô bé - hoặc đó là do tôi tưởng tượng - bởi vì có loại thú nào sẽ nhìn vào mắt một

đứa trẻ và gây ra đau đớn cho nó như vậy? Tôi tưởng tượng hấn loạn choạng lúi lại, cúi mắt nhìn những gì hấn đã làm. Hấn là loại quái vật gì chứ?

Cuộc điều tra bắt đầu. Cảnh sát cho ngừng tất cả những chiếc xe đi ngang qua con đường đông đúc trước nhà cô bé. Đối tượng tình nghi là những người đàn ông trong độ tuổi từ 14-80. Cảnh sát đến từng nhà để tra hỏi nhân chứng. Họ đến nhà bạn tôi nhưng không tra hỏi, bởi cô ấy sống với mẹ và phụ nữ không thuộc diện tình nghi. Tôi dần hiểu ra khái niệm một cậu bé 14 tuổi gây ra mối đe dọa lớn hơn so với một người phụ nữ trưởng thành.

Chúng tôi dán mắt vào màn hình tivi xem phim, qua ô cửa sổ, chúng tôi nghi hoặc nhìn khu vực nơi chúng tôi đã từng lang thang vào buổi tối. Chúng tôi biết ơn vì màn hình nhấp nháy làm chúng tôi thôi ngẩn ngơ, nhưng tôi hầu như không nắm được tình tiết phim. Tôi không cười khi xem những đoạn hài hước, và đêm đến, tôi không tài nào chợp mắt được. Tôi không nói với ai, nhưng tôi tin rằng nếu mình nhắm mắt lại, khuôn mặt của tên quái vật đó sẽ hiện ra. Nếu đó là người quen của tôi thì sao? Vì tò mò nên chúng tôi đã lập một kế hoạch: *Đi xem ngôi nhà đó và nhìn cái sân nhỏ*. Tôi muốn biết cảm giác khu đứng trước ngôi nhà đó như thế nào. Tôi muốn xem cái cổng nơi họ tìm thấy thi thể của cô bé.

Trên đường tới đó, tôi cố nhớ cảm giác lúc tôi 5 tuổi. Chẳng phải tôi đã bỏ ngoài tai lời dặn không bao giờ rời khỏi tầm mắt của mẹ, không chịu sà vào lòng mẹ mà lại vùng vằng bỏ chạy hay sao? Đó là khoảng thời gian tôi không nghe lời mẹ. Trẻ con đặc biệt không biết vâng lời cha mẹ, chúng cự tuyệt ăn cơm tối khi được gọi, phớt lờ lời yêu cầu dọn dẹp phòng ốc. Tất cả những đứa trẻ đều chỉ muốn mặc kệ những quy tắc.

Thật kỳ quặc. Mặc dù chúng tôi đã đi ngang qua ngôi nhà này hàng trăm lần trước đây khi có việc cần vào thị trấn, vậy mà bây giờ nó ở đây và chúng nhân cho một tội ác khủng khiếp. Ngôi nhà khá đơn giản, được sơn màu vàng nhạt, gam màu hòa nguyện giữa vani, voan chanh và bơ, nằm gọn giữa các ngôi nhà màu trắng và xám với cửa sổ được trang trí lồng lầy và trát vữa. Ngôi nhà cao ba tầng có một cánh cổng lớn dẫn vào sân nhỏ. Mọi

ngóc ngách của tòa nhà dường như chìm trong bóng mờ, đối lập hoàn toàn với màu sắc tươi vui. Những người khác tụ tập trước ngôi nhà và tôi nhìn vài bà mẹ nắm chặt tay con mình khi họ quay ra sau để gạt nước mắt.

Trong đầu tôi có rất nhiều câu hỏi, nhưng tôi không nói ra, bởi tôi biết không ai có câu trả lời. Liệu cô bé có cãi lời mẹ, không nghe mẹ dặn, mạo hiểm đi đến nơi tối tăm không được phép bước vào? Khi tôi tưởng tượng cô bé nháy chân sáo xuống vỉa hè, tôi tin rằng cô bé chắc chắn đã không vâng lời cha mẹ và rời khỏi cái sân nhỏ an toàn mà không xin phép. Liệu con quái vật có tình cờ đi ngang qua, phát hiện ra cô bé và ngay lập tức quyết định bắt cô bé không? Liệu hấn có đến gần cô bé và mỉm cười không? Có lẽ hấn đã hỏi, “Bé bị lạc à? Để ta đưa bé về nhà nhé!” Liệu hấn có chìa tay ra, cô bé sẵn lòng vươn tay đón lấy và hai người cùng nhau đi qua sân nhỏ, ra sau vườn và từ đó đến chỗ cái cổng? Tôi tự tưởng tượng ra sự kinh hoàng trong những giây phút cuối cùng của cô bé. Ít nhất đó là điều tôi có thể làm, đứng đây như một vị khách du lịch bí ẩn, nhưng tôi không có điều gì chứng thực cả. Tôi không thể tưởng tượng được sự hốt hoảng và sợ sệt của cô bé, bởi tôi không thể là cô bé. Tất cả những gì tôi tập trung vào là hình ảnh tên sát nhân quỳ gối trên cơ thể cô bé, đôi mắt hấn lạnh lùng, giết người không chớp mắt. Tôi tưởng tượng cô bé đang đứng nấn ná ở cánh cổng vuông rộng mở, nhìn trái nhìn phải, không chắc rằng liệu mình nên rời đi hay ở lại trong cái sân nhỏ an toàn này.

Những ngày cuối tuần rồi cũng kết thúc. Tôi về nhà và quay trở lại trường học, nhưng hình ảnh của cô bé đó vẫn ở trong tâm trí tôi và không ngừng đeo bám tôi. Mẹ của cô bé chuyển đi nơi khác, bà ấy không thể ở lại nơi con gái mình bị sát hại dã man. Chuyện về cha của cô bé cũng tàn nhẫn và bi kịch không kém. Tin đồn mà chúng tôi biết được quả nhiên không sai: sau cái chết của con gái, ông bị đưa vào trại tâm thần và qua đời sau hơn 20 năm sống tại đó.

Cái chết đau đớn của Gabriele Schmidt vẫn chưa có lời giải. Không bắt được hung thủ: lúc đó không và cũng không bao giờ. Không có nhân chứng, chỉ có những món đồ chơi và quần áo của cô bé bị bỏ lại, thi thể cô bé bị

đánh đập và bị lạm dụng, sau đó bị vớt ở một cái cống. Cảnh sát đưa ra giả thuyết là cô bé biết hắn, bởi sự thật là cô bé sẵn lòng bỏ lại chiếc xe ba bánh và đi theo hắn ra sau nhà, hướng đến những khu vườn trái dài dài đó. Vào năm 1983, khoa học pháp y vẫn còn một chặng đường dài mới giải quyết được vụ án bằng phương pháp xét nghiệm DNA, đặc biệt là những vụ tấn công tình dục. Một khi khoa học cải tiến, DNA của những người liên quan đến vụ án sẽ được phục hồi vài năm sau đó, nhưng không có hồ sơ nào trùng khớp cả. DNA của hung thủ vẫn ở trong chiếc hộp nào đó trên kệ và sự thật khiến người ta không tin nổi là cảnh sát có vật chứng của hung thủ nhưng danh tính của hắn vẫn tiếp tục là “một dấu chấm hỏi”.

Nhiều năm sau đó, tôi vào đại học, cách hiện trường vụ án chưa đầy 2km. Vào một ngày đẹp trời, trên tầng thượng, chúng tôi mở những ô cửa sổ. Khi dòng xe cộ thưa dần, tôi nghe tiếng xe lửa đi qua cây cầu từ phía xa xa. Âm thanh vẫn phát ra khe khẽ, với một tiếng lách cách gần như thoi miên ở nơi xa xăm, tiếp theo là những tiếng rít chói tai của kim loại khi các toa tàu băng qua đường ray. Đôi khi, tôi ngửi được mùi men thơm thoang thoảng từ nhà máy bia gần đó, và ngay lập tức tâm trí tôi “lạc trôi” vào mùa hè năm đó.

Ba mươi bảy năm qua, ký ức của tôi về cái chết của cô bé vẫn mới như ngày hôm đó. Trong sự hiểu biết của mình, cái chết của cô bé đã cứu sống tôi. Một điều gì đó bên trong tôi đã thay đổi - những đường hầm gần như tăm tối và việc mạo hiểm đi đêm chắc chắn khiến tính mạng con người gặp nguy hiểm. Những cảm xúc của tôi tràn ngập trong hương thơm của bia, tiếng tàu đến gần, mùi kem chống nắng. Tôi không còn vô tư nữa. Cảm giác an toàn là một ảo ảnh, công viên là mối đe dọa, những gì trông vô hại vào một khoảnh khắc nào đó lại bị thứ ánh sáng tăm tối chết người nhất ngự trị. Nguy hiểm rình rập ở khắp mọi nơi và có thể ập đến bất cứ lúc nào, không ai không ngoan hơn kẻ gây ra mối hiểm họa đó.

Cuộc sống vẫn cứ trôi qua. Bức tường Berlin sụp đổ, biên giới khai thông và những cuộc bầu cử tự do đã khiến Liên bang Xô Viết tan rã. Trên một sườn đồi nhìn ra những cánh đồng Đông Đức, tháp Alpha của Đài quan

sát vẫn ở đó, nhưng quân lính Hoa Kỳ canh gác ở phía bên kia hàng rào dây thép và cảnh sát biên giới Đông Đức thực hiện nhiệm vụ ở dải tử thần đó bằng chó cảnh vệ và mìn phân mảnh, đã về nhà từ lâu. Bức màn Sắt bị phá bỏ và Chiến tranh Lạnh kết thúc. Thị trấn Fulda - nơi các máy bay trinh sát từng rà soát biên giới lớn chồm giữa Tây Đức và Đông Đức - hiện là một phần của nước Đức thống nhất. Tiếng gầm rú của xe tăng đã tắt dần, rõ ràng đã có dấu hiệu của lính Hoa Kỳ rút lui và rời khỏi nước Đức. Miễn là tôi còn có thể nhớ được, họ đã theo dõi Đài quan sát Alpha và để mắt đến Đông Đức. Còn tôi để mắt đến vụ án của Gabriele Schmidt.

Vào năm 1999, tôi rời nước Đức, chuyển tới bang Texas (Hoa Kỳ). Lúc tôi quay trở lại cố hương, doanh trại từng là nơi ở của lính Hoa Kỳ, nơi đây người Nga sinh sống. Chúng tôi không còn sợ họ như hồi nhỏ, bởi họ mang trong mình dòng máu của người Đức, trở về quê hương tổ tiên của mình.

Mùa hè năm 1983 vẫn không thôi ám ảnh tôi. Ba mươi bảy năm sau và nó vẫn bám lấy tôi dai như đĩa muối, không cách gì dứt ra được. Tôi nuôi dưỡng một đứa con gái và sau nhiều năm làm công việc dịch thuật tự do, tôi quyết định kể những câu chuyện của chính mình. Dòng đời đưa đẩy tôi viết tiểu thuyết tội phạm. Tôi cảm giác như con đường này đã chọn tôi, giống như số phận đã kéo tôi lại gần nơi Gabriele Schmidt chạm mặt kẻ sát hại cô bé và nơi hấn tước đi sinh mệnh bé nhỏ đó. Tôi chưa bao giờ quên một cô bé đã nằm lại dưới “ba tấc đất” lạnh lẽo trước khi thực sự bước vào đời.

Tôi có một cuộc sống rất tốt ở hạt Hill ở miền Trung Texas, phía đông nam của cao nguyên Edwards. Nơi này không khác gì cao nguyên Hessen của tôi thời thơ ấu. Nhưng tôi chưa bao giờ phó mặc cuộc sống của con gái tôi cho thế giới này. Mùa hè năm đó đã dạy tôi rằng luôn cảnh giác là chưa đủ và chỉ cần sai một li sẽ đi một dặm. Không phải lúc nào các cô gái nhỏ cũng sống sót sau cơn hiểm nguy. Và hằng ngày tôi không biết phải làm gì với những điều xấu xa trên thế giới, nên tôi viết về chúng.

VỤ ÁN DAI DẰNG XOAY QUANH NHỮNG VIÊN ĐẠN
VÀ KẼ NỔ SÚNG LẠNH LÒNG ĐẰNG SAU CHIẾC MŨ
TRÙM ĐẦU Ở ORKNEY

Charlotte Platt

Quần đảo Orkney nằm ở vùng hoang vu biển Bắc và ngoài khơi bờ biển phía đông bắc Scotland. Nơi này gồm 70 đảo, trong đó có 20 đảo có người sinh sống.

Chủng tộc người đầu tiên sinh sống ở đây là những bộ lạc thuộc thời kỳ Đồ đá giữa, Đồ đá mới và sau đó là những người Pict. Quần đảo Orkney bị người Na Uy xâm lược, rồi sáp nhập lãnh thổ vào năm 875, sau đó người Bắc Âu đến đây định cư. Vị trí địa lý nơi này có vẻ khiến người ta sửng sốt, bởi nó chỉ cách bờ biển Caithness - một hạt thuộc cực bắc của Scotland - 13km. Tuy nhiên, eo biển Pentland Firth ngăn cách quần đảo Orkney khỏi Vương quốc Anh lại là điểm giao nhau của biển Bắc và Đại Tây Dương, và là một vùng nước dữ khét tiếng. Vào năm 1472, Quốc hội Scotland sáp nhập quần đảo Orkney và quần đảo Zetland (bây giờ là Shetland) vào Hoàng gia Scotland. Sau đó, cả hai quần đảo trở thành một trong những món hồi môn cho tân nương Margaret của Đan Mạch khi nàng trở thành hôn thê của vua James III. Mặc dù sự kiện này đã đưa hai quần đảo nằm dưới sự cai trị của Scotland, nhưng vẫn còn những ràng buộc về văn hóa sâu sắc giữa Na Uy và thị trấn Kirkwall - thành phố hành chính lớn nhất tại quần đảo Orkney - như tục lệ Na Uy tặng cho Scotland một cây thông giáng sinh hằng năm.

Không có gì ngạc nhiên khi nói quần đảo Orkney nổi tiếng, vì nơi này có rất nhiều di tích khảo cổ và liên tục bị chiếm đóng hơn 8.500 năm. Do đó, nơi này thu hút một lượng lớn khách du lịch và các học giả. Quần đảo này cũng có một số địa điểm nổi tiếng nhất và được bảo tồn tốt nhất ở châu Âu. Khu vực “trung tâm của Orkney thời kỳ Đồ đá mới” - một tập hợp những di tích trên hòn đảo lớn nhất Mainland - được UNESCO công nhận là Di sản Thế giới.

Orkney là quần đảo sầm uất với ngành du lịch và xuất khẩu phát triển mạnh, nổi tiếng quanh năm và có thể đến đây bằng phà hoặc máy bay. Nhờ có Tòa án cảnh sát trưởng, những vụ phạm tội nhẹ trong khu vực được giải quyết nhanh chóng. Những tội trạng thường thấy trong các báo cáo của tòa án và được đăng tải chi tiết trên tuần báo The Orcadian bao gồm làm vỡ cửa sổ, tài xế say rượu, chạy quá tốc độ và gây rối trật tự công cộng. Tòa án cảnh sát trưởng của thị trấn Kirkwall phần lớn giải quyết các vụ án dân sự, hình sự và chỉ những vấn đề nghiêm trọng nhất mới được gửi “về phía nam” để được giải quyết tại những tòa án cấp cao hơn ở Edinburgh hoặc Glasgow. Đây là hệ thống tiêu chuẩn ở Scotland, nơi cảnh sát trưởng địa phương sẽ ngồi phán xét các tội nhẹ hơn để những đơn vị trung ương xử lý các vấn đề nghiêm trọng hơn.

Lực lượng cảnh sát địa phương quen biết gần hết 2.200 cư dân sinh sống trên quần đảo. Mặc dù quần đảo có rất nhiều lễ hội địa phương, bao gồm Liên hoan Khoa học Quốc tế Orkney (lễ hội khoa học lớn thứ hai ở Scotland) và Lễ hội St.Magnus nổi tiếng, giúp số người hiện diện tại quần đảo tăng lên suốt mùa hè, nhưng cũng rất dễ để nhận diện ai là khách du lịch.

Mặc dù chính xác Kirkwall được nhiều người biết đến với nhà thờ St.Magnus xinh đẹp, nhưng đây là thị trấn lớn nhất ở quần đảo Orkney, với dân số khoảng 9.000 vào giữa những năm 2010 và khoảng 7.000 vào những năm 1990. Theo ghi chép đầu tiên trong câu chuyện kể về lịch sử của các đảo Orkney và Shetland năm 1046, thị trấn Kirkwall từ lâu đã là trung tâm hành chính của quần đảo và có những văn phòng hội đồng chính, bệnh viện Balfour, trụ sở Dịch vụ Y tế Quốc gia Orkney, cũng như thư viện và kho lưu trữ Orkney. Thị trấn nhộn nhịp vào mùa hè nhờ tàu du lịch cập cảng Kirkwall để đưa khách tham quan những di tích lịch sử ưa thích, những cửa hàng, cơ sở kinh doanh thực phẩm, đồ uống và đồ trang sức.

Ngoài ra, còn có một số doanh nghiệp địa phương lâu đời như cửa hàng thịt, dịch vụ nghệ thuật, đồ ăn mang đi, quầy bán báo và cửa hàng len nằm trên những khu vực của phố Bridge, phố Albert và phố Broad. Người dân địa

phương gọi những khu vực nối liền với nhau là “dãy phố”. Khu vực này là trung tâm của thị trấn, người qua kẻ lại tấp nập vào ban ngày và thỉnh thoảng cấm xe hơi do lượng khách du lịch đến thăm quá đông. Có hàng loạt các quán rượu, quán cà phê và nhà hàng nổi tiếng, cũng như nhiều khách sạn phục vụ khách du lịch và khách kinh doanh. Cuộc sống về đêm trên phố rất sôi động, đặc biệt là vào cuối tuần. Đường phố hiếm khi yên tĩnh trừ khi thời tiết xấu, mà cho dù vậy thì quán cà phê và quán rượu vẫn tấp nập người ra kẻ vào.

Vì lẽ đó, vào năm 1994, vụ giết người đầu tiên ở quần đảo Orkney xảy ra trong hơn 25 năm chính là cú sốc đối với cộng đồng ở đây và những nơi khác ở Vương quốc Anh. Vào buổi chiều ngày mùng 2 tháng Sáu năm 1994, Shamshadin Mahmood - một người có quốc tịch Bangladesh sinh sống ở thị trấn Kirkwall - vẫn làm bồi bàn trong nhà hàng Mumutaz Indian Tandoori như thường lệ (hiện nay là nhà hàng Dil Se, nằm ở phố Bridge thuộc thị trấn Kirkwall).

Mahmood (26 tuổi) được gia đình và bạn bè gọi là “Shamol.” Anh tốt nghiệp với tấm bằng cử nhân nghệ thuật của trường Đại học Quốc gia Bangladesh. Bố mẹ anh sinh được 11 người con, 7 trai 4 gái và anh rất được mọi người yêu mến. Anh đến Vương quốc Anh thăm anh trai vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990, anh buộc phải ở đó vĩnh viễn và đành từ bỏ việc học luật trước đây. Năm 1992, anh chuyển đến quần đảo Orkney và làm bồi bàn trong một nhà hàng, giống như công việc anh từng làm ở Anh. Đầu năm 1993, anh rời quần đảo, nhưng rồi vào năm 1994, anh quay về đây để đảm nhiệm vai trò quản lý nhà hàng. Anh trở nên nổi tiếng và được nhân viên cũng như mọi người yêu mến. Sau vụ giết người, anh được mô tả là một người trầm lặng, thân thiện, vui vẻ và luôn nở nụ cười trên môi.

Vào khoảng 7 giờ 15 phút tối, khi anh đang phục vụ bữa ăn cho gia đình nhà Glue, gồm cả người lớn và trẻ nhỏ, thì một người đàn ông đội mũ che kín đầu, cổ và mặt bước vào nhà hàng. Người đàn ông bước thẳng về phía anh Mahmood với tư thế khom lưng khác lạ, sau đó hắn giơ súng ngắn bắn vào đầu anh, ngay phía bên mắt trái. Anh Mahmood bị thương nghiêm trọng và

ngã xuống sàn, trong khi viên đạn cắm vào tường, còn máu và chất dịch bắn lên người của thực khách. Trong cơn hỗn loạn tiếp theo, kẻ tấn công nhanh chóng rời khỏi nhà hàng, bước xuống một trong hai con hẻm bên hông nhà hàng và lặn mất tăm. Hai trong số những người khách quen ban đầu đuổi theo hắn, nhưng sau đó họ quay lại để giúp đỡ những thực khách khác và chờ cảnh sát đến.

Khi anh Mahmood nằm trên sàn, những vị khách cố gắng trấn an anh, đắp áo khoác lên người anh và cố tìm bác sĩ từ một trong những cơ sở kinh doanh hoặc tàu thuyền ở bến tàu địa phương, nhưng vô ích. Dù mạch của anh vẫn đập lúc cảnh sát đến hiện trường, nhưng hai bác sĩ từ bến tàu xác nhận anh đã tử vong. Họ tuyên bố anh ấy tử vong trên đường tới bệnh viện địa phương, cách nhà hàng vài km. Hung thủ đã ra tay đủ gần và để lại vết muội thang trên khuôn mặt của Mahmood. Viên đạn bắn vào đầu ngay phía trên mắt trái của anh và xuyên thủng tai phải.

Tại địa phương, người ta đoán non đoán già xem kẻ sát nhân là người dân trên đảo hay cô tình đến Orkney để nổ súng giết người. Mọi người bắt đầu đồn đoán về một thỏa thuận giết người để trút giận lên nạn nhân. Vì công việc lúc trước của Mahmood là ở London và ít ai biết những mối quan hệ lúc trước của anh ở Bangladesh, nên mọi dự đoán đều không có căn cứ. Trong 3 ngày, cảnh sát nỗ lực phong tỏa quần đảo với hàng rào chốt chặn trên bến phà và sân bay. Tuy nhiên, không có kết quả gì và một đội điều tra được cử đến.

Sở cảnh sát miền bắc chọn Giám đốc phòng điều tra George Gough chỉ đạo cuộc điều tra và Phó trưởng phòng điều tra Angus Chisholm hỗ trợ. Cả hai điều tra viên phải đi 240km từ Inverness đến John O'Groats trước khi bắt phà tới điểm đích. Họ biết rằng vụ án giết người gần nhất trên quần đảo đã được phá ngay ngày hôm sau, nên họ tràn đầy hi vọng sẽ nhanh chóng giải quyết vụ án này. Tuy nhiên, họ đành phải ôm nỗi thất vọng tràn trề khi kết quả điều tra ban đầu không như mong đợi, bởi họ thu thập được rất ít thông tin có lợi.

Những cuộc điều tra ở London cho thấy nơi làm việc lúc trước của nạn nhân không có mối liên hệ nào với hoạt động băng đảng cũng như không có thù oán nào. Không có bằng chứng cho thấy anh tham gia vào hoạt động buôn lậu ma túy hoặc hành vi bạo lực khác. Những du khách đến tham quan quần đảo vào lúc vụ án xảy ra đã được tìm kiếm và thẩm vấn, nhưng không có kết quả gì. Bên điều tra không phát hiện anh Mahmood có mối thâm thù riêng với bất kỳ ai. Nhà hàng hoạt động tốt, cả nhân viên và chủ đều rất vui vẻ với tình hình buôn bán, không có tranh chấp giữa nhân viên, cũng không có đánh nhau với thực khách hoặc sa thải nhân viên gần đây. Nhân viên nhà hàng thậm chí mới quyên góp 150 bảng Anh cho một chi nhánh địa phương của MacMillan Cancer Support - một tổ chức từ thiện hỗ trợ những người mắc bệnh ung thư.

Cùng lúc tiến hành cuộc điều tra, một loạt diễn biến bất thường khác âm thầm xảy ra trong khu vực. Một người phụ nữ địa Railston và cô con gái Lynn Railston nhìn thấy một người đàn ông mặc đồ tối màu và đeo một loại mũ che kín đầu, cổ và mặt trong Papdale Woods - một nơi thưa thớt cây trong một khu vực phủ đầy cây xanh. Hôm đó là ngày 19 tháng Năm, thời tiết ẩm áp hơn nên một người mặc trang phục tối màu, dày dặn cùng giày ống và che mặt khiến người khác chú ý. Cả hai mẹ con đều thấy người đàn ông đó di chuyển chầm chậm giữa đám cây. Cuối cùng, gã cởi mũ trùm và đi mất. Họ mô tả người đàn ông này có thân hình chắc nịch, rám nắng, khoảng ngoài hai mươi tuổi và hấn tở thái độ lo lắng.

Sau khi vụ nổ súng giết người xảy ra, hai mẹ con này trình báo những gì mà họ thấy và từ đó, phía cảnh sát điều tra đã phác họa khuôn mặt của người đàn ông trên máy tính. Hình ảnh của hắn được truyền đi, nhưng cảnh sát không nhận được thông tin nhận dạng nào. Cảnh sát nói hai mẹ con hãy quay lại đây nếu thấy người đàn ông ấy và họ cũng không thể làm gì cho đến lúc đó.

Lynn Railston lại chạm mặt người đàn ông đó vào ngày 8 tháng Chín. Khi đó, hắn đến cửa hàng nơi cô làm việc. Bởi vì cô đang trong giờ làm việc nên không báo cáo chuyện này cho cảnh sát liền được. Sau đó, cô phát hiện

người đàn ông rời một tiệm bánh địa phương, cô đã cung cấp đầy đủ chi tiết cho cảnh sát để họ xác định người đàn ông đó qua băng ghi hình trong CCTV. Cảnh sát phát hiện người đàn ông đó là Michael Ross (15 tuổi).

Michael là con trai của Hạ sĩ Edmund (Eddie) Ross - một cựu quân nhân trong trung đoàn Black Watch và Royal Green Jackets, đồng thời là sĩ quan mang súng ở địa phương. Eddie cũng là chủ tịch câu lạc bộ súng ở địa phương kiêm huấn luyện viên bắn súng được cấp phép. Ngoài việc mở rộng đào tạo, ông còn đam mê những món vũ khí. Một trong những công việc của ông là vô hiệu hóa và vứt bỏ súng ống. Ông thường chặt chúng thành những mảnh nhỏ và vứt xuống biển và tại thời điểm đó, phương thức xử lý này được chấp nhận. Eddie được phân công nhiệm vụ hỗ trợ bảo vệ hiện trường vụ án. Khi điều tra viên tìm thấy một vỏ đạn trên sàn của nhà hàng, họ đã gọi ông đến để hỗ trợ nhận dạng nó.

Vỏ đạn này là của một viên đạn 9mm, sản xuất ở Ấn Độ và thường được dùng trong huấn luyện quân sự ở khắp Vương quốc Anh. Sau đó, Eddie được giao nhiệm vụ kiểm tra tất cả các khẩu súng có nòng kích cỡ này ở Orkney. Mặc dù một lượng súng đáng kể đã được kiểm tra nhưng vẫn không có kết quả khả quan nào.

Hai tháng tiếp theo cũng không có tiến triển gì. Sau đó, trong một cuộc thẩm vấn với Phó phòng điều tra Chisholm, Eddie có nhắc đến việc ông sở hữu một vài viên đạn cùng kích cỡ 9mm. Khi được hỏi ông có được chúng từ đâu, lúc đầu ông đã nói dối là không nhớ. Cảnh sát lục soát nhà ông và tìm thấy một hộp đạn còn niêm phong có tổng cộng 35 viên (điều đó cho thấy nó còn nguyên vẹn, không bị mất viên nào). Nhưng viên đạn được mang đi kiểm tra. Một số dấu hiệu bên ngoài trùng khớp với vỏ đạn được tìm thấy ở hiện trường.

Mặc dù Eddie miễn cưỡng thừa nhận, nhưng cuối cùng ông tiết lộ rằng ông mua những viên đạn đó từ James Spence - một người bạn học kiêm cựu lính Hải quân Hoàng gia. Người này đã trộm chúng nhiều năm trước, sau khi chúng bị bỏ đi vì kém chất lượng. Eddie khẳng định những viên đạn nằm trong

chiếc hộp bị niêm phong trong nhà ông, vì ông không xử lý chúng như đã định. Lúc đầu, Spence chứng thực câu chuyện này với các sĩ quan, nhưng sau đó người này nhắc đến chi tiết rằng bản thân đã nói dối trước sự khẳng khẳng của Eddie Ross. Spence đã bán hai chiếc hộp, một niêm phong và một đã mở, nhưng Eddie không muốn bất kỳ thông tin nào liên quan đến chiếc hộp đã mở lọt đến tai các sĩ quan.

Trong quá trình tìm kiếm để thu hồi chiếc hộp niêm phong ban đầu, nhóm điều tra viên đã tìm thấy nhiều vật dụng khác trong nhà Ross khiến họ lo ngại. Michael - con trai của Eddie - có nhiều món đồ đáng ngờ trong phòng ngủ của mình, điều này có thể không lạ đối với một cậu bé 15 tuổi. Michael là một học viên trường sĩ quan và cũng là một người đam mê súng ống giống cha mình. Tuy nhiên, vấn đề ở đây là một khẩu súng tiểu liên đã ngừng hoạt động và một cuốn sổ ghi chép có nhiều hình ảnh bệnh hoạn, bao gồm biểu tượng "SS" và bản phác họa hình chữ "Vạn". Những điều này kết hợp cùng khả năng Michael tiếp xúc với đạn thật ở nhà đủ chắc chắn đưa cậu lọt vào tầm ngắm của những điều tra viên.

Vào ngày 24 tháng Chín, Michael không được báo trước là sẽ cùng Eddie Ross đến buổi thẩm vấn của Phó phòng điều tra Chisholm và Trung sĩ điều tra Allan Mackenzie. Michael Ross nói với hai điều tra viên rằng trong lúc vụ nổ súng xảy ra, cậu đang đạp xe ở một nơi khác của thị trấn. Mặc dù có nghe thấy tiếng còi báo động nhưng cậu không biết chuyện gì đã xảy ra cho đến khi về nhà và nghe mẹ kể lại. Michael cũng thừa nhận cậu có một loại mũ che kín đầu, cổ và mặt trùng khớp với mô tả trước đó, nhưng cậu nói cậu đã ném nó xuống biển vì người nhà khó chịu khi thấy nó. Cậu được thả mà không bị cáo buộc gì.

Một vài tuần sau cuộc thẩm tra, Crimewatch - một loạt phim truyền hình về tội phạm có thật rất nổi tiếng của Vương quốc Anh vào thời điểm đó - tạo ra một màn tái hiện vụ nổ súng, với hi vọng thu hút nhiều người xem hơn. Chương trình cũng tái hiện cảnh trong Papdale Woods và mô tả nó là

“diễn tập biệt kích với lý do khó hiểu”. Không có gì đặc biệt xảy ra sau chương trình này và không có ai bị bắt giữ.

Vào tháng Mười hai, Michael Ross lại được yêu cầu đến Sở cảnh sát Kirkwall và đi cùng cha mình. Tuy nhiên, Eddie vắng mặt trong buổi thẩm tra đầu tiên và việc đó không được ghi chép lại. Các điều tra viên nói với Michael rằng họ đã điều tra lời khai về việc cậu ở đâu vào tháng Năm và tháng Sáu, tuy nhiên không một người bạn nào mà cậu đề cập đã nhìn thấy cậu và có thể xác minh được chuyện này. Cuối cùng, Michael thừa nhận cậu là người đàn ông ở Papdale Woods và cuộc thẩm tra ngừng lại. Cậu được thả và cùng những điều tra viên ký vào đơn tự nguyện tham gia (theo cách gọi của Scotland). Đơn này xác nhận một người có thể rời cuộc thẩm tra, miễn là chưa chính thức bị giam giữ.

Sau ngày hôm đó, họ lại thẩm tra Michael với sự có mặt của Eddie và ghi âm cuộc thẩm tra, kèm theo ghi chép. Michael được báo trước sẽ bị hỏi những câu liên quan đến việc Margaret và Lynn Railston nhìn thấy cậu ở Papdale Woods. Cậu thú nhận mình ở đó, nhưng là để nhất ma một anh bạn học được cho có hành vi “xúc phạm” thân thể của Lynn Marie Neil - bạn gái của cậu. Anh bạn học đó không tới và Michael xác nhận cậu cũng rời khỏi nơi đó. Sau khi nghỉ một chút thì cuộc thẩm tra mới bắt đầu và vẫn được ghi âm. Điều tra viên hỏi lịch trình di chuyển của Michael vào ngày 19 tháng Năm, sau đó cậu ký tên xác nhận lời khai.

Sau đó, cuộc thẩm tra thứ ba có ghi âm diễn ra. Điều tra viên hỏi Michael về vụ giết người. Họ yêu cầu cậu xác nhận đã tới những nơi nào, gặp những ai và làm những gì trong suốt buổi chiều tối ngày mùng 2 tháng Sáu. Cậu kể tường tận các chi tiết, từ việc ra ngoài bằng xe đạp, đang đạp xe thì gặp bạn, trở về nhà để dắt chó đi dạo và sau đó nghe kể về vụ nổ súng. Cậu chỉ những chỗ mà mình đã đi qua trên bản đồ và thỉnh thoảng cha cậu lại chen ngang chỉ trở vài nơi. Cuộc thẩm tra kéo dài lâu đến nỗi cuộc băng ghi âm được dùng hết, nên họ phải tạm dừng cho đến khi băng mới được thay vào và tiếp tục ghi âm. Vì không có ai ra khỏi phòng nên không có nhắc nhở gì và hai phần thẩm tra được xem như một cuộc thẩm tra trọn vẹn, chứ không

phải hai cuộc thẩm tra tách rời. Phó phòng điều tra Chisholm đọc lại lời khai của Michael rồi đưa cho cậu ký tên và buổi thẩm tra kết thúc. Những người bạn mà Michael đề cập đã gặp cậu vào ngày mùng 2 tháng Sáu được triệu tập để đối chứng và họ vẫn không chứng thực đã gặp cậu vào tối đó.

Vào ngày 5 tháng Mười hai, cảnh sát yêu cầu James Spence tới Sở cảnh sát Kirkwall. Trong suốt chuyến đi này, Eddie Ross được cho là đã yêu cầu Spence nói dối về chiếc hộp đạn đã mở có trong thỏa thuận giữa hai người họ. Vì những viên đạn này có dấu vết trùng khớp với vỏ đạn bị bỏ lại hiện trường nên các điều tra viên khá lo ngại, họ mời Eddie Ross đến làm việc lần nữa.

Vào ngày mùng 6 tháng Mười hai, họ thẩm tra Eddie. Mặc dù thừa nhận một trong hai chum chìa khóa của tủ súng đã mất, ông tiếp tục chối bỏ sự hiện hữu của hộp đạn thứ hai. Cùng ngày, đứa con trai Michael bị bắt vì tình nghi liên quan đến vụ án. Họ tin rằng cậu bé đã nói dối về lịch trình di chuyển của mình vào ngày mùng 2 tháng Sáu và cậu bé đã lấy súng cùng với đạn. Cha cậu không có mặt và cậu cũng từ chối sự hỗ trợ của luật sư trong quá trình thẩm vấn. Sau đó, cậu được thả và cho phép về nhà. Những nhân chứng - những người khai nhận đã thấy tay súng này vào đêm diễn ra vụ nổ súng - được cho xem những bức ảnh của vài kẻ nằm trong diện tình nghi, trong đó có hình của Michael Ross, nhưng không có xác nhận danh tính khả quan nào.

Cùng lúc, cảnh sát thẩm tra Cator Moyes - một thiếu niên khác ở quần đảo Orkney vào thời điểm đó. Cậu bé này xác nhận Michael có quan điểm phân biệt chủng tộc và Michael công khai bày tỏ điều đó. Sau đó, Cator ký tên vào bản xác nhận lời khai và một bản xác nhận thứ hai chứng thực bản thứ nhất là sự thật. Trong tương lai, điều này trở thành một sự kiện quan trọng trong cuộc đời Cator.

Vào ngày 13 tháng Ba năm 1995, cảnh sát thẩm tra bạn gái cũ của Michael. Cô xác nhận rằng cậu đã khoe khoang về việc bản thân có một

trong những khẩu súng của cha mình. Nhưng cậu chưa bao giờ cho cô xem và cậu không muốn làm bắn nó.

Cũng vào tháng Ba năm 1995, Eddie Ross bị đình chỉ công tác 2 năm. Ông bị buộc tội cản trở việc điều tra tìm bắt hung thủ và giữ một khẩu súng ngắn không có giấy phép. Những cáo buộc này đặc biệt nghiêm trọng đối với bất kỳ cá nhân nào, nhưng đặc biệt đáng nguyên rủa đối với một sĩ quan cảnh sát. Nó không chỉ hủy hoại sự nghiệp của Eddie Ross, mà khoản lương hưu đáng kể - khoảng 100.000 bảng Anh trong 23 năm phục vụ của ông - cũng có khả năng tiêu tụt.

Tại phiên tòa được tổ chức ở tòa đại hình Inverness vào tháng Năm năm 1997, cảnh sát nói rõ Michael là nghi phạm chính trong vụ giết người, mặc dù cậu chưa bị bắt. Đồng thời, bất chấp việc Thẩm phán cấp quận (cơ quan điều tra những vụ truy tố có thể giải quyết ở Scotland) đã quyết định không buộc tội cậu trước đó, vì họ không có bằng chứng pháp y buộc tội cậu và nhân chứng không chọn ảnh của cậu trong số những bức ảnh đã được xem.

Phiên tòa kéo dài 6 ngày. Vào ngày 27 tháng Năm, Eddie Ross bị kết tội cố ý gây cản trở công lý. Ông bị bỏ tù 4 năm, trong đó có 2 năm, ông bị giam trong nhà tù Inverness (còn được gọi là nhà tù Porterfield), trước khi được phóng thích trước thời hạn và được phép trở về nhà. Mặc dù vậy, ông có thể bị gọi trở lại nhà tù nếu vi phạm một số điều kiện nhất định. Ông tiếp tục khẳng định mình và con trai vô tội. Vụ nổ súng vào ngày mùng 2 tháng Sáu năm 1994 vẫn không có chút tiến triển nào.

Vụ án sẽ kéo dài cho đến năm 2006 khi một bức thư nặc danh ngắn được giao cho Sở cảnh sát Kirkwall. Người viết dự định giao thư xong sẽ bỏ trốn, nhưng bị nhân viên dân sự đang ngồi bàn giấy phát hiện và nhận ra - một trong những hiểm họa khi sống trong một cộng đồng nhỏ. William Grant (51 tuổi) đã viết bức thư đó vào đêm vụ nổ súng xảy ra. Ông ta nhìn thấy tay súng trong một nhà vệ sinh công cộng gần nhà hàng. Hắn cầm một khẩu súng và quan trọng hơn là hắn vén mũ che kín đầu, cổ và mặt, nên ông đã

thấy mặt hắn. Grant cho biết ông đã chạm mặt Michael Ross khi cậu thiếu niên này rời khỏi phòng vệ sinh, nhưng Ross nhanh chóng quay lại và đi vào trong. Khi được hỏi tại sao ông lại quyết định nói ra vào lúc này, Grant nói rằng ông cảm thấy tội lỗi chất chồng - một chi tiết gây tranh cãi sau này. Cuộc điều tra chính thức được mở lại và vào tháng Năm năm 2007, Michael bị bắt vì tội giết người.

Trong suốt thời gian này, Michael không hề “ăn không ngồi rồi”. Đến tuổi trưởng thành, hắn gia nhập quân đội, theo chân cha mình vào trung đoàn Black Watch. Hắn là lính binh nhì, đóng quân tại Fort George gần Inverness và có thời gian ở các vùng chiến sự đang hoạt động, bao gồm Afghanistan và Iraq. Hắn được tuyên dương vì có nhiều thành tích trong quân ngũ.

Michael cũng trở nên nổi tiếng vì đã nâng cao sĩ khí của đồng đội và được thăng cấp trung sĩ trong thời gian tại ngũ. Hắn là một tay bắn tỉa lão luyện và là một thành viên của Đội cận vệ Hoàng gia tại Lâu đài Balmoral - một vinh dự lớn lao đối với những người lính Scotland. Gia đình Hoàng gia dành thời gian ở Balmoral vào những thời điểm khác nhau trong năm; việc trở thành một thành viên của Đội cận vệ Hoàng gia là “tiếng thơm” trong thời gian phục vụ quân đội. Michael cũng đã kết hôn và có một gia đình; hắn và cô vợ Pam có hai cô con gái.

Vào ngày 12 tháng Năm năm 2008, Michael Ross ra tòa vì tội giết Shamsuddin Mahmood. Phiên tòa được tổ chức tại Tòa án tối cao ở Glasgow và do Ngài Hardie làm chủ tọa. Phiên tòa diễn ra trong vài ngày, hầu như theo tiêu chuẩn của hệ thống Scotland. Donald Findlay QC (Luật sư được bổ nhiệm làm việc cho chính phủ) - một thành viên nổi tiếng của hệ thống tư pháp Scotland - là luật sư bào chữa cho hắn.

Ngoài cáo buộc giết người, Michael còn bị buộc hai tội gây rối trật tự công cộng — một là hai mẹ con Railstons báo cáo đã nhìn thấy hắn ở Papdale Woods và một được cho là hắn đã la hét, sỉ nhục và phân biệt chủng tộc bên ngoài nhà hàng vài tuần trước khi vụ giết người xảy ra. Cáo buộc về

hai hành vi gây rối trật tự công cộng sau đó đã được bãi bỏ. Michael phải đối mặt với một cáo buộc nữa là cố ý gây cản trở công lý, bằng cách giấu giếm quần áo và súng ống có liên quan tới vụ nổ súng. Hấn biện hộ rằng bản thân không phạm tội liên quan tới tất cả các cáo buộc.

Nhóm công tố tập trung vào luận điểm Michael Ross là một người phân biệt chủng tộc và có quan điểm ủng hộ chủ nghĩa Đức Quốc xã. Họ cho rằng hấn đã nói với những người bạn học viên trường sĩ quan trong những năm 1990 rằng “phải bắn tất cả bọn người da đen” và “phải đe dọa chúng, gí súng vào đầu chúng”. Người ta nhấn mạnh rằng đây là một vụ giết người lạnh lùng, có tính toán và được thực hiện một cách tàn nhẫn. Dựa vào điều này, bên bào chữa liền “biến nguy thành cơ” và nhấn mạnh việc một cậu bé 15 tuổi có thể bình tĩnh bước vào một nhà hàng đông đúc, bắn vào đầu của một người đàn ông ở cự ly gần và bình tĩnh rời đi là điều không tưởng. Họ lập luận rằng vụ kiện của bên công tố hình sự Hoàng gia là suy diễn và bị một câu chuyện có nhiều lỗ hổng dẫn dắt. Vụ án bị thúc ép bởi những người có ý chống lại gia đình nhà Ross, đặc biệt là ông Eddie - cha của Michael.

Cũng phải lưu ý rằng anh Mahmood đang bàn chuyện cưới hỏi với một người phụ nữ mà anh gặp ở Orkney. Điều này khiến nội bộ gia đình lục đục bởi họ cảm thấy cô dâu tương lai này lằng lơ và không phải là một lựa chọn tốt nhất. Bên bào chữa rõ ràng đã nỗ lực để gài thêm khả năng có những bên khác có lý do muốn giết anh Mahmood, có thể là từ chính gia đình anh hoặc từ gia đình của cô người yêu trước đã bị anh bỏ rơi khi anh rời Bangladesh. Abul Shafiuddin - anh trai của Mahmood cũng được thẩm tra về chuyện này, nhưng anh nói anh không tìm ra lý do tại sao có người muốn giết em trai mình và cái chết của em trai là một cú sốc lớn đối với gia đình.

Trong suốt phiên tòa, những nhân chứng có mặt tại đêm xảy ra vụ án được yêu cầu mô tả tay súng, vũ khí và hiện trường chung. Marion Flaws, lúc đó đang làm nhân viên phục vụ, đã bỏ chạy khỏi nhà hàng khi vụ nổ súng diễn ra. Cô khai đã nhìn thấy kẻ tấn công chạy xuống một con hẻm khu cô lao vào

con hẻm đổi diện để trốn. Cô cho rằng tay súng dường như biết cô có thể và không thể thấy gì, mặc dù cô thừa nhận việc đã chạy trốn khỏi vụ bạo lực.

Tại thời điểm xảy ra vụ nổ súng, Emma Stamper mới 13 tuổi. Cô mô tả những gì đã xảy ra vào chiều tối hôm đó. Cô biết tay súng có “sải chân rất lớn” và đi thẳng đến chỗ anh Mahmood, hấn bước đi bình tĩnh và tự tin ra khỏi cửa sau khi nổ súng. Nguyên văn cô ấy mô tả khẩu súng là “đen và nặng” còn tay súng là “người có bờ vai rộng và trông như một tay sát thủ chuyên nghiệp”. Điều này trái ngược với mô tả của William Grant. Khi được hỏi về chuyện này, cô chỉ nói đơn giản rằng cô sẽ nói sự thật khi cô làm chứng vào thời điểm đó.

Ricky Bews - một học viên trường sĩ quan cùng với Michael Ross và hiện đang giữ chức vụ trung sĩ ở trung đoàn Black Watch - được cảnh sát thẩm vấn vào năm 1999 và xác nhận rằng Michael có quan điểm phân biệt chủng tộc. Tại phiên tòa, anh được hỏi liệu chuyện này có thật hay không. Anh nói anh không nhớ đã từng nhận xét như vậy, mặc dù anh ủng hộ sự thật. Khi Donald Findlay thẩm vấn anh cho phần bào chữa, Bews thú nhận rằng những học viên quân đội vào thời điểm đó thường có những nhận xét như thế, đặc biệt là anh, Michael Ross và một số người khác. Anh khẳng định thêm rằng mình chưa bao giờ nhìn hoặc nghe thấy Michael nhắm mục tiêu vào những người châu Á như vậy. Những cựu học viên khác đã làm chứng cho các cuộc thảo luận tương tự và tất cả đều đồng ý rằng Michael chưa bao giờ thực sự tìm cách làm hại người châu Á hoặc người da đen.

Susan Sinclair - nhân viên dân sự và cũng là người nhận ra William Grant - được thẩm vấn về bức thư ông ta gửi. Cô Sinclair đọc to lá thư - cách phổ biến để trình bày bằng chứng trong hệ thống Scotland. Nội dung bức thư mô tả chi tiết tay súng “trẻ, trông như 15 tuổi” và “nhìn có vẻ như hấn từng có một khẩu súng trước đó”. Người viết kết thư rằng họ “chỉ là không biết phải làm gì”. Dường như nếu cô Sinclair không nhận ra ông Grant, thì vấn đề có lẽ sẽ bị trì hoãn. John Rendall - người đã dùng nhà vệ sinh công cộng cùng thời điểm được cho là thấy tay súng - phòng khi chuyện này có

chút liên quan nào đó, khai nhận rằng trước đó anh ta nghe được tiếng sập mạnh trong một phòng vệ sinh sau khi phát hiện ra vụ nổ súng.

Cả bên công tố và bên bào chữa đã thẩm vấn William Grant rất lâu. Ông nói rằng ông vô cùng sợ hãi khi thấy một người rời khỏi phòng vệ sinh với khẩu súng ngắn. Ban đầu, ông nghĩ rằng ai đó “đang giỡn chơi” thôi, nhưng sau đó ông nhận ra hành động quay trở lại căn phòng và khóa cửa của người cầm vũ khí không chỉ xảy ra một lần. Grant nhanh chóng rời khỏi nhà vệ sinh, vừa đi vừa nhìn ra phía sau thì thấy người đó đang rời khỏi tòa nhà và bắt đầu đi lên con đường gần đó. Khi được hỏi liệu có nhận ra người này không, Grant xác nhận đã nhìn thấy hắn ở quanh thị trấn Kirkwall với cha hắn và xác định đó là Michael Ross.

Sau khi Donald Findlay đổi chất lời khai, ông cho rằng Grant là một nhân chứng đáng nghi và mô tả Grant là “không đạt yêu cầu”. Grant bị buộc tội là kẻ nói dối và có ác cảm với Eddie Ross. Một phát hiện khác là Grant nhận được gợi ý tên của Michael Ross vài tháng sau vụ giết người và theo ngụ ý của bên truy tố, ông không nhận diện hắn ngay lập tức. Grant thú nhận ông có một chút “ý niệm” về tay súng nhưng không chắc chắn cho đến khi nghe người khác nói tên của hắn. Jane Grant - vợ cũ của Grant - khai rằng vào ngày mừng 1 tháng Chín năm 2006, ông nói với bà về việc ông biết Michael Ross là tay súng, nhưng ông chưa bao giờ báo cảnh sát hoặc nói với bất kỳ ai khác. Khi bà hỏi ông lý do, ông không thể trả lời.

Thiếu tá Graham Chubb - một chuyên gia về đạn dược đã phục vụ trong Lực lượng vũ trang Anh 35 năm - đưa ra bằng chứng liên quan đến viên đạn trong vụ giết người. Ông xác nhận đây là một trong số 54 triệu viên được sản xuất ở Ấn Độ và phục vụ cho quá trình huấn luyện sử dụng súng tiểu liên. Ông tuyên bố loại đạn này không phải là loại tiêu chuẩn dùng cho mục đích dân dụng, mặc dù ông thừa nhận về mặt pháp lý, chuyện này có thể xảy ra sau khi ông nhấn mạnh trong phiên tòa rằng có thể mua loại đạn này thông qua hình thức trực tuyến.

Norman MacLeod - trưởng cơ quan cấp phép súng cho Sở cảnh sát miền bắc - báo cáo trước tòa rằng từ năm 1992 đến 1995, Eddie Ross đã có chứng chỉ sử dụng một khẩu súng săn, hai khẩu súng ngắn ổ quay, ba khẩu súng trường và năm khẩu súng lục. Sau vụ xả súng ở trường Dunblane tại Scotland vào năm 1996, luật pháp của Vương quốc Anh liên quan đến vũ khí đã có một sự thay đổi lớn. Vì vậy, được phép sử dụng nhiều loại vũ khí như thế có thể gây sốc vào thời điểm xét xử, nhưng nó không có gì lạ trước đó, đặc biệt là ở một cộng đồng nông thôn.

Ronald Withers - một chuyên gia pháp y chuyên về đạn đạo vào có hơn 27 năm đảm nhiệm các vai trò liên quan đến súng - khẳng định rằng trước đây, ông chưa từng thấy loại đạn này trong vụ nổ súng. Ông cho hay, mặc dù viên đạn đó được bắn từ một khẩu súng ngắn, nhưng nó được thiết kế để dùng cho một khẩu tiểu liên. Điều đó càng làm tăng khả năng viên đạn sẽ mạnh hơn và vận tốc nhanh hơn. Khi được hỏi bao nhiêu người trên quần đảo có chứng chỉ đối với loại súng có thể bắn những viên đạn này vào thời điểm vụ nổ súng diễn ra, chuyên gia trả lời, “Sẽ có hàng nghìn người”.

Vào ngày 29 tháng Năm, tòa án được nghe lời khai từ James Spence. Người này xác nhận đã trộm những viên đạn từ căn cứ Thủy quân lục chiến Hoàng gia ở Arbroath sau khi chúng bị vứt đi. Spence cũng thừa nhận lúc trước đã nói dối cảnh sát, cử xử gian dối và tư lợi. Đồng thời, ông đã vi phạm. Đạo luật về súng mà trước đây ông chưa bao giờ bị truy tố về bất kỳ tội nào có liên quan.

Lynn Marie Neil - bạn gái cũ của Michael Ross - ra làm chứng vào đầu tháng Sáu. Cô nói với tòa rằng cô không thể nhớ từng nhìn thấy thứ vũ khí mà cô đã đề cập với cảnh sát. Khi được hỏi về lời khai gần đây do cô ký xác nhận vào năm 2007, trong đó, cô mô tả nó là “một khẩu súng lục ổ quay kiểu cũ”, cô cho biết mình đã không đọc hết bản lời khai trước khi ký tên, bởi cô phải về nhà với con. Khi được hỏi tại sao Michael lại làm chuyện ngu ngốc như đem súng đi loanh quanh ngay sau vụ án mạng, cô nói chuyện đó thật ngu ngốc, nhưng cô cũng xác nhận Michael chưa bao giờ yêu cầu cô nói dối chuyện đó. Phó phòng điều tra Chisholm (hiện tại đã nghỉ hưu) được gọi đến

để làm chứng. Những phần ghi âm của các buổi thẩm tra giữa ông và Michael Ross được mở tại tòa. Ông xác nhận mặc dù đã thẩm vấn ba lần, nhưng những người bạn học mà Michael cho là đã gặp vào buổi chiều tối hôm xảy ra vụ nổ súng đều xác minh là họ không gặp Michael. Ông đã thảo luận về một cuộc điều tra lớn hơn và việc khám xét nhà của gia đình Ross.

Vào ngày mùng 4 tháng Sáu năm 2008, Colin Ross - anh trai của Michael - là một trong những nhân chứng được gọi đến tòa để làm chứng cho nhân cách của em trai mình. Moira Ross - mẹ của Michael - thảo luận gay gắt với công tố viên. Họ thách thức bà khẳng định Michael không giết ai. Có ý kiến cho rằng chuyện giết người đối với sự nghiệp quân ngũ của Michael dường như là điều cấm kỵ và bà trả lời, “Thằng bé lúc đó 15 tuổi và không hề giết người”. Công tố viên đáp lại, “Về khía cạnh đó, những quý ông và quý bà trong bồi thẩm đoàn sẽ quyết định.” Đại úy Alexander Ramsay - một nhân chứng khác - mô tả Ross là một người đàn ông lịch thiệp và là “một trong những lính giỏi nhất, nếu không phải thì tôi cũng mới nói rồi đây.” Những người lính khác, trong đó có một chuẩn hạ sĩ không phải là người da trắng - anh đã mất một người nhà trong cùng một cuộc tấn công mà Michael được tuyên dương vì lòng dũng cảm - xác nhận anh chưa bao giờ thấy Michael Ross phân biệt chủng tộc, và trong quân đội thì họ là anh em.

Cator Moyes là một trong những nhân chứng mâu thuẫn nhất tại phiên tòa. Mặc dù trước đây anh từng ký vào hai tờ khai xác nhận Michael Ross có quan điểm phân biệt chủng tộc, nhưng khi được hỏi về chuyện này trên tòa, anh trả lời, “Chuyện này xảy ra lâu rồi, tôi thực sự không nhớ.”

Suốt buổi thẩm vấn, anh có vẻ run rẩy và gần như sắp khóc. Sau đó, chuyện này đã dẫn đến một phiên tòa gây tranh cãi vào năm 2009 vì Moyes đã coi thường tòa án. Thẩm phán phát hiện Moyes né tránh và mô tả anh rất “thông minh và biết cách chuyển hướng câu hỏi.” Moyes khẳng định bản thân đã cố gắng hết sức để nói ra sự thực và thành thật mà nói thì anh không thể nhớ được. Mặc dù suýt chút nữa anh đã tránh được án tù đây là lần phạm tội đầu tiên, nhưng sau đó anh bị kết tội.

Khi phiên xét xử gần kết thúc, bồi thẩm đoàn được nhắc nhở về việc Eddie Ross bị đình chỉ công tác và kết án sau đó. Trong quá trình thẩm vấn, Eddie được hỏi rằng cậu con trai 15 tuổi của ông có thể tìm thấy một khẩu súng tiểu liên đã ngừng hoạt động ở đâu. Eddie xác nhận ông đã mua nó làm quà cho Michael, vì nó khá rẻ và an toàn. Ông cũng cho biết vào ngày mùng 2 tháng Sáu năm 1994, ông đã nhận ra hộp đạn trong khi đang làm nhiệm vụ nhưng lại nói dối về việc sở hữu loại đạn tương tự. Ông nghĩ rằng việc mình bị kết tội vào năm 1997 là một sự sai lầm của công lý và ông chỉ có một hộp đạn đã được niêm phong. Khi được hỏi tại sao ông thừa nhận quyền sở hữu những thứ này, ông nói ông “nghĩ rằng điều này sẽ giúp ích cho cuộc điều tra”. Eddie Ross đã kể về những viên đạn với Phó phòng điều tra John Smith. Người này thừa nhận rằng Michael thậm chí không phải là nghi phạm, cho đến khi người ta biết đến những viên đạn này.

Vào ngày 17 tháng Sáu năm 2008, phần kết thúc tranh luận diễn ra. Bên công tố nhận định vụ giết người này là một vụ mưu sát máu lạnh. Họ sử dụng bằng chứng gián tiếp để thể hiện một bức tranh về vụ giết người tàn bạo và phân biệt chủng tộc do một kẻ phân biệt chủng tộc và tàn bạo mới 15 tuổi thực hiện. Một kẻ đã bắn người mà hắn không thích chỉ vì màu da của người đó. Họ cũng không ngần ngại ca ngợi chiến công của Michael Ross và thừa nhận hắn đối xử công bằng với những người lính dưới quyền bất kể màu da của họ, nhưng điều đó không quan trọng. Phiên tòa không xem xét đến cuộc đời binh nghiệp hay tương lai tươi sáng tiềm năng của hắn, mà họ đang xem xét những hành vi của hắn vào tối ngày mùng 2 tháng Sáu năm 1994.

Bên bào chữa đồng tình rằng vụ án này thực sự là một vụ giết người dã man và có tính toán do một kẻ rõ ràng có ý định giết anh Mahmood chỉ bằng một phát bắn chuyên nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế, sự khác biệt là vụ án có thể là do một cậu bé 15 tuổi thực hiện. Họ mô tả bên công tố là “cùng đường bí lối”, sử dụng nhân chứng quan trọng nhưng người này lại “tư lợi”, “biết nói dối” và đưa ra bằng chứng gián tiếp mà không có mối liên hệ pháp lý nào giữa bị cáo và tội ác. Donald Findley nhắc nhở bồi thẩm đoàn trong phần kết thúc tranh luận thế này: “Không một nhân chứng nào có mặt tại

hiện trường vụ nổ súng đưa ra bằng chứng là họ cảm thấy tay súng mới 15 tuổi.”

Vào ngày 20 tháng Sáu năm 2008, sau bốn tiếng cân nhắc, theo phán quyết đa số, bồi thẩm đoàn đã kết luận Michael Ross phạm tội giết người và cố gắng gây cản trở công lý. Michael tỏ ra thờ ơ khi thẩm phán nói với hắn rằng bản án sẽ bị hoãn trong lúc ông chờ một báo cáo điều tra những vấn đề xã hội xung quanh hoàn cảnh của hắn, từ đó, thẩm phán sẽ có kết luận về hình phạt dành cho bản án.

Trong khi sắp được đưa ra khỏi tòa, Michael Ross đã thực hiện một hành động bất ngờ nhưng vô nghĩa khi nhảy qua ghế ngồi của bị cáo. Luật sư bào chữa của hắn thấy thế liền hét lên, “Không, Michael, không!” và những viên chức tòa án đuổi theo hắn khắp tòa nhà. Gordon Morrison (61 tuổi) - một thương buôn tơ lụa vải vóc (kiếm một nhân viên dân sự phụ trách giữ trật tự trong tòa án) - đã “chụp giò” hắn. Ông Morrison bị xây sát nhưng thành công ngăn Michael bỏ trốn, chỉ cách cửa thoát hiểm chưa đầy 10m. Tòa án số 3 - nơi diễn ra phiên xét xử - được xem là một trong những phòng xử án có an ninh tốt nhất ở Scotland và được sử dụng cho những vụ án khủng bố. Vì vậy, chuyện xảy ra tại nơi này còn gây sốc hơn hành động cố gắng bỏ trốn bình thường. Người ta phát hiện ra Michael đã chuẩn bị một chiếc xe echo thuê để trữ vũ khí, đậu cách tòa án chưa đầy 2km. Hắn đã chất đầy thùng xe với 542 viên đạn, một khẩu súng máy đã được nạp đạn đầy đủ, một quả lựu đạn, một khẩu súng lục, đồ dùng cắm trại và săn bắn, tiền bạc và quần áo. Nếu tẩu thoát thành công, hắn có ý định chuyển đến vùng cao nguyên xa xôi và sử dụng vũ khí để đi săn. Michael Ross sau đó thừa nhận hành vi cố gắng gây cản trở công lý và sở hữu súng ống, đạn dược. Sau khi tuyên bố bản án chính, hắn sẽ bị bỏ tù thêm 5 năm.

Sau một vài cản trở vặt vãnh, Michael Ross bị kết án vào ngày 17 tháng Mười năm 2008. Hắn bị kết án tù chung thân tối thiểu là 25 năm. Ngài Hardie mô tả vụ giết người này là “một hành động hèn nhát” và nói với Ross rằng, “Bất chấp những lời tung hô trong cuộc đời binh nghiệp của bị cáo sau khi bị kết tội cho thấy bị cáo vẫn là một kẻ hèn nhát.” Đơn kháng

cáo được đệ trình nhưng không được thông qua. Những nỗ lực pháp lý nhằm lật ngược phán quyết kết tội vẫn tiếp tục diễn ra.

Vào đầu tháng Mười một năm 2008, một người ẩn danh treo thưởng số tiền trị giá 100.000 bảng Anh trên tờ *The Orcadian* để đổi lấy thông tin liên quan đến vụ giết người. Bài quảng cáo tiếp tục cho biết người treo thưởng “cảm thấy tòa án đã phán quyết sai khi kết tội Michael Ross” và liệt kê một hộp thư bưu điện để gửi thông tin bí mật. Sự kiện này lan truyền khắp đất nước.

Amelia Swanney, 12 tuổi vào năm 1994 - một cư dân của Aberdeen nhưng xuất thân từ Orkney - đến nói rằng cô đã ở cùng Ross vào đêm xảy ra vụ giết người, ngoài ra, cô còn ở cùng những người bạn khác vào đêm hôm đó. Cô xác nhận mình làm vậy không vì phần thưởng, mà vì cô biết gia đình nhà Ross và chỉ muốn làm những điều đúng đắn.

Kể từ đó, Michael Ross đã bỏ trốn thêm ba lần. Lần thứ nhất, hắn cố gắng bỏ trốn khi đang ở trong xe chuyển đến nhà tù khác, lần thứ hai, hắn cố gắng ăn cắp một máy mài góc để trốn khỏi phòng giam, và lần thứ ba, hắn cố gắng leo hàng rào trong khi đang tập thể dục. Hắn tiếp tục xác nhận mình vô tội và chiến dịch “Công lý cho Michael Ross” đã được tiến hành kể từ khi hắn bị kết án. Chiến dịch quyên góp được hơn 33.000 bảng Anh để tìm kiếm lời khuyên pháp lý cho những nỗ lực lật ngược phán quyết kết tội. Trên quần đảo, vụ án vẫn đặc biệt gây xôn xao dư luận.

Vào năm 2018, Amer Anwar - một luật sư nhân quyền hàng đầu ở Scotland và nổi tiếng với việc thực hiện những chiến dịch quan trọng cho khách hàng của mình - đã tiếp nhận vụ án của Michael Ross. Ông đã ở Orkney trong 3 ngày để tìm kiếm bằng chứng mới và nói chuyện với BBC Radio Orkney - một đài phát thanh địa phương, “Tôi đã tiếp nhận vụ này vì sau khi gặp Michael và kiểm tra các giấy tờ, tôi thấy rõ những mối bận tâm đáng kể liên quan đến cuộc điều tra giết người cũng như về bản án của anh

ta...Tôi sẽ thuyết phục bất kỳ thành viên nào của công chúng có thông tin hỗ trợ chiến dịch công lý liên hệ với văn phòng của tôi.”

Vẫn còn rất nhiều người trong cộng đồng ủng hộ Michael Ross và cho đến năm 2020, chiến dịch ủng hộ đó vẫn tiếp diễn.

HẮC THỦ VÀ CON MẮT THỦY TINH Ở EARLIMART: GÓC NHÌN CỦA KỂ SÁT NHÂN

Christian CiPollini

Ngày 30 tháng Chín năm 2009 khởi động giống như bao ngày khác - thời tiết ôn hòa và vùng ngoại ô của thị trấn Earlimart, bang California khá yên ổn, cho đến khi hai chủ trại gia súc đang ngồi trên lưng ngựa phát hiện ra thứ gì đó hơi kỳ lạ trong bàn chải. Mặc dù không lạ khi trông thấy những món đồ linh tinh bị vứt dọc theo rìa những cánh đồng cỏ linh lăng và những con đường mòn bằng đất gần giao lộ của đại lộ 72 và đường 144 (người qua đường thường sử dụng khu vực chung này làm bãi rác), nhưng có gì đó ở vật thể lạ này khiến hai người cưỡi ngựa phải ngạc nhiên. Vào cuối ngày, một con đường đất chẳng mấy ai biết gần ngoại ô thị trấn Earlimart đột ngột “nhuộm” bầu không khí tà ác. Băng rào chắn rực sáng hoàn toàn đối lập với những bụi cây xanh lá pha nâu, ngăn cách con đường mòn đầy bụi khỏi lòng sông cạn và khiến nó lộ ra... *thứ gì đó xấu xa đã xảy ra ở đây.*

Cảnh tượng diễn ra vào lúc 7 giờ tối, khi đó, hai người chủ trại gia súc tò mò quay trở lại lòng sông cạn để nhìn kỹ hơn vật dị thường. Phía dưới bờ kè cách rìa con đường đất không quá năm mét, hai người họ trông thấy thứ gì đó giống với đôi ủng lao động thò ra từ bên dưới một tấm chắn. Một trong hai người gọi to vì họ đoán thấy thứ ấy là từ một con người. Không ai trả lời. Cả hai thận trọng và đánh bạo tiến lại gần tấm chắn hơn một chút, mặc dù họ không kéo tấm chắn xuống hoặc làm xáo trộn khu vực gần đó. Họ không cần làm vậy. Chỉ riêng mùi hôi thối đã nói lên tất cả, và thế là hai người nhanh chóng đến nhà của một người bạn khác để báo cảnh sát.

Sĩ quan cảnh sát được điều đến và bố trí phong tỏa hiện trường ở bờ phía nam của sông Deer Creek, khoảng một mét rưỡi dưới con đường dẫn lối đầy bụi.

Báo cáo giám sát bổ sung của Sở cảnh sát trưởng hạt Tulare cho biết:

Điều tra viên Hart, Điều tra viên Swanson, Trung sĩ Parker và tôi tới hiện trường vụ án. Tại đây, tôi thấy đầu của thi thể hướng về phía tây bắc và chân hướng về phía đông nam. Tôi quan sát thi thể được phủ (không phải được quấn) trong một tấm chăn màu nâu vàng nhạt pha đỏ với một số loại hoa văn (có thể là một con công). Khi vén tấm chăn lên, thi thể hiện ra. Theo tôi quan sát, nạn nhân là nam giới, người gốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, khoảng 40-50 tuổi. Nạn nhân mặc một chiếc áo sơ mi sọc trắng và xanh/đen, quần jean xanh dương, đi ủng màu nâu. Tôi đã thấy dấu giày và vết lốp xe trong khu vực hiện trường. Điều tra viên Fredericks (văn phòng điều tra viên) đến. Kiểm tra thi thể thì không có ví hoặc bất kỳ giấy tờ tùy thân nào. Tu quần bên phải của nạn nhân có một chiếc đèn pin nhỏ màu bạc. Tôi còn thấy nạn nhân đeo một chiếc vòng cổ, với mặt dây chuyền là một cây thánh giá màu vàng. Cổ tay của nạn nhân được buộc bằng “dây buộc kiểu khóa kéo” màu trắng.

Earlimart là một thị trấn nhỏ, náu mình trong hạt Tulare và bị Tuyến đường 99 chia cắt. Người dân chủ yếu làm nông. Nơi này được những cánh đồng bao phủ và vào lúc đó, dân số có khoảng 8.500 người (91% là người La tinh/gốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha). Để đến thị trấn Delano - anh bạn hàng xóm to bự gần thị trấn Earlimart nhất - phải mất 10 phút lái xe về phía nam. Việc phát hiện một thi thể trong khu vực rìa của một thị trấn xa xôi và có dân cư thưa thớt chắc chắn không bình thường. Vào lúc đó, ở nơi này, tội phạm bạo lực cũng không phải là chuyện thường ngày. Tỷ lệ giết người tồn tại ở toàn bộ hạt Tulare cao hơn tỷ lệ của tiểu bang từ năm 2005 đến năm 2017. Tuy nhiên, trong vài năm, những nơi bên ngoài thị trấn nhỏ Earlimart không biết gì về toàn bộ phạm vi và động cơ của vụ án này. Chuyện xảy ra trong buổi chiều muộn của một ngày cuối tháng Chín năm 2009 sau

này hóa ra chỉ là “muối bỏ biển” - một tội ác bi thảm và hung tàn trong hàng hà sa số những tội ác tàn bạo, dai dẳng và khiến người ta kinh hồn bạt vía.

Vào ngày mùng 2 tháng Mười, những bức ảnh của nạn nhân đã được đưa vào hệ thống in ấn tự động và nhân viên điều tra đã tiến hành khám nghiệm tử thi:

Thi thể NN1 [nạn nhân] đang trong giai đoạn phân hủy.

Những bộ phận cơ thể của NN1 xuất hiện màu xanh lá và những phần da đang bong tróc.

NN1 đeo một chiếc vòng cổ nhiều màu.

Khuôn mặt của NN1 xuất hiện vết thâm.

Mũi của NN1 hơi cong vẹo. Sau khi kiểm tra kỹ, khuôn mặt anh ta không có mắt phải.

Lưỡi của NN1 thè ra ngoài miệng và xung quanh đầu và cơ thể anh ta có rất nhiều giòi bọ.

NN1 chỉ có một ít tóc trên đầu và có vẻ không có lông mặt.

NN1 có vẻ có một cái lỗ nhỏ ở quai hàm bên trái và phải, gần dải tai.

NN1 cũng có vẻ có một cái lỗ phía sau tai phải.

Kết quả dấu vân tay xác định “John Doe¹⁷” là Joaquin Lopez Barragan (45 tuổi), người của thị trấn Earlimart. Kết luận khám nghiệm tử thi cho thấy Barragan bị bắn hai phát chí mạng. Một viên đạn bắn vào cổ xuyên qua cả hai động mạch cảnh. Viên còn lại bắn vào sau tai phải và vẫn nằm trong hộp sọ (kích cỡ nòng súng sau đó được xác định là 0,38 inch). Sau khi xác thực được danh tính và những dấu hiệu cho thấy đây là một vụ giết người theo kiểu hành quyết, các điều tra viên bắt đầu thẩm tra bạn bè, gia đình và những người quen biết của nạn nhân. Tin đồn đã lan truyền khắp thị trấn rằng ai đó muốn giết Joaquin Barragan. Chuyện này có liên quan đến việc người đã mất từng là một tay buôn ma túy trong một khoảng thời gian ngắn và cũng có thể là một tên nghiện ma túy. Một vài người đủ can đảm đề cập đến những cá nhân có hiềm khích với Barragan, không phải ai cũng thoải mái khi kể một cách chi tiết. Vài người sợ ảnh hưởng đến an nguy của bản thân và giữ im lặng, trong khi những người khác chỉ nói những thông tin thực chất tương đương với tin đồn. Cuối cùng, nỗ lực của các điều tra viên đã có

kết quả, bởi thông tin lượm lặt được quy về một mối, đó là cái tên “*Mano Negra*”.

17. Theo tự điển Oxford, John Doe là tên dùng để đặt cho một người cần được giữ bí mật về danh tính hoặc một nam giới chưa biết danh tính, đặc biệt được dùng trong tòa án.

Trước khi chúng ta tiếp tục, tôi nên cung cấp một chút thông tin giới thiệu cơ bản về nhân vật mà bạn sẽ biết sau đây. Đầu năm 2018, một người đồng nghiệp thay mặt cho José Manuel Martinez - người đàn ông đang bị giam giữ - liên lạc với tôi. Người đồng nghiệp giải thích rằng Martinez - một kẻ bị buộc tội giết người - có hứng thú kể câu chuyện của anh ta và muốn hỏi tôi liệu việc này có thể hay không. Trong vài tháng, chúng tôi trao đổi thư từ, gọi điện thoại và gọi “video hỏi thăm”. Tôi ngày càng hứng thú hơn với chuyện này và thành thật mà nói, tôi thấy anh ta cuốn hút. Không phải theo kiểu “người hâm mộ nam” (fanboy) qua thư tín, mà chúng tôi gọi nhau là “*anh bạn*” (*amigo*). Martinez không cố gắng thuyết phục tôi rằng anh ta sống cuộc đời của một nạn nhân và chưa một lần anh ta yêu cầu tôi đồng tình với quá khứ phạm tội của mình. Mặc dù anh ta hoàn toàn chấp nhận sự thật rằng anh ta phải trả giá cho tội ác của mình, nhưng anh ta tự nhận thức rất rõ một điều: nếu có thể quay lại quá khứ, anh ta vẫn sẽ làm như vậy. Có lần, Martinez nói với tôi rằng anh ta thật sự là một “con quái vật” và chắc chắn “sẽ phải xuống địa ngục”. Mặt khác, anh ta là một người đàn ông tận tâm với gia đình. Trong hai năm qua, Martinez đã cung cấp cho tôi hàng trăm trang hồi ký viết tay gồm những chi tiết tỉ mỉ và chú thích, cùng với ảnh hiện trường vụ án và ảnh cá nhân, thêm vào những bản sao báo cáo của cảnh sát và điều tra viên. Cả những lúc rõ ràng và những lúc mập mờ, tôi đã quan sát thấy mặt tốt song song với mặt xấu của anh ta. Anh ta có thể là một kẻ khoác lác và cũng có thể là một kẻ không biết ăn năn (nếu có). Nhưng anh ta có hai mặt khác biệt rõ rệt - một người đàn ông không biết hối lỗi và một người đàn ông, trong khoảnh khắc ngắn ngủi, đã bày tỏ sự đồng cảm với gia đình của các nạn nhân. Nhưng không có nghĩa là điều này sẽ an ủi được những mất mát của họ.

Vào năm 2013, José Martinez là cái tên gây được sự chú ý, sau khi anh ta khiến nhà chức trách Alabama sốc nặng vì lời thú nhận không chỉ thực hiện vụ giết người đang được điều tra, mà còn thực hiện hơn 30 vụ giết người trong nhiều thập kỷ và khắp các bang (thậm chí còn có một số ít bang ở Mexico). Cơ quan thực thi pháp luật quốc gia không mất nhiều thời gian để xác nhận những tuyên bố của Martinez liên quan đến nhiều nạn nhân bị sát hại (từ năm 1980). Những vụ án vẫn chưa có lời giải từ bang California cho đến bang Florida được mở lại và xác thực dựa trên những chi tiết tỉ mỉ do người đàn ông được mệnh danh là “*El Mano Negra*” - Hắc Thủ cung cấp.

Truyền thông ngay lập tức phong cho Martinez những biệt danh giết gân, chưa bao giờ có với “kẻ sát nhân hàng loạt” tàn ác nhất thế giới. Ngược lại, các điều tra viên chuyển sự chú ý của họ sang một giả thuyết khác. Đôi khi, những mẩu tin nhỏ tiết lộ những chuyện khó hiểu, mơ hồ và ít hướng đến kẻ sát nhân hàng loạt, thay vào đó là mối quan hệ giữa thế giới ngầm tội phạm. Chúng nhấn mạnh lời tường thuật của kẻ thú nhận giết người. Mặc dù Martinez sẵn sàng và có vẻ háo hức muốn tiết lộ từng chi tiết nhỏ nhất về tội ác của mình, nhưng anh ta vẫn không cung cấp quá nhiều thông tin (nếu) có khả năng gây tổn hại cho một số người và tổ chức mà anh ta làm việc. Anh ta nói với nhà chức trách về chủ đề đó nhiều nhất, rằng gần như công việc của anh ta phải phối hợp với những người khác. Một lưu ý phụ liên quan đến vụ sát hại Joaquin Barragan (và những người khác mà Martinez thú nhận đã sát hại ở bang California) là hạt Tulare đã ghi nhận sự hiện diện của băng đảng và hoạt động thỏa thuận.

Bây giờ, hãy cùng tôi bước vào dòng hồi ức của gã sát nhân tự thú này, để xem câu chuyện tàn bạo xảy ra như thế nào từ góc nhìn của kẻ thủ ác. Những đoạn văn sau đây gần như không “bể cong” ý tứ của những lời mà *El Mano Negra* đã nói (tôi dùng từ “gần như” là bởi có chỉnh sửa một số lỗi ngữ pháp, chính tả, một số câu nói lặp lại, nhưng tóm lại lời tường thuật này vẫn còn “thô”, nguyên vẹn và người nói không hề tỏ ra ăn năn, hối lỗi), cũng không trích từ cuộc thẩm vấn hoặc lời thú tội với cảnh sát. Sau đây là một đoạn, cũng có thể gọi là một chương, trích từ lời tường thuật dài dòng mà anh ta viết trong khoảng thời gian chấp hành những bản án (và anh ta vẫn tiếp tục dính tới pháp luật) với những chú thích nguệch ngoạc trên bản sao

báo cáo của cảnh sát và/hoặc một vài nhận thức sâu sắc mà anh ta chia sẻ trong suốt những cuộc nói chuyện qua điện thoại.

GÓC NHÌN CỦA KỂ SÁT NHÂN

Vào tháng Chín năm 2009, một người bạn tốt của tôi từ thành phố Delano gọi điện nói rằng anh ta muốn tôi thực hiện một nhiệm vụ. Thế nên, tôi đến nhà anh ta để nói chuyện. Anh ta nói, “*Mano Negra*, chúng ta có một rắc rối nho nhỏ ở thị trấn Earlimart, là một thằng chỉ điểm. Tụi tao muốn nó chết.” Bởi vì gã đó là người địa phương, tôi yêu cầu mức giá 8.000 USD Mỹ khi mọi chuyện xong xuôi. Tôi hỏi người đó là ai và bạn tôi trả lời, “Joaquin Barragan.” Tôi biết hắn, nên tôi nói với bạn mình rằng tôi sẽ làm, nhưng vì nơi đó là vùng địa phương nên tôi cần thời gian. Tôi không thể đi vào thị trấn và ào ào phá cửa nhà hắn được. Mọi người ở thị trấn Earlimart biết tôi. Tôi nói, “Nhưng đừng lo, anh bạn, tôi làm được.” Sau đó, tôi hỏi bạn mình: “Tôi làm việc đó được chứ?” Anh ta đáp. “Được chứ, *Mano Negra*.”

Ngày nọ, tôi thấy một cô gái đến từ thị trấn Earlimart. Tôi từng “ăn nằm” với ả đó một lần. ả tên Martina, còn được gọi là Martha. ả là gái “ăn sương” tệ nhất thị trấn. Martha có rất nhiều cái tên xấu tệ; vài người gọi ả là Gái “ăn sương” Martha trên xa lộ, bởi ả đứng ở trạm dừng xe tải và “chào hàng” kiếm chác ít tiền. Tôi từng trả 100 USD Mỹ để “ăn nằm” với ả. Bây giờ, ả ta là một con nghiện ma túy đá và thuốc phiện, thỉnh thoảng ả đi chơi bời với Joaquin. Một hôm, tôi thấy Martha đi bộ dọc vỉa hè, ả mặc một chiếc quần jean mới tinh và chiếc áo thun màu đen với logo “Tôi vẫn ổn”. ả ta trông khác “bén” nên tôi chạy xe đến kế bên và nói, “Martha, lên xe đi. Tao muốn nói chuyện với mày.” ả lên xe và tôi hỏi ả ta muốn đi đâu. Martha nói, “Tôi muốn đến nhà Irene hít tí thuốc.” Tôi nói với ả ta rằng thuốc phiện không tốt với một người phụ nữ xinh đẹp như ả, và nói với Joaquin, “Nếu mày kêu Joaquin tới chỗ của tao, tao sẽ cho mày 500 USD Mỹ. Tụi tao có chuyện cần nói với hắn.” Con khốn đó nói sẽ không làm vậy vì Joaquin là bạn ả. Tôi giải thích với ả rằng Joaquin đã làm chuyện xấu xa với phụ nữ ở Mexico, nhưng ả vẫn khẳng định không chịu làm. Tôi đuổi ả xuống xe và dọa nếu nói

cho bất kỳ ai về chuyện này thì hãy coi chừng cái mạng của mình. Tôi nói, “Con khôn, biến khỏi xe của tao ngay!”

Tiếp theo, tôi phải lên kế hoạch bắt thằng đó, vì vậy, vào một buổi sáng thứ Sáu, tôi đến Porterville và đón một cô gái khác - Erica. Tôi dẫn cô ta đến một khu chợ trời ở thị trấn Earlimart, bởi vì Joaquin thích tới chợ trời vào mỗi tối thứ Sáu. Hôm đó, tôi vẫn chưa sẵn sàng phạm tội, nhưng khi chúng tôi đang đi loanh quanh khu chợ trời thì tôi phát hiện Joaquin từ đằng xa. Tôi nói với Erica, “Thằng đeo kính râm màu đen đó là Joaquin. Đi theo hắn thêm chút nữa thì em mới nhìn rõ hắn.” Chúng tôi theo Joaquin khoảng 10 phút và tôi nhắc Erica không được quên mặt hắn. Cô ta nói nếu gặp một tên đàn ông xấu xí, cô ta sẽ không bao giờ quên mặt gã.

Tôi bảo, “Erica, nghe cho thật kỹ lời anh sắp nói đây. Thằng đàn ông thô lỗ mà chúng ta đi theo vào khu chợ trời tên là Joaquin và hắn làm rất nhiều chuyện xấu ở Mexico. Joaquin là một con nghiện ma túy đá và thuốc phiện, hắn rất thích mấy thứ đó. Nếu em giúp anh bắt hắn, anh sẽ trả em 1.000 USD Mỹ. Anh sẽ cho em biết địa điểm mà em dẫn hắn tới khi em gặp hắn. Đến sông Deer Creek rồi anh chỉ em.”

Tôi chỉ cho Erica địa điểm mà tôi muốn thấy Joaquin, hướng dẫn cô ta cách nói chuyện để mua thuốc phiện với giá 20 USD Mỹ và mời hắn hút chung. Tôi trấn an cô ta, “Erica à, chỉ có thằng nào mù mới không chịu lên xe với em. Khi Joaquin lên xe, hãy gọi cho anh và nói ‘Nhầm số rồi.’ Khi đó, anh biết là em đã bắt được hắn.”

Tôi gạ cô ta đưa hắn tới sông Deer Creek, nhưng tôi vẫn không muốn làm theo kế hoạch vào hôm đó. Tôi hỏi Erica có thích kế hoạch này không, cô ta trả lời là rất thích và nếu tôi cần một chiếc xe hoặc cái gì thì cứ nói cho cô ta biết. Chúng tôi giờ đã hiểu nhau và tôi hỏi cô ta, “Erica, đêm nay chỉ là của chúng ta thôi. Sau khi ăn tối, anh sẽ đưa em đến nói ẩn nấu của anh và chúng ta có thể ‘trần như nhộng’ bơi lội trong dòng sông y như những đứa bé mới sinh.” Sau đó, chúng tôi đến La Barca — một nhà hàng có món tacos¹⁸, carne asada¹⁹ với guacamole²⁰, khoai tây chiên và uống một lon

Pepsi. Về đến nơi, chúng tôi khui uống 6 chai Pacifico và hút một điều cần sa to tướng để thư giãn cơ thể. Mỗi lần hút thuốc, tôi nghĩ đến Barbara - con nhỏ quản chế tù nhân khốn kiếp.

18. Theo Hướng nghiệp Á-Âu, taco là một loại bánh truyền thống của người Mexico. Phần vỏ bên ngoài được chế biến từ bột ngô hoặc bột mỳ rán qua để mềm và gấp cùng với nhân. Phần nhân bánh được biến tấu từ thịt bò, thịt heo, cá, thịt gà, nước sốt cà chua, nấm, ớt...

19. Theo Wikipedia, carne asada là một món thịt bò nướng và thái mỏng, thường là beefsteak nhỏ, thăn ngoài bò, thăn phi lê hoặc beefsteak sườn.

20. Theo Hướng nghiệp Á-Âu, guacamole là một loại sốt kem, có nguồn gốc từ Mexico và dùng để chấm thực phẩm. Thành phần chính của guacamole là bơ dầm nhuyễn trộn với một số loại gia vị như tỏi, hành, rau mùi, chanh, muối, cà chua với ớt Jalapeno.

Erica và tôi có một đêm mặn nồng kể bên sông Deer Creek. Bộ dạng lúc cô ta không mặc áo tắm hai mảnh thật xinh đẹp. Thời tiết hoàn hảo và bầu trời đầy sao vào đêm tháng Chín đó. Tôi ân ái với cô ta 4 lần, đúng là càng già càng hăng! Chúng tôi nói nhiều về Joaquin trước khi đến nhà mẹ tôi. Đến nơi, tôi lái chiếc xe mà trước giờ chẳng ai ở thị trấn Earlimart thấy tôi lái nó cả.

Vào sáng sớm ngày 27 tháng Chín năm 2009, Erica gọi điện cho tôi từ Porterville. Cô ta nói lát nữa sẽ đến thị trấn Earlimart để xem liệu có thể đón Joaquin hay không. Hôm nay là ngày “định mệnh”, thế nên tôi bảo cô ta hãy sẵn sàng và tôi sẽ ở gần đó. Chiều hôm ấy, tôi đến Delano đón Delia - một cô em nóng bỏng đến từ McFarland. Tôi thuê một phòng và nhanh chóng đi tắm cùng với Delia. Cô ấy 29 tuổi, cao khoảng một mét bảy và nặng chưa đến 60kg, mắt nâu, tóc sáng màu, không có hình xăm nào cả. Chúng tôi bên nhau hăng đến nỗi một trong hai phải thốt lên tiếng, “Bỏ cuộc!” Khoảng 4 giờ 30 phút chiều, vừa mới kết thúc “trận chiến” với Delia thì điện thoại của tôi reo lên. Là Erica, cô ta nói, “Lộn số rồi”. Tôi chửi thề, “Chết tiệt”, rồi mặc quần áo nhanh nhất có thể, đưa Delia 50 USD Mỹ và bảo cô tự bắt xe về McFarland. Tôi phóng xe từ Delano đến Deer Creek và tìm

chỗ đậu trên một cánh đồng. Tôi cầm súng và đi đến chiếc xe mà Erica đang chờ cùng Joaquin trong đó. Tôi mở cửa cạnh ghế ngồi cho khách và nhìn thấy Joaquin đang đặt tay lên ngực Erica. Tôi chĩa khẩu súng vào đầu Joaquin và bảo hắn đặt hai tay sát vào nhau. Sau đó, tôi trói cổ tay hắn lại bằng khóa kéo và bảo hắn cút ra khỏi xe. Erica lập tức chạy đến căn nhà lưu động của tôi. Cô ta sẽ đợi tôi ở đó, rồi khoảng 10 phút sau tôi đến.

Tôi túm Joaquin trở lại chiếc xe và lái đi khoảng 500m. Vào lúc đó, tôi thay đổi kế hoạch. Tôi bảo hắn cút xuống xe và hỏi vài câu, “Sao mày lại chỉ điểm người khác? Tao cũng nghe nói mày là một kẻ gạ gẫm trẻ em. Tại sao mày lại để tay lên ngực bồ của tao?” Tôi nói với hắn rằng tôi rất tức giận khi ai đó chạm vào mầy con bồ của tôi.

Sau đó, tôi xả hai phát súng chết tiệt vào đầu tên khốn kiếp ấy.

Tôi nhìn thấy một cái chần màu đỏ cách nơi tôi giết Joaquin khoảng 3m. Ngay lập tức, tôi lấy nó phủ lên thi thể để hắn không bị lạnh khi đêm đến và người đi đường sẽ không thấy hắn. Anh thấy tôi có tử tế không? Joaquin trở thành nạn nhân thứ 35 của tôi và lúc đó, tôi mới chỉ 47 tuổi.

Tôi quay trở lại căn nhà lưu động, đó Erica và lái xe về Delano để nhận 8.000 dollars Mỹ. Tôi trả công cho Erica và cô ta nói muốn làm những công việc đặc biệt như vậy mỗi ngày. Tôi nói với cô ta rằng có thể. Sau đó, tôi đưa cô ta đi ăn ở El Mazatlan — một nhà hàng hải sản Mexico xinh đẹp. Sau khi ăn tối xong, chúng tôi quay về căn nhà lưu động và lại “lăn lộn” suốt đêm. Khi gây án xong, tôi không bao giờ bỏ chạy, không bao giờ rời bỏ hạt và cẩn thận không mang theo súng trong trường hợp bị chặn xe. Tôi nghe người ta đồn rằng họ đã phát hiện thi thể Joaquin ba ngày sau. Vào buổi chiều đó, tôi chủ yếu ở khu vực Delano. Xung quanh thị trấn, trước khi tìm thấy thi thể Joaquin, một số người nói rằng họ nghĩ Joaquin đã ngồi tù. Sau khi phát giác sự việc, chính Martha đã nói với cảnh sát rằng tôi muốn giết Joaquin.

Nhưng đám cảnh sát ngu ngốc không bao giờ tin ả và tại sao chúng phải tin ả? Chúng biết Martha là một con khốn làm nghề “ăn sương” và rất ti tiện.

Vào ngày mùng 7 tháng Mười năm 2009 - mười ngày sau khi giết Joaquin, tôi nhớ mọi thứ cứ như mới hôm qua. Tôi ở nhà của mẹ, thức dậy lúc 7 giờ, ăn sáng và đến Nha lộ vận²¹ ở Delano để mua nhãn đăng ký hằng năm (dán trên biển số xe mỗi khi gia hạn đăng ký xe) cho chiếc xe tải. Tôi mua thẻ xe, nhưng con khốn nhân viên ở đó kêu tôi phải có giấy chứng nhận kiểm tra khí thải của xe. Thế nên, tôi đưa xe đi kiểm tra khí thải nhưng không đạt, đành phải mua một bộ chuyển đổi xúc tác. Sau đó bảo dưỡng xe xong xuôi, khoảng 2 giờ chiều, tôi tới thị trấn Earlimart để gặp các con. Sau khi ăn trưa ở một nhà hàng xinh đẹp, tôi lái xe về nhà. Nhưng khi đang lái xe, tôi thấy hai chiếc xe cảnh sát trường ở phía trước. Họ đang đi ngược hướng với tôi và khi nhìn thấy tôi, họ quay đầu xe rồi chặn tôi lại. Các sĩ quan rút súng ra, chĩa vào tôi như thể tôi là một tên tội phạm. Họ yêu cầu tôi không nên ra khỏi khu ngoại ô cho đến khi họ cho phép. Khi mọi chuyện đang diễn ra, tự nhiên tôi lấy thẻ SIM ra khỏi điện thoại của mình và nuốt nó. Cảnh sát chĩa súng và yêu cầu tôi đưa cả hai tay ra khỏi cửa sổ. Trong vòng mười phút, thêm mười lăm chiếc xe cảnh sát ập đến. Họ bắt tôi vì vi phạm lệnh tạm tha và tôi sẽ không thể tại ngoại. Kết quả là, họ đưa tôi vào tù.

21. Theo Wikipedia, nha lộ vận (Department of motor vehicles, viết tắt là DMV) là một cơ quan cấp tiểu bang với hai chức năng chính là thu thuế lưu thông và cấp bằng lái xe.

Vào ngày 13 tháng Mười năm 2009, khoảng 1 giờ, Điều tra viên King và Điều tra viên Fremandez đến thẩm vấn tôi tại văn phòng tội phạm bạo lực nằm cách Visalia hơn 6km về phía bắc. Tôi đã từng ở đó rất lâu, vào năm 2000. Điều tra viên cho biết tôi là nghi phạm chính trong vụ sát hại Joaquin Barragan, bởi tôi từng ra giá 500 USD Mỹ để thuê Martha thuyết phục Joaquin ra gặp tôi. Tôi nói với điều tra viên rằng tôi không phủ nhận việc từng nói chuyện với Martha, nhưng đó chỉ là một hiểu lầm tai hại. Tôi nói chuyện với Martha và bảo ả rằng hai người đàn ông ở Delano muốn nói chuyện với Joaquin. Điều tra viên muốn biết tên của hai người đàn ông đó.

Tôi đáp, “Tôi không làm kẻ chỉ điểm đâu, tôi sẽ không nói cho hai anh biết họ là ai.” Việc của họ là điều tra, họ được trả lương để làm chuyện đó mà.

Hai điều tra viên hỏi liệu tôi có sẵn sàng thực hiện một bài kiểm tra phát hiện nói dối không. Tôi đồng ý và giấu nhem chuyện từng làm, vượt qua bài kiểm tra đó một lần vào năm 2000. Chao ôi, họ mang cái máy nhỏ ngu ngốc vào và điều tra viên nói với tôi, “Anh Martinez, đây là mẫu máy mới - máy phân tích giọng nói.” Sau hàng giờ thẩm vấn dai dẳng, họ nói họ chắc chắn 100% rằng tôi không giết Joaquin. Ủ thì, họ đưa tôi trở lại nhà tù chính và một tuần sau, tôi đến phiên điều trần tạm tha ở nhà tù tiểu bang Delano. Họ phán tôi 120 ngày giam giữ vì vi phạm lệnh tạm tha. Không quá tệ! Họ đưa tôi đến một trại rất nhỏ của tiểu bang. Không có hàng rào, không có những sĩ quan trại cải huấn [CO] luôn theo dõi. Phòng giam tập thể có tivi và tôi mua cho mình một chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng. Thật tuyệt vời. Căn tin ở đây rất tuyệt, một ngày ba bữa nóng sốt, mỗi Chủ nhật đều có kem. Khi chuỗi ngày giam giữ kết thúc, tôi bị Cục Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ [INS] giữ lại, vì vậy tôi ở lại cho đến khi nhân viên của INS điều tra ra tôi là công dân Hoa Kỳ. Họ quay lại đón tôi từ trại và để tôi đi.

Trong tất cả các cuộc thẩm vấn và kiểm tra của cảnh sát liên quan tới vụ án của Joaquin Barragan, José Manuel Martinez vẫn nói bản thân vô tội, nhưng các giám thị và điều tra viên đánh giá bài kiểm tra đều đưa ra kết luận anh ta nói dối. Người phụ nữ tên Martha đã tự nguyện thực hiện một bài kiểm tra phân tích sự căng thẳng trong giọng nói. Kết quả dường như cho thấy cô ấy không nói dối, nhưng những điều tra viên nhận ra cô ấy chỉ cung cấp thông tin dựa trên tin đồn. Nhân viên lấy mẫu DNA của Martinez, khám xét phương tiện của anh ta và tìm thấy một khẩu súng ngắn 9mm (đây rõ ràng là vi phạm lệnh tạm tha). Tuy nhiên, dù là một nghi phạm, Martinez vẫn không bị buộc tội giết Joaquin Barragan và tiếp tục phạm tội trong 4 năm tiếp theo. Đầu năm 2019, Martinez ra tòa vì tội giết hai người - Javier Huerta và Gustavo Olivares Rivas - cùng lúc vào năm 2006 ở Florida. Việc truy tố vụ án đó nhằm xử tử hình Martinez, nhưng bồi thẩm đoàn đã tha cho Martinez trong giai đoạn tuyên án và tuyên cho anh ta

một bản án chung thân khác. Anh ta hiện đang trong thời gian thực hiện bản án ở một cơ sở tại bang Alabama.

Ồ! Và cuối cùng, có lẽ bạn sẽ tự hỏi, “Chuyện gì đã xảy ra với con mắt bị mất của nạn nhân?” Ừ thì, Martinez viết nguệch ngoạc trên những bản sao báo cáo của điều tra viên, giải thích viên tướng đáng sợ và rùng rợn:

“Joaquin Barragan có một con mắt giả bằng thủy tinh. Tôi móc con mắt đó của Joaquin vào một chùm chìa khóa. Như một món quà lưu niệm. Khi tôi bắn vào não của hắn, con mắt đó rơi ra.” [trích dẫn từ văn bản gốc].

TỘI ÁC ĐÃ TRẦN ĐẾN THỊ TRẤN PENAL!

Iris Leona Marie Cross

TỘI ÁC Ở TRINIDAD VÀ TOBAGO

Tôi đã tạm trú ở London, Anh được 10 năm và vào năm 2009, tôi rất sợ phải quay về đất nước sở tại — Trinidad và Tobago. Tôi đau khổ tột cùng và có cảm giác bất an khi đọc tin tức trực tuyến địa phương mỗi tuần. Nỗi sợ trong tôi lại chồng chất mỗi khi đọc những bức thư từ bạn bè. Đảo quốc cộng hòa Trinidad và Tobago từng được xem là thiên đường với nguồn dầu mỏ và khí đốt phong phú, nhưng từ khi tôi không sống ở đây, quốc gia này dường như biến thành nơi tận cùng của những tội ác - một “thiên đường của những tên cướp”.

Lúc quay về đây, tôi phát hiện ra tình hình tệ hơn tôi tưởng. Vào năm 1998 (lúc tôi rời đi để đến London), một nơi có dân số khoảng 1,26 triệu người đã ghi nhận 98 vụ án mạng. Vào năm 2009 (lúc tôi quay trở lại), dù cho dân số tăng khá ít - chỉ 1,32 triệu người - nhưng số vụ án mạng tăng vọt khác thường, lên tới 509.

NHỮNG LÝ DO KHIẾN TỘI ÁC GIA TĂNG

Nạn tham nhũng hoành hành cùng những lỗ hổng ở biên giới khiến đảo quốc Trinidad và Tobago trở thành điểm trung chuyển lý tưởng cho nạn buôn người và vận chuyển ma túy, vũ khí, đạn dược bất hợp pháp từ Nam Mỹ đến

Bắc Mỹ và châu Âu. Kể từ khi người dân Venezuela liều lĩnh đi thuyền đến Trinidad (vào ban đêm) để đổi hàng hóa bất hợp pháp lấy những mặt hàng thực phẩm thiết yếu và các nhu yếu phẩm khác, cuộc khủng hoảng đang diễn ra ở Venezuela đã làm tình hình thêm trầm trọng.

Hơn nữa, mất việc làm, học sinh bỏ học trung học cơ sở, rớt kì thi sau 5 năm học trung học cơ sở, những gia đình đơn thân thiếu hình mẫu người cha phù hợp, chi phí sinh hoạt cao, sự gia tăng của mã bưu điện và những băng đảng liên quan đến ma túy và doanh nghiệp lớn rửa tiền, chưa kể đến sự chênh lệch giàu nghèo. Tất cả những vấn nạn này tạo ra một môi trường thuận lợi cho hoạt động tội phạm ở hầu hết các tầng lớp của xã hội. Dẫn lời một người dùng Facebook, “Tôi sống ở một đất nước mà kiếm sống dễ hơn kiếm việc làm!”

CÁC KIỂU TỘI ÁC

Từ những vụ cướp, đe dọa cướp, đột nhập ăn trộm mang tính bạo lực, đánh cướp xe hơi²², lạm dụng gia đình, lạm dụng trẻ em và tấn công tình dục, cho đến bắt cóc, buôn người, bán người trong xe và giết người, số liệu thống kê tội phạm đã đưa đất nước nhỏ bé sở hữu những dãy núi hùng vĩ, những khu rừng nhiệt đới sum sê và mười tám loài chim ruồi và danh sách những quốc gia nguy hiểm nhất trên thế giới. Đảo quốc Trinidad và Tobago (đặc biệt là Trinidad - hòn đảo lớn hơn Tobago) hiện là thiên đường của tất cả các tội ác trên, đặc biệt là giết người. Những vụ án mạng đã vượt ngoài tầm kiểm soát và dường như ngày càng trở nên khủng khiếp hơn. Ví dụ như mất thân mình, đầu và tứ chi; những bộ phận cơ thể nằm rải rác trong rừng; đầu bị cắt rời và bị vứt trên đường phố; xác chết cháy không thể nhận dạng trong xe ô tô đã bị thiêu rụi; thi thể bị vứt xuống biển, hoặc bị ném xuống vách núi, hoặc quấn trong chăn và nhét vào thùng xe... Có vô số hình thức rừng rợn để tước đoạt mạng sống của một con người. Độ tuổi của nạn nhân trải dài từ trẻ sơ sinh còn đỏ hỏn trên tay đến những người hưu trí ở tuổi gần đất xa trời.

22. Theo báo Người Lao Động, đánh cướp xe hơi “car Jacking” là một phương pháp đánh cướp xe hơi khá đặc biệt. Kẻ cướp chỉ cướp xe khi động cơ xe đang hoạt động, nói cách khác, bọn tội phạm tìm cách leo lên xe và tống cổ chủ xe ra ngoài.

NHỮNG VỤ ÁN MẠNG NGÀY CÀNG GIA TĂNG

Trung bình, mỗi năm ghi nhận 500 vụ án mạng (518 vụ vào năm 2018 và 538 vụ vào năm 2019) ở một đất nước với dân số chỉ 1,37 triệu người. Con số này lớn hơn hẳn ở những thành phố đông dân cư và cũng là nơi có phần lớn người nhập cư đến từ đảo quốc Trinidad và Tobago, như London (9,3 triệu người) có 149 vụ và thành phố New York (8,3 triệu người) có 318 vụ (số liệu năm 2019). Ngược lại, chỉ riêng trong tháng Một năm 2019, đảo quốc Trinidad và Tobago đã ghi nhận 41 vụ án mạng; vào tháng Bảy cùng năm, trong 24 giờ đã xảy ra 8 vụ án mạng.

Những vụ án đẫm máu này tiếp tục diễn ra ở đảo quốc Trinidad và Tobago. Vào tháng Một năm 2020, có 46 vụ án mạng, trong đó có 5 vụ xảy ra trong cùng một ngày. Một bài viết với tựa đề “Tháng Một đẫm máu” trên tờ *Trinidad và Tobago Guardian* có viết, “Ngày sau nửa đêm, khi nhiều gia đình đang ăn mừng khởi đầu của một thập kỷ mới, những kẻ sát nhân vẫn tiếp tục điên cuồng phạm tội... Không ai có thể phủ nhận thực tế đất nước này ngày càng chìm vào hố sâu tuyệt vọng. Phần tử tội phạm giờ đây dường như đang truy lùng tất cả mọi người, không chừa một ai. Người dân đang sống trong sợ hãi.”

Người dân đảo quốc Trinidad và Tobago tự giam mình sau cửa sổ và cửa ra vào chống trộm. Những con chó dữ, hệ thống báo động trong nhà và camera quan sát (nếu họ có nhiều tiền) bảo vệ tính mạng họ. Ngày nào báo chí và các phương tiện truyền thông cũng đưa tin về một vụ án mạng. Không cần phải nói, vào thời điểm thông tin xuất hiện trên những phương tiện truyền thông chính hoặc truyền tới tai người nhà của người quá cố, trên mạng xã hội đã lan truyền những video đồ họa và hình ảnh về những xác chết nằm trong vũng máu.

NHỮNG ẢNH HƯỞNG KHI ÁN MẠNG GIA TĂNG

Cơ quan Cảnh sát Trinidad và Tobago cũng như Trung tâm Khoa học Pháp y (thiếu nhân lực, chuyên môn và công nghệ) không thể bắt kịp với sự gia tăng nhanh chóng, liên tục và tràn lan của những vụ án mạng. Vào năm 2017, bác sĩ nội trú về bệnh học đã sớm chấm dứt hợp đồng vì một tình huống rất “thảm khốc”. Trong một cuộc phỏng vấn qua điện thoại xuất hiện trên trang web tin tức Looptt.com (*Loop Trinidad và Tobago*), bác sĩ về bệnh học cho biết, “Nếu tôi tiếp tục công việc, chắc chắn tôi phải thực hiện những cuộc khám nghiệm tử thi [đó]. Con số 500 là đủ lắm rồi đấy. Tôi là người nước ngoài và nếu những nhà chức trách ở Mỹ phát hiện ra mỗi năm tôi khám nghiệm tử thi 500 lần, họ sẽ giới hạn giấy phép hành nghề của tôi. Đơn giản thôi, không quan trọng bạn ở Nam Phi, Nhật Bản hay Alaska, phạm luật chính là phạm luật.” Tình hình đất nước thêm tang thương khi vào tháng Một năm 2020, một bác sĩ bệnh học khác đã nghỉ việc chỉ sau 6 tháng.

Không có gì lạ khi phần lớn những vụ án vẫn chưa được giải quyết. Trong số 516 vụ án mạng xảy ra vào năm 2018, có 430 vụ chưa được giải quyết. Sự gia tăng đáng báo động về tội phạm, cùng với tỉ lệ phát hiện tội phạm thấp (chỉ 16.6% vào năm 2018), đã thúc đẩy những quốc gia có công dân thường hay đến Caribbean đưa tin du lịch cảnh báo về những nguy hiểm liên quan đến việc tới thăm thú đảo quốc Trinidad và Tobago. Họ khuyên người dân không nên mạo hiểm đi đến một số “điểm nóng” nhất định như những khu vực đô thị vì có nhiều khả năng gặp rủi ro hơn.

TỘI ÁC ĐÃ LEN LỎI VÀO NHỮNG THỊ TRẤN NHỎ

Tuy nhiên, những tên tội phạm nguy hiểm không còn “đóng đô” ở những điểm nóng trong đô thị nữa, mà giờ đây chúng đã tràn vào những nơi vốn được xem là an toàn - thị trấn nông thôn nhỏ hơn. Ở đó, hàng xóm biết mặt nhau, cửa ra vào và cửa sổ (trừ những song cửa được rèn bằng sắt) mở ra để đón làn gió nhiệt đới trong lành. Và khi người dân nơi đây nghĩ rằng họ đã “miễn nhiễm” với tội phạm, vì họ đã nghe và nhìn thấy tất cả những chuyện liên quan, thì một tội ác khiến cả nước phải “đứng hình”, khơi dậy trong lòng

họ sự tức giận, đau buồn và tuyệt vọng tột cùng. Diễn hình là vụ giết ba người cùng lúc xảy ra ở Penal - một thị trấn nông thôn, người dân chủ yếu làm nghề nông ở Nam Trinidad, bao gồm một số ngôi làng nhỏ và tổng dân số là 12.281 người.

Vụ thảm sát ở Penal gây xôn xao dư luận vào tháng Tám năm 2019 khiến rất nhiều người bị tổn thương. Phản ứng của người dân rõ ràng cho thấy tội phạm vẫn có thể làm dậy lên sự căm phẫn và đau khổ trong lòng một nhóm người dân dường như vô cảm. Mọi người bình luận trên Facebook bằng tiếng địa phương.

“Lạy Chúa, xin Người rủ lòng thương xót, tội ác đã bao trùm Penal.”

“Chúng ta cần cầu nguyện cho nơi này nhiều hơn. Ôi Chúa, xin Người hãy giúp đỡ họ.”

“Không có ngôn từ nào để diễn tả được thảm kịch kinh hoàng này.”

“Tôi rất đau lòng... tức giận... buồn khổ... Nhưng mà... Chúng ta đang sống cùng loài quái vật gì vậy chứ?”

“Thật khó để chấp nhận chuyện này đã xảy ra. Trinidad thật sự biến thành một nơi lạnh lẽo rồi đây.”

“Chuyện này cứ như trong một bộ phim kinh dị.”

“Khi Chúa phán xét tất cả những kẻ gian ác này, tôi hi vọng chúng có thể chấp nhận sự trừng phạt giống như cách chúng hủy hoại những người dân nơi đây.”

Đây chỉ là một số bình luận mà một người dân bị sốc và bất bình đưa lên trang mạng xã hội.

Đối với một tội ác khủng khiếp bao trùm thị trấn Penal (ở khắp mọi nơi!) như vậy, chỉ có sự can thiệp của thần thánh mới có thể cứu người dân khỏi nanh vuốt của những tên tội phạm lang thang khắp đất nước. Nếu “Chúa là người Trinidad” - một lời xưng tụng thường thấy (vì không như những đất nước khác trong vùng Caribbean, bao gồm cả “người chị em” Tobago, đảo Trinidad không bị bão và động đất tàn phá), thì chỉ có Chúa mới có thể cứu người dân nơi này khỏi mớ hỗn độn không thể văn hồi. Đồng thời đảo quốc Trinidad và Tobago đang ngày càng tiến gần đến bờ vực nguy kịch, bởi vụ giết ba người kinh hoàng đã xảy ra trong một cộng đồng yên tĩnh và thanh bình trên đường Clarke.

SỰ KIỆN MỞ ĐẦU CỦA HÀNG LOẠT TỘI ÁC

Chuyện bắt đầu vào ngày Chủ nhật, 11 tháng Tám năm 2019, lúc 7 giờ tối, khi Vishad Mohammed - một thanh niên ở độ tuổi đôi mươi - nhận được cuộc gọi từ mẹ mình. Cha mẹ của Vishad Mohammed - bà Shelly-Ann Ragoonanan (43 tuổi) và ông Wazir Mohammed (57 tuổi) - đã có một cuộc hôn nhân theo luật chung²³ lâu dài. Ngoài Vishad, đôi vợ chồng này còn có hai người con nhỏ hơn - một cô con gái 4 tuổi và một bé trai 8 tháng. Ông Wazir còn có một cậu con trai lớn hơn (34 tuổi) với người vợ trước và anh này đang sống ở Hoa Kỳ.

23. Theo Wikipedia, hôn nhân theo luật chung là một cuộc hôn nhân được cả hai người bạn đời coi là hợp lệ, nhưng chưa được cơ quan đăng ký nhà nước hoặc tôn giáo công nhận, hoặc chưa được cử hành trong một dịch vụ tôn giáo chính thức.

Vợ chồng Wazir và Shelly-Ann sở hữu một ngôi nhà rộng rãi tọa lạc trên một ngọn đồi bên đường Clarke ở thị trấn Penal. Ngôi nhà ẩn sau một tán cây lớn và xung quanh là một hàng rào mạ kẽm. Ngôi nhà có một cổng trước rất lớn và nằm cách xa những ngôi nhà khác trong vùng. Nó thực sự

lớn, biệt lập và gần giống như một pháo đài. Hai vợ chồng Shelly-Ann và Wazir rất xem trọng cảm giác riêng tư và tách biệt này. Hàng xóm và họ hàng xác nhận rằng cặp vợ chồng ẩn dật này (cư dân lâu năm của làng và nổi tiếng trong vùng, dù chỉ biết mặt) là những người sống rất kín tiếng và không thích “va chạm”. Họ hiếm khi tiếp xúc với ai, kể cả người nhà. Con trai cả của Wazir đã từ Hoa Kỳ đến dự đám tang. Anh không gặp gia đình đã 6 năm rồi.

Thỉnh thoảng, ông Wazir sẽ đưa bà Shelly-Ann đi thăm người bác Dipraj Ragoonanan (72 tuổi). Ngoài chuyện đó ra, mọi người hiếm khi gặp bà và các con. Người nhà cũng ít lui tới thăm nơi ở của hai vợ chồng Wazir và Shelly-Ann. Bà Shelly-Ann là một người nội trợ, chưa bao giờ ra ngoài làm việc. Ông Wazir - xuất thân từ một gia đình khá giả - đã từng là một thương buôn kim loại phế liệu và phụ tùng ô tô trong hơn 30 năm. Theo dân làng, họ là một cặp vợ chồng chăm chỉ và không bao giờ đi chơi, uống rượu hay giao lưu ở quán rượu Roger's Bar trong làng như những người dân địa phương.

Trong khi bà Shelly-Ann, ông Wazir và hai đứa con nhỏ sống trong ngôi nhà trên đường Clarke cùng với Nazim (52 tuổi) - người em trai bị bệnh tâm thần của Wazir, thì con trai Vishad có khi sống với cha mẹ, có lúc ở với họ hàng của mẹ - những người sống ở ngôi làng Penal khác, cách đó không xa. Vishad thường xuyên gọi điện hỏi thăm cha mẹ khi anh không sống chung nhà với họ. Nhưng kể từ buổi tối Chủ nhật ngày 11 tháng Tám, sau khi mẹ anh ấy gọi điện, anh ấy đã không thể liên lạc được với cha mẹ của mình nữa. Anh đã gọi rất nhiều cuộc nhưng vô ích. Vishad lo lắng có điều gì đó không ổn, nên vào thứ Năm ngày 15 tháng Tám, anh đã đi nhờ xe về nhà cha mẹ để xem có chuyện gì xảy ra.

Ba giờ chiều ngày hôm đó, khi anh về đến nhà, anh không thể vào trong vì cổng đã bị khóa. Anh bóp còi và gọi bố mẹ nhưng họ không trả lời, cũng không ra mở cổng. Thay vào đó, anh nghe thấy tiếng gọi của em gái và em trai. Trong cơn tuyệt vọng, Vishad nhảy qua cổng và nhìn thấy đứa em gái 4 tuổi lúc này đã bước xuống bậc thềm và đi về phía anh. Cô bé trông nhếch nhác, quần áo lấm lem đất. Khi anh hỏi về cha mẹ, cô bé bảo rằng họ đang

ngủ và cô bé không thể đánh thức họ. Cô bé nói với anh, “Em cố gắng đánh thức mẹ để mời mẹ uống trà nhưng mẹ không tỉnh dậy!” Vishad nhận thấy cánh cửa trước bằng gỗ đã bị phá. Khi bước vào bên trong, anh phải đối mặt với một cảnh tượng khủng khiếp và ám ảnh anh suốt đời.

HIỆN TRƯỜNG VỤ ÁN

Nhìn thấy thi thể đang thối rữa của ông Wazir nằm trên hành lang gần cửa trước, Vishad kinh hoàng hét lên. Thi thể đang phân hủy của mẹ và chú trong phòng khách. Cả ba người đều bị cắt cổ họng. Khám nghiệm tử thi sau đó cho thấy ông Wazir bị bắn hai phát vào ngực. Cô bé 4 tuổi và đứa em trai 8 tháng - nhếch nhác, mất nước, đói bụng và la khóc - không hề sợ hãi trước mùi hôi thối và bầu giời lúc nhúc, chúng chơi đùa quanh ba xác chết đang phân hủy. Quần áo, bàn tay và khuôn mặt của chúng vấy máu vì cố gắng đánh thức cha mẹ. Nhưng hai đứa bé vẫn sống và không bị thương. Những miếng tã bẩn và một hộp sữa đã mở nằm trên sàn nhà gần đó. Đứa bé trai yếu đến nỗi không thể giơ tay lên. Hai đứa bé được đưa đến bệnh viện gần nhất. Chúng được khám, điều trị và truyền dịch qua tĩnh mạch.

Tiếng còi của cảnh sát và cảnh tượng những người đàn ông mặc bộ đồ pháp y màu trắng báo động cho hàng xóm biết có chuyện gì đó nghiêm trọng đã xảy ra trong khu vực. Họ đổ xô đi xem và kinh hoàng khi phát hiện ra một tội ác ghê tởm đã xảy ra ngay trước mặt họ, trong cộng đồng bé nhỏ này.

Không ai nhớ từng gặp mặt người lạ nào trong khu vực. Người dân không thể cung cấp bằng chứng liên quan đến vụ án, bởi họ không nghe hay nhìn thấy gì. Thứ khiến họ chú ý nhất là mùi thối. Họ nghĩ mùi thối chắc là từ xác một con chó rữa rã trong bụi cây xung quanh, hoặc có lẽ là một con chó đã kéo xác một con vịt vào khu vực này, vì gần đó có một người nuôi vịt. Họ không nghĩ đó là mùi xác người. Họ sốc. Khi thẩm tra những người họ hàng để tìm hiểu động cơ của vụ án, cảnh sát chỉ nắm được thông tin những người này không biết đôi vợ chồng xấu số có liên quan gì đến những hoạt động phạm pháp hay không. Hơn nữa, họ còn nói rằng bà Shelly-Ann và ông Wazir

không hề nhắc gì đến việc bị đe dọa hay mạng sống của họ đang gặp nguy hiểm.

Nhưng trên thực tế, bà Shelly-Ann và ông Wazir không có thói quen giao tiếp với họ hàng, chứ đừng nói là tâm sự với họ. Ngay cả khi đôi vợ chồng có kẻ thù thì những người họ hàng này cũng không thể biết. Một người họ hàng tiết lộ bà Shelly-Ann và ông Wazir không giao thiệp với ai. Ông Wazir là một người kiệm lời. Cuối cùng, chính mong muốn giữ gìn sự riêng tư và cuộc sống ẩn dật đã hại họ và dẫn đến việc sau khi tội ác xảy ra bốn ngày, thi thể của họ mới được phát hiện.

Những pháp y thực hiện khám nghiệm tử thi xác định Chủ nhật ngày 11 tháng Tám (cùng ngày mẹ Vishad đã gọi cho anh ấy) là ngày xảy ra vụ thảm sát. Nếu vậy thì vụ án mạng phải được thực hiện vào ban đêm, sau khi Shelly-Ann gọi điện cho Vishad vào lúc 7 giờ tối. Điều đó cũng có nghĩa là trong bốn ngày, khi cha mẹ nằm im lặng và bất động trên sàn nhà, cô em gái 4 tuổi của Vishad đã chăm sóc đứa em trai 8 tháng, bắt chước theo những gì mẹ cô bé đã làm. Cô bé lau rửa cho đứa trẻ sơ sinh, thay tã cho em và cho em bú bình bằng cách lấy sữa từ chiếc lon đã mở được tìm thấy trên sàn phòng khách. Cô cũng hút nước trái cây và đồ ăn nhẹ cho em trai.

Giáo viên mầm non của cô bé không lấy làm ngạc nhiên. Trả lời phỏng vấn trên tờ Trinidad và Tobago Newsday, cô nói, “Cô bé là một học sinh nổi bật, rất thân thiện và thông minh. Cô bé hay giúp đỡ mọi người và sẽ giúp được em trai mình. Tôi tin rằng cô bé sẽ cho em trai ăn và dọn vệ sinh cho em trai.”

Một vụ án tương tự đã xảy ra vài tháng trước đó (tháng Tư năm 2019) ở Chatsworth, một khu ở Los Angeles, bang California. Một bé gái 4 tuổi chăm sóc cho em trai 2 tháng trong ba ngày sau khi cha mẹ bị sát hại rồi tự sát. Tuy nhiên, đó là một vụ án cực kỳ đơn giản. Người cha đã sát hại

người mẹ, sau đó tự sát bằng súng. Cuộc thảm sát ở Penal không đơn giản như vậy. Ai đã tước đi mạng sống của cha mẹ hai đứa trẻ này và lý do là gì?

Bộ phận điều tra vẫn đang thu thập bằng chứng (với hi vọng) sẽ làm sáng tỏ lý do tại sao ba thành viên của một gia đình sống ẩn dật lại bị sát hại tại nơi được mệnh danh là “Ngôi nhà của những nỗi kinh hoàng”. Vishad không hiểu tại sao cha mẹ và chú của mình lại bị sát hại. Anh rơm rớm nước mắt và nói, “Những gì đã xảy ra thực sự kinh khủng. Tôi vẫn không thể tin được. Tôi cảm thấy đó là một giấc mơ. Tôi chỉ muốn biết tại sao cha mẹ và chú của tôi bị giết. Đối với tôi, đó là một cơn ác mộng.”

Vì Bộ phận điều tra những vụ án mạng của Sở cảnh sát Trinidad và Tobago không muốn tiết lộ thông tin liên quan đến tiến độ (nếu có) của vụ án, nên tôi phải dựa vào thông tin trên các phương tiện truyền thông báo chí và truyền hình để cố gắng làm sáng tỏ bí ẩn của vụ án sát hại ba người này. Mặc dù tôi đã biết tội ác xảy ra vào thời điểm (ngày 11 tháng Tám năm 2019, khoảng sau 7 giờ) và ở địa điểm (ngôi nhà của gia đình trên đường Clarke, thị trấn Penal) cụ thể, nhưng tôi vẫn không giải đáp được ai là hung thủ và lý do gây án. Cập nhật mới nhất xác nhận rằng vẫn không xác định được động cơ của những vụ án mạng. Nhưng dựa trên những gì *không* được Cơ quan Cảnh sát Trinidad và Tobago (TTPS) công khai, một số phương án có thể bị loại bỏ ngay từ đầu.

Thứ nhất, đây rõ ràng không phải là một vụ án giết người rồi tự sát như vụ ở Chatsworth.

Thứ hai, một giả thiết hợp lý là đôi vợ chồng không phải là thành viên của một băng đảng hoặc buôn bán ma túy, vũ khí và đạn dược. Tuy nhiên, TTPS không do dự cho hay hung thủ “biết” những nạn nhân của vụ án, hoặc vụ án liên quan đến ma túy hoặc băng đảng. Vào lúc này, không có dấu hiệu liên quan đến ma túy, băng đảng, vũ khí hoặc đạn dược.

Thứ ba, bà Shelly-Ann, ông Wazir và ông Nazim không phải là những nhân chứng nhà nước đang chờ làm chứng chống lại một nghi phạm trong một phiên tòa sắp xét xử. Nếu như vậy, TTPS sẽ công khai sự thật này. Việc đe dọa nhân chứng rất phổ biến ở một nơi đầy rẫy tội phạm như Trinidad và Tobago. Thông thường, những nhân chứng nhà nước không sống được đến lúc làm chứng do khoảng thời gian từ khi bắt giữ nghi phạm đến ngày xét xử, đôi khi, có thể kéo dài đến một thập kỷ. Trong thời gian chờ đợi, không có gì lạ khi những nhân chứng nhà nước, người nhà và thậm chí bạn bè của họ đều bị truy tìm và dọa giết. Trong những năm qua và trong thời gian gần đây, nhiều sát thủ được trả tiền để cướp đi mạng sống của nhân chứng nhà nước giữa ban ngày ban mặt. Chúng tảo tợn đến mức giết người mà không bận tâm đến việc che mặt, hoặc né camera giám sát.

Ngoại trừ ba lý do này, liệu còn những lời giải thích nào khác cho cái chết kinh hoàng của Wazir (một doanh nhân chăm chỉ), Shelly-Ann (một người mẹ hay ở nhà) và Nazim (một người đàn ông bị bệnh tâm thần) không?

LIỆU ĐÂY CÓ PHẢI MỘT VỤ CƯỚP

Thoạt nhìn, động cơ gây án có vẻ là ăn trộm. Mặc dù ngôi nhà được rào chắn cẩn thận ở phía trước và hai bên bằng hàng rào mạ kẽm, nhưng hung thủ có thể dễ dàng tấn công từ khu vườn do ông Wazir trồng ở phía sau ngôi nhà. Các điều tra viên cho rằng (những) hung thủ đột nhập vào ngôi nhà từ phía sau — nơi có hàng rào thấp hơn so với phía trước và hai bên. Họ đoán chúng đột nhập bằng cách phá cửa trước, rồi tẩu thoát qua cửa sau, nhảy qua hàng rào và đi đến đường Wilson sát bên.

Tuy nhiên, chúng không cần phải vào từ phía sau nếu có thể nhảy qua cổng trước, giống như cách mà Vishad đã làm khi anh tuyệt vọng vì không biết tại sao cha mẹ không trả lời điện thoại. Có vẻ như vụ án xảy ra ở một ngôi nhà hẻo lánh với tán cây lớn phía trước sẽ tạo điều kiện cực kỳ thuận lợi cho việc che mắt mọi người xung quanh, đặc biệt nếu vụ án diễn ra vào ban đêm.

Công việc kinh doanh kim loại phế liệu và phụ tùng ô tô của ông Wazir rất tốt. Chính nguồn hàng quý giá đó khiến ông trở thành mục tiêu. Rất có khả năng ông cất tiền từ những giao dịch trong tuần trước ở nhà. Trên thực tế, một trong số rất ít những người bạn của ông ta chia sẻ rằng thỉnh thoảng Wazir vẫn giữ rất nhiều tiền mặt ở nhà. Mặc dù động cơ rõ ràng là trộm cướp, và ban đầu cảnh sát cũng đã tập trung vào điểm này, nhưng họ đã loại trừ nó, bởi dường như không có thứ gì bị trộm vào thời điểm đó. Kho phụ tùng xe hơi và kim loại phế liệu của Wazir vẫn còn nguyên vẹn.

Nhưng còn số tiền có thể ông đang cất ở nhà thì sao? Có lẽ bọn trộm thích tiền “tươi” hơn kim loại phế liệu hoặc phụ tùng ô tô, bởi không cần tốn công đi đổi. Hơn nữa, để tẩu thoát nhanh chóng, tiền giấy sẽ dễ vận chuyển hơn so với mớ đồ cồng kềnh đó, mặc dù chúng cũng có giá trị. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng phát hiện ông Wazir có thói quen để tiền mặt ở nhà?

Nếu biết, chúng sẽ kẻ lưỡi dao và chĩa họng súng để ép ông Wazir nói ra nơi cất giấu. Sau đó, chúng có thể lấy tiền mặt mà không cần lục lọi ngôi nhà. Cảnh sát sẽ không biết tí gì về một vụ cướp đã xảy ra, bởi đồ đạc trong nhà vẫn nguyên vẹn và trông như thể không có thứ gì bị trộm đi. Bởi vì những người họ hàng hiếm khi đến thăm, họ sẽ không thể nói cho cảnh sát biết nơi Wazir giấu tiền mặt. Gia đình có thể đã bị sát hại vì họ đã chứng kiến tiền mặt trong nhà bị lấy đi. Những viên cảnh tượng tự đã diễn ra rất nhiều lần ở đảo quốc Trinidad và Tobago, đến mức TTPS cần xem xét lại động cơ của vụ sát hại ba người này là hành vi trộm cướp.

Theo cảnh sát điều tra, trông như không có thứ gì bị cướp vào thời điểm đó, nhưng vài tuần sau khi vụ án xảy ra, một số vật dụng đã bị cướp. Khoảng một tháng sau vụ án, chiếc xe bán tải của ông Wazir cùng phụ tùng ô tô đắt tiền vốn được cất trong sân, nay lại “không cánh mà bay”. Một phát hiện đáng kinh ngạc hơn là chỉ một tuần sau vụ án mạng, một trong những người họ hàng của ông Wazir (và báo cáo cho biết ông Wazir không có nhiều người thân) đã đến sống tại ngôi nhà trên đường Clarke, mặc cho ngôi nhà vẫn chưa được tẩy uế, mùi hôi thối của xác chết dai dẳng và giòi bọ tràn lan khắp nơi. Khi những người họ hàng của bà Shelly-Ann đi cùng cảnh sát

đến ngôi nhà để tìm kiếm tài liệu cần thiết cho việc phá án, họ thấy ngôi nhà bị lục lọi và tài liệu vương vãi khắp nơi.

Tôi nghi ngờ người họ hàng này của ông Wazir thiếu thốn, không nhà không cửa và đang kiếm một nơi để che nắng che mưa. Thật hời nếu anh ta có thể tìm kiếm tiền bạc hoặc vật có giá trị trong lúc vơ vét hết đồ đạc của ông Wazir. Theo báo cáo, trước đây anh ta sống ở San Fernando (thành phố chính ở Nam Trinidad) tại King's Wharf - một khu vực đô thị còn nghèo với những người dân làm nghề chài lưới bán cá. Chỉ những người nghèo túng, vô gia cư và liều lĩnh mới nhào vô sống trong một ngôi nhà đầy giòi bọ, nồng nặc mùi xác chết và là nơi xảy ra vụ án giết ba mạng người. Cảnh sát đuổi người họ hàng đó ra ngoài và thay ổ khóa, nhưng điều này không ngăn được người khác đột nhập vào ngôi nhà một tháng sau đó.

Nhóm điều tra sẽ đỡ vất vả hơn nếu những người đó là hung thủ, nhưng có vẻ không phải là họ. Nếu có thì những tên cướp sau khi giết người này chỉ là những kẻ cơ hội đang muốn biến ngôi nhà bị bỏ trống trên đường Clarke thành nơi ở miễn phí, sử dụng một chiếc xe bán tải để làm phương tiện đi lại, hoặc bán phế liệu và phụ tùng ô tô để lấy tiền mặt.

VỤ ÁN CÓ MỐI LIÊN HỆ GÌ VỚI CÔNG VIỆC MUA BÁN KIM LOẠI PHẾ LIỆU VÀ PHỤ TÙNG Ô TÔ CỦA ÔNG WAZIR?

Ở đảo quốc Trinidad và Tobago, ngành công nghiệp kim loại phế liệu đã phát triển thành một hình thức kinh doanh sinh lời và cạnh tranh khốc liệt. Ngành công nghiệp trị giá hàng tỷ USD Mỹ (đơn vị tiền tệ ở Trinidad và Tobago), với một số công ty lớn trong và ngoài nước kiểm soát phần lớn giao thương, khiến nhiều công ty nhỏ thuộc gia đình ở trong nước tranh giành hàng phế liệu. Liệu cảnh sát đã đúng khi liên hệ những vụ án mạng này với công việc của ông Wazir? Ông Wazir đã kinh doanh hơn 30 năm, nhưng khi ông biến mất khỏi thương trường, ông sẽ không còn là một mối đe dọa cạnh tranh nữa. Mặt khác, liệu thỏa thuận kinh doanh đó có quá rôm?

VỤ ÁN CÓ MỖI LIÊN HỆ GÌ VỚI THUÊ BẢO KÊ?

Mặc dù những người họ hàng cho biết Wazir không bao giờ nói với họ rằng tính mạng của ông đang bị đe dọa, hoặc ông và gia đình đang gặp nguy hiểm, nhưng một người bạn thân của ông lại nói khác. Người này nói rằng ông Wazir sợ hãi và hoang tưởng rằng mọi người sẽ tấn công gia đình mình. Ông đã dựng một hàng rào mạ kẽm ở phía trước và hai bên ngôi nhà. Ở cổng trước, Ông cũng đục một lỗ vừa đủ lớn để nhận thức ăn nhanh giao từ tiệm Gà rán Kentucky. Người này còn nói, “Anh ấy luôn lo sợ ai đó sẽ đến tìm mình và đó là lý do anh ấy sống trong một ngôi nhà an toàn như vậy. Rất ít người vào nhà anh ấy. Anh ấy luôn có rất nhiều dây xích và khóa móc.” Anh trai của bà Shelly-Ann cũng có chung quan điểm, “Chồng của con bé [Shelly-Ann] là một người đàn ông thực sự tốt bụng, nhưng sống khá ẩn dật. Cậu ấy là một doanh nhân, nhưng lại không bao giờ để nhiều người vào nhà.”

Điều đáng chú ý là ông Wazir rất đa nghi, lo sợ mọi người tấn công cuộc sống và gia đình mình, nhưng ông lại cho rằng không cần phải lắp camera quan sát xung quanh ngôi nhà, hoặc gắn thiết bị chống trộm trên cửa ra vào và cửa sổ - những thứ cần thiết trong hầu hết các ngôi nhà ở Trinidad và Tobago ngày nay. Gia đình ông không nghèo khó. Để tăng cường an ninh thì chi phí của camera quan sát cũng như cửa ra vào và cửa sổ bằng sắt rèn chẳng đáng là bao. Ngoài ra, nếu ông lo lắng về sự an toàn của mình và gia đình thì theo như cảnh sát phát hiện, tại sao ông lại không lắp hàng rào khắp toàn bộ ngôi nhà, luôn cả phía sau nhà - nơi dễ dàng đột nhập vào nhà nhất?

Tuy nhiên, câu hỏi được đặt ra là: Tại sao ông Wazir lại sợ hãi? Tại sao ông ấy lại lo lắng cho an nguy của gia đình mình đến vậy? Ông ấy sống ở một ngôi làng thôn quê khá an toàn. Ông ấy đang bảo vệ gia đình khỏi ai chứ?

Ông Wazir là một doanh nhân trong hơn 3 thập kỷ. Theo báo cáo, ông ấy là một người nổi tiếng trong khu vực và tiềm lực tài chính dư dả. Liệu có ai đó yêu cầu ông ấy trả tiền bảo kê để bọn tội phạm bên ngoài khu vực nhắm tới doanh nghiệp của ông? Bên cạnh sự gia tăng của những băng đảng ở đảo quốc Trinidad và Tobago, thuê bảo kê là một nét đặc trưng nổi bật. Nhóm băng đảng tổng tiền của chủ doanh nghiệp, đổi lại, doanh nghiệp của

họ được bảo vệ khỏi chính bọn người đang tống tiền những chủ doanh nghiệp đó. Những chủ doanh nghiệp không chỉ bị đe dọa nếu họ không trả đủ tiền hàng tháng, mà họ còn bị giết nếu từ chối nhượng bộ những yêu cầu của băng đảng. Thuế bảo kê đảm bảo cho chủ doanh nghiệp và gia đình của họ được yên thân và yên tâm điều hành công việc kinh doanh hơn, thay vì trở thành một phần trong số liệu thống kê tội phạm khác.

Có lẽ nào, sau một khoảng thời gian làm kinh doanh bấy lâu nay, ông Wazir đã quyết định không khuất phục sự đe dọa của các phần tử tội phạm đến từ bên ngoài làng? Cái chết thương tâm của chính ông, vợ ông và em trai ông có phải là hậu quả của việc không tuân theo yêu cầu của bọn xã hội đen - không chịu “ói” tiền thuế bảo kê? Ngay sau khi đến xem hiện trường vụ án, cảnh sát điều tra nhận xét như sau:

“Tất cả những gì tôi muốn nói với công chúng là mọi người chỉ cần cảnh giác. Khi nhìn thấy người lạ trong khu vực, mọi người cần phải trình báo chuyện đó cho cảnh sát. Đôi khi, những phần tử tội phạm này có cách liên hệ với nhau trong tù, cùng với đồng bọn đã xuất hiện trong làng của mọi người để gây án. Tôi không nói rằng ví dụ trên là vụ án này.”

Vào lúc này, với sự giúp đỡ của một bác sĩ chấn thương lâm sàng, người ta vẫn không biết cảnh sát đã thu được thông tin gì từ một cô bé 4 tuổi. Cô bé có thể nhìn thấy (những) tên hung thủ hay không, hoặc có hay không việc cô bé đã biết hành động phạm tội của bọn người đó nhưng sự việc vẫn bị giấu kín.

Một người họ hàng nói, “Con bé không muốn rời khỏi em trai mình. Nếu thằng bé đi tắm, con bé sẽ hỏi chúng tôi đang đưa thằng bé đi đâu. Con bé không muốn nhìn thấy cảnh tối tăm bên ngoài, nên chúng tôi phải kéo rèm cửa sổ để con bé không nhìn thấy cảnh đêm. Con bé còn nhiều thứ phải làm.” Chuyện này cũng dễ hiểu, bởi hành vi của cô bé (đeo bám và sợ bóng tối) là triệu chứng của một đứa trẻ đã trải qua tổn thương nghiêm trọng.

Điều này khiến tôi tự hỏi vào đêm hôm xảy ra án mạng, những đứa trẻ đã ở đâu. Liệu chúng có bị buộc lên giường đi ngủ? Liệu phòng ngủ của chúng có xa phòng khách và liệu cửa phòng ngủ có đóng không? Nếu có thì chắc là chúng không nghe thấy hai tiếng súng xuyên thủng lồng ngực của cha mình, nhất là khi chúng đang say giấc. Ngoài ra, kẻ sát nhân có thể đã lấp ống

giảm thanh lên súng. Tội phạm ở đảo quốc Trinidad và Tobago được trang bị tốt hơn cảnh sát. Vũ khí của nhân viên hành pháp không thể sánh được với vũ khí mạnh mẽ và tinh vi của loại tội phạm mới. Tuy nhiên, người dân ở Trinidad và Tobago cảm thấy nhẹ nhõm, vì ít nhất hung thủ đã tha và không làm những đứa trẻ bị thương. Có lẽ, nếu Vishad ở trong ngôi nhà trên đường Clarke vào thời điểm đó, thì số người chết sẽ là bốn chứ không phải ba.

KẾT LUẬN

Vishad và hai đứa em nhỏ phải làm gì để vượt qua những gian truân mà cả ba đã trải qua?

Người họ hàng cho biết, “Đứa út hiện tại rất khỏe, ăn uống đầy đủ và chơi đùa. Thằng bé sắp hồi phục. Nhưng chị gái thì có chút khó khăn. Con bé trải qua quá nhiều chuyện và cần nhiều lời tư vấn hơn. Chúng đang cố gắng tìm hiểu tại sao mọi chuyện lại như vậy... Vishad không thể ngủ một mình, thằng bé chịu tổn thương rất nhiều khi phải chứng kiến cảnh tượng lúc bước vào nhà.”

Cô bé (vẫn đang được khuyến) ăn mừng sinh nhật lần thứ 5 vào tháng Hai năm 2020. Người họ hàng đã cố gắng hết sức để đảm bảo ngày sinh nhật của cô bé sẽ thật vui vẻ. Họ tổ chức một bữa tiệc hoành tráng suốt cả ngày và vào buổi chiều tối, họ đưa cô bé đến một nhà hàng. Tuy nhiên, cô bé đòi gặp cha mẹ.

Người họ hàng cho biết, “Chúng tôi trao cho con bé một cái ôm, tặng con bé một món quà và chúc con bé ‘sinh nhật vui vẻ’. Chúng tôi đã lên kế hoạch cho rất nhiều hoạt động vào ngày hôm đó để biến ngày này thành một ngày lễ ăn mừng. Nhưng con bé nhớ cha mẹ mình và hỏi liệu họ có đến gặp mình vào ngày hôm đó không. Con bé hỏi liệu họ có cảm thấy tốt hơn không. Chúng tôi đã phải giải thích với con bé rằng họ sẽ không quay lại nữa.”

Sáu tháng sau khi vụ thảm sát Penal gây chấn động toàn quốc xảy ra, chúng tôi không thể tìm được kẻ đã rat ay hành động tàn độc với gia đình Mohammed, hoặc tại sao họ lại là mục tiêu của một hành động khủng khiếp như vậy. Trong khi cập nhật trên phương tiện truyền thông vẫn đều đặn cung cấp thông tin liên quan đến trạng thái tâm lý của bọn trẻ, thì chính tội ác đó lại chẳng có chút tin tức nào, ngoài trừ tuyên bố của cảnh sát rằng họ

một lần nữa xem xét động cơ là trộm cướp và cũng đang điều tra khả năng xảy ra tranh chấp đất đai.

Tôi không mong đợi vụ án liên quan đến một đứa bé học mẫu giáo, một trẻ sơ sinh và ba xác người lớn sẽ được giải quyết. Vụ án này rất có thể chỉ khiến số lượng những vụ án mạng chưa được phá tăng lên mà thôi. Nhưng bây giờ, hẳn chúng ta vẫn còn ngạc nhiên khi trước một tội ác kinh hoàng đã tạo ra làn sóng chấn động khắp mọi miền quê ở Penal và làm rung chuyển cả đảo quốc Trinidad và Tobago, một cô bé 4 tuổi vẫn kiên cường và dũng cảm đối mặt với nó.

TÊN MỤC SƯ HẮC ÁM.

David Brasfield

Câu chuyện bắt đầu vào một ngày nắng như rang của tháng Sáu năm 1977 ở bang Alabama. Lúc đó, tôi mới 3 tuổi và đang sống trong một ngôi nhà trên cùng một con phố với nhà tang lễ Hutchinson. Trước những cặp mắt của 200 người đưa tang, một người nhân danh công lý đã bắn vào mặt Đức Cha Willie Maxwell. Mẹ tôi lái xe ngang qua và chứng kiến sự việc sau đó: nhà nguyện trông huơ trống hoác và mọi người chạy tán loạn trên bãi cỏ phía trước. Bà tự hỏi không biết chuyện gì đã xảy ra.

Thành phố Alexander - hay còn được người địa phương gọi là “thành phố Alex” - nằm nép mình giữa những rừng thông ở vùng đồi thấp dưới chân núi Appalachia, trên nền đất sét đỏ xếp sát giữa đá từ dung nham núi lửa và những mảnh thạch anh lấp lánh. Có một thời, người da đỏ Creek cư ngụ tại vùng đất này, nhưng vào năm 1814, Andrew Jackson đã đuổi họ đi thành công, khi ông giành chiến thắng tại khúc cua hình móng ngựa của sông Tallapoosa.

Vào năm 1902, Benjamin Russell - một cựu sĩ quan liên minh - quyết định mở một nhà máy sản xuất đồ lót để đáp ứng nhu cầu của phụ nữ. Nhà máy này mang tên ông và được đặt tại thành phố Alex. Vào năm 1926, Benjamin Russell Jr. - con trai ông - sáng chế một mặt hàng quần áo mà bây giờ thường được gọi là áo len. Đến năm 1973, doanh nghiệp gia đình này đã trở thành một tập đoàn quốc tế.

Ngày nay, mọi hoạt động sản xuất đã tiến hành ở nước ngoài, nhưng vào năm 1977, những công việc đó là “huyết mạch” của thị trấn. Hầu như mọi thứ ở thị trấn đều được đặt theo một thành viên của gia đình nhà Russell. Tôi được sinh ra ở bệnh viện Russell. Hai anh em trai của tôi đều học ở trường Trung học phổ thông Benjamin Russell. Chúng tôi đi mượn sách ở thư viện Adelia M. Russell. Trong những năm gần đây, thị trấn buộc phải đa dạng hóa và vẫn là một trong những thị trấn lớn nhất ở phía đông trung tâm Alabama, với dân số khoảng 14.000 người - một mức gia tăng khá nhỏ kể từ năm 1977.

Ngày đó, người da đen và người da trắng sống gần gũi với nhau, nhưng thực chất giữa họ vẫn còn sự phân biệt và công việc kinh doanh tang lễ cũng không ngoại lệ. Đến năm 1977, có hai nhà tang lễ hoạt động do người Mỹ gốc Phi mở ra để phục vụ cộng đồng. Một trong hai nhà tang lễ là Nhà Hutchinson thuộc quyền sở hữu của Fred Hutchinson.

Hutchinson nổi tiếng với những hành vi kinh doanh vô đạo đức. Ngoài nhà tang lễ, gã còn mở dịch vụ xe cấp cứu của riêng mình. Một cựu phóng viên của tờ báo địa phương đã nói với tôi về một trong những tin đồn nổi lên xung quanh dịch vụ này, “Nếu ai đó yếu dần [sắp chết], họ sẽ giải quyết bằng cách lái xe đi vòng quanh một lúc.”

Vào năm 1957, Hutchinson bị kết tội giết người cấp độ 1²⁴. Ông James “Geechy” Hunt (76 tuổi) - một trong những nhân viên cũ của Fred - đã chết trong một vụ cháy nhà và nhanh chóng được nhà Hutchinson an táng. Henry Ford - một tên đồng phạm - đã thú nhận với cảnh sát rằng Hutchinson đã trả hắn 800 USD Mỹ để chuốc say ông Hunt và đốt nhà ông ấy. Một người bán bảo hiểm làm chứng rằng ngay sau khi ông Hunt bị giết, Fred đã rút 9.000 USD Mỹ tiền bảo hiểm của ông ấy. Tờ báo địa phương *Alexander City Outlook* đã đăng tải những câu chuyện về vụ án ám chỉ “tang lễ trong ngày” của ông Hunt.

24. Theo báo VnExpress, giết người cấp độ 1 là mức độ nghiêm trọng nhất, ba dấu hiệu cấu thành tội phạm gồm: người phạm tội cố ý, có cân nhắc và suy tính trước khi thực hiện hành vi giết người.

Mặc dù bị tuyên án chung thân, nhưng vào năm 1977, Hutchinson ra tù và quay về tiếp tục công việc ở nhà tang lễ. Lúc đó, một người đàn ông khác đã bắt theo kế hoạch giết người lấy tiền bảo hiểm của gã và dường như nó được thực hiện một cách hoàn hảo.

Vào buổi sáng ngày 18 tháng Sáu, bạn bè và người nhà tụ họp tại Nhà của Hutchinson để tưởng nhớ cô gái Shirley Ellington (16 tuổi). Người ta tìm thấy cô bé trong tư thế nằm sõng soài dưới chiếc xe Ford Torino đời 1974, trông như cô đang thay lốp xe thì kích nâng xe bị tuột và chiếc xe lao xuống đè lên người cô. Tất nhiên, không ai tin điều đó. Ai lại nằm dưới gầm xe để thay lốp? Một báo cáo khám nghiệm tử thi sau đó kết luận rằng cô ấy đã tử vong trước vành lốp xe trượt xuống và ghiền nát cổ của cô ấy.

Chắc chắn, Robert Burns - cậu của cô gái - không tin Shirley qua đời do tai nạn. Trong suốt buổi lễ, ông ấy ngồi hàng ghế trước, nhìn chăm chăm xuống sàn nhà. Căn phòng chật kín người, nhưng điều khiến người khác chú ý lại là người đàn ông trong bộ trang phục màu xanh lá. Ông ấy khóc thút thít suốt buổi lễ.

Người mẹ nuôi của cô gái thể hiện nỗi thương tiếc dành cho con gái mình còn giả tạo hơn. Bà Ophelia Maxwell kêu gào đòi chui vào quan tài chung với con gái. Ôi đứa con tội nghiệp của bà ấy. Người ta phải kéo bà ấy ra và đưa bà ấy về lại hàng ghế ngồi. Đức Cha Willie Maxwell - chồng bà - phải trấn an bà. Ông ta chẳng buồn đến xem vợ mình diễn trò. Ông ta ngồi ở hàng ghế phía sau Burns, lấy khăn tay thấm mồ hôi trên mặt và phe phẩy quạt giấy để xua đi cái nóng.

Khi buổi lễ kết thúc và người đánh đàn organ bắt đầu chơi nhạc, một người phụ nữ trẻ đang ngồi kế bên ông Burns đột nhiên gào loạn. Cô ta quay về phía Đức Cha Maxwell và hét lên, "Ông giết em gái tôi và giờ ông phải trả giá cho chuyện đó!"

Một giây sau, ông ta đã thực sự phải đền mạng. Ông Burns đứng dậy, rút khẩu súng lục 0,25 ra khỏi túi áo khoác và bắn ba phát đạn vào mặt Đức Cha Maxwell. Khi người đàn ông chết gục trên hàng ghế, máu chảy ra như suối từ những cái lỗ trên đầu, Burns nói, "Ông đã bạc đãi gia đình tôi đủ lâu rồi."

Nếu những lời cáo buộc là thật thì Willie Maxwell là một kẻ giết người hàng loạt, đặc biệt nạn nhân toàn là người nhà của mình. Vào ngày mùng 4 tháng Tám năm 1970, người ta tìm thấy Mary - người vợ đầu tiên của Đức Cha - trong tình trạng bị đánh đập và siết cổ trong chiếc xe đậu dọc theo quốc lộ 22, cách thành phố Alex 5km về phía bắc.

Vào năm 2008, Tom Radney kể với tôi, “Tôi nhận được một cuộc gọi vào khoảng 2 giờ sáng. Chuyện này cũng là thường tình đối với người làm trong ngành luật. Ông ấy nói, “Ngài Radney, cảnh sát ở xung quanh chỗ nhà tôi, họ tố cáo tôi giết vợ mình. Ngài có thể đến đây và giúp tôi được không?”

Sau khi Radney xác định sẽ nhận được số tiền thích đáng cho nỗ lực trong vụ kiện tụng này, ông đồng ý làm luật sư đại diện cho Đức Cha. Ông ta bị buộc tội giết người cấp độ 1, ngoài ra còn có một đồng phạm bị cáo buộc khác nữa.

Hàng xóm kể bên nhà của Đức Cha Maxwell khai với cảnh sát rằng Mary Maxwell đã dừng xe ở trước nhà vào đêm bà bị giết. Chồng bà mới vừa gọi điện đến nói sau khi thuyết giảng một buổi phục hồi đức tin, ông ta gặp tai nạn xe hơi trên đường về nhà và bà sẽ đến đón chồng mình. Nhưng không ai nhìn thấy bà còn sống nữa.

Lời khai của Đức Cha Maxwell lại khác hẳn. Ông ta nói mình đã về nhà sau buổi phục hồi đức tin và đi ngủ ngay sau đó. Khi tỉnh dậy và phát hiện vợ mình chưa về, ông ta gọi điện cho bạn bè và người nhà để hỏi về vợ mình, nhưng ông ta chỉ biết vợ mình ở đâu sau khi cảnh sát đến vào sáng hôm sau để thẩm vấn ông ta. Các nhà chức trách sớm kết luận rằng ông ta không đến buổi phục hồi đức tin, mà đã dành một khoảng thời gian buổi chiều tối ở cùng một người phụ nữ trẻ. Họ buộc tội người này là đồng phạm của ông ta.

Bên công tố nghĩ rằng vụ án này “ngon ăn” rồi, nhưng sau đó, Dorcas Anderson - người hàng xóm - thay đổi lời khai. Trong khoảng thời gian trước khi vụ giết người xảy ra, chồng bà ấy đã qua đời sau một cơn bạo bệnh. Đức Cha đã trấn an bà ấy và đổi lại, bà ấy đã giúp ông ta tạo một bằng chứng ngoại phạm. Bây giờ, bà ấy tuyên bố đã tham dự buổi phục hồi đức tin với Đức Cha. Tất cả các cáo buộc đều bị bãi bỏ và không lâu sau, Dorcas Anderson trở thành Dorcas Maxwell - người vợ thứ hai của Đức Cha Maxwell.

Với sự trợ giúp của Radney, Đức Cha sớm thu tiền từ hợp đồng bảo hiểm tử nạn của bà Mary. Radney nói với tôi, “Tòa án tối cao của bang Alabama cho rằng vụ giết người này đối với người bị sát hại là một tai nạn. Thẩm phán trao cho tôi toàn bộ số tiền bảo hiểm. Tôi đưa Đức Cha một nửa và giữ một nửa. Tôi tưởng mọi chuyện vậy là xong rồi.” Radney nói, “Ừ, hai hoặc ba tháng trôi qua và Đức Cha lại gọi điện cho tôi vào lúc 2 hoặc 3 giờ sáng.” Radney quay qua nói với vợ. “Tôi nói, ‘Mattie, anh vừa trải qua giấc mơ kì lạ nhất. Anh mơ thấy Đức Cha lại gọi điện cho anh.’ Vợ tôi đáp, ‘Chẳng phải giấc mơ đâu anh. Anh trả lời với ông ta rằng anh sẽ tới đó.’”

Vào tháng Chín năm 1972, người ta tìm thấy Dorcas Anderson Maxwell chết trong xe hơi của bà ấy, không xa nơi người ta tìm thấy bà vợ đầu của Maxwell. Cùng với số tiền bảo hiểm của người vợ đầu, Đức Cha Maxwell thụ hưởng một số tiền bảo hiểm rất lớn, ít nhất là 120.000 USD Mỹ.

Lúc này, công ty bảo hiểm từ chối trả tiền bồi thường. Nguyên nhân cái chết được xác định là “viêm phổi cấp tính”. Vì vậy, các luật sư của công ty bảo hiểm tranh cãi đây không phải tai nạn (Nhân tiện đây, các điều tra viên nghi ngờ nguyên nhân tử vong thực sự là ngạt thở, nhưng cũng không phải.)

Radney kiện công ty bảo hiểm ra tòa và thẩm phán mở rộng phạm vi bằng cách thẩm vấn nhà nghiên cứu chất độc. Theo một gluận giả định, nhà nghiên cứu chất độc thừa nhận vụ đụng xe có thể làm tình trạng bệnh lý tiềm ẩn thêm trầm trọng và khiến người phụ nữ đó qua đời. Thế nên, cái chết của bà ấy chỉ là một tai nạn và công ty bảo hiểm buộc phải trả tiền bồi thường.

Phán quyết đó cũng bảo vệ ông Maxwell trước một cáo buộc giết người: thực tế là tòa án đã phán cái chết của bà Anderson là một tai nạn. Một lần nữa, có vẻ như Đức Cha Maxwell đã thoát khỏi tầm lưới công lý và kiếm được một khoản lợi nhuận kék xù. Ông ta đã chia số tiền cho luật sư của mình. Radney cho tôi biết, với mỗi vụ đòi tiền bồi thường bảo hiểm, họ đều chia 50-50.

Tôi nói chuyện với Radney tại văn phòng làm việc của ông ấy - nơi còn được gọi là Nhà Maxwell, bởi người ta cho rằng Radney mua lại nơi này bằng

khoản tiền bảo hiểm từ người thân đã qua đời của Đức Cha. Radney nói, “Tôi nghĩ tôi đã có đủ tiền để xây nói.”

Sau khi người vợ thứ hai của ông Maxwell qua đời, mọi người bắt đầu đặt câu hỏi về một cái chết đáng ngờ khác trong gia đình nhà Đức Cha. Vào ngày mừng 6 tháng Hai năm 1972, người ta tìm thấy John Columbus Maxwell - anh trai của Đức Cha - đã qua đời trên một cánh đồng. Theo kết quả khám nghiệm tử thi, nguyên nhân tử vong được xác định là do say rượu và bị phơi nhiễm. Nồng độ cồn trong máu của ông ấy là 0,48 - gấp gần 5 lần giới hạn luật định vào thời điểm đó. Về sau, các nhà điều tra viên đưa ra suy đoán với nhóm phóng viên rằng người đó đã bị giữ lại và bị ép uống nhiều rượu như vậy, nhưng không có bằng chứng cho thấy có hành vi phạm tội nào và cũng không có ai đưa ra cáo buộc nào.

Những người hàng xóm cũng bắt đầu thắc mắc liệu người chồng đầu tiên của bà Dorcas Anderson có thực sự chết tự nhiên hay không. Bây giờ, họ mới nhớ rằng mỗi sáng, Đức Cha Maxwell đều đưa cho anh mình một tách cà phê và họ suy đoán trong tách cà phê đó có pha thêm chất chống đông. Chất độc này được cho là có vị ngọt và vì vậy, nó có tác dụng đối với những loài động vật được gọi là phiền phức, chẳng hạn như gấu trúc Mỹ. Cơ thể không tự xử lý được chất này, do đó nó tích tụ trong cơ thể cho đến khi gây chết người. Những người khác cho rằng ông ấy bị đầu độc bằng formaldehyde.

James Edward Hicks (22 tuổi) - cháu trai của Willie Maxwell - là người tiếp theo. Vào ngày 16 tháng Hai năm 1976, người ta tìm thấy cậu ấy chết trong xe hơi. Hai người đàn ông nói với các nhà chức trách rằng Đức Cha Maxwell cố gắng thuê họ giết Hicks và một người thân khác, mặc dù mỗi người trong cả hai đều không giữ đúng cam kết. Bất chấp lời khai của họ, vẫn không ai chứng thực được nguyên nhân tử vong và không ai đưa ra cáo buộc nào.

Đến bây giờ, những lời đồn đã đi quá xa. Làm thế nào mà một người đàn ông có thể thoát khỏi nhiều vụ tố cáo giết người như vậy, trừ phi ông ấy được những ác linh bảo vệ? Người ta nói rằng Đức Cha là một người đàn ông biết dùng bí thuật Voodoo²⁵. Ông ấy học ma thuật với một nhóm gọi là Bảy chị em gái ở New Orleans.

25. Theo Totha.vn, bí thuật Voodoo là một hệ thống nghi lễ rất phức tạp, được thực hiện bởi hàng triệu người ở Châu Phi, vùng Caribbean, Louisiana và Nam Mỹ. Bí thuật này dựa trên sự tôn trọng và hài hòa với thiên nhiên, bao gồm các điệu múa hoang dã, hiến tế động vật để trả ơn thần linh, người quá cố, tôn kính tổ tiên... Tuy nhiên, người phương Tây nghĩ Voodoo là tà thuật, song rất ít đạo sư có thể dùng nó để thư ếm, hại người.

Trong lúc bàn luận về cái chết của Hicks, Radney nói, “Tôi nhớ đã hỏi nhà nghiên cứu chất độc của tiểu bang ‘Tại sao anh chàng này chết?’

Anh ta nói, ‘Ừm, tôi không chắc.’

Tôi tiếp tục hỏi, ‘Anh nói không chắc là ý gì? Anh giữ tất cả các báo cáo về nghiên cứu chất độc của bang Alabama, trng tòa nhà ở Auburn, vậy mà anh không thể nói với tôi tại sao một người lại chết à?’

Anh ta vẫn khẳng khẳng, ‘Không, tôi không thể.’

Thẩm phán Hooten... nói, ‘Anh đã dành 15,20 năm ở đây làm công việc xác định nguyên nhân tử vong. Điều gì khiến người đang ông tội nghiệp này chết vậy?’

[Nhà nghiên cứu về chết độc] thò tay vào túi và đáp, ‘Thưa Ngài Thẩm phán, tất cả những gì tôi có thể nói với Ngài là thứ mà dân gian da đen nói đến.’

Tôi dịch tay mình để lấy thứ đó ra.

Thẩm phán chấp nhận kiến nghị đó của tôi. Ông ta nói, ‘Với tư cách là một viên chức, hãy nói cho chúng tôi biết lý do vì sao cậu ấy chết.’

Anh ta đáp, ‘Thưa Thẩm phán, tôi không biết, nhưng trong túi của cậu ấy có... một thứ bột. Chúng tôi đã kiểm tra cẩn thận. Cục Điều tra Liên bang (FBI) đem thứ này đi chụp X-quang... Chúng tôi không điều tra ra thứ bột này là gì. Tôi không biết thứ bột này có liên quan đến vụ án hay không, nhưng nó là thứ kì lạ nhất mà chúng tôi tìm thấy.’”

Radney tiếp tục câu chuyện, “Tôi bắt đầu đi hỏi một người bạn da đen. Tôi hỏi anh ta, ‘Cái gì đã giết cậu ấy?’

Tôi ngạc nhiên, ‘Hả, bí thuật Voodoo giết cậu ấy?’

‘Vâng, thưa Ngài, chẳng phải trong túi của cậu ấy có thứ bột này sao? Nó là bí thuật Voodoo, bột bí thuật.’

‘Cậu ấy có được nó ở New Orleans.’

Dù gì đi nữa thì tôi cũng thích New Orleans, nên tôi đi tới đó một chuyến. Đến một cửa hàng bán đồ ma thuật, tôi bước vào và hỏi chuyện.”

Tiếp đó, Radney đã diễn lại cuộc trò chuyện giữa mình và nữ chủ cửa hàng bán đồ ma thuật. Ông hỏi cô có biết khách hàng của ông không. “Cô ấy nói, ‘Anh đang nói về vị mục sư thuyết giáo ở Alabama đó à?’

Tôi đáp, ‘Phải.’

‘Ông ta cũng thường đến đây.’

Tôi lấy ra một thứ được gọi là bột bí thuật Voodoo và hỏi, ‘Đó là gì?’

Cô ấy nói, ‘Ồ, cái đó xuất xứ ở châu Phi. Nó được làm từ... móng, phân của 20 loài động vật khác nhau và nhiều thứ khác. Không tìm ra trong đó có gì đâu. Tất cả những thứ trong đó đã được trộn lẫn rồi.’

Tôi cảm thán, ‘Thật thú vị.’

Radney kết thúc câu chuyện bằng việc thú nhận với tôi rằng ông ấy chưa bao giờ tiết lộ thông tin này với tòa án. Ông nói, “Tôi đành mặc kệ tiểu bang đứng ngồi không yên vậy.”

Không ai đề cập đến thứ bột kì lạ liên quan đến cái chết của James Hicks trong bất kì nguồn tin công khai nào. Có lẽ thời gian đã khiến Radney nhầm lẫn một số chi tiết. (Người ta nói đã tìm thấy trong túi của Đức Cha Maxwell thứ bột màu đen sau khi ông ta bị giết.) Và vị luật sư này được cho là đã thổi phồng sự thật. Trên thực tế, Radney đã nêu ra một triết lý, “Nếu bạn không biết rõ toàn bộ câu chuyện, hãy bịa thêm.” Và bí thuật Voodoo là thứ “gia vị” khiến câu chuyện thêm phần hấp dẫn.

Những tin đồn hay nghe thấy nhất ở thành phố Alexander vào những năm 1970 liên quan đến những con mèo mun ở nghĩa trang, những con gà không đầu bị treo trên cây hồ đào, máu được sơn trên cửa vào và tất nhiên, có cả căn phòng ma thuật của Đức Cha. Trong một cuộc phỏng vấn năm 2015, Robert Burns - người đàn ông đã bắn Đức Cha Maxwell - nói rằng mấy cô cháu gái của ông đến giúp bà quả phụ của Đức Cha dọn dẹp đồ dùng

của Đức Cha sau khi ông ta bị giết. Burns nói, “Đúng, ông ta có một căn phòng ma thuật. Họ tìm thấy những hũ máu có dán nhãn ‘tình yêu’, ‘thù hận’, ‘tình bạn’ và ‘cái chết’.”

Phóng viên Al Benn của tờ *Outlook* phỏng vấn Đức Cha Maxwell và bà Ophelia - vợ ông, ngay sau khi người ta phát hiện ra thi thể của Shirley Ellington. Năm 2009, Benn nói với tôi, “Ông ta... Tôi không biết có phải anh nói đúng không, nhưng ông ta không hề vòng vo tam quốc. Ông ta trả lời thẳng thắn về những tin đồn này. Ông ta nói, ‘Đúng, để tôi đưa anh đi xem căn phòng bí thuật của tôi.’” Tuy nhiên, căn phòng đó chỉ chứa những món đồ nội thất rẻ tiền chẳng đáng bao nhiêu.

Benn cũng phỏng vấn bà Ophelia. Dường như bà ấy chứa mũi dùi trách móc nạn nhân. Bà ấy nói với anh rằng Cô Ellington “không còn là Shirley” trong những tuần cuối cùng trước khi chết và “con bé trở thành một người khác. Con bé chỉ mong thành công. Con bé chẳng giúp gì trong nhà.”

Cũng trong bài báo đó, Đức Cha Maxwell cho rằng cái chết của Shirley là do tai nạn. Ông nói, “Có lẽ con bé đã đánh rơi đài ốc hoặc bu lông dưới gầm xe trong khi thay lốp xe. Có lẽ con bé đang cố với lấy nó và chiếc xe đã trượt xuống.”

Mặc dù đưa ra giả thiết như vậy, nhưng Đức Cha biết rằng mình sẽ bị buộc tội nên đã nhờ luật sư giúp đỡ. Lần này, Radney tuyên bố rằng anh sẽ không tham gia.

Anh nói, “Thưa Đức Cha. Ông nói với tôi rằng ông không bao giờ giết ai. Tôi sẽ phải tin lời ông nói. Ông là khách hàng của tôi và tôi sẽ tin ông. Nhưng tôi sẽ không làm luật sư đại diện cho ông nữa.”

Và đúng như vậy, anh ấy không hề làm thế.

Sau khi Robert Burns bắn chết Đức Cha, ông bị hai sĩ quan hướng dẫn giao thông có mặt tại nhà nguyện bắt giữ. Anh trai của Đức Cha - người đã làm việc cho cục cảnh sát trưởng - thu khẩu súng mà Burns dùng để bắn ông ta. Trên đường đến nhà tù, Burns đã tuyên bố, “Tôi phải làm điều đó. Nếu cho tôi thêm một cơ hội, tôi vẫn sẽ làm như vậy.”

Tại phiên tòa tiếp theo, lời tự thú đó trở thành một tình tiết gây tranh cãi. Cảnh sát vẫn chưa thông báo cho ông ấy về quyền Miranda²⁶ và

có một vấn đề là liệu ông ấy đang thú tội với một viên chức pháp luật hay với một người nhà để đồng cảm cho hành vi mà ông đã gây ra. Luật sư của ông ấy sẽ thắng cuộc tranh luận vì phiên điều trần của bồi thẩm đoàn đã kháng biện lời tự thú đó.

26 Theo báo VnExpress, quyền Miranda (còn gọi là quyền im lặng) là một nguyên tắc pháp lý trao cho bất cứ cá nhân nào quyền từ chối trả lời câu hỏi do cảnh sát hoặc nhân viên tòa án đặt ra, trước hoặc trong giai đoạn tố tụng hình sự. Đồng thời, quyền này cũng yêu cầu thẩm phán hay bồi thẩm đoàn không được phép đưa ra suy đoán theo hướng bất lợi cho bị đơn từ sự im lặng của họ.

Và ai là luật sư bào chữa cho Burns? Tại sao, không ai khác ngoài Tom Radney.

Radney nói, “Tôi gọi cho hiệp hội luật sư và hỏi xem liệu có bất kỳ mâu thuẫn nào về việc tôi làm luật sư đại diện cho Robert Burns không. Họ nói, ‘Đức cha đã chết. Tôi thấy không có mâu thuẫn gì.’”

Radney tranh luận rằng Burns vô tội bởi lẽ trong phút chốc ông ấy đã cả giận mất khôn. Đừng bận tâm chuyện ông ấy mang súng tới đám tang. Khẩu súng đó có giấy phép và ông ấy có thể mang nó đi bất kỳ đâu. Các nhân chứng cho rằng trước, và trong và sau buổi lễ, Burns đã quẩn trí vì ông ấy yêu thương Shirley Ellington như con gái. Hai nhân chứng bên bào chữa có kiến thức tâm lý đã làm chứng thay cho ông ấy. Bên bào chữa cũng đưa ra nhân chứng danh tiếng²⁷, gồm một người phụ nữ là bạn qua thư của Burns khi ông ấy phục vụ trong quân đội. Trong một bức thư ông ấy gửi cho cô - và nó trở thành vật chứng - Burns đã diễn giải lời của sĩ quan Chiến tranh Cách mạng Hoa Kỳ Nathan Hale, “Anh đã ở đây trong 134 ngày và anh còn phải ở đây thêm 232 ngày nữa. Anh muốn em biết anh không hề hối tiếc một ngày nào cả. Anh chỉ hối tiếc rằng anh có mỗi một đời để cống hiến cho đất nước và những người như chính em.”

27 Theo Wikipedia, nhân chứng danh tiếng là một người làm chứng về danh tiếng của một người hoặc tổ chức kinh doanh, khi danh tiếng là vấn đề quan trọng trong tranh chấp.

Nhưng có lẽ, chiến thuật bào chữa hiệu quả nhất là sử dụng tình trạng quẩn trí của bị cáo để làm mất thời gian, chủ yếu đưa Đức Cha Maxwell ra

xét xử thay vì bị cáo. Radney đã thẩm vấn những nhân chứng về việc Đức Cha bị cáo buộc những tội ác đó và ông ám chỉ những tin đồn bí thuật Voodoo đã lan truyền khắp thị trấn. Young - ủy viên công tố quận - hiểu rõ sự trớ trêu của việc Radney đưa khách hàng cũ của mình ra xét xử và bào chữa cho kẻ đã giết ông ta. Young hỏi, “Anh đang công kích nhà thờ à? Nhà thờ của Đức Cha Maxwell ấy, anh đang làm luật sư đại diện cho ai vậy?”

Khi phiên tòa kéo dài, hai luật sư thường xuyên phản đối, cãi vã và mỗi bên đều yêu cầu vô hiệu phiên tòa xử sai này, mặc dù lời yêu cầu của cả hai không được chấp thuận. Một điểm gây tranh cãi là lời thú nhận của Burns được phán là không thể chấp nhận được. Young đã quyết tâm khiến bồi thẩm đoàn chấp nhận lời tự thú đó.

Radney nói với Young, “Im miệng đi. Ý tôi là anh im miệng đi.”

Công tố viên ngắt lời, “Anh đi chết đi.”

“Thẩm phán nói anh không được đề cập đến chuyện đó trước mặt bồi thẩm đoàn.”

Young tiếp tục, “Anh đi chết đi.”

Radney đáp, “Sẽ đến lúc đó thôi.”

Cuối cùng, cả hai người họ cũng chịu dừng lại, nhưng chiến thuật đưa nạn nhân ra xét xử của Radney đã thắng thế. Bồi thẩm đoàn gồm 12 người đàn ông da trắng cảm thấy một người đàn ông da đen như Robert Burns vô tội, với lý do là trong phút chốc, ông ấy chỉ giận quá mất khôn mà thôi. Burns được đưa đi giam giữ tại bệnh viện Bryce ở Tuscaloosa. Tại đây, họ kiểm tra và kết luận ông đã bình thường. Tại đây, họ kiểm tra và kết luận ông đã bình thường. Ông được thả và quay về làm việc vào tuần sau. Cùng năm đó, Tom Radney được vinh danh là “Người đàn ông của năm” ở thành phố Alexander.

Đối với nhiều người trong khu vực, công lý đã được thực thi. Vào năm 2009, tôi có cuộc nói chuyện với Jim Earnhard và Al Benn. Cả hai đều đã viết lại câu chuyện trên tờ Outlook. Earnhard nói với tôi, “Tom Young có lẽ khó chịu, nhưng tôi thực sự nghĩ rất nhiều người cho rằng tòa án và cảnh sát đã hoàn thành việc của họ, chứ không phải là bỏ qua chuyện đó.”

Benn nói, “Nhưng đã đến lúc ngăn tất cả chuyện đó lại.”

Earnhard cho biết, “Tôi không tin vào công lý tự xưng. Tôi mong muốn nhìn thấy ông ta bị xét xử...”

Benn nói thêm, “Và sau đó bị treo cổ.”

Earnhard hùa vào, “Thực sự không có lời giải thích nào cho chuyện đó.”

“Về mặt thống kê, không đời nào có thể có nhiều cái chết bí ẩn như vậy trong một gia đình trong vòng sáu hoặc tám năm. Điều đó thật khó lý giải.”

Bằng nỗ lực của Radney, vào năm 1978, Harper Lee đã đến thành phố Alexander. Bà dự tính viết một cuốn sách phi hư cấu, tiếp nối cuối tiểu thuyết kinh điển của bà - *Giết con chim nhại* (To Kill a Mockingbird).

Chính sự tham gia của bà Lee đã thôi thúc tôi nghiên cứu câu chuyện này. Khi đang theo học cao học vào năm 2002, trong một buổi tiệc của khoa, một vị giáo sư đã hỏi tôi yêu thích tác giả miền Nam nào. Bị hỏi bất ngờ, tôi trả lời là Harper Lee - cái tên duy nhất tôi có thể nghĩ đến. Bằng cách nào đó, tôi đã học xong bậc trung học và đại học ở Alabama mà chưa bao giờ đọc cuốn *Giết con chim nhại*. Cuối cùng, tôi đã gạch tên quyển sách đó ra khỏi danh sách truyện đọc của mình vào năm trước.

Sau buổi tiệc, tôi dùng chân ở phòng máy tính để nghiên cứu người mà tôi nhận là vị tác giả miền Nam yêu thích của mình. Một trong những trang web tôi tra được đề cập rằng bà Lee dành một khoảng thời gian rất lâu ở thành phố Alexander - quê hương của tôi - để nghiên cứu câu chuyện về kẻ được gọi là gã mục sư tà đạo.

Ký ức ủa về trong tôi. Khi tôi còn nhỏ, gia đình tôi hay nói về Đức Cha Maxwell lúc ăn khuya. Một người phụ nữ làm việc trong gia đình tôi nói với mẹ tôi rằng, “Suýt chút nữa tôi đã đến đám tang đó. Tôi nghĩ là họ định giết ông ta ở nghĩa trang.” Và thế là tôi bắt đầu nghiên cứu câu chuyện này.

Dường như mọi người đều có trng đầu một lý do về việc bà Lee không bao giờ viết xong cuốn *Đức Cha* (The Reverend). Benn cho là, “Chúng ta có cảm tưởng bà ấy cho rằng đó chẳng qua là sự vạch trần của những trò gian lận bảo hiểm.” Earnhard nói, “Khi quyển sách đầu tay của bạn đạt giải Pulitzer và tin đồn nổi lên rằng Truman Capote - biên tập viên của cuốn sách - mới thực sự là người làm nên thành tựu cho nó. Cuốn sách thứ hai của bạn

tốt hơn là cứng đạt giải Pulitzer, hoặc những tin đồn sẽ làm gì đó ra trò cho xem... Theo tôi biết, bà ấy có viết thứ gì đó, nhưng lại không bao giờ viết xong.”

Trong buổi lễ kỷ niệm lần thứ 50 của ngày xuất bản cuốn *Giết con chim nhại*, Kathryn Tucker Windham - tác giả, nhiếp ảnh gia, nhà văn học dân gian và là bạn của Harper Lee - đã trao đổi với bà Lee rằng sau sự thành công phi thường của cuốn sách đầu tay, tại sao bà lại chần chừ không xuất bản cuốn sách tiếp theo. Bà Windham nói, “Khi một người đã viết ra một cuốn sách hay nhất thế giới thì họ còn tâm trí đâu mà viết thứ gì khác.” Câu nói này là sự lặp lại những lời của Alice Lee (chị gái của Harper). Bà đã viết cho tờ Guardian trước khi qua đời ở tuổi 103 và cho biết Harper “nói với một trong những người anh em họ của chúng tôi, ‘Chị không thể viết được thứ gì hay hơn cuốn này.’”

Mãi cho đến khi Radney qua đời vào năm 2011, ông ấy khẳng định rằng bà Lee đã viết cuốn *Đức Cha* trong nhiều năm sau khi rời thành phố Alexander. Ông nói, “Tôi đã nói chuyện với bà ấy. Bà ấy từng gọi cho tôi mỗi dịp Giáng sinh. Có một dịp Giáng sinh, bà ấy gọi và nói, ‘Có lẽ tôi sẽ ra mắt nó vào tháng 5.’ Bà ấy cứ nói như vậy từ năm này qua năm khác.” Nhưng vào đầu năm 2009, chính bà ấy trả lời thư của tôi và nhờ tôi cung cấp một số thông tin, “Khi đến thành phố Alex vào những năm trước, tôi nghe được hàng đồng tin đồn, những câu chuyện phóng đại và những chuyện bé xé ra to. Tôi tin rằng thời gian đã khiến cho câu chuyện về Đức Cha Maxwell lắng dịu và tôi mong ông khỏe mạnh.”

Bức thư ngắn lặp đi lặp lại thành một bức thư dài hơn và được gửi đến tác giả miền Nam Madison Jones vào năm 1987. Trong thư, bà cảnh báo ông đừng dính vào chuyện này, bằng cách nêu chi tiết những vấn đề bà gặp phải khi hoàn thành cuốn sách, bao gồm những cuộc gặp gỡ với rất nhiều người mong muốn bán hoặc có cơ hội giao dịch với những câu chuyện của họ. “Không một thước đo nào có thể đo đếm được lòng tham hư vinh phù phiếm của con người. (‘Tôi thường được hỏi những câu như ‘Khi nào thì bộ phim ra mắt công chúng?’ và ‘Liệu tôi tham gia bộ phim được chứ?’)”

Sau đó, bà ấy chuyển hướng sang nói về Radney, “Nếu như ông vẫn chưa dính vào chuyện này, thì ông sẽ sớm thân thiết với Tom Radney. Dịch vụ pháp lý của ông ấy rất quan trọng đối với sự khỏe mạnh và hạnh phúc của

Đức Cha Maxwell và kẻ ám sát Đức Cha. Tôi thấy Tom Radney là người có tinh thần hợp tác, tính tình hào phóng và tốt bụng nhất. Tuy nhiên, đồng thời, những phương pháp tâm lý của Radney khiến tôi lâm vào trạng thái mê mẩn: ông ấy dường như xem bản thân mình là sự pha trộn giữa Atticus Finch²⁸ và Robert Redford²⁹. Tôi hết hồn trước khả năng ghi nhớ những sự kiện của ông ấy. Nếu như ông ấy theo đuổi sự chính xác, hãy kiểm tra những gì ông ấy nói; còn nếu như ông muốn trở thành một người hùng, hãy bịa ra.”

“Dự án mà tôi tham gian chỉ là báo chí thông thường theo kiểu cổ điển - những sự kiện. Sau nhiều tháng tìm hiểu và nghiên cứu, tôi phát hiện ra những điều sau đây... Tôi không có đủ dữ liệu về những tội ác có thật để viết thành một cuốn sách.”

Mặc dù Harper Lee đã trả lời rõ ràng cho câu hỏi liệu bà đã viết xong cuốn *Đức Cha* hay chưa, nhưng bà vẫn bỏ ngỏ hai câu hỏi mới. Bà nói với Jones, “Tuy nhiên, nếu ông quan tâm đến sự thật của vấn đề này, tôi mong rằng hầu hết những gì mà ông nghe hôm nay sẽ trở thành huyền thoại. Kỳ lạ thay, mới đầu tôi nghĩ chúng dựa trên giả định không có thật — Đức Cha Maxwell là một kẻ biết dùng bí thuật Voodoo. Tôi đã truy tìm nguồn gốc của gần như mọi tin đồn đó, và nếu ông làm y như vậy, ông sẽ bắt ngờ cho xem.”

28 Atticus Finch là nhân vật hư cấu trong tác phẩm (sách và phim) *Giết con chim nhại*. Anh được mô tả là người luôn đứng ngoài cuộc sống, dửng dưng và can đảm chống lại sự giả dối và bất công.

29. Robert Redford là một diễn viên kiêm đạo diễn người Hoa Kỳ có phong cách đặc biệt ở thập niên 70.

Những tin đồn có thể bắt nguồn từ người nhà của gia đình Đức Cha hoặc luật sư của ông ta. Radney chắc chắn rất sẵn lòng kể thêm về câu chuyện đó.

Trong bức thư gửi cho Madison Jones, Harper Lee vẫn chưa trả lời câu hỏi còn lại về tên của kẻ đồng phạm trong hai vụ giết người và một kẻ không tổ giác tội phạm trong một vụ án có sự tham gia của Đức Cha. Bà nói, “Tôi tin người từng là đồng phạm/kẻ không tổ giác tội phạm vẫn còn sống và sống cách nơi ông ở không quá 240km.”

Câu nói đó có lẽ nhắm đến kẻ đồng phạm bị cáo buộc và bị buộc tội giết người cấp độ 1 sau vụ giết Mary - người vợ đầu tiên của Maxwell. Đó là Ophelia Burns, sau này trở thành người vợ thứ ba của Đức Cha Maxwell. Người phụ nữ này có vẻ rất quần trí trong đám tang của Shirley Ellington. Vào thời điểm Lee gửi thư cho Jones, bà Ophelia vẫn đang sống ở thành phố Alex.

Ngày nay, câu chuyện về Đức Cha Maxwell đã phát triển thành một câu chuyện ma và được chiếu trên kênh Khoa học viễn tưởng (Sci-Fi, bây giờ là SYFY), nhưng nhiều người ở phía đông trung tâm Alabama vẫn còn nhớ về Đức Cha Maxwell ngoài đời thật. Gia đình ông ấy vẫn sống ở đây. Câu chuyện tiếp tục tạo ra sự chú ý và khiến họ hoang mang, nên gia đình ông mong mọi người sẽ thôi để ý tới họ và quan tâm đến việc khác. Những người khác ngạc nhiên khi thấy Radney đã thành công thay đổi bản thân thành một anh hùng của câu chuyện, sau khi ông chiếm được khá nhiều tiền bảo hiểm - động cơ của rất nhiều tội ác bị cáo buộc. Những người khác ngạc nhiên khi thấy Radney đã thành công thay đổi bản thân thành một anh hùng của câu chuyện, sau khi ông chiếm được khá nhiều tiền bảo hiểm - động cơ của rất nhiều tội ác bị cáo buộc. Những người khác chỉ đơn giản bị một câu chuyện hấp dẫn, với những tình tiết lắt léo có thể so với những chỗ quanh co khúc khuỷu của sông Tallapoosa.

“LA BELLA ELYIRA”: VỤ GIẾT NGƯỜI

Ở NHỮNG NGỌN ĐỒI TUSCANY

Deirdre Pirro

Từ trên cao nhìn xuống, những ngọn núi Apuane hùng vĩ ở phía bắc và San Miniato ở phía đông, thị trấn Toiano nhỏ bé của nước Ý nép mình giữa những vùng đất Palaia và Volterra “lạc lõng” ở Tuscany. Thị trấn này vốn dĩ là một ngôi làng trung cổ. Trong suốt thế kỷ XIV và XV, thị trấn Toiano nổ ra trận chiến giằng co tranh giành quyền thống trị giữa 3 thành phố Lucca, Pisa và Florence - những “đấu thủ” tầm cỡ trong khu vực. Lúc đầu, Toiano nằm dưới sự kiểm soát của thành phố Lucca và sau đó là Pisa. Cho đến năm 1362, nhờ có Rodolfo II da Varano - một tên lính đánh thuê - xâm chiếm Toiano, Florence trở thành chủ nhân mới của thị trấn. Sau khi bao vây và chinh phục thành công thị trấn, hắn đã lấy một chiếc chuông của lâu đài làm chiến lợi phẩm. Hắn gửi nó đến Florence và nó trở thành chiếc chuông thứ hai trong tổng cộng 3 chiếc vang lên báo giờ ở tòa tháp Palazzo Vecchio (bây giờ là tòa thị chính tráng lệ của thành phố). Vào năm 1364, người dân Florence phá hủy thị trấn “Cụu Toiano” và do hiệp ước hòa bình giữa hai thành phố, họ đã trao trả những gì còn lại của thị trấn cho Pisa. Người dân xây sửa lại thị trấn thành “Tân Toiano”. Nhưng vào năm 1406, người dân thị trấn một lần nữa đầu hàng trước sự thống trị của Florence.

Một câu văn khắc vẫn còn nhìn rõ bằng tiếng Latin ở Toiano có nội dung:

Vào ngày mùng 5 tháng Tư năm 1406, lâu đài và thị trấn Toiano đầu hàng Cộng hòa Florence và nhận nhiều đặc quyền. Theo như phần đề cập ở trang 203, trong cuốn sách có tựa đề *Vùng nông thôn của Pisa* trong Phòng lưu trữ cải cách của Florence. Theo mệnh lệnh của Đại công tước của Tuscany Cosimo II. Gần đây, chính Gian Gastone I (Đại công tước Medici cuối cùng của Tuscany) trị vì vùng đất một cách thanh bình, vào ngày 12 tháng Bảy năm 1726, đã xác nhận những đặc quyền đó. Dựa trên những đặc quyền này, việc bán ngũ cốc, trái cây và động vật ở vùng nông thôn của Florence, hoặc mua bán bò đực để phục vụ nông nghiệp được phép miễn thuế.

Những bức tường thành từng bao quanh thị trấn và một cây cầu dẫn lối vào lâu đài. Công trình xây dựng nhà thờ Thánh John the Baptist đã tồn

tại từ thế kỷ XI. Một con phố chính dài 50m băng qua và ngăn cách hai dãy nhà của del Castello. Chỉ có một cửa hàng bán đủ thứ từ thuốc lá đến lưỡi hái. Vào những năm 1800, dân số của thị trấn cao ngất ngưỡng với 521 người, nhưng sau đó giảm dần qua những thập kỷ tiếp theo. Vào những năm 1960, nhờ vào sự bùng nổ kinh tế của Ý, số ít cư dân còn lại - chủ yếu là những người nông dân tự cung tự cấp - đã rời bỏ vùng nông thôn để lên các thành phố lớn, với hi vọng có việc làm tốt hơn, khiến Toiano dần dần và chắc chắn rơi vào cảnh lụi tàn.

Tuy nhiên trong suốt quãng thời gian tồn tại của thị trấn, nhiều thế hệ trong cùng gia đình làm nông nghiệp quy mô nhỏ đã sống ở đây. Giống như những thị trấn nhỏ biệt lập trên thế giới, nhiều cư dân có quan hệ họ hàng với nhau. Mọi người đều biết mặt nhau và công việc của nhau. Chủ nghĩa địa phương và sự đoàn kết có thừa. Hầu như mọi người không thể giữ được sự riêng tư và bí mật. Tin đồn và chủ nghĩa đạo đức tràn lan. Tuy nhiên, chỉ có chuyện xảy ra vào buổi sáng ngày mùng 5 tháng Sáu năm 1947 là chưa từng xảy ra trước đó trong ký ức của những người còn sống ở thị trấn, hoặc sẽ không xảy ra thêm lần nào nữa. Đó là ngày Lễ Mình và Máu Thánh Chúa Kito (Corpus Christi) của Công giáo La Mã và những sự kiện trong ngày hè đẹp trời đó không chỉ làm chấn động thị trấn, mà còn gây chia rẽ dư luận trên khắp đất nước.

Vào buổi sáng hôm đó, trong khi gia đình nhà Orlandini đang chuẩn bị tham gia cuộc diễu hành của Lễ Mình và Máu Thánh Chúa Kito, cô gái Elvira (22 tuổi) xinh đẹp - con gái út của họ - đi lấy nước từ một con suối gần nhà. (Vào thời điểm đó, phần lớn nhà ở đều không có nước máy và điện). Hai tiếng trôi qua mà vẫn chưa thấy con gái về, người mẹ đã đi tìm. Bà hỏi tất cả những người mà bà bắt gặp trên đường rằng liệu họ có thấy Elvira không. Mỗi phút trôi qua, bà càng thêm lo lắng, nên bà quay về nhà, kêu chồng và anh chồng cùng đi tìm con gái. Khi hai người đàn ông đến con suối, người cha thấy những giọt máu trên mặt đất, cũng như dấu hiệu cho thấy có thứ gì đã bị kéo vào một bụi cây gần đó.

Hai người đàn ông đi sâu thêm 10m vào khu vực được gọi là *Thung lũng sâu của She-Wolf (Botro della Lupa)* - khu rừng nằm giữa Toiano và Palaia. Ở đó, họ phát hiện ra đôi giày của Elvira được đặt gọn gàng trên mặt đất, kề bên bình đựng nước. Đi sâu vào khu vực có cây cối ngày một rậm rạp hơn, họ

kinh hoàng khi phát hiện ra thi thể của cô gái trong một con kênh bỏ hoang. Quần áo của cô gái không đầy đủ, quần lót bị mất và không bao giờ tìm lại được. Đầu của cô gái gần như đứt lìa do bị dao cắt vào cổ họng. (Theo khám nghiệm tử thi, cô ấy đã bị đâm nhiều nhát sau khi chết). Không tìm thấy hung khí - con dao. Các bài báo không hề đề cập đến việc nạn nhân bị cưỡng hiếp, nhưng hầu hết mọi người tin rằng cô ấy đã bị tấn công tình dục. Có vẻ như hung thủ đã giết cô ấy ở nơi khác và kéo thi thể của cô ấy vào rừng.

Khi những tờ báo của tỉnh đưa tin về vụ giết người, báo chí quốc gia đã đăng tải câu chuyện và đưa tin rầm rộ, bao gồm cả việc đăng ảnh của nạn nhân. Những tiêu đề như “Cô dâu bị giết hại vào đêm trước hôn lễ” và “Vị hôn thê bị sát hại trong rừng” nổi bật trên những trang đầu. Cô gái xấu số bị gán cho cái tên *Elvira xinh đẹp* (*La Bella Elvira*). Những tờ báo suy đoán rầm rộ về kẻ muốn giết cô gái nông dân nhu mì. Cô ấy đang bận rộn chuẩn bị cho hôn lễ sắp tới và cũng là đứa con gái cuối cùng trong số ba chị em gái nhà Orlandini kết hôn.

Những tin đồn bắt đầu lan truyền và vài “ứng viên tiềm năng” rơi vào diện bị tình nghi. Người bị tình nghi lớn nhất là con trai của một gia đình người Thụy Sĩ giàu có. Elvira đã từng làm giúp việc cho gia đình này khoảng 6 tháng ở Pontedera - một trung tâm đô thị cách Toiano 30km. Nhưng người đàn ông này nhanh chóng bị gạch tên khỏi danh sách tình nghi sau khi chứng minh rằng anh đã ở Rome vào ngày vụ án diễn ra cũng như anh đã bị phạt tiền vi phạm giao thông khi đang lái chiếc xe hơi của mẹ mình trong thành phố.

Một nghi phạm khác là Lino Giubbolini - một trong hai người anh rể của nạn nhân. Anh này là một thợ sản xuất than đá và được nhắc đến trong thư nặc danh gửi cho vị hôn phu của Elvira. Bức thư cảnh báo vụ hôn phu của Elvira không nên để cô làm việc cùng Giubbolini trong rừng. Bức thư ám chỉ có gì đó mờ ám giữa hai người họ khi không còn những ánh mắt tò mò ở xung quanh. Không có chứng cứ xác thực cho mối quan hệ này, mặc dù sau đó, một người có thiên nhãn thông³⁰ trong khu vực, nói với những điều tra viên rằng Elvira đã đến gặp bà. Cô gái lo sợ rằng cô ấy đã “vụng trộm” mang thai với người đàn ông đã có gia đình và tâm sự rằng cô rất lo cho an nguy của mình. Rất ít người tin lời bà đồng này, họ cho rằng bà ấy chỉ muốn được thiên hạ để ý.

30. Thiên nhãn thông là khả năng nhìn thấy những thực thể thuộc về vía hay thể phách ở xung quanh họ.

Tuy nhiên, người bị tình nghi trước nhất và có vẻ giống nghi phạm nhất là Ugo Ancillotti (25 tuổi) - vị hôn phu của Elvira - là một cựu binh Thế chiến thứ hai và là người địa phương. Cả hai đính hôn được 2 năm, tuy nhiên, trong khoảng thời gian đó, họ lại chia tay hai lần bởi những cơn ghen của anh chồng sắp cưới. Mặc dù không dễ dàng xác định chính xác động cơ của Ancillotti nhưng sau khi vụ án xảy ra, anh này không ngừng cư xử kì lạ. Anh nói với các điều tra viên rằng khoảng 9 giờ sáng ngày Elvira mất tích, anh ghé đến nhà của một người phụ nữ trẻ và họ cùng nhau đi dự Lễ Mình và Máu Thánh Chúa Kito tại nhà thờ ở Toiano. Họ về nhà của cô gái khoảng 1 giờ chiều. Anh ở lại nhà cô gái thêm khoảng 30 phút nữa, sau đó về nhà mình ăn trưa. Từ 2 giờ 30 phút đến 5 giờ 30 phút chiều, anh ấy không đi ra ngoài mà ngủ ở trong nhà. Sau đó, anh quay trở lại thị trấn để gặp vị hôn thê, nhưng nghe ai đó trên đường nói rằng cô ấy đã chết trong khu rừng gần đó. Anh ngay lập tức về nhà, lấy xe đạp và chạy đến nơi phát hiện ra thi thể của cô ấy. Anh khẳng định rằng mình ở đó cho đến tận 1 giờ chiều ngày hôm sau. Lúc đó, anh trở về nhà để thay quần áo dính những vết máu nhỏ. Ancillotti cho rằng những vết máu này là do quần của anh cọ xát vào vài bụi cây có dính máu của cô ấy khi anh đạp xe đến nơi phát hiện ra thi thể của Elvira và khi đi qua khu rừng. Mọi người cũng cho rằng anh cư xử rất kì quái khi trong ngày xảy ra vụ án hoặc sau đó, Ancillotti đến gặp người thợ mộc đang làm đồ dùng cho phòng tân hôn của cặp đôi để lấy lại tiền đặt cọc. Anh ấy rõ ràng quan tâm đến tiền của mình hơn là người phụ nữ mà mình yêu bị thảm sát.

Năm ngày sau khi phát hiện ra thi thể, các nhà chức trách quyết định mời Thanh tra Lombardi - một điều tra viên từ lực lượng *carabinieri* tỉnh nhuệ (đội cảnh binh quốc gia của Ý) đến từ thị trấn Pontedera. Bởi vì một viên cảnh sát làm việc trong khu vực đã quá lớn tuổi, thân hình quá khổ và không còn cân đối để có thể lãnh đạo những cuộc điều tra mở rộng. Sau quá trình loại trừ nghi phạm, Lombardi bắt giữ Ancillotti vì sát hại Elvira. Ông ấy đoán rằng, "Ancillotti đã từng làm tình với vị hôn thê một thời gian ngắn trước đó và anh chàng hôn phu lý luận như thế này, 'Elvira đã trở thành người của tôi, vì vậy, cô ấy không phải là một người phụ nữ trong trắng. Những gì cô ấy làm với tôi, cô ấy cũng có thể làm với người khác. Sẽ tốt hơn nếu tôi bỏ cô ấy. Nhưng nếu tôi làm vậy, tôi sẽ mất thể diện trước những cô gái còn lại trong

thị trấn. Và một ngày nào đó, nếu tôi muốn đính hôn với một người trong số họ, tôi không biết liệu tôi có thể hay không’.”

Những nhận định đạo đức như thế này khiến người ta gần như là “nuốt không trôi” khi ngày nay ở Ý, nhiều cặp đôi trẻ sống chung với nhau và có lẽ họ chỉ cần nhắc đến chuyện kết hôn sau khi có con. Để phù hợp với xu hướng này, vào năm 1993, Viện Thống kê Quốc gia Ý - cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện những cuộc điều tra dân số ở nước này - đã thay đổi định nghĩa về “gia đình” để nó có nghĩa là một nhóm người “sống cùng nhau và liên kết với nhau bởi một trong những điều sau: hôn nhân, quan hệ họ hàng, sự hòa hợp, sự nhận nuôi, sự giám hộ hoặc ràng buộc tình cảm.”

Tuy nhiên, vụ án này không xảy ra mới đây hoặc vào những năm 1990, mà nó xảy ra vào năm 1947 - không lâu sau một cuộc chiến tranh thảm khốc. Lúc đó, phần lớn đất nước Ý đã trở thành đồng cỏ nát, kinh tế lâm vào tình cảnh khó khăn và điêu tàn, không còn lại bao nhiêu người đàn ông trẻ. Hơn nữa, các cộng đồng nông thôn nhỏ luôn có tư tưởng sống khép kín và bảo thủ, đặc biệt là quan điểm của họ về phụ nữ. Họ muốn một người phụ nữ đến tuổi “cập kê” vẫn còn trinh trước khi làm lễ kết hôn và tuân theo mọi mệnh lệnh của chồng. Mặc dù phụ nữ ở Ý cuối cùng đã giành được quyền bầu cử vào năm 1946, nhưng người đàn ông vẫn coi vợ hoặc vợ tương lai là tài sản của mình và mong cô ấy sẽ không làm gì khiến anh ấy hoặc gia đình anh ấy phải xấu hổ. Người chồng là vua chúa, còn người vợ phải vâng lời chồng. Công việc của người vợ là nấu nướng và dọn dẹp, làm việc đồng áng, sinh con và vâng lời chồng. Hơn nữa, kiểu tư duy này còn được ghi chép lại trong sách luật ở Ý. Từ thời trung cổ đến pháp luật hiện đại của thế kỷ XIX và XX, đầu tiên là trong Bộ luật Hình sự Ý năm 1889 (còn được gọi là Bộ luật Zanardelli), sau đó là trong Bộ luật Rocco năm 1930. Theo đó, những cá nhân (hầu hết là nam giới) có thể nhận một biện pháp tha miễn, khi họ muốn tự bào chữa rằng họ đã phạm tội “giết người vì danh dự”. Nói cách khác, những người đàn ông bảo vệ danh dự của họ và/hoặc của gia đình họ, bằng cách thừa nhận giết người vợ lăng loan, hoặc tình nhân của người vợ, hoặc cả hai. Nếu chứng minh được điều đó, bản án của họ sẽ nhẹ hơn so với việc phạm cùng một tội nhưng người chết chẳng gây tai tiếng gì cho họ. Luật pháp công nhận hành vi “đáng ghê tởm” xúc phạm đến danh dự của một người, chẳng hạn như ngoại tình, sánh ngang với hành vi khiêu khích nghiêm trọng và xã hội không chỉ trích hành động “bồi thường danh dự”. Trên thực

tế, xã hội thường tẩy chay một người đàn ông không minh oan cho danh dự của mình và gán cho người đàn ông này cái danh hèn nhát. Mãi cho đến tháng Chín năm 1981, hệ thống pháp luật này mới bị bãi bỏ.

Sau khi biết tin Ancillotti bị bắt giữ, phần đông người dân ở Toiano đã đứng lên phản đối động thái này. Hai tấm biển viết tay với dòng tuyên bố “Ugo vô tội” được đặt ở lối vào thị trấn.

Hành động ủng hộ tiếp tục diễn ra trong quá trình tố tụng ở tòa án, cũng như trong hai cuộc điều tra trực tiếp tại hiện trường vụ án của tòa án. Sự ủng hộ mạnh mẽ này làm dấy lên nhiều vấn đề, vì nạn nhân và gia đình cô ấy cũng là người của thị trấn, nhưng họ dường như không nhận được sự ủng hộ giống vậy. Tại sao? Liệu người dân biết gì đó về vụ án mà cảnh sát lại không biết? Liệu họ nghĩ rằng Elvira đáng bị như vậy, hay liệu họ tin rằng bằng cách nào đó mà cô ấy đã yêu cầu mình bị đối xử như vậy? Câu trả lời có lẽ đơn giản hơn nhiều. Kể từ giây phút bị bắt giữ, Ancillotti xác nhận Elvira bị một người nước ngoài giết. Người này lang thang buôn bán hàng rong, gồm những món đồ lót và tất chân của phụ nữ, với biệt danh “Montenegro”. Ancillotti cho biết Elvira đã tranh cãi dữ dội với người này vài ngày trước khi vụ thảm sát xảy ra, khi cô từ chối không mua bất kỳ món hàng nào của anh ta. Người bán hàng rong vô cùng tức giận và buông lời đe dọa cô. Kể này nói rằng cô sẽ không bao giờ kết hôn được. Hơn nữa, sau khi vụ án mạng xảy ra, người ta không còn thấy người đàn ông này trong quận nữa. Mặc dù cảnh sát không tin giả thiết này, nhưng người dân lại hồ hởi đổ tội cho gã đàn ông lạ mặt. Họ đoàn kết với nhau, cảm thấy an tâm vì nghi phạm không phải là một trong số họ và còn một người nước ngoài dính líu tới vụ án. Anh ta là “kẻ chết thay” vì anh ta là một người ngoài.

Vào ngày 21 tháng Ba năm 1948, phiên tòa bắt đầu ở Tòa án Hình sự Pisa. Nhờ báo chí ồ ạt đưa tin, phiên tòa đã thu hút đông đảo sự chú ý lớn của công chúng trên toàn bán đảo. Khoảng một nửa dân số nước Ý tin rằng Ancillotti vô tội, trong khi nửa còn lại tin rằng hắn có tội. Phải nhớ một điều là thời điểm này vẫn chưa thể dựa vào bằng chứng DNA. Trên thực tế, mãi đến năm 1985, những vụ án hình sự ở Hoa Kỳ mới sử dụng loại bằng chứng khoa học này. Vào năm 1987, tên cường hiếp Tommie Lee Andrews ở bang Florida là kẻ đầu tiên bị kết tội dựa vào bằng chứng DNA. Cùng năm, bằng chứng DNA lần đầu tiên được sử dụng ở Ý, trong vụ án xảy ra ở quận Brera

của Milan. Angelo Vavassori - một người mẫu ảnh có chí lớn bị buộc tội bóp cổ và cướp đoạt đồ của Lodovico Mosconi - nghệ sĩ tranh trù tượng và cũng là người yêu của anh ta.

Bên ngoài tòa nhà xử án Pisa, gần 2.000 người tụ tập để nhìn lướt qua bị cáo và nhóm luật sư bào chữa. Các nhà cái cá cược bất hợp pháp đưa tin và mời gọi đám đông đặt cược vào kết quả phiên tòa. Trong phòng xử án Giacomo Picchiotti - Nghị sĩ Đảng Xã hội chủ nghĩa kiêm luật sư của Ý, cùng với hai người cộng sự đáng kính tin rằng bên công tố đã phát triển vụ án dựa trên bằng chứng hoàn toàn gián tiếp, nên ba người đã miễn phí dịch vụ pháp lý cho bị cáo. Bên công tố yêu cầu tòa án kết tội Ancillotti và tuyên án hấn 18 năm tù. Đã có 60 người được gọi đến làm chứng trước tòa.

Quan tòa muốn hiểu rõ hơn về địa điểm và cách thức tội ác đã diễn ra, nên ba ngày sau phiên điều trần đầu tiên, họ đi đến Toiano để dựng lại hiện trường vụ án. Người dân xếp hàng ở hai bên đường đổ vào thị trấn và lớn tiếng hô hào rằng họ tin bị cáo. Cảnh sát tất nhiên phải ngăn họ làm loạn, để thẩm phán và bồi thẩm đoàn có thể thực hiện việc điều tra. Thẩm phán yêu cầu thực hiện một thí nghiệm để xem nếu đi từ nhà Ancillotti đến địa điểm xảy ra vụ án thì mất bao lâu. Tại nơi phát hiện thi thể Elvira, đám đông lại biểu tình. Họ gửi quà tới tập, gồm những giỏ thức ăn và rượu, cho anh chàng bị cáo. Khi nhìn thấy cảnh tượng này, bà Rosaria Santoni Orlandini - mẹ của Elvira bật khóc. Trong lòng bà tràn đầy sự chua xót, bởi không một ai thấu hiểu nỗi đau và thương cảm cho gia đình bà. Kế tiếp, quan tòa đi đến quan sát con suối và nhà của Ancillotti. Những nhân chứng khác cũng bị thẩm vấn ở đó. Khi họ đến nơi tìm thấy thi thể, mẹ của Elvira thấy Ancillotti bị còng tay, bà hét lên và cố tấn công anh. Một cảnh sát đã kịp thời can ngăn bà.

Trong suốt những phiên điều trần tiếp theo ở Pisa, đám đông chen chúc vào phòng xử án, còn những người bên ngoài tiếp tục đến càng lúc càng nhiều. Những hành động náo loạn của họ làm gián đoạn vụ kiện tụng. Đỉnh điểm là vào một buổi sáng, người nhà Elvira cố gắng vào tòa nhà xử án, còn những người bàng quan kia buông lời lăng mạ và toan tấn công họ. Lúc này, thẩm phán không nhìn được nữa. Ông quyết định phải xử án ở một nơi yên tĩnh hơn. Vì vậy, lầy lý do tình hình địa phương nguy hiểm sẽ đe dọa đến việc thi hành trọn vẹn, mặc khác cũng không thể giải quyết triệt để tình hình đó,

nên vụ kiện tụng đã được chuyển sang một địa điểm xét xử khác - tòa án ở Florence. Những hành động náo loạn vẫn tiếp diễn, nhưng trong phạm vi nhỏ hơn.

Sau 4 tháng, phiên tòa cuối cùng đưa ra kết luận Ancillotti vô tội do thiếu chứng cứ. Quyết định này dựa trên vài nhân tố. Những dấu giày ở hiện trường vụ án có kích cỡ là 40, trong khi bị cáo có số đo bàn chân lớn hơn và mang giày số 43. Những vết máu trên quần áo Ancillotti rất nhỏ, thế nên không khớp với hành vi giết người tàn bạo. Hơn nữa, cặp đôi này có chung nhóm máu, nên có thể đó là máu của Ancillotti. Cuối cùng, sự thật đằng sau việc Ancillotti đến hiện trường quá nhanh chỉ bằng chiếc xe đạp là vì anh ấy định đạp xe tới nhà Orlandini, nhưng lại đi ngang qua khu vực tìm thấy thi thể Elvira. Sau khi tuyên bố bản án, người dân đổ xô vào phòng xử án trong tiếng reo hò vui mừng và niềm vui đó nhanh chóng lan sang đám đông đang sốt ruột chờ đợi bên ngoài phố.

Quyết định được giữ nguyên cho dù người nhà Orlandini kháng cáo. Ancillotti được trả tự do sau hai năm bị giam giữ. Giờ đây, anh có thể trở về nhà ở Toiano như một người hùng. Thị trấn đã chứng minh được niềm tin vào anh ấy. Đồng đạo người dân đã xếp hàng dài trên con đường quê để chào đón anh trở về. Không lâu sau đó, anh ấy chuyển đến một thị trấn nhỏ khác, cách nơi ở cũ khoảng 20km. Anh trở thành một đại lý bán những sản phẩm hóa chất trong nông nghiệp. Sáu năm sau khi ra tù, anh ấy kết hôn với Lina và họ có hai đứa con. Vào tháng Ba năm 2013, Ancillotti qua đời ở tuổi 91. Những năm giữa đời (từ năm 1947 đến khi mất), anh không ngừng tuyên bố mình vô tội.

Vật gợi nhớ về vụ giết người chưa có lời giải là một khối đá cẩm thạch nhằm tưởng nhớ Elvira nằm bên vệ đường giữa Toiano và Palaia, cách không xa nơi phát hiện ra thi thể cô. Trên khối đá là một bức ảnh phai màu của cô gái nông dân với khuôn mặt tươi cười xinh xắn, mái tóc đen, mặc bộ đồ đẹp nhất và đeo một chuỗi hạt quanh cổ. Khi người qua đường nhìn vào cô, họ suy đoán về bí ẩn đằng sau cái chết của cô ấy. Đôi khi, họ để lại những đóa hoa nhỏ và chúng từ từ héo rũ rồi lụi tàn.

Gần như ngay sau khi *La Bella Elvira* qua đời, những tin đồn kì lạ bắt đầu lan truyền ở vùng nông thôn vô cùng mê tín này. Người dân bắt đầu nói rằng họ đã nhìn thấy những hình ảnh kì lạ về một người phụ nữ trẻ di chuyển

từ nhà này sang nhà khác ở Toiano để tìm kiếm kẻ giết mình. Cô ấy có mái tóc đen dài và mặc một chiếc váy trắng vậy máu từ vết cắt của cổ họng.

Ngày nay, những gì còn sót lại của Toiano là nghĩa trang bị bỏ hoang và những khung sườn nhà bằng đá cũ kỹ, đổ nát trên con phố chính im ắng. Những du khách hiếm hoi viếng thăm một góc Tusany trông cô đơn nhưng bình dị này thường là những nhiếp ảnh gia say mê nắm bắt những khoảnh khắc hấp dẫn của cảnh đẹp vùng Tuscany xung quanh thị trấn. Trên thực tế, vào năm 2006, Oliviero Toscani - nhiếp ảnh gia quốc tế, nổi tiếng với các chiến dịch quảng cáo “gây sốc” cho chuỗi cửa hàng quần áo Benetton - là giám khảo cho một cuộc thi chụp ảnh nhằm giữ cho hình ảnh Toiano sống mãi, với hi vọng kích thích sự quan tâm của mọi người đối với việc khôi phục ngôi làng độc đáo ấy. Quỹ Môi trường của Ý (Fondo Ambiente Italiano - FAI) - một tổ chức từ thiện uy tín nhằm bảo vệ di sản quốc gia ở Ý - cũng xem Toiano là một trong những di sản tinh túy cần bảo vệ.

Nhưng bí ẩn về kẻ rat ay sát hại tàn độc La Bella Elvira và lí do là gì vẫn tiếp tục tồn tại, bởi lẽ nó đã tồn tại dai dẳng suốt hơn nửa thế kỉ. Kể cả khi ánh mặt trời ở Tuscany có chói chang thì bạn cũng sẽ giống như tôi, cảm thấy lạnh lạnh khi đứng trước bia tưởng niệm cô ấy. Trong khung cảnh cô đơn này, hình ảnh trẻ trung xinh đẹp của cô gái ấy mãi gắn với tấm bia đá lạnh lẽo. Trên con đường kế bên khu rừng, cách nơi cô ấy sát hại trong Thung lũng sâu của She-Wolf một đoạn ngắn, làn gió nhẹ liên tục kêu xào xạc xuyên qua rừng cây... như thể đang thì thầm những bí mật chưa từng được tiết lộ. Ở một nơi như vậy, tôi cũng không lấy làm ngạc nhiên nếu bắt gặp bóng ma của người con gái liên tục tìm lại công lý mà cô đáng có, nhưng không bao giờ nhận được.

CHUYỆN GÌ ĐÃ XẢY RA GIỮA ÔNG BÁC SĨ, ANH NHA SĨ VÀ CÔ CON GÁI CỦA ÔNG CHỦ SẢN XUẤT BƠ SỮA?

Paul Williams

Carmarthen - thị trấn hành chính lịch sử của phía tây xứ Wales - từng là pháo đài của La Mã. Cái tên “Carmarthen” xuất phát từ một từ tiếng Wales, có nghĩa là “pháo đài của Merlin”, gắn với một huyền thoại về nơi sinh ra vị phù thủy Merlin. Carmarthen từng là thị trấn trù phú nhất ở xứ Wales, nhưng dần suy tàn vào thế kỉ XIX. Sự phát triển của những thị trấn khác, sự

bành trướng của nền công nghiệp khai thác than đá ở vùng phía nam xứ Wales và sự xuất hiện của đường sắt vào năm 1851, tất cả đã khuyến khích người dân chuyển đến nơi khác sinh sống. Trong thời kì tăng trưởng dân số của đất nước, dân số ở Carmarthen chỉ tăng thêm 56 người từ năm 1831 đến năm 1921. Tuy nhiên, vài ngành công nghiệp mới đã phát triển để hỗ trợ những ngành công nghiệp truyền thống phụ thuộc vào trồng trọt, may mặc và sợi len. Những nhà máy sản xuất sắt, hợp kim sắt thép tráng thiếc và dây thừng đã giúp thị trấn tồn tại.

Vào năm 1884, một vụ án được cho là giết người rất lạ thường đã xảy ra ở Carmarthen. Một bác sĩ nổi tiếng kiêm thành viên lỗi lạc của hội đồng thị trấn (72 tuổi) bị buộc tội giết một người phụ nữ đến tìm ông ta để phá thai. Bốn năm sau, đứa con gái ngoài giá thú của ông ta - một trong những nhân chứng quan trọng - bị kết án tử hình vì cùng một tội danh. Báo chí quốc gia đặt cho vụ án cái tên “Bí ẩn Carmarthen” nhằm nhấn mạnh mặt đen tối của xã hội thời Victoria và cho thấy vụ án vẫn còn chưa có lời giải đáp.

Bác sĩ John Morgan Hopkins là một nhân vật gây tranh cãi. Ông ta coi thường pháp luật và đã đi hầu tòa rất nhiều lần vì không trả lương, nợ nần và hành hung hàng xóm. Vào những năm 1860, ông ta bỏ mặc vợ và 7 đứa con, nhưng vẫn ở cùng khu vực. Ông công khai thách thức những lễ thói đạo đức đương thời. Nhìn bề ngoài, không ai đếm xỉa tới chuyện này, có lẽ bởi vì mọi người cảm kích việc thị trấn của họ có một vị bác sĩ tầm cỡ.

Hopkins tốt nghiệp ở Edinburgh, Scotland và hành nghề ở London và Paris. Sau khi kết hôn vào năm 1843, ông chuyển đến sống tại nông trại Goitrewn ở ngoại ô Llanelli. Llanelli cách Carmarthen 12km về phía đông nam. Nếu so với “đôi thủ trong lịch sử” Llanelli thì Carmarthen nắm giữ trữ lượng than đá, hợp kim sắt thép tráng thiếc và thép lớn hơn. Mới đầu, Hopkins vừa hành nghề y vừa trồng trọt, nhưng dần dần công việc hành y khấm khá lên. Đến những năm 1870, ông trị bệnh cho mọi người ở khắp phía nam và phía tây xứ Wales.

Để tiện cho việc đi lại, ông mở phòng khám kiêm nhà ở tại số 11 phố Quay, Carmarthen. Nơi này nằm dưới bóng râm của nhà tù đồ sộ trước đây là lâu đài Norman và hiện là một điểm thu hút khách du lịch. Chỉ cần đi bộ đến ga xe lửa trên một cây cầu bắc qua sông Towy là tới nơi. Mary Jane -

đứa con gái ngoài giá thú của ông ta - sống cùng và làm quản gia cho ông. Hopkins có ít nhất hai đứa con riêng khác và những người phụ nữ chưa chồng được cho là sống chung với ông ta.

Vào tháng Mười một năm 1883, Emily Morgan (15 tuổi) chuyển đến sống ở số 11 phố Quay. Cô bé này được cho là bạn của Mary Jane Hopkins (27 tuổi) và là con gái của một quý ông đến từ Llangennech, cách trang trại nhà Hopkins ở Goitrewen 3km. Vào ngày 30 tháng Sáu năm 1884, lúc 10 giờ 30 phút tối, Mary Hopkins và Emily Morgan đang ở nhà, trong phòng khách cùng một quý ông không rõ danh tính. Theo quy chuẩn thời gian, lúc đó đã muộn để một người đàn ông đến thăm hỏi xã giao những người phụ nữ trẻ, đặc biệt là khi họ ở một mình. Anh ta không phải vị khách duy nhất. Một người phụ nữ gõ cửa, yêu cầu gặp bác sĩ Hopkins. Mary giải thích rằng ông không có ở nhà, nhưng cô mời người phụ nữ này ở lại mà không hỏi danh tính. Đêm đó, họ ngủ chung giường. Mary cho hay bản thân không biết người phụ nữ này đang có thai.

Ngày hôm sau, bác sĩ Hopkins trở về từ thị trấn Neath. Ông khám và chẩn đoán bệnh nhân nữ này bị sung phổi (thường được gọi là bệnh viêm phổi). Ông kê cho cô một viên thuốc chứa một chút thuốc phiện và một chút thủy ngân (calomel) và cho rằng bệnh tình của cô vô phương cứu chữa. Mặc dù ông chẩn đoán cô ấy sắp chết và khó có thể đi bộ vài trăm mét, nhưng đêm đó, cô đã đến rạp hát với Mary Jane Hopkins, Emily Morgan và Susannah Howard - một người bạn khác của Mary Jane. Cả ba người phụ nữ nói rằng cô ấy không có thai. Sau khi tiễn Susannah đến trạm xe lửa vào sáng hôm sau, không ai biết người phụ nữ đã ra khỏi căn nhà lần nữa. Cô chết ở đó vào ngày 12 tháng Bảy.

Một người hàng xóm đã giúp đưa thi thể người phụ nữ ra ngoài mà không phát hiện dấu hiệu khả nghi nào, sau đó người này còn sai con gái đi đặt một cỗ quan tài. Thợ đóng hòm được thông báo rằng người phụ nữ đã chết vì bệnh thương hàn. Bác sĩ Hopkins đã đặt một chiếc quan tài đắt tiền, trị giá 5 bảng Anh và 10 đồng shilling. Theo chỉ dẫn của ông ta, nó được dán nhãn tên "E.Cope" để gửi đến ga tàu Bath.

Tin đồn lan truyền khắp Carmarthen rằng Hopkins đã thực hiện một ca phá thai hổng. Ở Vương quốc Anh, việc dùng biện pháp nhân tạo để chấm dứt thai kỳ là phạm pháp. Cho đến năm 1967, đạo luật phá thai được thông

qua, cho phép chấm dứt thai kỳ trong 24 tuần đầu tiên. Trước khi đạo luật được thông qua, việc phụ nữ không được tiếp cận với các biện pháp tránh thai và sự kỳ thị của xã hội đối với những người mẹ chưa kết hôn đã thúc đẩy những người điều hành có trình độ và không có tay nghề tìm cách thỏa mãn việc phá thai, biết rằng bệnh nhân sẽ không trình báo với các nhà chức trách.

Một cảnh sát tìm thấy bác sĩ Hopkins trong quán rượu. Ông phủ nhận cô gái đó chết do thương hàn và nói rằng cô ấy chết tự nhiên, nên không cần khám nghiệm tử thi và điều tra. Các nhà chức trách phản đối. Họ yêu cầu khám nghiệm tử thi và cho phép Hopkins có mặt. William Hughes và James Rowlands - hai bác sĩ khác kiêm điều tra viên của hạt - kiên quyết nói rằng người phụ nữ này đã sinh con trong vòng hai tuần trước và chết vì nhiễm độc máu sau khi sinh.

Cuộc điều tra bắt đầu mà vẫn chưa rõ danh tính của nạn nhân. Bác sĩ Hopkins, Mary Hopkins và Emily Morgan đều tranh luận ngược lại với bằng chứng y học. Họ thề rằng người phụ nữ này không có thai. Bác sĩ Hopkins đưa ra những câu trả lời lảng tránh và không thỏa đáng khi bị “chặt chém” bằng những câu hỏi hợp lý. Làm sao mà ông ta lại cho phép một người phụ nữ lạ vào ở trong nhà mình mà cả tên cũng không hỏi? Tại sao ông ta lại chẩn đoán người phụ nữ này bị bệnh viêm phổi, mà không phải có thai? Làm sao mà ông ta biết phải gửi thi thể đến Bath? Ông ta cho biết chưa bao giờ hỏi về bệnh nhân của mình, nếu đúng là có, điều này chỉ khiến cho việc chẩn đoán trở nên khó khăn. Ông khai nhận cái tên E.Cope bắt nguồn từ một bức thư do một người đi chào hàng tên Charles Hopkins viết (ông không nghĩ người này có họ hàng gì với mình) để hỏi thăm sức khỏe người phụ nữ. Khi quay về nhà để lấy bức thư đưa cho điều tra viên, ông không thể tìm thấy nó. Ông nói mình đã gửi thư trả lời cho Charles Hopkins ở bưu điện Bristol và nhận được chỉ dẫn giao trả thi thể. Những thứ như thẻ hành lý được in trên nhãn dán và được trình lên tòa.

Cuộc điều tra bị hoãn lại để có thêm thời gian xác minh danh tính người phụ nữ đã chết và họ biết được cô ấy là Emily Cope - con gái của ông chủ sản xuất bơ sữa tên George Cope ở Bath, Anh. George nói rằng con gái ông đến Cardiff ở xứ Wales để kết hôn bằng giấy phép đặc biệt (giấy này cho phép cặp đôi không cần thực hiện việc rao hôn phối ở nhà thờ trong ba ngày

Chủ nhật liên tiếp). Cô ấy rõ ràng có thai với một luật sư tên là Francis Bayntun. Người đàn ông này viết thư để báo cho gia đình Cope biết về cái chết của cô gái vào ngày 13 tháng Bảy và sau đó, anh đích thân đến gặp họ, đây cũng là lần đầu tiên gia đình Cope và anh gặp nhau. Người ta chỉ có thể tưởng tượng được sự đau buồn và tức giận của người nhà Cope, đặc biệt là khi họ cũng đã từng nhận thư từ Emily. Trong thư, cô nói cô đã kết hôn và đứa trẻ đã được sinh ra an toàn. Họ cũng phát hiện ra rằng Francis là một nha sĩ, không phải là một luật sư. Tên thật của anh ta là Andrew Bayntun và anh ta đã có vợ, mặc dù cả hai đã ly thân. Chuyện này là một nỗi ô nhục đạo đức.

Mọi người không biết rằng Bayntun đã bỏ vợ ở xứ Wales để sống với một người phụ nữ trẻ hơn. Cô gái này sau đó sắm vai người vợ của anh ta ở Bath và mang thai đứa con của anh. Cô ấy chết và được chôn cất với danh nghĩa là người nhà Bayntun. Gia đình và bạn bè của cô đều bị lừa rằng họ là một đôi kết hôn hợp pháp. Bằng chứng của George Cope cho thấy Bayntun định “bổn cũ soạn lại” với Emily Cope. Một cuộc hôn nhân thực sự chắc chắn không xảy ra, bởi tình trạng song hôn là một tội hình sự có thể bị phạt tù.

George Cope nói Emily rời nhà với hai chiếc hộp. Trước đó, Mary Hopkins trả lời trong cuộc điều tra rằng chỉ có một chiếc hộp được giao từ nhà ga. Khi được thẩm vấn lại, cô tuyên bố đã quên chiếc hộp thứ hai vì cô căng thẳng, sau đó giao nộp nó cho cảnh sát. Trong hộp gồm nhiều vật dụng cá nhân của Emily Cope và quần áo trẻ em.

Vào ngày 19 tháng Bảy, Emily Cope được chôn cất ở Carmarthen. Bác sĩ Hopkins và con gái ông không có ở nhà khi thi thể người phụ nữ được đưa lên xe tang. George Cope, con rể của ông và người làm dịch vụ lễ tang là những người duy nhất ngồi trên xe tang. Ngay trước khi đám rước rời đi, một trong những con chó của bác sĩ Hopkins lên con co giật, dẫn đến việc truyền thông suy đoán rằng bầy chó đã ăn xác của đứa bé. Người dân thị trấn cảm thấy Bayntun phải chịu trách nhiệm về cái chết của cô gái. Khi cuộc điều tra được mở lại trước một đám đông, anh ta nhận lệnh triệu tập với tư cách là một nhân chứng.

Bayntun đưa ra bằng chứng rằng anh ta gặp Emily Cope lần đầu tiên trên phố ở Bath khoảng 9 tháng trước. Sau lần gặp mặt đó, hai người có thân mật với nhau vài lần. Sau đó, anh ta gặp cô vào đêm cô đến

Carmarthen. Cô gái đến nhà bác sĩ Hopkins bởi vì một người bạn giấu tên của cô trước đây đã sinh con ở đó. Vài ngày sau, anh đến thăm nhà và Emily viết thư nói cho anh biết đứa bé đã chết. Cả bác sĩ Hopkins và Mary Jane Hopkins đều phụ nhận việc Bayntun từng đến nhà họ.

Bayntun cũng cho biết anh quen với bác sĩ Hopkins khoảng 20 năm rồi. Anh từng sống ở Carmarthen và từng hành nghề ở Swansea (xứ Wales). Hopkins cũng rất nổi tiếng khi ông còn ở đó. Hopkins tiếp tục trả lời thoải thác khi được thẩm vấn trực tiếp. Ông khẳng định là mình không quen Bayntun, không biết danh tính của Emily Cope và nói đi nói lại rằng cô ấy không có thai. Điều tra viên nhận thấy có thẩm tra ông ta thêm cũng vô ích.

Sau 90 phút cân nhắc cẩn thận, bồi thẩm đoàn phán quyết Emily Cope đến Carmarthen theo sự sắp xếp của Bayntun và Hopkins để thực hiện thủ thuật phá thai, và sau đó cô ấy chết vì nhiễm độc máu sau khi sinh. Bồi thẩm đoàn được yêu cầu xác nhận lời phán quyết hai người đàn ông này đã giết người và họ xác nhận điều đó. Luật pháp quy định nếu một cá nhân gây ra cái chết cho ai đó trong khi phạm trọng tội, thì cá nhân đó phạm tội giết người. Hành động cố ý thực hiện phá thai bằng phương pháp có sự can thiệp của dụng cụ được cho là trọng tội. Nếu sau đó người phụ nữ chết thì cá nhân đó sẽ nhận tội danh giết người thích đáng và bản án là tử hình. Điều tra viên từ chối cho bảo lãnh.

Bác sĩ Hopkins kháng cáo đối với quyết định từ chối bảo lãnh và theo lệnh, ông ta được tạm thời trả tự do vào ngày mùng 7 tháng Tám. Bayntun vẫn ở lại nhà tù Carmarthen, cách ngôi nhà nơi Emily Cope qua đời không xa. Tháng 3 năm đó, giá treo cổ trong tù được sử dụng để hành quyết một kẻ sát nhân tên là David Rees. Rất có khả năng họ sẽ dùng lại nó.

Tin đồn lan truyền rằng luật sư của Bayntun muốn phiên tòa dời đến Old Bailey ở London để đảm bảo một phiên xét xử công bằng. Không ai nộp đơn xin, nên vụ án được mở ở Swansea. Trước khi Tòa đại hình³¹ ra đời vào năm 1971, thẩm phán đi khắp các vùng để xét xử những vụ án hình sự trong những phiên họp định kỳ (được gọi là assize). Carmarthen nằm trong khu vực thuộc phía nam xứ Wales. Bồi thẩm đoàn đánh giá bằng chứng trong từng vụ án tại mỗi assize và quyết định ai trong đại bồi thẩm đoàn sẽ tiến hành xét xử. Để đưa ra quyết định đó, họ thường thẩm vấn các nha anh chứng dự định.

Cụ thể là trong vụ án này, cả Mary Jane Hopkins và Emily Morgan đều từ chối làm chứng trước đại bồi thẩm đoàn. Hai người phụ nữ này lập luận rằng họ chỉ được gọi đến để đưa ra bằng chứng trong phiên xét xử. Bồi thẩm đoàn quyết định rằng không đủ bằng chứng để buộc bác sĩ Hopkins và Andrew Bayntun tội giết người, nên họ tuyên bố hủy bỏ văn kiện cáo buộc (thủ tục pháp lý để bác bỏ các cáo buộc chống lại bị cáo do thiếu bằng chứng). Theo lẽ thường, hai người đàn ông này được trả tự do, nhưng bồi thẩm đoàn không thể bác bỏ phán quyết điều tra. Về cơ bản, đó là một nhóm người bất đồng với một nhóm người khác.

Vụ án được báo cáo với Thẩm phán Cave. Ông bày tỏ sự quan ngại trước cách cư xử của Mary Jane Hopkins và Emily Morgan. Ông yêu cầu họ ở lại tòa án. Tất cả những người phụ nữ đến nghe xử án bị buộc phải rời khỏi tòa - một thông lệ chuẩn nếu có bằng chứng "tế nhị" xuất hiện. Bất kỳ một người phụ nữ biết chữ nào cũng có thể đọc bản ghi nguyên văn nội dung của phiên tòa và các cuộc điều tra trước đó trên báo. Hành động đuổi người này đã khiến các nữ bị cáo và nhân chứng cảm thấy bầu không khí của phiên tòa đáng sợ hơn.

Bên công tố đã đáp lại đại bồi thẩm đoàn bằng cách rút đơn kiện Bayntun. Anh ta được yêu cầu ở lại toàn án để làm nhân chứng. Có lẽ, ý định của bên công tố là dùng bằng chứng của anh ta để chống lại bác sĩ Hopkins. Đầu tiên, luật sư bên công tố trình bày rằng nếu bác sĩ Hopkins được trắng án về tội giết người, thì ông ta đã phạm tội ngộ sát và khai man. Tính luôn cả sự sơ xuất của ông. Những điểm này có cơ sở lý lẽ nhưng lại thiếu độ tin cậy trong lời buộc tội ba đầu.

Sau khi nghe qua những bằng chứng y khoa, thẩm phán phán quyết không có trường hợp nào chống lại bác sĩ Hopkins. Rõ ràng, Emily Cope đã chết vì nhiễm độc máu sau khi sinh con và không có bằng chứng chứng minh bị cáo đã có hành động thúc đẩy nạn nhân tử vong. Bên công tố cho rằng có một trường hợp ngộ sát hoặc bỏ mặc đáng trách, nhưng không ai trong số họ có bất kỳ bằng chứng nào cho thấy có sự can thiệp của một công cụ được dùng để phá thai. Mặc dù Thẩm phán Cave thừa nhận vụ án này khá đáng ngờ, nhưng ông nêu quan điểm rằng bên công tố không thể chứng minh đây là một cái chết bất thường. Theo hướng này, bác sĩ Hopkins đã được tuyên trắng án và không bị buộc tội thêm.

Đối với đám đông chen chúc trong tòa án và những người phụ nữ đang lo lắng chờ đợi ở ngoài, kết quả phân tích này, xét về mặt pháp lý, khiến họ thất vọng. Họ đã thể hiện cảm xúc của mình bằng cách chế nhạo và cố gắng tấn công Bayntun khi anh ta rời đi. Một số người chờ anh ta khởi hành ở ga xe lửa, nhưng họ không biết anh ta đã nghỉ một đêm tại một khách sạn địa phương. Họ vẫn tin rằng chính việc anh ta đưa Emily Cope tới chỗ bác sĩ Hopkins mới khiến cô ấy chết. Trong hơn một thế kỷ, niềm tin này không hề bị lung lay. Sau đó, Bayntun buộc phải trốn sang Pháp, dù vậy anh ta không thể làm lại cuộc đời ở đây. Ngày nay và kể cả năm 1884, những hành động của anh ta không bị xem là phạm pháp.

Chính George Cope, chứ không phải Bayntun, mới là người trả tiền cho Emily đi từ Bath đến Carmarthen. Ông nói ông làm điều này vì hôn lễ của con gái và tuyên bố ông không biết con gái mình đến gặp bác sĩ Hopkins. Vào thời điểm đó, không ai có lý do gì để hoài nghi một người cha đau buồn vì mất con, hoặc nghi ngờ mối quan hệ trước đó giữa ông và bị cáo. Nhưng số liệu điều tra dân số năm 1861 đề cập ông cùng gia đình mình sống ở hai ngôi nhà nhỏ thôn quê xuôi theo nông trại của Hopkins ở Goitrewen. Sau đó, ông được thuê làm công nhân nông trường và làm việc trong trang trại, hoặc ở một trong những khu đất đai lân cận. Lá thư viết bởi Bayntun được đọc trước tòa, với nội dung là George không vui khi con gái ông có thai. Liệu có phải ông đã quyết định xử lý vấn đề bằng cách trả tiền để Hopkins phá thai? Nếu vậy thì đã muộn rồi. Những người quen biết Emily Cope ở Bath đã thấy cô có thai và địa vị phẩm hạnh của gia đình Cope đã bị hủy hoại.

Bởi những lý do hiển nhiên, hành động thực hiện phá thai rất nhanh chóng và kín đáo. Một bệnh nhân không có lý do gì để ở lại đó vào mười một giờ đêm. Tất cả các bên sẽ phải hứng chịu những rủi ro đáng kể và không cần thiết, cùng với sự gia tăng gánh nặng về tài chính. Có lẽ có 3 cách giải thích cho sự trì hoãn này:

1. Bệnh viêm phổi của Emily Cope gây cản trở cho cuộc phẫu thuật.
2. Hopkins đang chờ khoản tiền thanh toán.
3. Chủ đích không phải là phá thai.

Với cách giải thích thứ nhất, khám nghiệm tử thi cho thấy hai lá phổi của Emily Cope không hoàn toàn khỏe mạnh, mặc dù Hopkins là bác sĩ duy

nhất nói chúng là nguyên nhân khiến cô ấy ra đi. Nếu thực sự cho rằng bệnh tình của Emily Cope quá nặng để thực hiện phẫu thuật, ông ta phải cân nhắc rủi ro gây chết người của cuộc phẫu thuật này.

Cách giải thích thứ hai cũng hợp lý. Nếu Emily đến mà không báo là cô thiếu tiền, ông sẽ không tiến hành phẫu thuật nếu không được thanh toán chi phí. Mọi cuộc đàm phán phải kín đáo, nên điều này có thể lý giải nguyên nhân Hopkins khẳng định Bayntun chưa từng đến nhà ông. Nếu Hopkins không sẵn lòng tài trợ cho cuộc phẫu thuật, ông sẽ kêu Bayntun đến gặp và yêu cầu George Cope đưa tiền. George không biết chữ, nên ông gặp khó khăn khi giao tiếp bằng văn bản.

Tuy nhiên, theo cách giải thích thứ ba, hành động của Emily Cope cho thấy cô có ý muốn giữ đứa bé. Những chiếc hộp của cô bị bỏ lại ở ga Carmarthen. Chúng rõ ràng được đánh dấu để gửi đến bác sĩ Hopkins. Cô ấy không hề che giấu việc mình đến đây. Một trong hai chiếc hộp đựng quần áo em bé và nếu cô muốn phá thai thì không cần chiếc hộp này. Cô ấy hỏi thăm đường đi đến nhà Hopkins và tại buổi điều tra, tài xế taxi khai nhận đã chở cô đến đó. Cô ấy đeo một chiếc nhẫn cưới và thoải mái xuất hiện ở nhà hát và trong vườn. Cô ấy viết thư cho chị của mình, báo chuyện đứa trẻ đã được sinh ra và cô ấy đã kết hôn. Động thái này của cô ấy xác nhận lời khai của George Cope về việc cô ấy rời đi để kết hôn và lời khai của Bayntun rằng cô ấy đến tìm Hopkins chỉ là để sinh con.

Những bức thư rất quan trọng. Hopkins và con gái ông cho hay Emily Cope mê sảng và họ cũng bác bỏ thông tin cô viết thư gửi cho bất kỳ ai. Nhưng một vài bức thư do một người ở Carmarthen đã viết và gửi chúng được trình lên tòa. Không có lý do gì để nghi ngờ việc Emily Cope tuyên bố sinh con an toàn. Có lẽ, hai cha con nhà Hopkins có ý che đậy chuyện này và cho rằng cô ấy chết tự nhiên. Với tỷ lệ tử vong cao ở trẻ sơ sinh vào thời điểm đó, một người bị đánh thuốc như Emily có thể chấp nhận những gì Hopkins nói và bị ông thuyết phục rời đi mà không có ý kiến gì. Ngoài ra, có tin đồn rằng những đứa trẻ được sinh ra khỏe mạnh nhưng ngoài ý muốn này đã được bí mật bán cho những phụ nữ đã kết hôn nhưng không có con. Sau đó, họ có thể giả vờ xem chúng như con của mình. Hopkins có nhiều bệnh nhân giàu có. Ông ta đặt mua một chiếc quan tài đắt tiền cho Emily, sau đó

phản nản về việc phải chi tiền mua nó sau khi công khai cô đã chết. Hành động công khai đó có thể cản trở bất kỳ người nào muốn mua.

Tất cả những gì mà chúng ta dám chắc là Emily đã sinh con (theo bức thư cô viết, đó là một đứa bé trai) trong ngôi nhà đó và người ta không bao giờ tìm thấy đứa bé. Mặc dù những câu hỏi liên quan đến vấn đề này được đề cập tới trong buổi thẩm vấn, nhưng điều tra viên không thu được kết quả gì.

Hopkins dường như không mấy may mắn tâm tới vụ việc tai tiếng đó, ông vẫn hành nghề y sau khi phiên xét xử kết thúc. Vào ngày 29 tháng Hai năm 1885, ông đi xe lửa từ Carmarthen đến Llanelli, sau đó đi xe bus đến quán rượu Mount Pleasant. Ở đây, ông ngã quỵ xuống và chết. Đây là một chuyến đi thường lệ của ông. Có đủ hồ sơ ghi chép việc ông từng đến quán rượu và cho thấy ông có vẻ là một người nghiện rượu. Tang lễ của ông diễn ra ở Goitrewen và ông được chôn cất trong hầm mộ của gia đình. Mary Jane Hopkins - con gái kiêm quản gia của ông - nói rằng ông mắc bệnh gout và chết tự nhiên. Vợ ông đã qua đời trước đó. Những đứa con trong giá thú của ông tiếp tục sống tại trang trại Goitrewen.

Vậy liệu Mary Jane Hopkins có phải là người thực hiện thủ thuật phá thai cho Emily Cope không? Có nhiều bằng chứng chống lại cô ấy hơn cha cô. Cô thú nhận rằng Emily đến nhà mình trả tiền để nhận hành lý và cô nói dối trong cuộc điều tra về việc chỉ có một hộp đồ. Chính bạn bè của cô đã xác nhận lời khai của cô về việc Cope không có thai. Mary là nữ hộ sinh không có bằng cấp, sau đó bị buộc tội xúi khiến người khác phá thai và bị cảnh sát nghi ngờ có tham gia vào những vụ phá thai khác, trước khi Emily qua đời. Trường hợp này có nghĩa là việc bác sĩ Hopkins trả lời lảng tránh và mâu thuẫn trong cuộc điều tra không phải để che đậy cho sự sơ xuất của bản thân, mà đó là thủ đoạn nhằm chuyển hướng sự chú ý và cứu Mary khỏi án treo cổ. Theo quy ước thời đó, một bác sĩ lớn tuổi và được kính trọng có nhiều khả năng giành được sự thương cảm của bồi thẩm đoàn hơn một phụ nữ là con ngoài giá thú. Chúng ta không biết gì về mẹ của Mary Jane và thậm chí không dám chắc cô có phải là con gái của Hopkins như được tuyên bố hay không. Khi Hopkins công khai thách thức bằng chứng y khoa từ hai đồng nghiệp đáng kính, ông phải chịu trách nhiệm về hành vi lừa dối.

Lời giải thích khả dĩ nhất là họ đã cùng nhau thực hiện chuyện đó. Trước khi tuyên án Mary, tòa án đã xét xử John Rees - chồng cô và cũng là

người bị buộc tội thực, hiện thủ thuật phá thai. Người ta nhanh chóng chứng minh đó là một chiêu trò kiếm tiền và nghi ngờ rằng cô gái được đề cập thực sự đang có thai. Theo cô gái đó, Rees nói rằng người đàn ông lớn tuổi đã chỉ cho anh cách làm chuyện đó. Công tố viên hỏi người đàn ông lớn tuổi ấy là ai, nhưng thẩm phán không chấp nhận câu hỏi. Điều này rõ ràng ám chỉ bác sĩ Hopkins đã tiến hành phá thai, mà John Rees cũng biết chuyện đó. Một trong những công việc của John là đi chào hàng, giống với nghề nghiệp mà bác sĩ Hopkins đã gán cho Charles Hopkins - người đàn ông có vẻ hư cấu mà bác sĩ Hopkins xác nhận đã hướng dẫn việc bàn giao thi thể của Emily Cope.

Được biết John Rees đã làm việc ở West Country và có thể đã từng giúp tìm những người phụ nữ có mong muốn phá thai. Chắc chắn là hắn trở về nên giàu có hơn sau khi kết hôn với Mary. Mặc dù cô không thừa hưởng được bất kỳ thứ gì từ cha mình, nhưng cô có thể tiếp tục trả tiền nhà của ở phố Quay và tiếp tục hành nghề ở Swansea.

Mary bị kết án 10 năm tù. Cô cầu xin sự khoan hồng của luật pháp do cô có một đứa con nhỏ với Rees, nhưng tòa án đã bác bỏ. Vào năm 1895, cô được trả tự do nhưng vẫn sống tách riêng với chồng. Có lẽ lý do bắt nguồn từ lời khai trước tòa rằng hắn yêu cầu bệnh nhân có mong muốn phá thai ngủ với mình. Cô đã bán cho báo chí câu chuyện về tình bạn của cô với một bạn tù tên Florence Maybrick. Trong một phiên tòa nổi tiếng vào năm 1889, Florence bị buộc tội đầu độc James - chồng mình. Nhiều người cho rằng bản án phán xử về tội ngoại tình của cô. Tòa án đã hạ mức án tử hình và khiến cô phải ở trong nhà tù Woking. Ở đó, cô gặp Mary và Mary tin cô vô tội. Một thể kỷ sau, cuốn nhật ký do chính James Maybrick viết xuất hiện và trong đó, hắn thú nhận những vụ giết người của “Jack đồ tể” (Jack the Ripper) là do hắn thực hiện.

Trong khi Mary đang chờ phiên xử vào tháng Mười một năm 1888, “Jack đồ tể” đã sát hại một người phụ nữ tên Mary Jane Kelly. Người ta vẫn không công khai danh tính thực sự của cô, nhưng cô nói với người bạn trai cuối cùng rằng mình từng sống ở xứ Wales, ở Caernarvonshire hoặc Carmarthenshire. John Rees là người duy nhất ở xứ Wales xác nhận chuyện này. Hắn nói cô ấy là con gái của Dennis Kelly - một người đàn ông bán đồ cũ - hay giao du với bác sĩ Hopkins. Cô ấy làm việc cho Rees và người vợ đầu tiên của hắn trước khi chuyển tới Swansea.

Hai trong số những cô con gái của Dennis Kelly sống qua năm 1888 và người còn lại được cho là ở xứ Wales khi Mary Jane Kelly ở London. Danh tính của John Rees cũng không chính xác, nhưng nó lại làm dấy lên một khả năng trên người khác là ngôi nhà ở số 11 phố Quay có liên quan đến những bí mật thậm chí còn đen tối hơn cái chết của một người phụ nữ và đứa con của cô ấy.

BÍ ẨN BÊN TRONG NGÔI NHÀ CỦA KẺ ĂN THỊT NGƯỜI.

Joe Turner

Khi còn nhỏ, Armin Meiwes bị ám ảnh bởi câu chuyện “Hansel và Gretel”.

Trong phiên tòa ảo tưởng của riêng hắn về câu chuyện cổ tích này, hắn thường sắm vai mục phù thủy ăn thịt người, ẩn nấp trong một khu rừng bị lãng quên. Hắn dụ dỗ những vị khách mà hắn tưởng tượng vào nhà và hứa hẹn sẽ cho họ vô vàn kẹo ngọt, bánh mứt. Khác với câu chuyện gốc, kết cục gây “xoắn não” trong phiên bản của Armin luôn là mục phù thủy đạt được khao khát ăn thịt và nhai xương của những vị khách xấu số.

Vào năm 2001, khoảng 35 năm sau khi ảo tưởng đen tối của mình bắt đầu trỗi dậy, Armin Meiwes giết, cắt xẻ và ăn thịt một người đàn ông quen biết trên mạng Internet.

Kỳ lạ thay, người đàn ông tên Bernd Jurgen Brandes - nạn nhân của Armin - biết chính xác những điều khủng khiếp sẽ xảy ra khi y đặt chân vào nhà Armin. Bernd không phải là nạn nhân tự nguyện duy nhất trong ảo tưởng ăn thịt người của Armin, mà y còn đang xoa dịu những hành vi biến thái gây “xoắn não” của chính mình bằng cách như vậy.

Armin Meiwes muốn ăn thịt người và Bernd Brandes muốn bị người ăn thịt.

Vụ án này luôn có sức lôi cuốn đặc biệt đối với tôi. Cả nạn nhân và kẻ sát nhân đều có chung khao khát: chấp nhận và ham mê, nhưng cả hai đều đạt được mục đích của mình theo những cách rất khác nhau. Armin và Bernd sống hai cuộc đời khác nhau, tuy hai người họ bề ngoài nhìn bảnh bao

và chắc chắn, nhưng sâu thẳm trong tim họ lại ẩn giấu những cảm xúc “cầm kỳ”.

Armin rất giống mụ phù thủy trong truyện “Hansel và Gretel”, hắn sống ở một nơi nông dã trong một ngôi làng biệt lập ở Đức. Wuřstefeld là một nơi hẻo lánh của Rotenburg an der Fulda - một thị trấn nhỏ với dân số 14.000 người. Tuy nhiên, Wuřstefeld chỉ có 6 ngôi nhà và một nhà máy nhỏ, tổng cộng có khoảng 30 cư dân.

Cho đến tháng Mười hai năm 2002, Armin là một trong những cư dân ở đây, tới khi cảnh sát biết được hành vi ăn thịt người của hắn và bắt hắn đi.

Armin sống một đời cô độc, không gia đình và rất ít bạn bè. Vì vậy, khi hắn không còn ở đây nữa, không ai yêu cầu quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của hắn.

Kể từ năm 2002, ngôi nhà trong trang trại đổ nát gồm 43 phòng của Armin nằm đâu đó trong vùng thôn quê trống trải của Wuřstefeld và năm tháng trôi qua, ngôi nhà đó dần dần xuống cấp. Vì nhiều lý do chưa rõ, mặc dù ngôi nhà của Armin có quy mô và giá trị siêu khủng, nhưng hội đồng địa phương chưa bao giờ thu giữ tài sản của Armin sau khi hắn chấp hành án tù. Thay vào đó, sự hiện diện đáng ngại của ngôi nhà là lời nhắc nhở đối với một số ít người dân địa phương về hành động đáng sợ đã từng xảy ra bên trong những bức tường đổ nát đó - một lời xác nhận từng gây tiếng vang trong ngôi làng Wuřstefeld.

Vì hứng thú với vụ án này, nên vào cuối năm 2019, tôi đã đi thăm ngôi nhà bỏ hoang của hắn. Do không còn chủ sở hữu nên việc khám phá ngôi nhà không hề phạm pháp, mặc dù người dân địa phương không thực sự khuyến khích chuyện này.

Wuřstefeld không phải một nơi dễ tìm. Bởi nơi này hầu như không phải một khu du lịch, nên biển báo đường bộ không có bản dịch tiếng Anh. Muốn đến ngôi nhà ở Wuřstefeld, phải bắt một chuyến xe lửa từ Frankfurt đến Rotenburg an der Fulda và mất thêm 45 phút lái xe vào sâu trong rừng cây xa xôi hẻo lánh của nước Đức.

Những con phố vắng tanh giữa rừng cây rậm rạp hai bên đường khiến tôi có cảm giác cực kỳ trơ trọi - cũng giống như sự trơ trọi trong lòng Armin Meiwes đã khiến hắn lún sâu vào thế giới ảo tưởng cho đến khi không còn kìm nén những ảo tưởng đó được nữa. Cuối cùng, tôi tìm thấy một biển báo hình vuông biểu thị thành phố *Wuśstefeld* (*Wuśstefeld Stadt*), xa hơn một chút là những ngôi nhà nằm rải rác và cách xa nhau. Ngôi nhà của Armin rất dễ nhận ra, bởi trong nhiều năm nay, trên những tờ báo lá cải, hình ảnh đầy ám ảnh của nó đã được đăng lên cùng với câu chuyện của hắn.

Một cái xích đu bị gỉ sét đến độ cứng ngắt được dựng bên ngoài ngôi nhà. Cách đó vài bước chân, chiếc xe mà lúc trước Armin dùng để chở Bernd về nhà chìm ngấm trong bãi cỏ cao ngang thắt lưng, giờ đây đã được phục hồi về trạng thái ban đầu. Một số chiếc xe bị bỏ hoang khác nằm rải rác xung quanh khu vườn. Một phần máy móc làm vườn bị ăn mòn nằm dưới một bụi cây chết. Một hàng rào nổi mắt xích được gia cố bằng những tấm gỗ và khúc gỗ nặng để ngăn cách ngôi nhà với những ngôi nhà còn lại trong làng - một hành động có lẽ tượng trưng cho nhận thức của Armin về bản thân hắn.

Căn nhà có phần xiêu vẹo, xiên lệch và nằm dọc theo mặt đất gồ ghề, gần giống như một bức vẽ sinh động của con nít. Những cửa sổ bị hỏng và bị bịt kín. Một trong những bức tường bên ngoài có hình graffiti³² bằng sơn đỏ, trên đó viết một câu bằng tiếng Đức mà tôi không dịch được. Một trong những cánh cửa phía sau bị rút khỏi bản lề. Và thế là tôi bước chân vào nhà qua cánh cửa đó.

Armin Meiwes chào đời năm 1961 và là con thứ 3 của bà Waltraud Meiwes. Quá trình trưởng thành của Armin là một cuộc đấu tranh của hai người làm cha mẹ và con cái ngay từ ngày đầu tiên. Cha mẹ hắn thường xuyên cãi nhau. Bà Waltraud thường buộc tội chồng mình có quan hệ tình ái với những người phụ nữ khác. Bà ấy hồng hách, độc đoán và cách giải thoát duy nhất của Armin khỏi mớ hỗn độn này là dành thời gian với hai người anh cùng mẹ khác cha. Tuy nhiên, hai người anh trai này lại lớn tuổi hơn Armin rất nhiều, nên hắn và hai người họ không có nhiều điểm chung với nhau.

32 Theo ostrichmotion.com, graffiti là tranh phun sơn hoặc hình vẽ có kích thước lớn trên tường. Đây được coi là loại hình nghệ thuật đường phố. Hầu hết các quốc gia coi hình thức vẽ tranh khi không được đồng ý là phá hoại tài sản, là một dạng tội phạm cần bị trừng phạt.

Khi Armin 6 tuổi, cha hắn bỏ nhà đi. Không lâu sau đó, hai người anh của hắn cũng bỏ nhà đi và để lại cậu bé Armin một mình cùng với người mẹ độc đoán. Cuộc hôn nhân với cha ruột của Armin là cuộc hôn nhân thất bại thứ hai của bà Waltraud và tâm trạng căng thẳng rõ ràng đã khiến bà bị tổn thương nghiêm trọng. Lúc nào bà cũng mang một vẻ mặt đau khổ và không còn tìm được niềm vui trong những việc từng làm. Ngay cả nụ cười rạng rỡ của đứa con út cũng không đủ phá tan vẻ ngoài lạnh lùng của bà. Bà là một người phụ nữ đau khổ và đã gieo rắc nỗi buồn đó lên người đàn ông duy nhất còn lại trong cuộc đời bà.

Armin từng là một cậu bé sáng dạ, nhưng trong khoảng thời gian đến trường, hắn không hề được đối xử tử tế. Bạn bè trong lớp nhanh chóng “đóng khung” hắn với hình tượng lập dị. Chuyện này chủ yếu xuất phát từ mong muốn của bà Waltraud - muốn hắn mặc quần áo da truyền thống có dây đeo theo phong cách truyền thống của Đức. Hắn có một hoặc hai người bạn, nhưng hắn chỉ nói chuyện với họ trong giờ hạn giờ học. Vào buổi chiều tối, bà Waltraud bắt hắn làm việc nhà cho đến khi hắn được kêu đi ngủ lúc 8 giờ tối. Đôi khi, những cậu bé trong vùng đến gõ cửa nhà để xem Armin có thể ra ngoài chơi hay không, nhưng mẹ hắn lần nào cũng gạt đi mà không thêm suy nghĩ. Sau một thời gian, những cậu bé đó cũng không còn đến thăm hắn nữa.

Tôi đứng ngay cửa phòng ngủ hồi nhỏ của Armin và tìm thứ gì đó mà tôi cũng chẳng biết cho đến khi tôi đến đây. Rất nhiều căn phòng trong ngôi nhà rộng lớn này có tên được khắc trên tấm bảng ở trước mỗi cánh cửa. Một căn phòng có tên “Ánh nắng” (*Sonnenlicht*), một cánh cửa khác có tên “Tiếng vang” (*Nachklang*). Tuy nhiên, tên căn phòng của Armin chỉ đơn giản là “Phòng trẻ con” (*Kinderzimmer*).

Thật không may, nhiều năm trước, một trận hỏa hoạn đã tàn phá ngôi nhà (nguyên nhân vẫn còn là một bí ẩn), nên nhiều mảng tường đã bị ố đen. Mặc dù toàn bộ ngôi nhà rơi vào tình trạng hỗn loạn do các cuộc khám xét của cảnh sát và các nhà thám hiểm đô thị, nhưng căn phòng hồi nhỏ của

Armin vẫn nguyên vẹn những đặc tính y hệt như lúc trước khi hắn bị bắt giữ. Văn phòng phẩm khiêu dâm, những bức vẽ tự chế và những món đồ điện tử hỏng hóc nằm lẫn lóc dưới sàn nhà, trong khi những cuốn tạp chí và những thùng đồ chơi con nít nằm khuất dưới một chiếc giường đơn.

Trong suốt những năm tháng niên thiếu, Armin đã chiến đấu với nỗi cô đơn nhờ có một người bạn do chính hắn tưởng tượng. Hắn gọi người bạn này là “Franky” và cũng là người lắng nghe những bí mật sâu kín nhất của Armin. Mỗi tối khi đi ngủ, Armin kể cho Franky nghe hắn phần khích như thế nào khi không còn phải đến trường, nhớ những người anh trai và cha của mình ra sao.

“Tớ không thích cậu bạn mới ở trường. Hôm nay, cậu ta chọc ghẹo tớ.”

“Mẹ lại không hài lòng với tớ nữa rồi. Tớ quên đi đồ rác.”

Người bạn tưởng tượng này đã tạo điều kiện cho chúng rối loạn tâm thần của Armin trở nên khó hiểu hơn và bệnh hoạn hơn. Armin biết Franky sẽ không bao giờ phản đối hắn và không bao giờ rời xa hắn. Franky là một phần trong Armin theo đúng nghĩa đen. Cũng vào khoảng thời gian đó, Armin bắt đầu lảng vảng ở trang trại của gia đình StuŠcke trong khu vực. Gia đình StuŠcke nuôi và giết mổ gia súc. Cũng chính tại trang trại của gia đình StuŠcke, Armin lần đầu nếm thử mùi vị giết chóc. Kiểu giết mổ này hấp dẫn hắn và từ đó, hắn bắt đầu xem phim kinh dị và nhanh chóng say mê với những ý nghĩ xé thịt thành từng mảnh và moi nội tạng. Tuy nhiên, hành động giết mổ động vật không kích thích ý nghĩ của Armin, mà là hành động giết mổ người, kể đến là ăn thịt những người bị giết. Ý tưởng ăn thịt người khiến hắn có một loại cảm giác thoải mái mà hắn không thể tìm được trong những mối quan hệ vị thành niên khác. Đó là cách hắn giữ một người bên cạnh và khiến họ không thể thoát khỏi hắn.

Nhiều năm trôi qua, sự biến thái gây “xoắn não” này đã nuôi dưỡng trí tưởng tượng của Armin và mức độ nghiêm trọng tăng dần khi những năm tháng niên thiếu của hắn lùi xa. Hắn mơ mộng ăn thịt những người bạn học, dù họ đối xử thân thiện hay khinh khi với hắn. Hắn ăn trộm những con búp bê

ở trường, mang về nhà và cắt chúng thành từng mảnh. Khi mẹ hắn không có mặt, hắn sẽ nướng các chi bị đứt rời của những con búp bê (thú vị thay, tôi tìm thấy hai con búp bê bị hỏng nằm rải rác xung quanh nhà của hắn). Thỉnh thoảng, hắn làm những chiếc dương vật bằng bánh hạnh nhân và cắn đứt đầu chúng. Hắn sẽ lấy thịt và tương cà chua ra khỏi tủ lạnh, phủ chúng lên người mình và giả vờ là một cái xác bị cắt xẻo.

Khi đến cuối tuổi thanh niên, Armin bắt đầu kết hợp những khao khát ăn thịt người với thỏa mãn tình dục. Trong khi đó, bà Waltraud Meiwes lại không biết con trai mình đang dần trở thành một con quái vật.

Khi cuộc sống biết tuân lệnh của Armin giúp hắn sống rất tốt trong quân đội Đức. Hắn phục vụ ở đó 12 năm sau khi học xong Trung học phổ thông. Không lấy gì làm ngạc nhiên khi vào thời điểm này, Armin bối rối trước tình dục của mình. Bản thân hắn thậm chí còn không chắc chắn hắn dị tính hay đồng tính, mặc dù bản năng của hắn nói cho hắn biết rằng mình thuộc trường hợp sau. Vậy thì hắn càng có thêm lý do để giữ kín bí mật về hoạt động tình dục của mình khỏi những người đồng đội.

Trong khi những sĩ quan khác giới thiệu vợ và bạn gái của mình trong những buổi tiệc quân đội và những sự kiện xã giao, Armin lúc nào cũng chỉ đưa mẹ đến. Hắn thỉnh thoảng hẹn hò với phụ nữ, hầu như là để giữ hình tượng và mẹ hắn cũng thường đi theo.

Các cộng sự trong quân đội của hắn chế nhạo hắn bất cứ khi nào có thể về mối quan hệ bất thường của hắn với mẹ, đặc biệt là khi Armin đã ngoài 30 tuổi, nhưng Armin không bận tâm. Với hắn, điều đó là hoàn toàn bình thường.

Hắn xuất ngũ vào năm 1991 và quay về ngôi nhà trong trang trại. Hắn thực sự bắt đầu lại cuộc sống của mình từ nơi hắn đã rời đi năm 18 tuổi. Armin làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại thành phố Kassel gần đó. Ở đây, hắn rèn giũa những kỹ năng kỹ thuật và lập trình tới trình độ cao. Hắn kiếm tiền giỏi và có thể đi du lịch khắp đất nước, nhưng vẫn trở về nhà với mẹ hằng đêm. Cùng năm, Waltraud Meiwes qua đời ở tuổi 77 và lần đầu tiên trong cuộc đời mình, Armin thực sự cô đơn.

Giống vụ án Nga quý Ed Gein ở Wincosin xảy ra trước đó, Armin đã làm những gì có thể để lưu giữ ký ức của mẹ mình. Trong nhiều năm, mỗi khi

đêm đến, hắn sẽ mặc quần áo của bà và đóng giả kiểu cách của bà, lau chùi đồ trang trí và ủi quần áo của bà. Hắn rời khỏi phòng của bà y như khi bà qua đời vào đêm đó.

Tôi cũng đứng trong căn phòng đó, nhưng nó không còn là một nơi “linh thiêng” như đã từng. Một tấm nệm bẩn trải trên sàn nhà ọp ẹp và một hình nộm đặc biệt rùng rợn được đặt bên dưới cửa sổ đang mở của căn phòng. Phong cách trang trí thời Victoria đã từng hiện diện trong toàn bộ ngôi nhà vẫn còn nguyên vẹn một cách hoàn hảo, như thể căn phòng là một chiếc hộp thời gian của một thế kỷ trước.

Mẹ hắn giờ đây đã ra đi, nên hắn cảm thấy một chân trời tự do đang mở ra trước mắt. Hắn có thể khám phá những khao khát cấm kỵ mà không cần lo lắng về việc che giấu bằng chứng. Hắn bắt đầu sưu tầm các cuốn sách về những kẻ ăn thịt người nổi tiếng nhất trong lịch sử như Jeffrey Dahmer, Fritz Haarmann, Albert Fish và Ed Gein. Hắn sưu tầm những bức ảnh về hiện trường gây án được cắt từ tạp chí và thưởng thức những hình ảnh bộ phận cơ thể bị cắt xẻo trong tưởng tượng.

Khao khát được nếm thử thịt người lắt léo tâm trí hắn hơn bao giờ hết, đến nỗi hắn không thể chế ngự được.

Ngôi nhà của hắn bắt đầu rơi vào tình trạng hư hỏng. Armin chỉ sử dụng một số ít phòng trong ngôi nhà rộng lớn, để lại những căn phòng còn lại bám đầy bụi và mục nát. Chưa đầy một năm sau khi mẹ hắn qua đời, Armin đã tự cô lập bản thân với bạn bè và đồng nghiệp. Thay vào đó, hắn tìm kiếm niềm an ủi trong những góc tối của Internet. Hết đêm này đến đêm khác, hắn dùng biệt danh Franky - người bạn tưởng tượng hồi nhỏ, giờ đây đã được hắn gọi lại - để lướt qua những phòng chat Yahoo. Hắn phát hiện một loạt những diễn đàn ăn thịt người và phần khởi khi biết rằng những người khác và hắn cũng có chung khát khao ăn thịt người. Những kẻ ăn thịt người chưa sành sỏi trao đổi công thức và bí quyết làm sao để bảo quản và sơ chế thịt để ăn. Armin thảo luận những tưởng tượng của mình rất chi tiết và thường sắm vai diễn với một người bạn ẩn danh trong không gian mạng.

Với những người khác, đây chẳng qua chỉ là ảo tưởng, nhưng với Armin, tất cả đều là thật.

Tôi là Franky, đến từ Đức và tôi tìm một chàng trai trẻ, độ tuổi từ 18-30. Nếu bạn có một cơ thể cân đối thì bạn hãy đến gặp tôi. Tôi sẽ giết và ăn xác thịt gọi cảm của bạn. [trích nguyên văn]

Đây là bài quảng cáo đầu tiên của Armin. Hắn nhận được một số phản hồi, nhưng cảm thấy không có ai phù hợp. Sau khi trau dồi kỹ năng tiếng Anh, hắn đăng bài nhiều hơn.

Tìm kiếm một người đàn ông trẻ, cường tráng và muốn được tôi ăn thịt. Mong muốn có hình ảnh chi tiết.

Tìm kiếm một người đàn ông cường tráng, tuổi từ 18-30, để giết thịt.

Từ tháng Ba đến tháng Tư năm 2000, Armin nhận được tổng cộng 400 phản hồi từ nhiều bài quảng cáo của hắn. Hắn thậm chí cũng lặn lội ngược xuôi nước Đức để gặp mặt những “con thiêu thân” sắp tới. Tuy nhiên, tất cả bọn họ chỉ là những người thích ảo tưởng, chứ không có ý định thực sự trải nghiệm chuyện này.

Mặt khác, Armin chuẩn bị chu toàn từ A đến Z.

Căn phòng tiếp theo mà tôi bước chân vào là “Tổ chim yến” (*Schwallbennest*). Mặc dù căn phòng có cái tên thật dễ thương, nhưng Armin dành nơi này để giết thịt. Trong căn phòng này từng có một cái lồng được cố định vào tường, kế bên là một cái bàn gỗ lớn với đầy đủ hệ thống chạy ròng rọc. Những cái móc thịt treo trên tường và phía dưới chúng là một máng rút máu từ xác thịt. Bây giờ, tất cả những thứ còn lại là những mảng tường hóa thành than và đồ đạc hỏng hóc, dụng cụ giết thịt rất có thể ở đâu đó trong một căn hầm chướng khí.

Armin đưa một vài nạn nhân tiềm năng vào căn phòng này, nhưng tất cả đều nuốt lời vì lý do này hoặc lý do khác. Một quý ông tên Matteo muốn bị hành hạ và nướng sống, nhưng ông đã ngừng trả lời tin nhắn của Armin sau vài tuần lên kế hoạch. Andreas muốn bị “giết như một con heo” và muốn

bị thiến bằng súng phun lửa, nhưng anh này đã về nhà sau khi uống say mềm. Chuyện về người đàn ông JoSrg có vẻ đầy hứa hẹn, cho đến khi JoSrg nhận ra Armin nghiêm túc muốn ăn thịt anh. Hắn bọc anh trong miếng nilon và đánh dấu những phần trên cơ thể anh để quyết định xem nên cắt thịt chỗ nào. Lúc bị treo lơ lửng trên bàn giết mổ của Armin, anh yêu cầu được thả và Armin đã đồng ý.

Armin trở nên mệt mỏi với những kẻ thích ảo tưởng và làm mất thì giờ của hắn. Liệu hắn có phải là người duy nhất ngoài đó mong muốn những thứ có thật?

Nhưng sau đó, cuộc đời Armin mãi mãi thay đổi, khi hắn nhận được một tin nhắn từ một người dùng tên CATOR99 trên diễn đàn chat.

“Tôi đang hiến thân mình cho anh và tôi sẽ để anh thưởng thức cơ thể sống của tôi. Không phải giết mổ mà là thưởng thức! Bất kỳ ai THỰC SỰ muốn giết một sẽ cần một NẠN NHÂN THỰC SỰ!! Vậy thì hãy giết một một con heo đi.”

Bernd Brandes (42 tuổi) là một kỹ sư sống ở Berlin. Y là một người giàu có và học thức, nhưng cũng giống Armin, y bị rối loạn nghiêm trọng từ nhỏ. Mẹ của Bernd tự sát khi y 5 tuổi và sự kiện này khiến y sống khép kín, thu mình trong những mối quan hệ xã hội xã giao. Suốt quãng thời gian học đại học và đến khi trưởng thành, y vẫn sống rất nội tâm.

Những mối quan hệ trong cuộc sống của Bernd không mấy tốt đẹp. Y dành hơn 30 năm tìm kiếm “chân mệnh thiên nữ” trước khi nhận ra rằng mình thích đàn ông hơn. Vào lúc y liên lạc với Armin, y đang trải qua mối tình lâu năm với Rene, nhưng Bernd có một khao khát tự hủy hoại sâu sắc mà Rene không thể đáp ứng được.

Mặc dù ít nhất là bề ngoài, y rất vui vẻ kết đôi với Rene, nhưng Bernd thường xuyên cùng trai bao quan hệ. Có những lúc cực kỳ ham mê nhục dục, Bernd thường sử dụng dịch vụ này đến 3 lần/ngày. Công việc kỹ sư giúp y kiếm được khá nhiều, nên tiền không phải là vấn đề với y. Nhưng mỗi lần những tên trai bao này giúp đỡ y về mặt kỹ năng, Bernd lại cố ý để mặc chuyện đó khiến bản thân chẳng còn chút lòng tự trọng nào.

Bernd thường gọi 2 trai bao Immanuel và Victor nhất. Bernd cảm thấy thoải mái bởi họ làm việc cho hai công ty khác nhau, nên những yêu cầu tình dục của y đối với họ càng ngày càng phiền nhiễu.

Trong suốt một buổi quan hệ tình dục thử nghiệm đặc biệt, Bernd cầu xin Immanuel cắn đứt dương vật của y. Chàng thanh niên Immanuel (22 tuổi) cho rằng Bernd chỉ đơn giản là trong một lúc bị rối loạn và khi tâm trí quá hưng phấn, y nói lên hành động cực đoan nhất. Thế nhưng trong lần tiếp theo, Bernd mang theo một con dao mổ sáng loáng, sắc như dao cạo và cầu xin Immanuel thiến khi cả hai đang làm tình. Immanuel nhận ra đây không còn là đóng kịch nữa. Bernd vô cùng nghiêm túc.

Immanuel từ chối, nên Bernd yêu cầu Victor điều tương tự. Bernd thậm chí còn cho Victor 10.000 đồng Mác Đức (khoảng 6.000 USD Mỹ) và quyền sở hữu chiếc xe của mình để thực hiện yêu cầu trên, nhưng Victor cũng từ chối.

Nhưng vào tháng Hai năm 2002, Bernd thấy bài quảng cáo của Armin. Mặc dù tuổi của Bernd đã “quá lứa lỡ thì” so với độ tuổi mà Armin muốn, nhưng y vẫn tự nguyện hiến dâng thân mình.

Armin nhanh chóng trả lời tin nhắn của Bernd và cảm nhận sự thật lòng và tuyệt vọng ở người dùng ẩn danh này. Một thái độ hợp lý với phần hồi đáp của người này và cũng giống với sự hợp lý trong tin nhắn của Armin.

Trong nhiều giờ tiếp theo, cả hai nhắn tin cho nhau liên tục và nhanh chóng. Bernd đã nói rõ khao khát của y: y muốn bị thiến, bị ăn thịt và hoàn toàn biến mất khỏi thế gian. Đối với Armin, điều đó hoàn toàn ổn.

Cả hai trao đổi hình ảnh của đối phương, thân hình của Bernd và răng của Armin.

Bernd nói, “Tôi đã muốn bị giết và ăn thịt từ hồi còn nhỏ. Tôi không còn đường lui, chỉ có thể đi tiếp, qua hàm răng của anh.”

Đúng là một cặp đôi hoàn hảo. Sau 3 tuần thảo luận, cả hai sắp xếp gặp mặt vào thứ Sáu, ngày mùng 9 tháng Ba năm 2001, tại ga xe lửa Kassel. Armin thậm chí còn kêu Bernd ký vào “thỏa thuận tự nguyện” để chính thức tuyên bố y sẽ không lo sợ đến mức bỏ của chạy lấy người vào phút chót.

Bernd xóa hết lịch sử Internet để che giấu những lần truy cập vào trang web về ăn thịt người. Y xóa ổ cứng máy tính để loại bỏ tất cả thư từ của y với Armin. Y đã chuẩn bị một bản di chúc và giấu nó trong ngăn kéo, để cuối cùng bạn trai y sẽ tìm thấy nó, nhưng không phải là ngay bây giờ.

Y nhìn bạn trai vẫn đang ngủ yên lần cuối, đi ra khỏi căn hộ sang trọng và không bao giờ quay lại. Y đi về hướng ga xe lửa Berlin. Cũng ở nơi đó, y đã từng đón những tên trai bao thường cùng mình giao du, nhưng lần này thì không phải. Bernd mua một vé tàu đến ga Kassel.

Y nói với người bán vé: “Vui lòng bán cho tôi tấm vé một chiều. Tôi không chắc mình sẽ quay lại.”

Theo những chỉ dẫn mà Bernd đọc trên nhiều diễn đàn khác nhau về ăn thịt người, y đã nhai nuốt trong 48 tiếng qua, trừ uống nước để đào thải độc tố ra khỏi cơ thể. Điều này được cho là sẽ giúp kẻ ăn thịt người có trải nghiệm dễ chịu hơn.

Cùng lúc đó, ở Rotenburg, Armin đang mua khoai tây, rau củ và rượu vang đỏ phù hợp với “đặc sản” cho bữa tối. Sau đó, hắn kiên nhẫn chờ đợi ở ga xe lửa Kassel và vượt qua nỗi sợ hãi trào dâng rằng Bernd sẽ bỏ rơi hắn như tất cả những người khác. Armin nhìn các gia đình và những người yêu ôm hôn nhau, còn hắn thì tuyệt vọng lia mắt khắp khu vực để tìm kiếm bóng dáng Bernd.

Hắn ngay lập tức nhận ra y, do hắn đã không ngừng nhìn chăm chú vào bức ảnh khóa thân của y trong nhiều tuần qua.

Trong lòng Armin trào dâng sự nhẹ nhõm. Hắn ngạc nhiên trước vóc dáng ấn tượng của Bernd, mặc dù y không phải là kiểu người bình thường mà Armin thích. Cả hai lên xe và bắt đầu cuộc hành trình về nhà của Armin. Trên đường đi, họ dừng lại ở một cửa hàng, mua thuốc ho và rượu schnapps theo yêu cầu của Bernd.

Bernd nói, “Tôi cần lượng thuốc đủ để tôi ngủ mê man và ngăn cơn đau lại. Tôi muốn mọi chuyện trôi qua mà không phải chịu sự thống khổ nào.”

Armin đảm bảo với Bernd rằng mọi thứ sẽ xảy ra đúng như tính toán.

Bernd tiếp tục nói, “Tôi đã dọn dẹp ổ cứng như lời anh nói và xin nghỉ một ngày. Không một ai biết tôi ở đây. Hi vọng không ai biết và tôi sẽ biến

mất như chưa từng tồn tại trên đời.”

Armin đáp, “Bằng cách này, anh sẽ chết êm đẹp thôi. Chúng ta sẽ hoàn thành mục tiêu chung. Anh sẽ luôn bên cạnh tôi. Anh có thể trở thành một phần của tôi. Nhưng hãy nói cho tôi biết tại sao anh lại muốn làm vậy. Tôi muốn đảm bảo anh sẵn sàng trải qua tất cả những chuyện này.”

Đối với Armin, sự bằng lòng là điều quan trọng nhất. Chuyện này không chỉ đơn thuần là tìm một nạn nhân. Hắn đã có rất nhiều cơ hội để chế ngự những ứng viên tiềm năng khác nhau khi họ đến nhà hắn, nhưng hắn đã thả họ đi khi họ rút lại lời đồng ý trước đó. Đối với Armin, hành động ăn thịt người cốt để có một mối liên kết sâu sắc, vĩnh cửu với bất kỳ nạn nhân nào của hắn. Hắn sẽ mang theo bản chất của họ bên mình trong suốt phần đời còn lại. Với trách nhiệm như vậy, họ phải cực kỳ sẵn sàng.

Bernd trả lời, “Tôi muốn tự hủy hoại bản thân, biến mất khỏi hành tinh này. Tôi ghét bản thân. Tôi khinh thường tính dục của mình và chuyện lúc nào tôi cũng muốn quan hệ. Tôi chỉ là một cục thịt và đồng xương vô dụng. Thế giới này không còn chỗ nào cho tôi.”

Không lâu sau, họ đến nhà Armin. Sự đơn độc của Wuřstefeld là thế giới tách biệt với những con phố nhộn nhịp của Berlin. Bernd nhận định đó là nơi hoàn hảo để chết. Khi đến nơi, y nhận xét về phong cách trang trí lạc hậu của ngôi nhà, nhưng Armin phản ứng tự vệ.

“Ừ, mẹ tôi thích phong cách này và sau khi bà chết, tôi không muốn thay đổi gì cả.”

Armin vào bếp và pha cà phê, trong khi Bernd ngồi ở bàn ăn. Hắn gần như không tin người đàn ông ngồi trước mặt mình sẵn sàng hi sinh bản thân để thỏa mãn ảo tưởng mà hắn đã che giấu trong suốt 30 năm qua. Với sự đồng ý của Bernd, hắn đặt một máy quay video trên giá đỡ ba chân để ghi hình lại toàn bộ cuộc gặp mặt.

Armin cất giọng, “Tôi muốn hỏi liệu anh có chắc chắn muốn tiếp tục chuyện này? Vẫn chưa muộn để thay đổi quyết định đâu.”

Bernd đáp, “Này, tôi đã hứa với anh và tôi cho phép anh giết tôi, nếu đó là điều anh cần. Nhớ lấy, tôi là Cator của anh, là xác thịt của anh. Bây

giờ, uống cà phê đi kéo nguội. Chúng ta còn một đêm dài phía trước.”

Bên dưới những cái móc thịt trong phòng giết mổ, hai người đàn ông làm tình với nhau trên một chiếc giường ọp ọp bằng sắt. Căn phòng không có lỗ thông gió, nên không khí luôn ẩm thấp và hôi hám.

Khi cảm thấy đã đến lúc, Bernd yêu cầu Armin, cũng tương tự như yêu cầu với Immanuel và Victor. Armin vì không muốn làm Bernd thất vọng, nên hắn đã cố gắng hết sức để hoàn thành mong muốn của Bernd, nhưng điều đó đã không xảy ra.

Armin rụt miệng lại. Hắn không thể làm chuyện đó.

Trò chơi kết thúc.

Bernd thở dài thường thượt. Mọi dấu hiệu hứng thú trong cơ thể y tan biến. Y hỏi, “Anh sẽ không làm chuyện đó, phải không?”

Armin gật đầu. Hắn nhìn thấy sự thất vọng tràn trề trên khuôn mặt của Bernd. Cả hai người bọn họ sắp đến cỏi niết bàn, nhưng lại mắc kẹt ở chuồng ngai cuối cùng. Bernd nói với Armin rằng hắn không đủ dũng mãnh để hoàn thành chuyện này. Armin cho rằng chuyện này có thể nếu Bernd ngất đi. Bernd uống hết một chai si rô ho, dù vậy y vẫn không ngất đi. Trái lại, y cảm thấy tỉnh táo hơn cả ngày hôm nay.

Bernd nói, “Làm ơn, đưa tôi quay lại ga xe lửa. Tôi muốn về Berlin.”

Armin đồng ý. Chuyến đi diễn ra trong bầu không khí im ắng và căng thẳng, bởi cả hai người đàn ông đều suy ngẫm về thất bại của họ. Khi đến ga Kassel, Armin đánh liều thuyết phục Bernd cho hắn thêm một cơ hội. Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng và chỉ hai phút trước khi chuyến xe lửa của Bernd đến, họ quyết định thử lại thêm một lần nữa.

Họ vội vã quay về ngôi nhà của Armin vào đầu giờ tối. Chỉ trong vài giờ nữa, bạn trai của Bernd sẽ báo với cảnh sát Berlin rằng y đã mất tích, nhưng Bernd háo hức với ý nghĩ không bao lâu nữa, y sẽ không còn trên cõi đời này, nên không cần lo lắng về hậu quả.

Armin và Bernd quay trở lại căn phòng giết mổ sau khi Bernd uống một gói thuốc ngủ và nửa chai rượu. Y cảm thấy nhẹ nhõm khi cơn chóng

mặt áp đến và cầu nguyện rằng y vẫn đủ tỉnh táo để chứng kiến cơ quan sinh dục của mình bị đứt rời.

Với máy quay ghi lại toàn bộ sự việc, cuối cùng Armin cũng thực hiện được lời hứa của hắn. Một lần nữa, hắn vẫn không thể dùng răng để hoàn thành chuyện này, nên hắn đến nhà bếp để lấy một con dao chặt thịt và thót cắt bánh mì. Quay về căn phòng giết mổ, Armin dùng sức chặt xuống. Bernd không kháng cự một chút nào.

Mọi nỗi đau của Bernd chấm dứt khi hành động đó hoàn tất. Hai người đàn ông nhìn xuống “thành quả” nghiệp dư này, Armin trông miễn cưỡng, nhưng Bernd cảm giác được giải phóng tột độ. Y đã trải nghiệm một cảm giác cực kỳ hưng phấn mà y tìm kiếm trong suốt cuộc đời mình.

Vết thương của Bernd được quấn trong một đồng băng gạc. Y ngồi xuống và bình tĩnh lại. Máu chảy ra, nhưng không hiểu vì sao y vẫn duy trì được sự tỉnh táo.

Bernd gợi ý hai người sẽ ăn phần cơ quan bị cắt rời đó. Armin đồng ý, hắn cố gắng chiên nó nhưng không thành công như mong muốn. Tuy nhiên, điều đó đối với Bernd không còn quan trọng, bởi cuối cùng y đã đạt được thứ y muốn. Không còn đường lui nữa rồi.

Bàn ăn mà hai người đàn ông từng dùng bữa bây giờ nằm lộn ngược dựa vào tường. Rất khó phân biệt phòng khách bắt đầu ở đâu và kết thúc ở đâu, bởi toàn bộ khu vực tầng dưới bị những kẻ phá hoại, những người thám hiểm và thiên tai tàn phá đến nỗi không thể nhận ra. Một đồng tạp chí đời trụy nằm bên cạnh. Ở góc phía xa, một chiếc dương cầm nằm đó như báo hiệu điềm chẳng lành.

Quay trở lại tầng trên, tôi đến xem một căn phòng mà có lẽ thu hút nhiều khách tham quan nhất khi họ đến địa điểm ám ảnh này - cuộc đời của Bernd Brandes kết thúc đầy đau khổ tại chính căn phòng này.

Toàn bộ phòng tắm nhỏ hẹp lát gạch màu xanh dương giờ đây chỉ là một khung cảnh gỉ sét. Chiếc bồn tắm đã ngả sang một màu nâu khiến người ta buồn nôn, với những mảng tường bóng tróc từ hai bên. Cửa sổ hình chữ

nhật - chính là cửa sổ mà Bernd đã nhìn chăm chăm khi y chết - giờ chỉ còn một vài mảnh kính lớn chồm sọt lại trên khung cửa.

Tình trạng mất máu của Bernd bắt đầu có chiều hướng xấu đi, nên Armin dìu Bernd lên tầng trên, đến phòng tắm. Hắn đỡ Bernd vào bồn và vặn vòi nước ấm. Nước trong bồn nhanh chóng chuyển thành màu đỏ thẫm. Bernd nhắm mắt lại và nằm trong trạng thái hạnh phúc không tên, giữa sung sướng và không còn hơi sức. Cả hai đều biết Bernd cách cái chết không còn xa và thậm chí vậy, khuôn mặt Bernd vẫn nở một nụ cười. Armin ngồi bên cạnh y, chờ đợi người đàn ông này lìa đời.

Bernd nói, “Tôi không muốn thân thể tôi còn sót lại trên còi đời này, tôi muốn bị tiêu hủy hoàn toàn.”

Trong vài giờ tiếp theo, Bernd hết mê man rồi tỉnh táo. Armin đưa y đến phòng ngủ, hắn nghĩ nó gần *phòng giết mổ hơn*. Cứ mỗi 30 phút, hắn trở lại phòng để kiểm tra Bernd. Sau tám tiếng với mười sáu lần kiểm tra, Armin trở nên thất vọng vì thực tế là Bernd vẫn chưa chết. Đồng hồ điểm 3 giờ 30 phút sáng trước khi Bernd bất tỉnh lần cuối, nhưng ngực của y vẫn còn chuyển động lên xuống. Giết người chính là chuyện mà Armin sợ nhất.

Hắn không hề muốn giết người, hắn chỉ muốn cắt xẻo thịt người. Hắn cầu nguyện Bernd sẽ chết theo ý của y, nhưng 9 tiếng trôi qua mà y vẫn chưa chết. Armin đành phải tự mình xuống tay.

Hắn cắt cổ Bernd bằng một con dao chặt thịt sắc bén, kết liễu mạng sống của y.

Một luồng sức mạnh dữ dội tràn ngập trong cơ thể Armin, nhưng nó không tồn tại lâu. Hắn vật lộn với hàng loạt cảm xúc: tội lỗi, ghét bỏ bản thân, hối hận, kinh hoàng. Nhân danh thỏa mãn tình dục, hắn đã phạm tội giết người. Hắn là nô lệ cho những ham muốn của mình, không khác gì Jeffrey Dahmer hoặc Albert Fish.

Nhưng với thi thể của Bernd nằm bên cạnh, Armin không quan tâm đến hậu quả. Mọi chuyện đều xứng đáng.

Armin dành nguyên cả ngày hôm sau để chia nhỏ xác Bernd. Việc hắn dành tất cả những đêm dài để lướt các trang web về ăn thịt người và tìm hiểu cách cắt xẻo cơ thể con người sao cho hiệu quả cuối cùng đã trở nên hữu ích. Khi cắt xẻo cái xác xong xuôi, hắn bảo quản chúng trong tủ đông.

Sau đó, hắn xem đoạn băng quay lại khoảng thời gian của hắn với Bernd ở bên nhau để hồi tưởng lại những sự kiện của ngày hôm trước. Hắn cảm thấy rất phần khích, không nói nên lời khi thấy mình tham gia vào công cuộc tàn sát này. Sau đó, hắn khẳng định rằng việc xem lại đoạn phim thậm chí còn thú vị hơn lúc thực hiện những hành động trong đó.

Nguồn thịt người của Armin hết dần trong vài tháng tới, vì hàng tuần hắn đều ăn những miếng thịt của Bernd. Hắn thậm chí còn bắt tay vào nghiền thịt để làm thịt viên.

Hắn không đoán được chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Armin cũng giống như những kẻ giết người nhằm thỏa mãn dục vọng, hắn bắt đầu có sở thích kì lạ, đó là đăng bài quảng cáo để tìm nạn nhân tiếp theo.

Cũng như trước đây, hắn trò chuyện và hẹn gặp những người thích tưởng tượng, nhưng hắn không tìm được ai tự nguyện như Bernd để thực hiện chuyện đó. Armin bắt đầu khoe khoang thành tích trên phòng chat trực tuyến và hắn cũng đăng bài quảng cáo trên đây. Hầu như tất cả những người đăng bài viết trên những trang web về ăn thịt người mà hắn thường xuyên lui tới chỉ là những người đóng kịch, nhưng Armin bây giờ lại là một kẻ ăn thịt người “hàng thật giá thật”. Hắn đăng những chiến tích của mình, nhưng nhiều thành viên trên diễn đàn không tin câu chuyện của hắn là có thật. Để chứng minh họ đã sai, Armin phải đăng những bức hình thể hiện chiến tích. Đối với nhiều người có kiến thức rộng lớn về hoạt động bên trong máy tính và phương tiện truyền thông trực tuyến, họ cho rằng sự liều lĩnh của hắn nhằm chứng minh giá trị của mình đã vượt xa bất kì nỗi sợ hậu quả nào. Những bức hình được cắt ra từ đoạn phim video mà hắn đã quay. Trong đó, có bức hình cho thấy Armin đang cầm con dao bếp trong khi chặt cánh tay của Bernd thành từng khúc (bức hình này vẫn có thể tìm thấy trên mạng), một bức hình chụp bàn chân đứt lìa của Bernd và một bức hình toàn thân nhưng không đầu của Bernd. Hành động đăng tải công khai ba tấm hình là một bước đi táo bạo và liều lĩnh, đồng thời nó dẫn đến ngày tàn của Armin.

Vào ngày mùng 9 tháng Bảy năm 2001, Armin nhận được tin nhắn từ một sinh viên ở Áo. Người này nói rằng quảng cáo tìm kiếm một người để giết thịt của hắn đã lôi kéo anh chàng. Armin trả lời tin nhắn rất nhiệt tình.

Nhưng anh chàng sinh viên này không thật thà và cũng không phải là người thích tưởng tượng. Anh chàng này là sinh viên ngành y tìm kiếm trang web về ăn thịt người bởi sự tò mò bệnh hoạn (hiện tượng tâm lý “morbid curiosity”³³). Anh ta bắt đầu lo ngại về tuyên bố của Armin rằng hắn đã giết và ăn thịt một con người. Vì vậy, anh ta cố gắng khiêu khích để hắn tiết lộ thêm nhiều chi tiết hơn. Ban đầu, anh ta nghĩ Armin đang nói đùa. Nhưng càng trao đổi nhiều tin nhắn, anh ta càng chắc chắn “Franky” thực sự đã làm đúng theo những gì hắn đã kể.

³³ Theo genk.vn, hiện tượng tâm lý “Morbid curiosity” là một khía cạnh của sự tò mò, tập trung vào các đối tượng liên quan đến bạo lực, cái chết hoặc bất kì sự kiện nào có khả năng gây tổn hại đến thể chất hoặc tinh thần.

Ngay trước dịp Giáng sinh năm 2002, Arminn nghe tiếng gõ cửa nhà mình. Hắn mở cửa và thấy vài sĩ quan cảnh sát nhìn mình chằm chằm. Hắn biết là đời mình tiêu tùng rồi.

Trong máy tính của Armin, cảnh sát tìm thấy 3.842 bức ảnh, bao gồm những bức hình tra tấn, cắt xẻo và có nội dung khiêu dâm cực đoan.

Họ tìm thấy hàng đồng băng video khiêu dâm, trong số đó có nhiều băng video mang bản chất là bạo dâm.

Những tin nhắn trao đổi qua thư điện tử với Bernd Brandes vẫn còn đó, cùng với những bài đăng trên nhiều trang web khác nhau về thái độ tôn sùng việc ăn thịt người.

Họ tìm thấy những cái móc treo thịt, bàn giết mổ, cái lồng và cái máng rút nước.

Trong tủ đông cỡ lớn của Armin, vẫn còn một số phần thi thể của Bernd được bọc trong nilon.

Nhưng thứ đáng nguyền rủa nhất là cuộn băng.

Cuối cùng, Armin gần như vỡ òa cảm xúc khi hắn có thể tiết lộ những chi tiết thân mật trong khoảng thời gian hắn ở cùng Bernd. Theo lời khuyên của luật sư bào chữa, Armin đã tiết lộ mọi chi tiết cho cơ quan thực thi pháp luật, từ những lá thư điện tử mà hắn trao đổi với Bernd, đến hình dạng những vật mà hắn sử dụng để treo Bernd và rút máu của y. Hắn nhấn mạnh rằng Bernd *muốn* chết và hắn chỉ đơn giản là thực hiện yêu cầu của y. Tội khiến người ta chết êm ái sẽ có bản án với thời hạn ngắn hơn nhiều so với tội giết người hoặc ngộ sát.

Tuy nhiên, lời mà hắn nói không thuyết phục được tòa án. Armin không chỉ được cho là sẵn sàng hầu tòa từ góc độ tâm lý, mà hắn còn bị phát hiện là đã hành động chỉ vì lợi ích của mình. Hắn không tỏ ra lo lắng về những hậu quả có thể xảy ra với những người thân cận của Bernd sau khi giết y.

Nhóm luật sư công tố nhanh chóng chỉ ra rằng Armin đâm con dao vào cổ Bernd, y vẫn còn sống và nếu Armin gọi xe cấp cứu, y có thể không chết.

Sau đó, hắn bị cáo buộc tội ngộ sát và nhận bản án tù 8 năm. Nhưng vào năm 2006, vụ án được lật lại và Armin bị buộc tội giết người với lý do tội ác của hắn mang bản chất là tình dục. Hắn đã bị kết án chung thân trong tù và vẫn còn ở đó cho đến ngày nay.

Khi tôi bước ra khỏi căn nhà kỳ quái này, món đồ cuối cùng tôi bắt gặp là chiếc tủ đông lớn. Ở trong đó, Armin giấu và trữ những phần thi thể của Bernd. Tôi biết được điều này là do một cánh cửa bị hỏng hướng ra sân trước, gần như chính nó đang cố gắng chạy khỏi ngôi nhà và tự mình tẩy sạch những nỗi kinh hoàng đã phải chịu đựng. Tôi tự hỏi bản thân một nơi bình dị như thế này đã gây ra chứng rối loạn tâm thần của Armin đến mức nào. Cuộc sống ở Wuśstefeld yên ắng và tĩnh lặng. Chỉ đến khi ra khỏi đó, tôi mới nhận ra âm thanh duy nhất mà mình nghe thấy trong 90 phút qua là tiếng bước chân của bản thân. Không có phương tiện giao thông qua lại, không có những người hàng xóm trò chuyện với nhau, ngay cả động vật hoang dã trên ngọn cây đường như cũng không tồn tại.

Tôi rời khỏi căn nhà của kẻ ăn thịt người, bởi tôi cảm thấy nó lộn xộn, hỗn loạn và hòa cùng bản chất bị kịch. Hiện tại, Armin Meiwes đang ở JVA Kassel I - một nhà tù cách đây chỉ 50km - và nhận thấy rõ sự cô độc vô tận khi bị giam giữ. Hắn gần như không biết câu chuyện quái dị của mình đã trở thành một yếu tố quan trọng và độc nhất trong biên niên sử về tội ác có thật.

KẺ VÔ DANH Ở VÙNG VAN DIEMEN

Stephen Wade

Tôi đến nơi này với tâm thế khách du lịch, chứ không phải một nhà văn viết về chủ đề tội ác có thật. Bằng cách giữ kín những câu chuyện, người dân bản địa khiến chúng ảnh hưởng sâu rộng hơn và bí ẩn hơn. Tôi đến nơi này mà không có hứng thú nào khác, ngoại trừ tư cách là một người ra ngoài đi dạo để “giết thời gian”. Nhưng sau khi trở về, tôi đã có những suy nghĩ khác hẳn.

Tôi luôn cho rằng những thị trấn nhỏ nằm bên ngoài thành phố, cách xa những chốn phồn hoa đô hội và tránh khỏi những điều xấu xa nhất ở nơi hiện đại hào nhoáng, sẽ là nơi hoàn hảo để khởi đầu những câu chuyện tình yêu.

Tôi đã lầm. Những thị trấn nhỏ thỉnh thoảng cũng có chuyện về thù hận.

Port Arthur, bang Tasmania là một thị trấn cách thành phố Hobart chưa đến 100km. Từ khi nhà tù được xây dựng vào thời kì thuộc địa của Đế quốc Anh, những tù nhân bị kết án của mẫu quốc đã bị đưa đến nhiều nơi khác nhau trên thế giới. Số liệu thống kê cho thấy dân số nơi này khoảng 400 người và khu định cư đó có cái tên thơ mộng là Eaglehawk Neck. Nơi này dường như rất bình dị và không bị thứ gì đen tối hay xấu xa ảnh hưởng kể từ những ngày mà tù nhân bị kết án đến đây. Nhưng nghĩ vậy là sai rồi. Lịch sử nơi này mãi mãi hằn sâu hai chữ “thảm sát”.

Nhưng người dân địa phương có nhiệm vụ bảo tồn thị trấn do đây là khu di tích. Họ đã làm vài chuyện gây tranh cãi, bởi chúng chỉ nên xảy ra ở một nơi mà điều tồi tệ nhất của nhân loại được tự do hoàn thành. Họ đã xóa bỏ một người ra khỏi hồ sơ - thủ phạm. Bài viết này sẽ nhắc đến tên gã một lần và sau đó tôi gọi gã là Vô danh.

Ở trung tâm khu di tích có dấu vết của một quán cà phê. Diện tích của nó bằng một nhà kho lớn trong khu vườn. Vào năm 2008, nơi này khiến người ta có cảm giác về một địa điểm khảo cổ nào đó: nó mang đậm dấu ấn thời gian. Nếu có ai nghĩ rằng đây là một địa điểm du lịch bình thường thì cũng dễ hiểu thôi. Sau cùng, mọi người đi loanh quanh, vài người “đọc vị” được những dấu hiệu nhỏ của thiên nhiên, nước trong hồ bơi, những đóa hoa được sắp xếp gọn gàng và bầu trời Tasmania cao xanh.

Vùng đất hình chữ nhật nhỏ bé này từng được biết đến với cái tên Vùng đất Van Diemen, cụ thể là Port Arthur - một nhà tù bị bỏ hoang từ lâu. Dưới thời kì Victoria, chế độ tù nhân và hình phạt bằng roi rất khắc nghiệt, cùng với những chái nhà đông đúc tù nhân buồn khổ vì cách xa quê hương cả ngàn dặm. Nhưng tất cả đều bị lu mờ trước một sự kiện mới xảy ra gần đây. Đó là câu chuyện về một vụ án giết người hàng loạt và ngành quản lý di tích đã làm những điều tốt nhất có thể để xóa sổ tên của kẻ sát nhân ra khỏi lịch sử. Nhưng khi tôi đứng ở đó và tưởng tượng vài mét vuông ấy là một tòa nhà với những bức tường, mọi người ngồi vào bàn nhâm nhi cà phê và một người phục vụ đồ ăn nhẹ tại quầy, tôi không khỏi thốt ra cái tên đó - Martin Bryant. Nhưng tôi sẽ không nhắc lại tên gã trong bài viết này nữa, bởi gã và loại người như gã chỉ nên được gọi là Vô danh. Trong những buổi triển lãm của viện bảo tàng, tôi không thấy có tài liệu hoặc đồ vật nào đề cập đến cái tên đó, bởi nó sẽ tiềm ẩn sự tàn bạo vào hiểu biết của con người ở thời hiện đại. Những người ở nhà tù Port Arthur đã làm một chuyện đúng đắn: họ đã xóa bỏ biệt danh của kẻ sát nhân đó, nên bây giờ gã được gọi là Vô danh.

Một người phụ nữ đứng bên cạnh tôi để đọc một danh sách những cái tên trên bia đá tưởng niệm. Bà ấy cau mày, sau đó dùng ngón tay vuốt một cái tên trên đó. Bà ấy ứa nước mắt, ngồi thụp xuống mà phiền muộn. Tôi nhìn ngang qua nơi được gọi là bệnh viện tâm thần của nhà tù - một tháp đồng hồ bằng đá nhạ màu ở phía trên cánh cổng vào hình mái vòm, đôi cột và bậc thang chắc chắn bao quanh. Có một doanh trại ở phía trên con dốc và còn một biệt thự trong rất nhàn nhã từng là nhà của William Smith O'Brien - người Cộng hòa Ireland. Cuốn sách nhỏ cho tôi biết tất cả về những người và địa điểm này. Khi tôi kiểm tra phần mục lục dưới chữ “B”, chắc chắn không có tên thật của Vô danh. Nói cách khác, tên của gã không bao giờ được xuất hiện. Điều đó có nghĩa là Port Arthur chỉ đơn giản thể hiện lòng kính trọng đối với những người đã khuất trong sự kiện đó. Hình ảnh người đàn

ông bước vào quán cà phê với khẩu súng giật rầm rầm liên hồi và gieo rắc cái chết cho những thực khách không phải là chuyện có trong phim và liên quan đến hai chữ “di tích”.

Hòn đảo của người chết (Isle of the Dead) vẫn nằm ở đó. Nhìn từ cầu tàu bằng gỗ, một lùm cỏ xa xa xuất hiện trước mắt tôi. Những tù nhân bị kết án nếu chết ở đây sẽ được chôn thi thể ngoài kia - dưới mảnh đất thô cứng mọc đầy cỏ. Trong những năm bị bắt giam, nhiều tù nhân có lẽ đã đứng dạng chân ra hai bên cây cột (để tựa vào khi bị phạt đánh), hoặc la hét trong phòng biệt giam. Cũng dễ hiểu khi người ta cho rằng nơi này là một địa điểm được dùng để giảng dạy môn lịch sử, được cải tạo vệ sinh, tách biệt và là một đoạn quá khứ mà nhiều người muốn quên lãng, nhưng những phần còn lại của nó được bảo tồn và canh giữ cẩn thận. Nơi này cũng có những chuyến tham quan, cùng với những câu chuyện ma vẫn thường được kể. Tôi nghĩ rằng câu chuyện kịch tính nhất mà hướng dẫn viên kể cho du khách là về một số rất ít những người đàn ông cố gắng trốn thoát, vượt qua dải đất nhỏ bé nối eo đất này với phần còn lại của bang Tasmania, Eaglehawk Neck. Những con chó to bự bị cột lại trên bãi cát ở đó, chúng sẵn sàng giải quyết những người liều mạng cố gắng bơi qua bờ bên kia để tìm lại tự do.

Một nơi tràn ngập những câu chuyện hay, nhưng còn câu chuyện không tồn tại trong sách hướng dẫn du lịch thì sao? Vào ngày 28 tháng Tư năm 1996, chỉ sau 1 giờ chiều, Vô danh đậu xe tại khu nhà tù Port Arthur. Gã bước đến quán cà phê Broad Arrow, tay xách một chiếc túi và một máy quay phim. Gã đem đủ thứ thức ăn cho cả ngày và ngồi bên ngoài quán thưởng thức. Gã trông giống bất kỳ vị khách du lịch nào - xách một chiếc túi mua hàng, hoặc thậm chí là loại đồ dùng mà người đi du lịch ngoài trời hay đeo. Gã bắt đầu tán gẫu về những con ong bắp cày - một chủ đề trò chuyện dường như khá bình thường. Về ngoài bình thường của gã tan biến khi gã rút ra một khẩu súng trường (khẩu AR-15 với một ổ đạn gồm 30 viên), để ở hông và bắn vào một khu vực nhỏ. Vận tốc của khẩu súng nhanh đến nỗi một chục người đã chết chỉ trong 15 giây. Nhiều người bị thương, vài người may mắn sống sót, nhưng trong lúc hỗn loạn, Vô danh đã nạp lại đạn, rồi đi về phía khu vực cửa hàng quà tặng. Cuối cùng, khi rời khỏi quán cà phê, gã đã tước đi mạng sống của 29 người trong 90 giây.

Loại súng đó của gã là ArmaLite - một thứ vũ khí gieo rắc cái chết kinh hoàng đến nỗi vào thời điểm xảy ra vụ xả súng này, Hoa Kỳ đã có lệnh cấm đối với những phụ tùng như tay cầm gấp lại được và chốt ngàm lưỡi lê. Loại súng này rất phổ biến và khi tôi đang viết câu chuyện này, có tới 70.000 khẩu ArmaLite hợp pháp được sử dụng ở bang California. Vô danh có lẽ đã nhận ra rằng gã phải dùng lại để đây thiết bị chốt tháo và sau đó nạp đạn bằng ổ nạp đạn. Nói cách khác, gã làm việc rất mau lẹ và hiểu rất rõ khẩu súng trường đó. Nó là một mặt trơ tráo và xấu xa khác của gã, giống như việc gã lái xe hoặc dùng máy tính. Nhiều năm trước khi sở hữu thứ vũ khí này, gã đã có một khẩu bán tự động AR-10.

Tất cả những thứ này không thành vấn đề đối với Vô danh. Gã giàu có nhờ vào khoản tiền thừa kế từ toàn bộ tài sản của một người bạn. Gã biết xài tiền như thế nào, hầu hết số tiền đó đều tiêu vào những chuyến du lịch khắp thế giới và châu Úc. Tuy nhiên, gã cũng chi đậm vào vũ khí và chúng ta biết rằng số vũ khí đó được giấu ở một nơi an toàn, đến nỗi bạn gái của gã cũng không hay biết gì về nó.

Trớ trêu thay, một sự cố vốn xảy ra từ rất lâu đã “kích hoạt” Vô danh thực hiện vụ tàn sát. Bằng chứng cho thấy nguyên nhân gã giết người là do David và Noelene (Sally) Martin đã mua một nơi có tên là Nhà khách hướng ra biển (Seacape Guesthouse) - một bất động sản mà cha của Vô danh từng rất muốn mua. Nhưng sự thật quan trọng sau đó, cha của Vô danh đã tự sát. Gã đã cố gắng nhưng vẫn không mua được một số ngôi nhà khác từ hai người nhà Martin, phải có manh mối về động cơ méo mó và bệnh hoạn của gã trong vụ thẩm sát. Người ta đoán rằng sự thất bại trong việc mua lại nhà đã phát triển như một tế bào ung thư trong trí tưởng tượng đen tối của gã.

Không khó để cảm nhận ký ức tang thương ở quán cà phê Broad Arrow. Một sự trớ trêu kỳ quái và buồn bã, thậm chí kéo dài như cái tên của quán cà phê (Mũi tên rộng dài). Từ một dấu hiệu kỳ thị thực sự của thời đó, ký hiệu mũi tên của nhà tù trên đồng phục tù nhân trở thành một biểu tượng phô trương của hoạt động giải trí du lịch. Bằng cách nào đó, chính biểu tượng phô trương này đã làm biến chất những nỗi đau đang âm ỉ khắp khu vực khắc nghiệt và dộc những con dốc của nhà tù. Quả thật, vị trí của khu đất chết chóc hình chữ nhật đó vô cùng xấu. Chắc hẳn nhiều người giờ

đây đang tưởng tượng khoảnh khắc kinh hoàng khi nòng súng tóe lửa đỏ bắn ra những viên đạn ghim vào sọ của các nạn nhân, làm vỡ những tách cà phê và cắm thủng tường. Khi cuộc xả súng kết thúc, hiện trường chỉ còn là một khoảng chết chóc câm lặng đến kinh hoàng, với những cái xác nằm bất động, máu chảy ròng ròng và nhiều bộ phận khác văng tung tóe. Thật vậy, khu đất hình chữ nhật đó như một cái lò bán thịt với mùi hôi thối vương vấn khắp nơi, kể cả khi tất cả đã nằm dưới bia tưởng niệm và được dọn dẹp sạch sẽ. Liệu có thứ thuốc giải nào mạnh hơn có thể hóa giải “những viện bảo tàng sống” giả tạo này? Nó giống như việc đưa hình ảnh Cromwell³⁴ thiêu trụi nhà thờ ở Drogheda cùng những gia đình bị nhốt bên trong vào một bộ phim hài lồ bịch.

34 Theo Wikipedia, Cromwell (còn gọi là Oliver Cromwell) là một nhà lãnh đạo chính trị và quân sự người Anh. Các sử gia khác dẫn những báo cáo mới được phát hiện gần đây của Cromwell với London đề ngày 27 tháng 9 năm 1649, trong đó ông đề cập tới việc sát hại 3.000 binh lính và nhiều người dân.

Vô danh gieo rắc cái chết tức thì vào một ngày hứa hẹn rằng khách du lịch sẽ vui chơi thật chậm rãi và ung dung. Cái chết ập đến giữa lúc họ đang chụp hình và luận bàn về cuộc sống của những tù nhân đã từng tội tệt như thế nào. Gã bắt đầu cuộc thám sát bằng việc thức dậy sớm - điều mà gã chưa bao giờ làm - và mang theo đạn rồi lên đường. Khởi động một ngày với hàng loạt những sự kiện nhỏ nhưng quái gở. Muộn màng thay, chúng chính là những manh mối. Theo tâm lí của nhiều người tự kỷ và bị rối loạn ám ảnh cưỡng chế (OCD), thì khi ngày định mệnh đó được dựng lại, Vô danh đã làm một vài chuyện: gã mua một chiếc bật lửa và bỏ đi mà không nhận tiền thừa; gã mua một chai sốt cà chua; sau khi mua cà phê, gã nói rằng gã chuẩn bị đi lướt sóng - vào một ngày lặng sóng. Có người khác nhận ra khi Vô danh dừng ở Eaglehawk Neck, gã mang theo tấm ván lướt sóng và nhìn về phía biển.

Ban đầu, chuyến đi chơi rõ ràng là một sự báo thù bệnh hoạn; gã theo đuôi hai người nhà Martin. Gã lái xe đến Nhà khách hướng ra biển - nơi nghỉ mát của hai bọn họ - và gã tiến thẳng đến trước mặt họ. Noelene Martin bị bắn đầu tiên, sau đó David Martin bị bịt miệng rồi cũng bị bắn. Hitchcock³⁵ thường đưa ra một vài khoảng khắc trớ trêu vào những câu chuyện về những vụ giết người, ví dụ như một cặp đôi trẻ đi đến, kẻ sát nhân phải “diễn” và đối đáp khéo léo để tìm một lí do không cho họ vào trong kiểm tra chỗ ở. Chắc

hắn, sau đó họ sẽ nhận ra ngày hôm ấy mình đã cận kề với cái chết đến mức nào, khi họ bỏ đi vì nghĩ người đàn ông đó thật thô lỗ. Có vẻ như Vô danh lập sẵn kế hoạch định giết chóc trong đầu, bởi gã đi từ đó đến một ngôi nhà khác trên đường Lookout của Martin. Một lần nữa, khi gã gặp bất kì ai, đầu gã sẽ nhanh chóng “nảy số” để bịa ra một câu chuyện hợp lý cho sự có mặt của bản thân ở đó. Mọi thứ đều cho thấy gã đã đến đó vài lần, xem xét và lập mưu, rồi ghép tất cả lại thành một câu chuyện về bản thân gã, cực kì giống với một diễn viên đang chuẩn bị cho vai diễn của mình. Vì một vài lý do, gã hỏi người đàn ông tên Roger Larner rằng bà Larner có nhà không. Chấn憾 ông Larner đã nghĩ mình vừa nói chuyện với người lạ, nhưng may mắn thay, Vô danh thay đổi suy nghĩ và bỏ đi. Sau đó, gã đến khu vực nhà tù.

35 Theo báo Công an nhân dân, Hitchcock (còn gọi là Alfred Hitchcock) là một nhà làm phim nổi tiếng người Anh. Ông được xem như một trong những đạo diễn lớn nhất của lịch sử điện ảnh. Tên tuổi ông gắn liền với thể loại phim “toát mồ hôi lạnh”, trong đó có rất nhiều bộ phim đã trở thành kinh điển.

Kẻ thám sát đã khởi động một hành trình ảo tưởng đến số phận: một cuộc hẹn có tính toán. Chính “thực tại” là thứ được gã tiếp thu và khuếch trương thành hình ảnh khổng lồ trong trí tưởng tượng của mình. Nhưng cuộc thám sát đã diễn ra và Vô danh - một tên ban trai và là một kẻ dùng súng - sắp trở thành Vô danh - một kẻ sát nhân. Định nghĩa trong sách giáo khoa về loại người bị bệnh tâm thần đặc biệt này cho biết một vụ thám sát phải khiến ít nhất 3 người chết trong vòng 30 ngày và trong khoảng thời gian đó, kẻ sát nhân phải thực hiện một trọng tội khác. Ngoài ra, cuộc thám sát phải được thực hiện ở 3 địa điểm và không có thời gian “xả hơi” - một phần trong định nghĩa về kẻ giết người hàng loạt. Vô danh và những kẻ giống gã hành động dữ dội và mau lẹ, sau đó bên trong chúng bùng nổ, khiến chúng tự sát hoặc dẫn đến một chuyện không kém phần kịch tính cho phần “hạ màn”.

Quán cà phê là địa điểm đầu tiên trng 6 địa điểm và cũng là khuôn mẫu cho cuộc thám sát. Có lẽ, chúng ta nghĩ rằng quán cà phê và sau đó là cửa hàng bán quà tặng, mọi người đều cố gắng bỏ chạy hoặc trốn đi. Peter Nash cố gắng mở một cánh cửa bị khóa nhưng không được, nên anh choàng qua người vợ mình để bảo vệ cô. Trong tích tắc, Vô danh đi vào trong cửa hàng, nổ súng vào đầu của vài người ở cự ly gần. Kẻ sát nhân nạp thêm đạn và bước vào quán cà phê. Peter Nash vẫn ở đó để bảo vệ vợ mình. Anh bị bắn

cùng với những người khác và Vô danh không bao giờ nhìn thấy vợ anh. Người may mắn nhất trong cuộc xả súng hôm đó là một người đàn ông châu Á (không rõ danh tính nhưng có người thấy ông ấy vào thời điểm đó). Ông ấy sống sót vì đạn trong ổ súng đã hết và ông ấy bỏ chạy dọc theo bãi đậu xe.

Port Arthur là một thị trấn sầm uất. Xe bus nối đuôi nhau chạy đến. Khu vực đậu xe rộng rãi, nhưng có rất nhiều nơi được phủ cây xanh. Khi nhiều người nghe tiếng súng nổ, tiếng la hét, họ tìm chỗ trốn. Nhiều người nghĩ vụ nổ súng là một phần trong những trò giải trí lịch sử. Hóa ra, ở nhiều di tích trên thế giới, khách du lịch có thể rẽ vào một góc nào đó và tìm thấy một sinh viên ngành sân khấu kịch ăn mặc như một vị vua hoặc như Dick Turpin - tên tướng cướp khét tiếng người Anh. Ngày nay, ngành công nghiệp du lịch ở bang Tasmania có những diễn viên ăn mặc như tù nhân lang thang quanh thị trấn Richmond. Nhà tù địa phương ở đây là một phần khác trong lịch sử tội phạm trên đảo với cây cột (để tù nhân tựa vào khi bị phạt đánh) và phòng biệt giam, thu hút những người tò mò.

Khu vực đậu xe trở nên hỗn loạn. Một công nhân tên Ashley Law thoát chết trong gang tấc khi những viên đạn ghim vào cái cây kế bên anh ta. Anh ta dừng cảm di chuyển mọi người đi chỗ khác. Hôm đó, cũng có vài người hùng như vậy. Bridgid Cook đưa đoàn khách du lịch đến nơi an toàn - kế bên cầu tàu, nhưng trong lúc đó, cô đã bị bắn. Tài xế tên Royce Thompson cũng gặp bất hạnh tương tự. Anh trúng đạn và cổ chui dưới gầm xe, nhưng rồi tử vong vì vết thương quá nặng. Khi Vô danh quay trở lại bãi đậu xe, gã đã bắn chết và làm bị thương ngẫu nhiên vài người. Nhưng như vậy vẫn chưa phải kết thúc - gã đổi súng. Trên đường đi, gã đã nổ một loạt súng vào vào người đang ẩn nấp sau những cái cây.

Giờ đây, trên tay Vô danh là khẩu FN FAL - một khẩu súng trường tự động, được mô tả là súng trường cổ điển dành cho chiến đấu thời hậu chiến. Khẩu này tên Fusil Automatique, ban đầu được chế tạo để sử dụng với vỏ đạn của Thế chiến thứ hai ở Đức và nó trở thành loại súng tiêu chuẩn của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Đối với Vô danh, thứ vũ khí trong tay gã giờ đây rất nhẹ, nhanh và gây chết người. Gã đã lên kế hoạch cho mọi thứ vào ngày định mệnh đó - một thứ trái ngược với hành động của gã vào buổi sáng, trên đường đến Port Arthur, bởi những chuyện xảy ra lúc trước khiến tâm trí gã hỗn loạn, nao núng và lưỡng lự.

Nhưng những hành động tiếp theo của gã lại cực kỳ dứt khoát. Giống như cách sát sinh êm ái trong lò mổ, gã nổ súng vào Janet Quin ở cự ly gần, khiến bà bị thương và ngã quỵ. Tiếp đó, gã đuổi theo Bryant - chồng bà - rồi dồn ông ấy vào một góc của chiếc xe khách. Gã nói, “Không ai có thể thoát khỏi tay tao...” Đây là một trong những sự kiện đen tối nhất của ngày kinh hoàng đó. Ông Quin sống sót và trước khi được đưa tới bệnh viện, ông đến bên vợ mình; bà ấy đã chết trên tay ông. Có thể đoán được tình huống kế tiếp là một cuộc hỗn loạn, ngày càng có nhiều người nhận thấy sự thật khủng khiếp đang xảy ra. Một ngày bình yên đi dạo quanh một khu di tích lịch sử đã biến thành một cảnh lộn xộn qua vài bãi chiến trường chết chóc. Một chi tiết đáng kinh ngạc trong bãi đậu xe đó là có vị khách du lịch đã dùng hết can đảm để ghi hình lại hành động của kẻ sát nhân. Mặc dù anh ta thành công quay được, nhưng gã đã nổ súng về phía anh ta và đạn lia qua.

Địa điểm của cuộc thảm sát chuyển sang khu vực trạm thu phí. Trong tất cả các biên niên sử ghi chép lại tội ác ở thời hiện đại, những gì Vô danh đã làm ở đó phải được xếp vào tội ác đáng khinh bỉ và thương tâm nhất. Không có gì tồi tệ hơn việc tàn sát một người mẹ và hai cô con gái chỉ trong vài phút. Khi người mẹ tên Nanette Makac đang chạy trốn cùng hai cô con gái Madedine và Anlannah, chiếc xe của kẻ sát nhân tiến lại gần. Người mẹ nghĩ rằng có người tới cứu mình và các con, nhưng khi nghe thấy tiếng hét ‘Chính là gã!’ ở phía sau, sự hoảng loạn trong cô dâng cao đến mức không thể tưởng tượng được. Chỉ vài phút trước, cô còn nói với các con, “Bây giờ, chúng ta an toàn rồi, bí ngô à...” Cô ấy có cầu xin cũng vô ích. Gã không chút thương xót, nổ súng ở cự ly gần và bắn chết cô. Sau đó, Vô danh lùng sục và giết bằng được hai cô con gái. Tiếp đến, gã lang thang khắp khu vực và chạm mặt một người đàn ông tên Robert Salzmänn - mạng sống của ông ấy kết thúc trước nòng súng FAL. Bốn người chết ở trạm thu phí.

Cho đến thời điểm đó, cái ngày hỗn loạn này đã chấm dứt tất cả chuỗi ngày vô pháp vô thiên. Dường như đây là một sân chơi quái đản và kinh khủng để một kẻ bắt nạt người khác thích làm gì thì làm. Cảnh sát ở đâu? Ai có thể ngăn chuyện này lại? Hai người đàn ông đến trước mặt gã, cố gắng thuyết phục gã trong vô vọng và sau cùng, họ chỉ là những cái xác lạnh lẽo nằm trên nền đất bê tông.

Vô danh đến một trạm xăng, dồn một chiếc Toyota đang cố gắng thoát khỏi những cuộc ẩu đả. Trong xe có hai người - Glen Pears và Zoe Hall. Pears rất dũng cảm khi bước về phía kẻ sát nhân và cũng chính vì thế, anh đã bị áp chế dưới họng súng, bước vào thùng xe và bị nhốt trong đó. Vô danh lufngbawts Zoe Hall và giết cô bằng ba phát súng khi cô ấy trườn từ ghế ngồi này sang ghế khác. Sau đó, Vô danh quay trở về Nhà khách hướng ra biển, mang theo Pears trong thùng xe. Cuộc thẩm sát vẫn tiếp tục và khi gã đến nơi. Gã ép con tin vào trong ngôi nhà, còng anh vào tay vịn cầu thang. Khoảng 2 giờ sáng và đến lúc gã muốn nung chảy cả thế giới sau khi cố gắng tàn sát tất cả cư dân, gã phóng hỏa đốt chiếc BMW cướp được trước đó từ những người bạn của Robert Salzmman. Khi gã đang thực hiện hành động cuối cùng trong cái ngày giết chóc thỏa thuê này, cảnh sát cuối cùng đã lần ra dấu vết của gã.

Lực lượng chức năng đã phát hiện ra cơn cuồng loạn khi Douglas Horner lái xe đến gần Vô danh và bị gã bắn, còn cửa kính xe thì vỡ nát. Gã thấy Linda White và một người khác đang kêu cứu nhưng gã vẫn lái xe đi mà không biết rằng người phụ nữ đã bị bắn. Khi đến quán trọ Fox và Hounds, gã gọi cảnh sát. Dọc theo con đường của Nhà khách hướng ra biển, cảnh sát nhìn thấy hiện trường người chết và bị thương rải rác trên đường. Vô danh thích thú với vai trò của một tên bắn tỉa, gã đã bắn những sĩ quan đến đầu tiên, khiến họ rơi xuống một con mương bên ngoài. Rồi thì, thật ngớ ngẩn thay, trong trạng thái cực đoan của gã, những trò đó có vẻ hiệu quả; gã đã thực hiện một trò hề, đó là gọi điện thoại, như một tên “chó săn” đang rình mò thông tin. Vô danh trả lời câu hỏi về những gì đang xảy ra: “Rất vui.” Người phụ nữ ở đầu dây bên kia hẳn đã rất sốc, khi gã nói với bà rằng gã đã giết Pears nếu bà gọi điện lại.

Mọi chuyện leo đến đỉnh điểm khi gã đốt cháy Nhà khách hướng ra biển vào ngày hôm sau, đồng thời la hét yêu cầu cảnh sát đến tìm gã. Nhưng trước khi chuyện đó có thể xảy ra và trong bầu không khí của đám cháy, súng nổ lung tung và khung cảnh nhìn chung là rối loạn, Vô danh chạy ra ngoài với quần áo đang cháy. Gã được đưa đến bệnh viện Hoàng gia Hobart và theo tôi biết, bất kể gã là ai và những người ở ngoài kia muốn bắt gã thế nào, những người điều trị cho gã vẫn bảo đảm thực hiện đúng trách nhiệm của người bác sĩ. Khi gã hồi phục đủ để có thể nói chuyện với cảnh sát, tâm trí gã bối rối về hầu hết mọi chuyện đã xảy ra. Ban đầu, khi đứng trước tòa,

gã không nhận tội giết 35 người, mà còn thét lên cười khi nghe những lời buộc tội.

Đây là cuộc thẩm sát cuối cùng, cơn cuồng nộ quần trí trong hai ngày qua bắt nguồn từ sự kết hợp có tính kích thích và mơ hồ giữa thù hận, báo thù và khát máu. Cuộc thẩm sát ở Port Arthur do một “tay mơ” thực hiện - không có kế hoạch, không có trình tự giữa các đối tượng, những tuyên bố hoặc những sự kiện tạo nên câu chuyện như một số vụ thẩm sát. Kẻ sát nhân đang chấp hành 35 bản án chung thân. Trong vụ án này, không một ai xung quanh gã muốn thốt lên hai chữ “tạm tha” khi gã chết dần chết mòn trong nhà tù Risdon.

Ở nơi từng là quán cà phê Broad Arrow, mọi người thỉnh thoảng chia sẻ những suy ngẫm và ký ức của họ. Khi gặp một người lạ, vài người sẽ nói, “Em gái tôi qua đời vào hôm đó”. Sẽ có những lời an ủi và động viên. Điều tốt duy nhất mà họ hàng của nạn nhân có được sau khi trải qua chuyện khủng khiếp đó là quyền kiểm soát súng ở bang Tasmania và khu vực còn lại của châu Úc. Đó không phải là điều tồi tệ. Hòn đảo được mô tả là bình dị, thậm chí như thiên đường, có địa lý pha trộn giữa lịch sử tù nhân và vẻ đẹp làm mê đắm lòng người, nhưng vẫn còn những ổ tội phạm ở một vài nơi biệt lập hơn. Tất nhiên, ngay cả trong gia đình đầu tiên của Đức Chúa cũng có chuyện này - khi Cain giết Abel. Chắc chắn sẽ có nhiều vụ giết người hơn trên hòn đảo Tasmania xinh đẹp. Hận thù và trả thù sẽ tiếp diễn trong một cộng đồng dường như hòa thuận nhất trên Trái đất, nhưng không ai có thể tưởng tượng được trên đời này lại có vụ thẩm sát như vậy xảy ra vào thời điểm đó, ít nhất là ở một nơi mà khách du lịch bước xuống xe khách để trải nghiệm một phần lịch sử tội phạm của Đế quốc Anh.

Vậy nên, một thị trấn nhỏ ở nơi này cũng có thể trở thành tâm điểm của lịch sử thế giới. Đáng buồn thay, loại lịch sử có ảnh hưởng đến nơi này đã nhờ nhờ bởi một người mà chúng tôi không xác định đang dần dần ăn mòn nhân tính của bọn chúng. Có lẽ, nguyên nhân là một căn bệnh thích lẩn tránh, như một con thú muốn gạt bỏ những giá trị mà xã hội này không dạy chúng được hoặc chính chúng không tự học được.

Đến nơi này, tôi miễn nguyện và hài lòng với những gì mình biết về một lịch sử mà nhiều người cố gắng quên đi. Tôi trở về với cảm giác không chỉ nặng trĩu bởi những sự thật cơ bản và làm thay đổi cuộc sống, mà còn bởi

cảm giác tâm trí tôi bị những sinh vật do cái ác tạo ra quấy phá. Tuy nhiên, “tội lỗi” là hai từ không có vị trí gì trong phòng xử án.

Bắt giữ, xét xử và đền tội: Tất cả những từ ngữ này đều trở nên trống rỗng khi tôi cố gắng lắp những hành động của Vô danh vào mô hình tội ác mà tôi biết.

Tôi đến Port Arthur mà không có gì nhiều để nói, bởi tôi đến đó để nghỉ mát. Tâm trí tôi cần sự thanh thản và miễn nguyện. Nó muốn quên đi những thứ đã hủy hoại và xóa sạch sự sống, bản thân tôi cũng tránh né mong muốn xem xét lại mọi thứ mình đã nghĩ về phạm tội. Tôi nhớ mình đã tự nói với bản thân rằng có nhiều chuyện xảy ra trên trời và dưới đất hơn những gì bạn nghĩ trong vấn đề tội phạm học.

Kể từ đó, giới học giả đã tạo ra những quan điểm trừu tượng hiện đại và những khái niệm mới mẻ, liên quan đến thứ mà một số người gọi là “spree” (dành thời gian ngắn để miệt mài làm gì đó). Tuy nhiên, những quan điểm và lý thuyết này, những suy đoán và câu hỏi này đã bị loại khỏi phạm vi di sản. Đó là bởi vì “di sản” là thứ mà chúng tôi hãnh diện và tôn trọng. Nó không bao giờ là kí ức về một người có tâm hồn bệnh hoạn, với nhiều cảm xúc hỗn loạn và nắm trong tay nhiều quyền hạn.

HẾT.

Table of Contents

MITZI SZERETO:

LỜI KHEN TẶNG DÀNH CHO “NHỮNG CON QUÁI VẬT
ĐỘI LỐT NGƯỜI TRONG THỊ TRẤN”

LỜI NÓI ĐẦU.

THỊ TRẤN SNOWTOWN.

THẨM KỊCH Ở POSORJA: KHI “CÔNG LÝ CỦA NHÂN
DÂN” HÓA SAI LẦM NGHIÊM TRỌNG.

CẬU BÉ SÁT NHÂN.

LẤY MẠNG NGƯỜI CHỈ VỚI MỘT NHÚM THẠCH TÍN GIÁ
HAI MƯƠI XU.

“TÔI GIẾT NGƯỜI VÌ CHÚA”

MÙA HÈ CỦA “CHÚ CÁO”

CÂU CHUYỆN CÓ THẬT VÀ BÍ ẨN XUNG QUANH VỤ ÁN
GIẾT NGƯỜI ĐÃ BỊ QUÊN LÃNG: HUNG THỦ SÁT HẠI
GABRIELE SCHMIDT LÀ AI?

VỤ ÁN DẠI DẰNG XOAY QUANH NHỮNG VIÊN ĐẠN
VÀ KẺ NỔ SÚNG LẠNH LÙNG ĐẰNG SAU CHIẾC MŨ
TRÙM ĐẦU Ở ORKNEY

TỘI ÁC ĐÃ TRÀN ĐẾN THỊ TRẤN PENAL!.

TÊN MỤC SƯ HẮC ÁM.

“LA BELLA ELYIRA”: VỤ GIẾT NGƯỜI

Ở NHỮNG NGỌN ĐỒI TUSCANY

CHUYỆN GÌ ĐÃ XẢY RA GIỮA ÔNG BÁC SĨ, ANH NHA SĨ
VÀ CÔ CON GÁI CỦA ÔNG CHỦ SẢN XUẤT BƠ SỮA?

BÍ ẨN BÊN TRONG NGÔI NHÀ CỦA KẺ ĂN THỊT NGƯỜI.

KẺ VÔ DANH Ở VÙNG VAN DIEMEN